

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI
XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**
của cơ sở **TỔNG KHO XĂNG DẦU CHÁNH MỸ**

**Địa điểm dự án: số 63/18 Nguyễn Văn Cừ - Khu phố Chánh Lộc 7, P.
Chánh Mỹ - Tp. Thủ Dầu Một – tỉnh Bình Dương**

Bình Dương, tháng 12 năm 2024

**TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI
XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**
của cơ sở **TỔNG KHO XĂNG DẦU CHÁNH MỸ**

**Địa điểm dự án: số 63/18 Nguyễn Văn Cừ - Khu phố Chánh Lộc 7, P.
Chánh Mỹ - Tp. Thủ Dầu Một – tỉnh Bình Dương**

CHỦ ĐẦU TƯ
**TỔNG CÔNG TY TM XNK THANH LỄ -
CTCP**

Tổng Giám đốc

**TỔNG CÔNG
TY THƯƠNG
MẠI XUẤT
NHẬP KHẨU
THANH LỄ -
CTCP**

Digitally signed by TỔNG CÔNG
TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP
KHẨU THANH LỄ - CTCP
DN: C=VN, S=BÌNH DƯƠNG, L=
THỦ DẦU MỘT, CN=TỔNG CÔNG
TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP
KHẨU THANH LỄ - CTCP,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:3700146458
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2024.12.26 09:44:52+07'00'
Foxit PDF Reader Version:
2023.3.0

Phạm Thị Băng Trang

Bình Dương, tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iv
DANH MỤC CÁC BẢNG	v
DANH MỤC CÁC HÌNH	vi
CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	7
1.1. Tên chủ cơ sở.....	7
1.2. Tên cơ sở	7
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	10
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	18
1.4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng	18
1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước	18
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	20
1.5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở.....	20
1.5.1.1. Hạng mục đầu tư xây dựng chính.....	20
1.5.1.2. Các hạng mục công trình phụ trợ	22
1.5.1.3. Các hạng mục xử lý chất thải và bảo vệ môi trường.....	25
1.5.2. Máy móc thiết bị sử dụng tại cơ sở	27
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	30
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	30
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường	30
CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	35
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	35
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa	35
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải	36
3.1.2.1. Công trình thu gom nước thải.....	36
3.1.2.2. Công trình thoát nước thải.....	37
3.1.3. Công trình xử lý nước thải.....	38
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải.....	40

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	41
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	42
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.....	43
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	43
3.6.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải	44
3.6.4. Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ.....	44
CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	59
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	59
4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải và lưu lượng xả thải lớn nhất	59
4.1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận.....	59
4.1.3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	59
4.1.4. Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận.....	59
4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	60
4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải.....	60
4.2.2. Lưu lượng xả khí thải tối đa, phương thức xả thải, chất lượng khí thải.....	60
4.2.3. Dòng khí thải	60
4.2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải ...	60
4.2.5. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải ...	60
4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại	61
4.3.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn thông thường	61
4.3.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải nguy hại.....	62
4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	62
4.4.1. Nguồn phát sinh và vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung	63
4.4.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung.....	63
CHƯƠNG V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	64
5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	64
5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải	65
5.2.1. Chất lượng không khí, tiếng ồn khu vực bồn chứa	65
5.2.2. Chất lượng không khí xung quanh và tiếng ồn	66
CHƯƠNG VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	67
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.....	67

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:	67
6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	67
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.	67
6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường tự động, liên tục.....	67
6.2.2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.....	68
6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....	68
CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	69
CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	70
PHỤ LỤC	72

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	: Bộ Tài Nguyên & Môi Trường
BTCT	: Bê tông cốt thép
COD	: Nhu cầu oxy hóa học
CTCP	: Công ty cổ phần
ĐTM	: Báo cáo đánh giá tác động môi trường
MTV	: Một thành viên
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn kỹ thuật Việt Nam
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
TSS	: Chất rắn lơ lửng
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
SCTD	: Sự cố tràn dầu
XLNT	: Xử lý nước thải
UBND	: Ủy ban nhân dân
UPSC	: Ứng phó sự cố
UPSCTD	: Ứng phó sự cố tràn dầu
VHNT	: Vận hành thử nghiệm

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Hạn mức nhập khẩu xăng dầu qua các năm của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP.....	18
Bảng 1.2. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nước toàn cơ sở.....	19
Bảng 1.3. Các hạng mục công trình trong Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ	20
Bảng 1.4. Danh mục máy móc thiết bị cho sản xuất của cơ sở	27
Bảng 2. 1. Giới hạn chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải.....	30
Bảng 2. 2. Kết quả phân tích chất lượng nước rạch Trầu	32
Bảng 2. 3. Các thông số tính toán tải lượng	32
Bảng 2. 4. Tải lượng ô nhiễm tối đa rạch Trầu có thể tiếp nhận.....	33
Bảng 2. 5. Tải lượng ô nhiễm có sẵn trên rạch Trầu	33
Bảng 2. 6. Tải lượng ô nhiễm trong nước thải đưa vào rạch Trầu.....	33
Bảng 2. 7. Tính toán khả năng tiếp nhận rạch Trầu.....	34
Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải.....	59
Bảng 4. 4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải.....	60
Bảng 4.3. Thành phần và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường..	61
Bảng 4. 6. Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại của nhà máy.....	62
Bảng 4. 9. Tiếng ồn phát sinh đảm bảo theo yêu cầu bảo vệ môi trường.....	63
Bảng 4. 10. Độ rung phát sinh đảm bảo theo yêu cầu bảo vệ môi trường.....	63
Bảng 5. 1. Kết quả phân tích chất lượng nước thải sau xử lý năm 2024.....	64
Bảng 5. 2. Kết quả đo đạc phân tích chất lượng không khí tại bồn chứa xăng dầu Tổng kho năm 2024.....	65
Bảng 5. 3. Kết quả đo đạc chất lượng không khí xung quanh và tiếng ồn của tổng kho năm 2024	66
Bảng 6.1. Chương trình quan môi trường trắc định kỳ đối với nước thải	68
Bảng 6. 2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm của Công ty	68

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1.1. Họa đồ vị trí Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ.	8
Hình 1.2. Vị trí của các trạm bơm nước cấp.	9
Hình 1.3. Một số hình ảnh thực tế Tổng kho	9
Hình 1.4. Quy trình nhập xăng, dầu	12
Hình 1.5. Mương thu gom nước mưa hiện hữu	26
Hình 1.6. Trạm xử lý nước thải 50 m ³ /ngđ.	38
Hình 1.7. Trạm xử lý nước thải công suất 50 m ³ /ngày.đêm.	39
Hình 1.8. Bể tự hoại	39
Hình 1.9. Thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt	42
Hình 1.10. Bồn chứa bùn, cặn xả đáy.	43
Hình 1.11. Bồn chứa bùn, cặn xả đáy (lưu trữ).....	43
Hình 3. 1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa của Công ty.....	35
Hình 3. 2. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải	36
Hình 3. 3. Sơ đồ thoát nước thải sau xử lý của Tổng kho.....	37
Hình 3. 4. ống thoát nước thải sau xử lý ra rạch Trầu	38

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

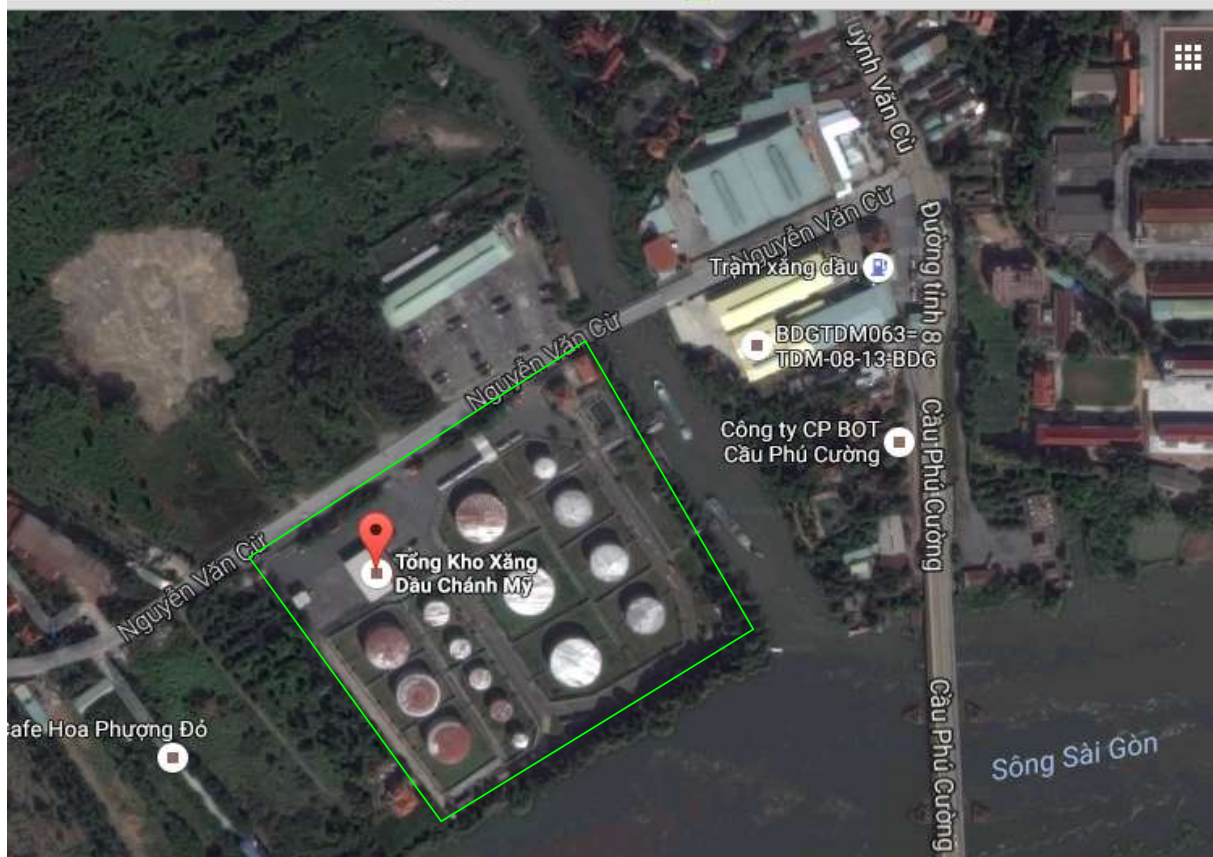
- Chủ cơ sở: Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP.
- Địa chỉ văn phòng: 63 Yersin Phường Hiệp Thành, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Người đại diện: Bà Phạm Thị Băng Trang, Chức danh: Tổng Giám Đốc
- Điện thoại: 0274.3829 534
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 33700146458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 07 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 22 tháng 12 năm 2023.

1.2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Tổng kho Xăng dầu Chánh Mỹ
- Địa điểm cơ sở: Tổng kho Xăng dầu Chánh Mỹ được xây dựng trên diện tích 41.381 m² (thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 565/QSDD/1999 được UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/07/1999), tọa lạc tại số 63/18 Nguyễn Văn Cừ - Khu phố Chánh Lộc 7, P. Chánh Mỹ - Tp. Thủ Dầu Một – tỉnh Bình Dương. Ranh giới hành chính của cơ sở như sau:

- + Phía Đông tiếp giáp với rạch Trầu;
- + Phía Tây giáp với khu đất trống;
- + Phía Nam giáp với sông Sài Gòn;
- + Phía Bắc giáp với đường Nguyễn Văn Cừ.

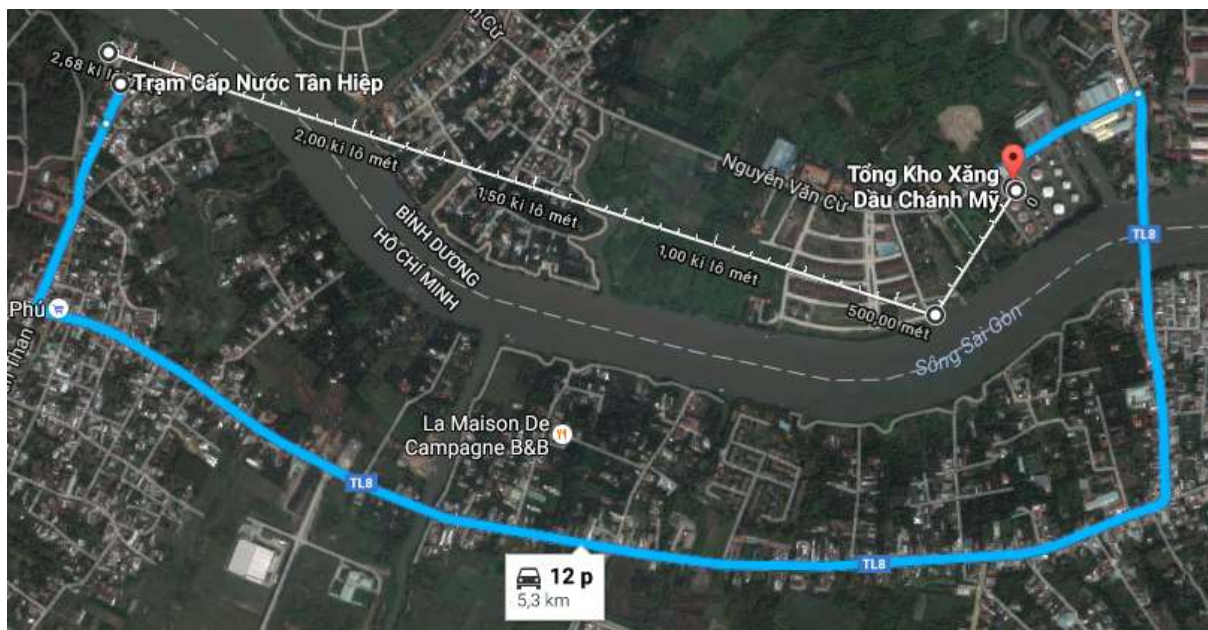
Tổng kho xăng dầu nằm trên đường Nguyễn Văn Cừ. Khoảng cách từ Tổng kho đến Quốc lộ 13 là 2,4 km. Khoảng cách từ Tổng kho đến đường tỉnh 8 (Huỳnh Văn Cù) là 400 m. Khoảng cách từ Tổng kho đến cầu Phú Cường là 700 m. Họa đồ vị trí của Tổng kho được minh họa trong Hình 1.1.



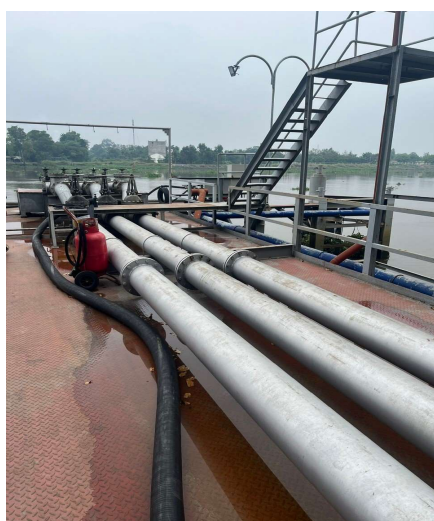
Hình 1.1. Họa đồ vị trí Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ.

Tổng kho xăng dầu có vị trí rất thuận lợi cho việc nhập xăng dầu bằng đường thủy và xuất xăng dầu bằng đường bộ, đường bộ.

Tổng kho nằm ở vị trí có khả năng tác động đến các khu vực như: ở phía hạ lưu 260 mét so với khu dân cư; ở phía hạ lưu 500 mét so với trạm bơm nước cấp của Xí nghiệp cấp nước Thủ Dầu Một; ở phía hạ lưu 02 km so với trạm bơm Hòa Phú (Nhà máy nước Tân Hiệp). Cách trường tiểu học Chánh Mỹ 536 mét, cách Trường Trung học cơ sở Nguyễn Văn Cừ 1,4 km. Ngoài ra, xung quanh khu vực không có vườn quốc gia, khu di tích lịch sử, văn hóa, di sản văn hóa, khu dự trữ thiên nhiên và sinh quyển.



Hình 1.2. Vị trí của các trạm bơm nước cấp.



Hình 1.3. Một số hình ảnh thực tế Tổn kho

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi

trường; các giấy phép môi trường thành phần:

+ Quyết định số 6130/QĐ-UB ngày 16 tháng 12 năm 1996 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sông Bé phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Tổng kho xăng dầu Cầu Trầu với quy mô 31.200 m³.

+ Công văn số 2875/UBND-KTTH ngày 7 tháng 10 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương chấp thuận cho của Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ (nay là Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ-CTCP) đầu tư xây dựng bổ sung 15.000m³ xăng dầu.

+ Công văn số 2182/UBND-KTN ngày 27 tháng 07 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương chấp thuận chủ trương cải tạo một số hạng mục công trình phụ tại Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ.

+ Công văn số 105/SCSPCCC-TDM ngày 23 tháng 04 năm 2013 của Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Bình Dương nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy.

+ Quyết định số 60/QĐ-STNMT ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ, dung tích 51.300m³ tại số 63/18 Nguyễn Văn Cừ, khu phố Chánh Lộc 7, phường Chánh Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một.

+ Quyết định số 582/QĐ-UB ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của Tổng công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP cho Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ.

+ Quyết định số 170/QĐ-BCĐ ngày 15 tháng 09 năm 2023 (có kèm phương án) của Ban chỉ đạo phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do cháy, nổ tỉnh Bình Dương phê duyệt phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do cháy nổ tại Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ thuộc Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở:

Tổng kho xăng dầu được Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Tài nguyên và Môi trường) phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1979/QĐ-MTg ngày 25/11/1997. Tổng kho đã đi vào hoạt động từ năm 1998 với công suất 31.200 m³ và xây dựng thêm vào năm 2008 với công suất là 51.300 m³. Hiện tại, Tổng kho đang vận hành với công suất 51.300 m³, cụ thể như sau:

Bảng 1.1. Các hạng mục công trình Tổng kho

TT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	Đ.VỊ	KHỐI LƯỢNG
1	Khu bể 1 (bể đứng): 31.200m³	Bể	07

TT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	Đ.VỊ	KHỐI LƯỢNG
	(bể T1, T2, T3, T4, T5, T6, T7) T1, T2, T3 : 03 bể 6.500m ³ T4, T5, T6 : 03 bể 3.500m ³ T7 : 1.200m ³		
2	Khu bể 2 (bể đứng): 4.700 m³ (Bể T8, T9, T10, T11, T12) T8 : 1.400m ³ T9, T10 : 02 bể 1.000m ³ T11 : 800m ³ T12 : 500m ³	Bể	05
3	Khu bể 3 (bể đứng): 15.000 m³ (T13, T14, T15) : 03 bể mỗi bể 5.000m³	Bể	03
4	Bồn trụ nằm ngang: 300 m³ (mỗi bể 100m ³)	Bể	03
5	Bể trụ nằm ngang 200m³ (B1-B3): (mỗi bể 100 m ³)	Bể	02
6	Bể trụ nằm ngang: 50 m³ (B4-B5): (mỗi bể 50 m ³)	Bể	02
Tổng cộng		m³	51.300

Số lượng xăng dầu nhập lớn nhất trong 1 ngày là 3.650 m³. Dung tích chứa lớn nhất trong 1 bồn (6.500 m³) là 5.230.688 L (80 – 82% thể tích bồn).

Khối lượng xăng dầu nhập trung bình hàng tháng 38.000 m³, khối lượng xăng dầu xuất trung bình hàng tháng 37.000 m³.

1.3.2. Công nghệ sản xuất/vận hành của cơ sở

Vận hành tại Tổng kho theo quy trình chung như sau:

- Nhập: Xăng, dầu các loại từ kho chứa tại thành phố Hồ Chí Minh đưa về tổng kho bằng xà lan, khi đến Tổng kho Chánh Mỹ xà lan cập cầu cảng và đầu nối vào đường ống công nghệ từ cầu cảng lên bồn, xăng dầu đưa lên bồn bằng các bơm cao áp.

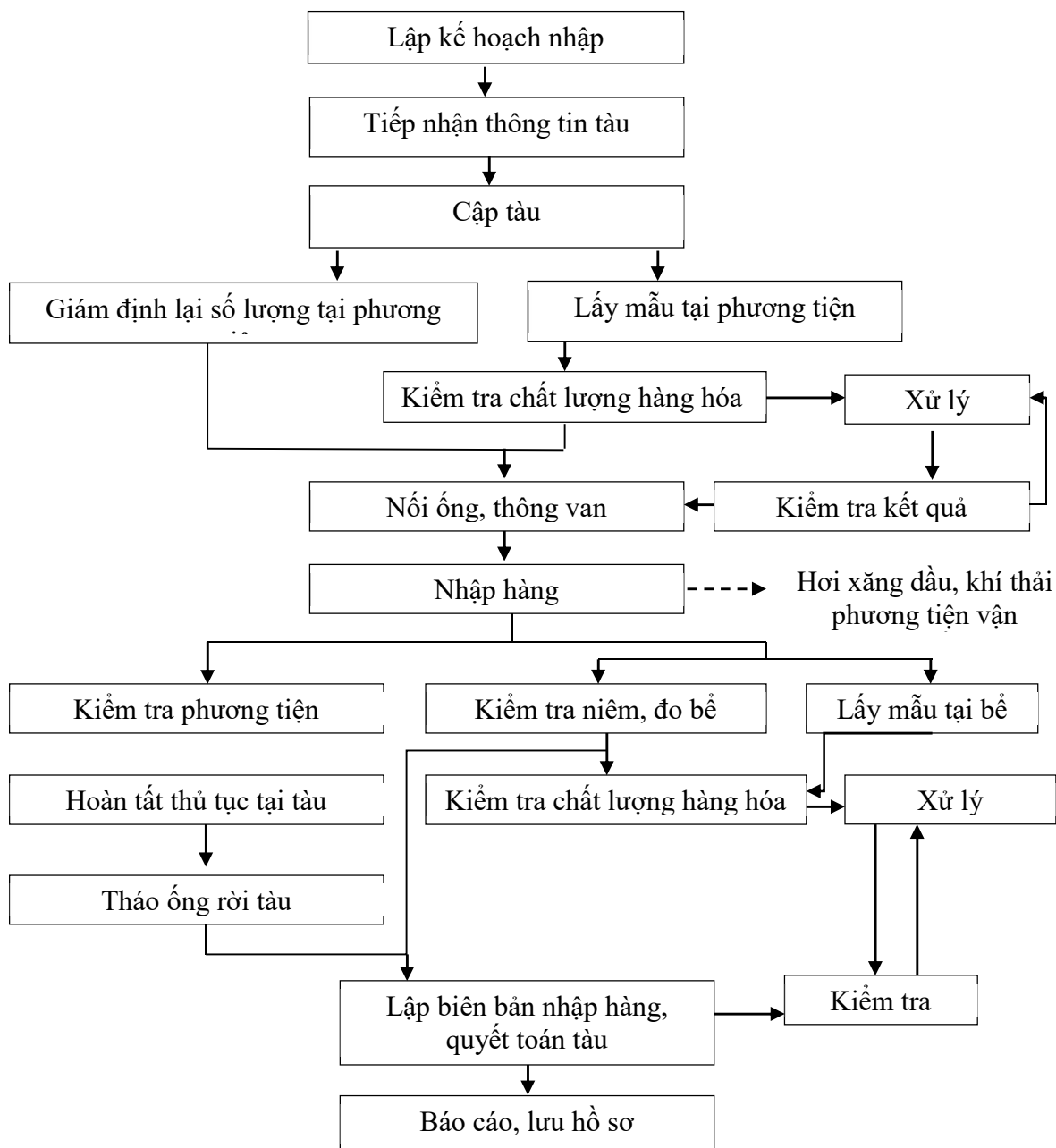
- Lưu trữ: xăng, dầu các loại được lưu trữ trong các bồn chứa theo từng loại riêng biệt và được xuất khi có lệnh xuất hàng.

- Xuất: sau khi nhận lệnh xuất, nhân viên vận hành sẽ sắp xếp xuất theo trình tự bồn nào lưu kho lâu hơn được xuất trước, xuất bằng cách đầu nối đường ống công nghệ từ bồn ra trạm xuất, dùng bơm để đưa xăng dầu vào xe bồn.

Chi tiết từng công đoạn hoạt động:

* Nhập xăng, dầu:

Hình 1.4. Quy trình nhập xăng, dầu



- Nhiên liệu được nhập từ tàu và xả lan có tải trọng đến 2.300DWT tại 02 bến cảng của Kho về bể chứa bằng máy bơm trên tàu qua tuyến ống công nghệ.

- Đối tượng nhập: Hàng ngoại nhập từ Singapore, Nhà máy lọc dầu Dung Quất được gửi tại kho Nhà Bè, Cát Lái;

- Phương tiện nhập: Tàu nội tải trọng từ 370 m³ đến 2.300 m³;

- Loại hàng nhập: Xăng (A95), dầu DO (0,05%S).

- Thủ tục nhập: Phía tàu làm văn bản gửi phía Công ty giấy báo nhập Tổng kho để Tổng kho lên kế hoạch chuẩn bị bể chứa. Phía Tổng kho làm kế hoạch nhập hàng gửi các phòng (ban), tổ có liên quan để bố trí nhân sự.

*** Xuất xăng, dầu**

Xuất bộ: cho ô tô xi téc bằng 12 cần xuất 4”.

- Trạm bơm xăng dầu:

+ **Trạm bơm số 01:** 06 máy bơm, bố trí gần khu cầu cảng

01 máy bơm lưu lượng 195 m³/giờ, H=33m, 30KW.

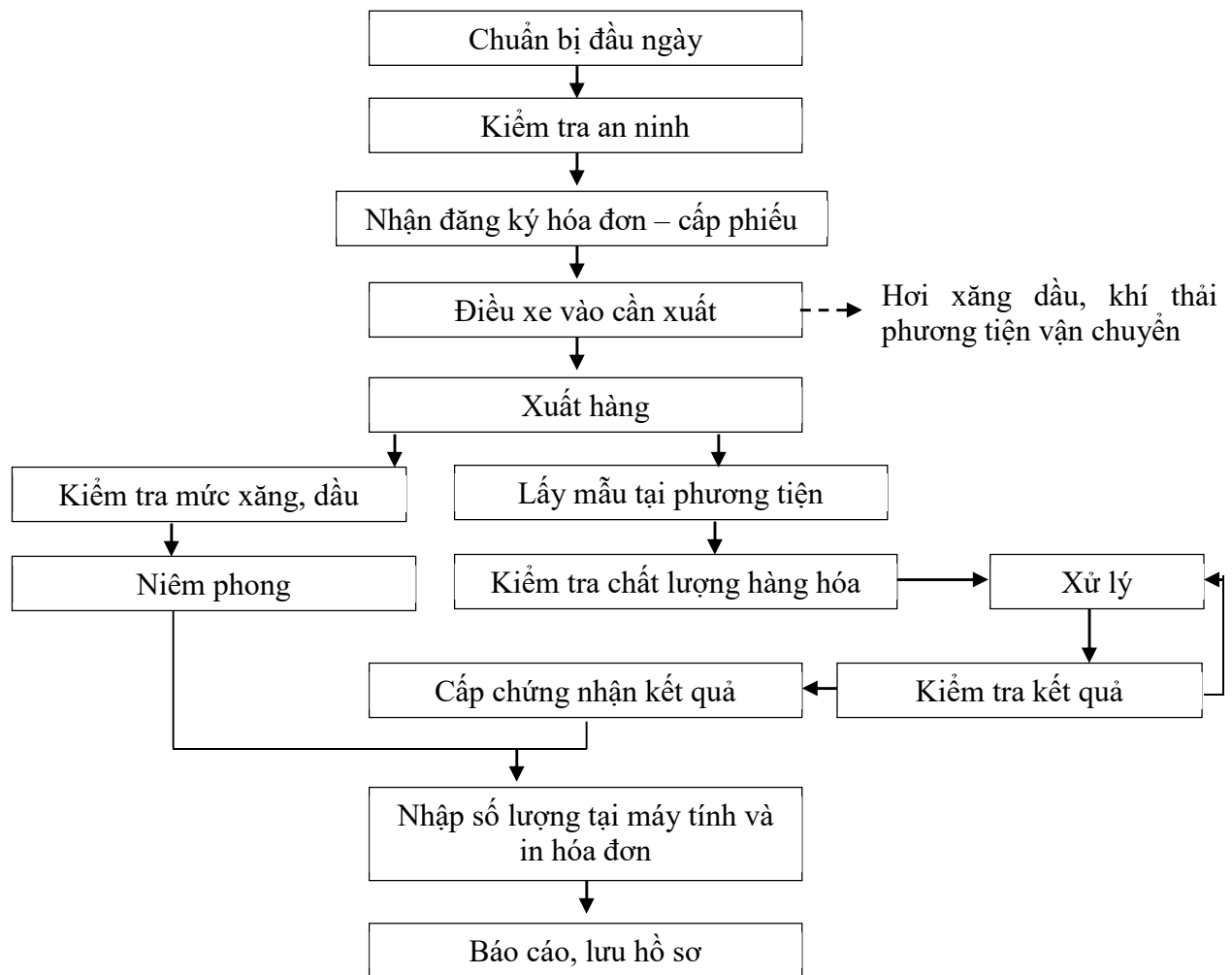
03 máy bơm lưu lượng 150 m³/giờ, H=20m, 18,5KW.

02 máy bơm lưu lượng 100 m³/giờ, H=20m, 11KW.

+ **Trạm bơm số 02:** 04 máy bơm, bố trí ở góc phía trong Tổng kho 04 máy bơm lưu lượng 120 m³/giờ, H=34m, 30KW.

+ **Trạm bơm số 03:** 02 máy bơm, bố trí ở gần khu bể 100m³ và 50m³ phục vụ bơm hút vét từ bể và xe xi téc.

02 máy bơm lưu lượng 120 m³/giờ, H=34m, 30KW.



Hình 1.5. Quy trình xuất xăng, dầu.

- Đối tượng: xuất xăng dầu từ bể cho ô tô (xe bồn);
- Phương tiện: ô tô xitec;
- Hàng hóa xuất: DO, xăng (92, 95);
- Thủ tục trước xuất: chủ phương tiện phải tự liên hệ với Công ty để xin phiếu xuất kho đóng tiền nhận hóa đơn, gửi tất cả các giấy có liên quan đến kho trước khoảng 1 giờ;
- Chức năng của hệ thống công nghệ:
 - + Đồng thời nhập thủy từ cầu cảng, xuất bộ ra nhà xuất ô tô xitec;
 - + Hút vét, đảo chuyển giữa các bể xăng cho nhau, bể DO cho nhau.

*** Đường ống công nghệ**

Loại ống sử dụng cho công trình là ống có yêu cầu kỹ thuật cao (phải nhập khẩu). Trong những năm gần đây ống thép dùng trong ngành xăng dầu và dầu khí hầu hết được nhập từ Nhật Bản, Châu Âu, Trung Quốc Các ống này được chế tạo theo tiêu chuẩn ASTM, vì vậy ống thép các loại và các phụ kiện đường ống dùng trong công

trình này đều được lấy theo tiêu chuẩn ASTM A53-Gr.b hoặc tiêu chuẩn API-5L. Độ dày thành ống được tính toán theo tiêu chuẩn ASA B31.3.

Xác định chiều dày thành ống theo tiêu chuẩn Petroleum Refineries Piping ASA B31.3. Độ dày tối thiểu thành ống được xác định theo công thức sau:

$$P * D$$
$$t = \frac{-----}{2 (S * E + P * Y)} + C \text{ (inch)}$$

Trong đó:

- t: Độ dày tối thiểu đường ống (inch).
- P: 04 Kg/cm² - áp lực làm việc của hệ thống.
- D: Đường kính ngoài của ống theo tiêu chuẩn SA B36.1.
- E = 0,7: Hệ số ứng suất 2 trục của đường ống.
- Y = 0,4: Hệ số quá tải của vật liệu.
- C = 0,18(inch): Độ dày dự phòng va đập, ăn mòn.
- S = 11200 Psig là ứng suất tính toán của thép tiêu chuẩn A53.b.

Độ dày ống như sau:

- Ống 10" = 273 x 7,09 mm;
- Ống 8" = 219 x 6,35 mm;
- Ống 6" = 168,3 x 5,16 mm;
- Ống 4" = 114,3 x 4,37 mm;
- Ống 3" = 88,9 x 3,58 mm;
- Ống 2" = 60,3 x 3,58 mm;
- Ống 1" = 33,4 x 3,38 mm.

*** Van thở**

Vì lượng xăng dầu tăng lên và giảm đi do quá trình giãn nở nhiệt nên cần lựa chọn van thở phù hợp cho từng loại bể để tránh tình trạng sự cố có thể xảy ra, tránh thất thoát xăng dầu. Quá trình thở (thở ra/hít vào) của bể bao gồm:

- Thở ra (hít vào) do chênh áp suất trong quá trình nhập (xuất) xăng dầu;
- Thở vào (thở ra) do chênh lệch nhiệt độ trong và ngoài bể (được gọi là thở nhiệt);

- Công suất thở (thở ra/hít vào) của bể chứa xăng dầu được xác định của 2 quá trình trên:

+ Công suất thở ra (hít vào) do chênh lệch nhiệt độ ứng với mỗi thể tích của bể, mỗi bể có một công suất đòi hỏi cho thở nhiệt là C_{tn} (Ch_n).

+ Công suất thở ra (hít ra) do quá trình nhập (xuất):

- Với quá trình nhập xăng dầu vào bể, công suất thở do nhập xăng dầu (C_{tn}) được tính bằng công suất nhập lớn nhất (V_{xmax}) nhân với hệ số k .

- Với quá trình xuất xăng dầu từ bể ra, công suất thở do nhập xăng dầu (C_{tn}) được tính bằng công suất nhập lớn nhất (V_{xmax}) nhân với hệ số k .

- Trong đó hệ số $k = 15,86/15,9$ (hệ số quy đổi sự hạ xuống của xăng dầu khi suất theo thể tích khí tự do đi vào $k=k'=15,86/15,9$).

- Công suất thở phải đòi hỏi cho cả hai quá trình:

+ Với quá trình nhập xăng dầu vào bể:

- Tổng công suất thở ra: $C_t = C_{tn} + C_{tx}$ (đơn vị thể tích khí tự do).

- Từ giá trị tổng công suất thở ra căn cứ vào đồ thị chọn loại van thở thích hợp với ứng suất hoạt động là 200 mm cột nước (P_t).

- Theo bảng tính chọn đường kính lỗ nắp van thở là 6", với giá trị tính toán số lượng van (lấy tổng công suất thở ra chia cho công suất thở ứng với đường kính lỗ thở chọn tại áp suất hoạt động) và làm tròn tăng lên để xác định số van cần thiết.

+ Với quá trình xuất xăng dầu từ bể ra:

- Tổng công suất thở vào (hít vào): $C_h = C_{hn} + C_{hx}$ (đơn vị thể tích khí tự do).

- Từ giá trị tổng công suất thở vào căn cứ vào đồ thị chọn loại van thở thích hợp với áp suất hoạt động là -25 mm cột nước (P_d).

- Để đảm bảo hệ số an toàn cho quá trình thở của bể chọn lắp 02 van thở 6" cho bể chứa 5.000m³.

*** Chống gỉ bảo vệ đường ống**

- Chống gỉ cho đường ống công nghệ đi nổi: đánh sạch gỉ; lau khô bụi, nước, dầu mỡ rồi sơn 02 lớp sơn chống gỉ và 02 lớp sơn màu như sơn đường ống công nghệ hiện có.

- Ống cho hệ thống cứu hỏa dùng ống thép, bên ngoài được sơn 02 lớp sơn chống gỉ và 02 lớp sơn màu. Ống nước sơn màu đỏ, ống bột sơn màu vàng.

*** Thử áp lực đường ống:**

- Ống và thiết bị công nghệ đoạn lắp đặt mới được thử bền, thử kín với $P_{thử} = 1,5 P_{làm\ việc} = 6 \text{ Kg/cm}^2$.

- Ống và thiết bị cấp nước, cấp bột đoạn lắp đặt mới được thử bền, thử kín với $P_{thử} = 1,25 P_{làm\ việc} = 10 \text{ Kg/cm}^2$.

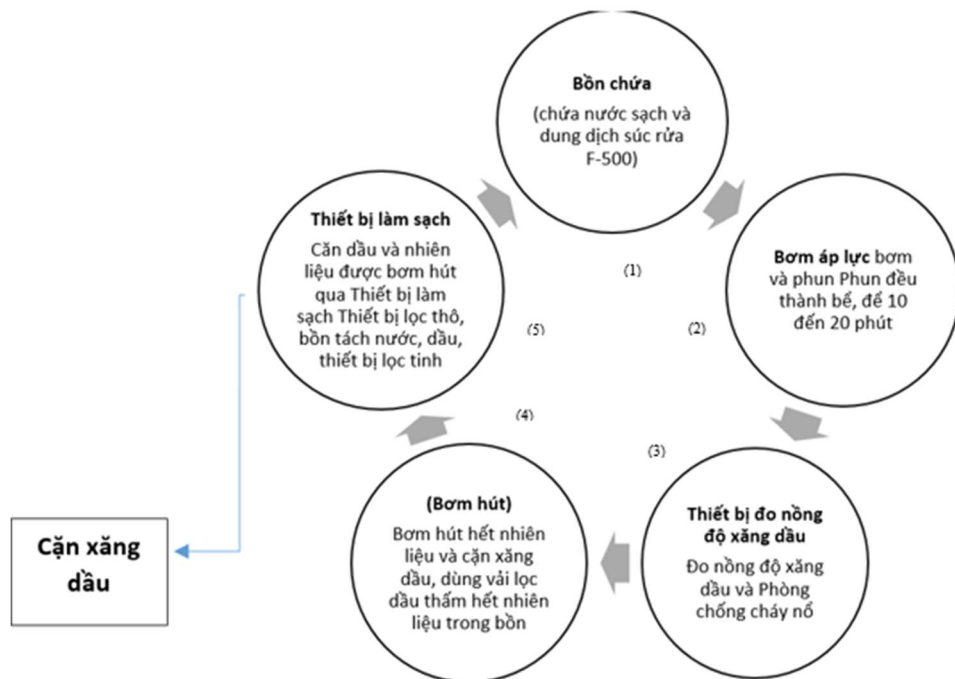
- Thời gian thử 6 giờ (Tuân thủ TCVN 5307-2009).

Tiêu chuẩn áp dụng cho vật tư thiết bị công nghệ chính:

- Van 1 chiều nổi bích: ANSI hoặc BS;

- Van chặn loại Gate valve nổi bích: API 600 lắp tiếp giáp với bể chứa, tuyến ống (van thép - Cast steel); các vị trí khác theo tiêu chuẩn ANSI hoặc BS (van gang - Cast Iron);
- Van chặn loại Ball valve nổi bích: ANSI hoặc BS;
- Bích, bích bịt, tê, cút, ống thót : ASME/ANSI B16.5;
- Van hồi lưu, an toàn: API 520 (Part1), API 526;
- Ống thép đúc: A53 Gr.B, ANSI/ASME B36.10M;
- Bu lông: ANSI B1.1;
- Đai ốc + đệm: ANSI B18.2.2, ASME B16.5;
- Van và thiết bị của hệ thống công nghệ lắp tiếp giáp với bể chứa dùng vật liệu thép.

* **Quy trình rửa bể chứa xăng, dầu:** Tổng Công ty Thanh Lễ sẽ Hợp đồng với đơn vị chuyên về thực hiện súc rửa bồn bể để thực hiện định kỳ 5 năm/lần với quy trình vệ sinh bồn bể chứa xăng dầu cụ thể như sau:



Hình 3.1. Quy trình vệ sinh bồn bể chứa xăng dầu

Dùng máy bơm áp lực chuyên dụng phun phủ đều chất vi bọc phân tử sinh học kết hợp F-500 từ trên xuống trong không gian bể, trong thời gian từ 10-20 phút tiến hành dùng máy đo nồng độ đảm bảo an toàn hơi xăng dầu và PCCN, lấy và lưu mẫu đáy bồn. Tiếp tục dùng máy bơm hút vét hết nhiên lên bể chứa di động, dùng vải lọc dầu lọc nhiên liệu thấm hết nhiên liệu trong bồn. Cặn xăng dầu được bơm hút lên sẽ xử lý tuần hoàn qua hệ thống làm sạch gồm bể nổi, qua vải lọc cặn, dầu và thiết bị lọc tinh (hệ thống làm sạch này được đơn vị vệ sinh lắp đặt trên xe chuyên dụng). Nước trong sau khi qua thiết bị làm sạch sẽ được bổ sung dung dịch súc rửa và tiếp tục phun phủ vào thành trong của bể chứa xăng dầu. Công đoạn này được tuần hoàn và diễn ra liên tục đến khi nào bồn bể được làm sạch hoàn toàn.

Trong trường hợp chưa sạch vẫn còn bẩn dầu thì sẽ sử dụng tấm thấm dầu và sơ bông, bột thấm hút vi sinh để xử lý.

Kiểm tra lại bề mặt thành, đáy bể, thiết bị đường ống công nghệ (phao, ống nhập, ống xuất, thiết bị đo mức,...) nếu có hư hỏng phải khắc phục trước khi lắp đặt các thiết bị”.

Tất cả các thiết bị được đặt trên xe chuyên dụng của đơn vị có chức năng vệ sinh xử lý, sau khi thực hiện vệ sinh bồn chứa theo hợp đồng thì đơn vị vận chuyển sẽ thu gom toàn bộ cặn xăng dầu, dung dịch xúc rửa bàn giao đơn vị thu gom xử lý theo quy định.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Tổng kho hoạt động chủ yếu xuất, nhập các sản phẩm xăng (A95) và dầu DO (0,05%S) với công suất là 51.250 m³. Tổng kho không hoạt động pha chế và phối trộn.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

1.4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất sử dụng

Hạn mức nhập khẩu dầu qua các năm của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.2. Hạn mức nhập khẩu xăng dầu qua các năm của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP

STT	Chủng loại	Năm 2021 (m ³)	Năm 2022 (m ³)	Năm 2023 (m ³)
1	Xăng	200.000	200.000	200.000
2	Dầu DO	200.000	200.000	200.000
3	Dầu FO	12.000		
Tổng		412.000	400.000	400.000

Nguồn: Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ – CTCP, 2024

1.4.2. Nhu cầu sử dụng điện, nước

a. Nhu cầu sử dụng điện

Hệ thống điện trong Tổng kho phải đạt được những mục tiêu chính sau đây:

- Cung cấp điện đủ và liên tục cho các hệ thống điện động lực như bơm dầu, bơm PCCC... đảm bảo phục vụ sản xuất theo yêu cầu công nghệ.

- Cung cấp điện sinh hoạt hàng ngày cho đội ngũ công nhân viên vận hành kho, cho chiếu sáng bảo vệ và thao tác sản xuất ban đêm.

Lượng điện sử dụng hàng tháng 1.800 – 2.500 kW.

b. Nhu cầu sử dụng nước

Nước cấp sử dụng cho nhu cầu ăn uống, sinh hoạt của công nhân trong Tổng kho là nước cấp từ hệ thống cấp nước thành phố Thủ Dầu Một do Công ty CP - Tổng Công Ty Nước -Môi trường Bình Dương (BIWASE) cung cấp. Nước cấp sử dụng chủ yếu

cho các mục đích sau đây: Nước sinh hoạt, nước chữa cháy, nước súc rửa bể chứa, nước rửa nền bãi và nước làm mát. Theo thống kê thực tế, lượng nước sử dụng hàng ngày tối đa khoảng 26,9 m³/ngày. Cụ thể như sau:

- Nước sinh hoạt: chủ yếu sử dụng cho mục đích tắm giặt, rửa tay chân, vệ sinh Căn cứ vào tình hình sử dụng thực tế tại Tổng kho lưu lượng nước sử dụng cho mục đích sinh hoạt khoảng 2,6 m³/ngày.

- Lượng nước làm mát các bồn, bể, téc chứa xăng dầu với lưu lượng là 3 m³/h, thời gian làm mát dài nhất là 6 giờ (bể 6.500 m³), lượng nước làm mát là 18 m³/ngày (Lượng hơi nước bay hơi khoảng 2 - 5%).

- Nước súc rửa bồn bể: Theo lượng nước vệ sinh súc rửa bể chứa trung bình 1 lần là 9L/m³ dung tích bể. Tổng kho súc rửa định kỳ 5 năm/lần. Lượng nước súc rửa là $51.250 \text{ m}^3 / 2 \times 9\text{L} / 1.000 = 230,6 \text{ m}^3 / \text{lần súc rửa}$. Tuy nhiên các bồn bể sẽ thực hiện súc rửa luân phiên, không thực hiện cùng một lúc nên ước tính lượng nước súc rửa cho bồn có dung tích lớn nhất là 6.500 m³, thì lượng nước súc rửa là 30 m³. Lượng nước này sẽ được xả dần trong vòng một tuần lễ như vậy ước tính mỗi ngày lượng nước thải phát sinh khoảng $30 \text{ m}^3 / 7 \text{ ngày} = 4,3 \text{ m}^3 / \text{ngày}$. Kế hoạch súc rửa bể: 5 năm/lần mỗi lần súc rửa 1 - 2 bể. Lượng nước sẽ được xả ra từ từ mỗi ngày, mỗi ngày xả từ một bể. Nên lượng nước sử dụng mỗi ngày cao nhất là 4,3 m³/ngày đêm.

- Lượng nước rửa đường, sân bãi sử dụng thực tế tại Tổng kho tối đa lần lượt 1,2 m³/ngày và 0,8 m³/ngày.

Tổng hợp nhu cầu cấp nước được trình bày như sau:

Bảng 1.3. Bảng tổng hợp nhu cầu sử dụng nước toàn cơ sở

Stt	Mục đích sử dụng	Lưu lượng nước sử dụng (m ³ /ngày)	
		Năm 2024	Tối đa theo Đề án môi trường
1	Nước sinh hoạt công nhân viên	2,6	3,6
2	Nước làm mát bồn chứa	18	18
3	Nước súc rửa bể chứa (chỉ sử dụng khi thực hiện súc rửa)	4,3	4,3
4	Nước rửa đường, sân bãi	1,2	1,5
5	Nước tưới cây xanh	0,8	1,5
Tổng cộng		26,9	28,6

Nguồn: Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ – CTCP, 2024.

1.4.3. Nhu cầu lao động

Nhu cầu lao động của Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ tối đa 75 người, trong đó: Ban giám đốc 04 người; cán bộ công nhân kỹ thuật 59 người; hành chính và kế toán 12 người;

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở

1.5.1.1. Hạng mục đầu tư xây dựng chính

Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ được xây dựng từ năm 1998 với tổng dung tích khoảng 31.250 m³. Năm 2008, tổng dung tích của Tổng kho tăng lên 51.300 m³.

Sử dụng sà lan để vận chuyển nhiên liệu cung cấp cho các tổng đại lý, đại lý và nhập nhiên liệu vào Tổng kho từ kho lưu trữ tại thành phố Hồ Chí Minh. Hiện Tổng Công ty có sở hữu 15 sà lan (cũ 5 sà lan, mới 10 sà lan, mỗi sà lan có dung tích từ 370 – 2.300 m³) với tổng sức chứa 13.970 m³. 02 cầu cảng hiện có có thể cập tàu và xả lan tới 2.300 tấn. Các hạng mục công trình được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.4. Các hạng mục công trình trong Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ

STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	Đ.VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
1	Nhà văn phòng (02 tầng)	m ²	162	Kết cấu BTCT
2	Hội trường	m ²	120	Kết cấu BTCT
3	Nhà xuất dầu ô tô xitéc	m ²	612	Kết cấu BTCT
4	Nhà kiểm định	m ²	80,8	Kết cấu BTCT
5	Nhà viết phiếu, trực cấp phát (02 tầng)	m ²	64	Kết cấu BTCT
6	Nhà để xe cứu hỏa	m ²	256,8	Kết cấu BTCT
7	Nhà để xe	m ²	105	Kết cấu BTCT
8	Nhà đặt máy phát	m ²	48	Kết cấu BTCT
9	Nhà bơm cứu hỏa	m ²	78,4	Kết cấu BTCT
9A	Bể nước cứu hỏa	m ²	960	Kết cấu BTCT
10	Nhà bơm xuất nhập xăng dầu	m ²	72	Kết cấu BTCT
11	Nhà bơm xuất nhập xăng dầu	m ²	32	Kết cấu BTCT
12	Nhà bảo vệ	m ²	16	Kết cấu BTCT
13	Cổng đẩy thép, dài 10m, cao 2m	Cổng	01	-
14	Cổng đẩy thép, dài 8m, cao 2m	Cổng	02	-
15	Cổng thép cánh mở, rộng 4m, cao 2m	Cổng	01	-
16	Trạm biến áp 600 KVA	Trạm	01	Trạm treo
17	Nhà vệ sinh	m ²	13,2	Kết cấu BTCT
18	Cầu cảng xuất nhập	cái	02	Kết cấu thép

STT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	Đ.VỊ	KHỐI LƯỢNG	GHI CHÚ
19	Nhà trục cầu cảng	m ²	06	Kết cấu thép
20	Khu xử lý nước thải	m ²	60	-
21	Khu bể 1: 31.200m ³ (bể T1, T2, T3, T4, T5, T6, T7) T1, T2, T3 : 03 bể 6.500m ³ T4, T5, T6 : 03 bể 3.500m ³ T7 : 1.200m ³	BỂ	07	
22	Kè đá xung quanh kho, B = 800	m	438,8	
23	Tường rào lưới thép B40, cao 2.2 m	m	438,8	
24	Tường rào gạch đặc mác 75#, cao 2.2m	m	206	
25	Tường rào hoa thép, cao 2.2m	m	220	
26	Đường bãi bê tông Asphalt	m ²	8.000	
27	Đường bãi bê tông mác 250#, dày 200 mm	m ²	3.300	
28	Bồn hoa thảm cỏ	m ²	7.100	
29	Khu bể 2: 4.700 m ³ (bể T8, T9, T10, T11, T12) T8 : 1.400m ³ T9, T10 : 02 bể 1.000m ³ T11 : 800m ³ T12 : 500m ³	BỂ	05	
30	Khu bể 3: 15.000 m ³ (T13, T14, T15 : 03 bể 5.000m ³)	BỂ	03	
31	Bể trụ nằm ngang 100 m ³	BỂ	03	
32	Bể trụ nằm ngang 25 m ³ (chứa cặn)	BỂ	02	
33	Nhà kho chứa chất thải nguy hại	m ²	13	
Tổng cộng				
01	Bể trụ đứng chứa xăng dầu	BỂ	15	
02	Bể trụ ngang chứa xăng dầu	BỂ	03	
Tổng cộng		m³	51.300	

Nguồn: Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ – CTCP, 2024.

1.5.1.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

Hiện nay, các hạng mục công trình phụ trợ: đường giao thông, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước,... đã được xây dựng, lắp đặt hoàn thiện.

a) Văn phòng

Văn phòng làm việc được xây dựng kiên cố bằng tường gạch, khung bê tông cốt thép. Móng bê tông cốt thép.

b) Bể chứa xăng, dầu:

Tổng cộng 15 bể trụ đứng và 05 bể nằm ngang làm bằng thép, tổng dung tích là 51.250m³. Tiêu chuẩn thiết kế bể chứa: Tiêu chuẩn Mỹ API 650 và Anh BS 2654.

- Bể thiết kế để chứa các loại sản phẩm xăng dầu;
- Bể thiết kế kiểu mái nón, không có cột trung tâm;
- Hệ chịu lực đỡ mái là các dầm vòm và hệ sườn vòng. Bể được đặt trên bệ đỡ bằng bê tông cốt thép. Bệ bê tông cốt thép được khoét xuống nền đất chịu lực khoảng 30cm để chống trượt.
- Các bể chứa đều có số tầng tôn thành là 06 tầng.
- Chiều dày các tầng tôn là: 14, 12, 10, 10, 8 và 8 mm.
- Trọng lượng thiết bị trên mái 25 Kg/m².
- Hoạt tải trên mái 30Kg/m².

Vật liệu chế tạo:

- Thép chế tạo khung sườn mái bể dùng thép JIS G3192-2000 ($R_c=2.400\text{daN/cm}^2$).
- Thép tấm theo tiêu chuẩn JIS G 3101 SS400 (cường độ giới hạn chảy $R_c=2.450\text{ kg/cm}^2$) hoặc loại có tính năng tác dụng tương đương.
- Thép tấm có kích thước 6.000 x 1.500 mm
- Thép hình các loại có $R_c=2.400\text{ kg/cm}^2$
- Que hàn loại D 4313 (Nhật) hoặc loại có tính năng tác dụng tương đương.

Các bể chứa có đường kính từ 9,7 – 30,56 m < 45 m, khoảng cách giữa 2 bể bằng 1/6 tổng đường kính 2 bể liền kề, vậy khoảng cách lớn nhất giữa 2 bể lớn nhất của Tổng kho có đường kính 30,56 m là 10,2 m. (TCVN 5307:2009 – tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam về kho dầu mỏ và sản phẩm dầu mỏ - yêu cầu thiết kế). Mà khoảng cách xây dựng trong Tổng kho là 16,5 m. Vì vậy, các bể chứa của Tổng kho đạt yêu cầu thiết kế.

c) Khu cầu cảng

Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ hiện có 2 cầu cảng nằm trên rạch Trầu và 01 cầu cảng sông Sài Gòn là nơi tiếp nhận xăng dầu (nhập) gồm 12 đầu nhập động độc lập nhau, các hòng nhập được ký hiệu cho từng loại hàng nhập và được kết nối với hệ thống nhập cho các bồn bể bên trong.

d) Khu xuất xe bồn

Khu xuất xe bồn có 9 bộ cần xuất các loại hàng khác nhau:

- Cầu 6A xuất xăng RON 95;
- Cầu 1A, 2, 5 xuất xăng RON 92;
- Cầu 1B, 3A, 3B, 4, 6B xuất dầu DO (0,05%S).

e) Hệ thống giao thông

Đường giao thông đã hoàn thiện với chiều rộng là 4 m, sử dụng bê tông Astphal hoặc bê tông mác 250, dày 200 mm. Đường chủ yếu được sử dụng cho xe bồn, xe cứu hỏa và các loại xe chuyên dùng. Tổng kho có bãi chờ cho xe bồn được thiết kế dọc theo hướng lộ phía Bắc được làm bằng bê tông Astphal của Tổng kho có diện tích là 4.000 m². Đường vào bãi chờ được quy định lưu thông theo một chiều.

f) Hệ thống thông tin liên lạc

Điện thoại di động không được phép sử dụng trong khu vực nhà kho, nhân viên công ty liên lạc với nhau bằng bộ đàm, có hệ thống loa phát và chuông báo động trong từng khu vực.

g) Hệ thống cấp điện

Tại Tổng kho xăng dầu có trạm biến áp 600 KVA hạ thế và máy phát điện 150 KVA. Hệ thống chiếu sáng trong và ngoài Tổng kho được lắp đặt trên đầu tường bảo vệ bằng đèn cao áp có chống cháy nổ ở khoảng cách 20 m, cao khỏi mặt tường 4 m. Bốn đèn pha rọi thẳng vào vị trí van tiếp nhận và cấp phát trên mỗi bể để tiện vận hành về đêm khi cần thiết. Hệ thống điện trong Tổng kho phải đạt được những mục tiêu chính sau đây:

- Cung cấp điện đủ và liên tục cho các hệ thống điện động lực như bơm dầu, bơm PCCC,... đảm bảo phục vụ sản xuất theo yêu cầu công nghệ.
- Cung cấp điện sinh hoạt hàng ngày cho đội ngũ công nhân viên vận hành kho, cho chiếu sáng bảo vệ và thao tác sản xuất ban đêm.

* Mạng động lực: Mạng điện động lực trong Tổng kho chủ yếu sử dụng loại cáp lõi đồng bọc cách điện nhựa XLPE, ngoài có lớp giáp mạ DSTA, ngoài cùng bọc PVC, được chôn ngầm đất hay được luồn trong ống thép khi vượt đường ô tô hay dưới nền bê tông. Trong nhà đặt tủ phân phối điện chính, cáp đặt trong hào xây ngầm có nắp đan bê tông, để thuận tiện trong duy tu, sửa chữa, thay thế.

* Mạng điện chiếu sáng và sinh hoạt:

Điện chiếu sáng mặt bằng:

- Chiếu sáng trong khu vực Tổng kho nhằm phục vụ cho việc giao thông đi lại và bảo vệ an toàn cơ sở vật chất. Hệ thống này bao gồm các đèn phòng nước, bóng thủy ngân cao áp, lắp trên các cột thép mạ nhôm kẽm (liền cần) cao 7m, bố trí dọc đường giao thông, hàng rào xung quanh kho.

- Cáp dẫn điện của mạng chiếu sáng đặt ngầm trực tiếp dưới đất, có lót và đệm cát, trên có lát gạch bảo vệ theo hướng dẫn của qui phạm hiện hành. Đoạn vượt đường ô tô, cáp dẫn luồn trong ống thép.

- Hệ thống chiếu sáng sử dụng điện áp 3 pha 380/220V. Dọc tuyến cần phải phân phụ tải cho các đèn theo thứ tự pha A,B,C,... đảm bảo độ cân bằng pha khi hoạt động.

* Chiếu sáng các công trình phụ trợ có hoạt động xuất nhập, bảo quản xăng dầu xăng dầu như: Khu nhà bơm, nhà xuất xe xi téc, nhà kiểm định sử dụng các đèn chiếu sáng loại phòng nổ.

* Khu văn phòng và những hạng mục khác sử dụng đèn led hoặc đèn huỳnh quang để chiếu sáng.

* Hệ thống chống sét

- Các bể chứa xăng dầu bố trí các kim thu sét trên mái bể để bảo vệ chống sét đánh thẳng cho mái bể và các thiết bị lắp trên mái bể.

- Các hạng mục xây dựng như nhà văn phòng, nhà bơm dầu... của Tổng kho được bảo vệ chống sét bằng hệ lưới thu sét kết hợp kim thu sét tại đỉnh mái hoặc góc mái.

* Hệ thống tiếp đất

Hệ thống tiếp đất cho Tổng kho được sử dụng các cọc bằng cọc thép góc L75x75x6, dài 2,5 m được đóng ngập sâu dưới mặt đất 0,8 m hàn nối các cọc với nhau bằng thép dẹt -40x4mm.

Yêu cầu điện trở của hệ thống nối đất chống sét đánh thẳng và hệ thống tiếp địa chống tĩnh điện không vượt quá 10Ω ($R_{td} < 10 \Omega$).

- Tất cả những phần kim loại không mang điện của các thiết bị điện trong Tổng kho đều phải nối vào hệ thống tiếp đất an toàn, điện trở của hệ thống tiếp địa yêu cầu không vượt quá 04Ω ($R_{td} < 04 \Omega$).

- Tiếp đất khi xuất nhập từ ô tô xi téc được thực hiện thông qua bộ tiếp đất chống tĩnh điện thông qua kẹp tiếp địa kiểu cá sấu hoặc năm châm.

- Mỗi bể chứa xăng dầu được nối ít nhất 2 điểm với hệ tiếp địa đảm bảo tiếp địa chống tĩnh điện theo yêu cầu. Các bích trên hệ thống công nghệ được lắp cầu nối giữa 2 bích bằng đồng đảm bảo tiếp địa chống tĩnh điện.

- Kiểm tra điện trở của toàn bộ các hệ thống tiếp địa đảm bảo theo đúng yêu cầu, nếu điện trở không đủ thì phải đóng thêm cọc và hàn thêm dây nối cho tới khi đảm bảo yêu cầu trên.

h) Hệ thống cấp nước

Nước cấp sử dụng cho nhu cầu ăn uống, sinh hoạt của công nhân trong Tổng kho là nước từ Công ty CP - Tổng Công Ty Nước - Môi trường Bình Dương (BIWASE)

i) Phòng cháy chữa cháy

Tường ngăn cháy cho các bể bằng tường rộng 300mm, cao 2,4 m, bằng gạch đặc mác 75, vữa xi măng mác 50, trát vữa XM mác 75. Tường ngăn cháy phụ giữa các bể và khu bể phía trong với kết cấu tương tự, chiều rộng B=250mm.

Bậc qua tường ngăn cháy: Kết cấu bằng thép CT3 liên kết bằng phương pháp hàn. Trụ đỡ chân bậc được đổ bê tông. Chiều dài bậc 800 mm, chiều rộng bậc 275 mm, chiều cao bậc 200 mm. Bậc được sơn chống gỉ bảo vệ bằng 02 lớp sơn chống gỉ và 02 lớp sơn màu xanh. Tại 04 hướng xung quanh khu bể đều bố trí bậc qua tường ngăn cháy.

Tổng kho còn trang bị thêm hệ thống chữa cháy bằng bọt (foam) được dẫn xung quanh các bể chứa xăng dầu. Hệ thống này khi được kích hoạt, sẽ phun ra một loại bọt bao phủ lên trên bề mặt xăng dầu, tách chất lỏng dễ cháy ra khỏi không khí và lửa, nhờ đó ngọn lửa bị dập tắt.

F) Xây dựng tường ngăn cháy

Tường ngăn cháy cho các bể bằng tường rộng 200 mm, cao 1 m, bằng gạch đặc mác 75, vữa xi măng mác 50, trát vữa XM mác 75 được xây bao quanh bể. Tường ngăn cháy phụ giữa các bể và khu bể phía trong với kết cấu tương tự.

Bậc qua tường ngăn cháy: Kết cấu bằng thép CT3 liên kết bằng phương pháp hàn. Trụ đỡ chân bậc được đổ bê tông. Chiều dài bậc 800 mm, chiều rộng bậc 275 mm, chiều cao bậc 200 mm. Bậc được sơn chống gỉ bảo vệ bằng 02 lớp sơn chống gỉ và 02 lớp sơn màu xanh. Tại 02 hướng xung quanh khu bể đều bố trí bậc qua tường ngăn cháy.

1.5.1.3. Các hạng mục xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

a. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa

Mạng lưới thoát nước: đã hoàn thiện. Hệ thống thu gom nước mưa và nước thải trong khuôn viên Tổng kho được xây dựng tách riêng thành hai hệ thống riêng biệt. Nước mưa từ mái nhà khu văn phòng sẽ theo hệ thống đường ống nhựa uPVC D90 và cùng với nước mưa trên tuyến đường nội bộ khu vực chảy vào hệ thống mương hở hoặc có nắp đậy (B300mm, xây bằng gạch đặc mác 75, vữa xi măng mác 50, trát vữa xi măng mác 75) và xả ra sông Sài Gòn. Nước mưa và nước làm mát từ trên mái của các bể chứa dầu được thu gom qua mương hở (B300mm, xây bằng gạch đặc mác 75, vữa xi măng mác 50, trát vữa xi măng mác 75), về trạm xử lý nước thải xử lý đạt Quy chuẩn trước khi xả ra môi trường. Nước mưa các khu khác trên sân bãi không nhiễm dầu bố trí mạng lưới thu gom nước mưa bằng các mương hở rộng B300 mm, xây bằng gạch đặc mác 75, vữa xi măng mác 50 hoặc có nắp đậy và xả ra sông Sài Gòn.



Hình 1.5. Mương thu gom nước mưa hiện hữu

b. Hệ thống thu gom, thoát và xử lý nước thải

Hệ thống thoát nước mưa và nước thải được tách riêng biệt. Hiện nay, công ty đã xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung với tổng công suất thiết kế 50 m³/ngày để xử lý tất cả các nguồn nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động và sinh hoạt của Tổng kho.

• Hệ thống thu gom, thoát nước thải

- Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu văn phòng (01 bể tự hoại thể tích 8m³ và 9 cái lavabo): nước thải từ các bồn tiểu, bồn cầu sẽ được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn sau đó theo hệ thống ống nhựa PVC (D90mm) cùng với nước thải rửa tay từ các lavabo với cơ chế tự chảy về bể chứa nước tập trung của trạm XLNT công suất 50 m³/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 29:2010/BTNMT, cột A trước khi xả ra rạch Trầu.

- Nước thải từ hoạt động lưu chứa xăng, dầu:

Nước thải phát sinh trong quá trình lưu chứa xăng, dầu của Tổng kho bao gồm: nước làm mát bể chứa xăng, dầu; nước mưa nhiễm dầu. Mạng lưới thoát nước: đã hoàn thiện. Nước mưa 10 phút đầu và nước làm mát từ trên mái của các bể chứa dầu được thu gom qua mương hở (B300mm, xây bằng gạch đặc mác 75, vữa xi măng mác 50, trát vữa xi măng mác 75), về trạm xử lý nước thải xử lý công suất 50 m³/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 29:2010/BTNMT, cột A trước khi xả ra rạch Trầu. Riêng nước súc rửa bồn định kỳ 5 năm/lần sẽ được giao cho đơn vị có chức năng thu gom và xử lý.

-Trạm xử lý nước thải

Trạm xử lý nước thải có công suất 50 m³/ngày.đêm. Nước thải được xử lý tại trạm xử lý nước thải bao gồm nước làm mát, nước rửa bể, nước mưa ban đầu

niêm xăng dầu. Quy trình công nghệ như sau: Toàn bộ nước thải (nước mưa nhiễm dầu 10 phút đầu, nước làm mát bể chứa, nước vệ sinh bồn định kỳ và nước thải sinh hoạt) => Bể chứa hiện hữu => Bể chứa có tách dầu mỡ sơ bộ => Bồn tạo áp => Bể tuyển nổi => Hồ trung gian => Bồn lọc áp lực => Khử trùng => Đạt QCVN 29:2010/BTNMT, cột A => Rạch Trầu tại 1 điểm xả thải.

c. Hệ thống thu gom chất thải rắn

❖ Chất thải rắn thông thường

Trong Tổng kho có trang bị các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt. Thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt trong Tổng kho chủ yếu là thùng 240L màu đỏ có dán nhãn thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt. Lượng chất thải rắn hàng ngày được giao cho Công ty TNHH Một thành viên công trình đô thị Bình Dương thu gom xử lý theo Hợp đồng số 03 – HĐ/VCNB.

❖ Chất thải nguy hại

Lượng chất thải của Kho xăng dầu không lớn. Vì vậy diện tích nhà kho chứa chất thải nguy hại có diện tích là 13 m², xây dựng bằng gạch xi măng nằm tại khu vực góc bên trái của nhà kho, xa khu vực các bể chứa xăng dầu, được sắp xếp gọn gàng và ngăn nắp. Chất thải nguy hại được lưu chứa theo khu vực có các bảng mã chất thải quy định trong nhà kho. Bản vẽ nhà kho chứa chất thải nguy hại được đính kèm trong Phụ lục.

Hiện tại, Cơ sở đã được Chi cục Bảo vệ Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 74.000.234T ngày 23 tháng 8 năm 2014, Tổng Kho có trang bị Nhà kho chứa chất thải nguy hại để lưu giữ tạm thời. Nhà kho chứa CTNH được xây cách xa Văn phòng, có mái che kín nắng và có ngăn riêng biệt để chứa các loại chất thải khác nhau ở từng khu vực lưu chứa. Định kỳ vào thứ 2 tuần thứ 3 hàng tháng được Xí nghiệp xử lý chất thải Công ty CP - Tổng Công Ty Nước -Môi trường Bình Dương thu gom xử lý với Hợp đồng số 74 – RNH/HĐ-KT/23.

1.5.2. Máy móc thiết bị sử dụng tại cơ sở

Danh mục máy móc thiết bị cho sản xuất của cơ sở được trình bày như sau:

Bảng 1.5. Danh mục máy móc thiết bị cho sản xuất của cơ sở

Stt	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Tình trạng	Hãng bơm
Máy móc, thiết bị sử dụng cho bồn bể					
1	Bơm ly tâm	P = 18 kW, Q = 150 m ³ /h	2	Vận hành tốt	Worthing
2	Bơm ly tâm	P = 11 kW, Q = 80 m ³ /h	2	Vận hành tốt	Worthing

Stt	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Tình trạng	Hãng bơm
3	Bơm ly tâm	$P = 30 \text{ kW}$, $Q = 200 \text{ m}^3/\text{h}$	6	Vận hành tốt	Worthing
4	Bơm ly tâm	$P = 30 \text{ kW}$, $Q = 200 \text{ m}^3/\text{h}$	1	Vận hành tốt	It – pump
5	Bơm ly tâm	$P = 30 \text{ kW}$, $Q = 200 \text{ m}^3/\text{h}$	1	Vận hành tốt	KSB
6	Trạm biến thế	150 KVA	1	Vận hành tốt	
Máy móc, thiết bị dùng cho PCCC					
1	Máy bơm foam	$Q = 150 \text{ m}^3/\text{h}$	4	Vận hành tốt	Worthing
2	Xitec	25 m^3	3	Vận hành tốt	Việt Nam
3	Hệ thống năng tạo bọt	60 cái gắn trên 15 bể		Vận hành tốt	
4	Bơm chữa cháy	$Q = 180 \text{ m}^3/\text{h}$	2	Vận hành tốt	Worthing
5	Bơm chữa cháy	$Q = 360 \text{ m}^3/\text{h}$	2	Vận hành tốt	Worthing
6	Van thở, bình ngăn tia lửa		7	Vận hành tốt	Nga
Máy móc, thiết bị dùng cho sự cố tràn dầu					
1	Phao vây	m	60	Vận hành tốt	EU
2	Tàu kéo	chiếc	1	Vận hành tốt	Japan
3	Hệ thống thông tin liên lạc	bộ	3	Vận hành tốt	Japan
4	Bể chứa dầu	cái	1	Vận hành tốt	Việt Nam

Stt	Thiết bị	Thông số kỹ thuật	Số lượng	Tình trạng	Hãng bơm
5	Máy hút dầu	cái	1	Vận hành tốt	Japan
6	Máy thổi phao	cái	1	Vận hành tốt	Japan
7	Thùng chứa phao/ guồng cuộn phao	thùng	2	Vận hành tốt	Japan
8	Phao thăm dầu	kg	100	Vận hành tốt	Japan
Máy móc, thiết bị sử dụng cho bồn bể					
1	Bơm ly tâm	P = 18 kW, Q = 150 m ³ /h	1	Vận hành tốt	Worthing
2	Van thở, bình ngăn tia lửa		8	Vận hành tốt	Nga
Máy móc, thiết bị dùng cho PCCC					
1	Bơm cánh gạt	P = 11 kW, Q = 50 m ³ /h	1	Vận hành tốt	Japan
2	Bơm cánh gạt	P = 11 kW, Q = 50 m ³ /h	1	Vận hành tốt	Japan
3	Xe chữa cháy		3	Vận hành tốt	Japan
Máy móc, thiết bị dùng cho sự cố tràn dầu					
1	Phao vây	m	40	Vận hành tốt	EU

CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP được Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700146458 đăng ký lần đầu ngày 01/07/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 22/12/2023. Cơ sở đã được UBND cấp quyết định xây dựng tại Văn bản số 6130/QĐ-UBND ngày 16/12/1996. Ngoài ra, Cơ sở đã được Sở Giao thông Vận tải tỉnh Bình Dương gia hạn thời gian hoạt động bến thủy nội địa tại Văn bản số 2692/SGTVT-QLGT ngày 01/08/2023.

- Về quy hoạch xây dựng: Bên cạnh đó, Cơ sở đã được UBND cấp chủ trương xây dựng bổ sung bồn chứa dầu (3 bồn x 5.000 m³) tại Văn bản 2875/UBND-KTTH ngày 7/10/2008; Chủ trương cải tạo một số hạng mục phụ (nhà bảo vệ, văn phòng, công trình phụ khác) tại Văn bản 2182/UBND-KTN ngày 27/07/2010.

- Về môi trường:

+ Vào năm 1998, khi đầu tư xây dựng Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ, Tổng công ty đã thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường cho dự án với dung tích 31.500m³ và được Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Tài nguyên và Môi trường) phê duyệt tại Quyết định số 1979/QĐ-MTg ngày 25 tháng 11 năm 1997.

+ Cơ sở đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Quyết định phê duyệt đề án chi tiết tại Văn bản số 60/QĐ-STNMT ngày 19/01/2017.

➔ Công ty cam kết sẽ thực hiện đúng các quy định trong quá trình hoạt động khi các quy hoạch được thay đổi.

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Hiện nay, công ty đã xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung với tổng công suất thiết kế 50 m³/ngày để xử lý tất cả các nguồn nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất và sinh hoạt của Cơ sở.

Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 29:2010/BTNMT, Cột A ➔ Hồ chỉ thị ➔ Hệ thống đường ống uPVC D90mm, khoảng cách 150m ➔ rạch Trầu.

Bảng 2.1. Giới hạn chất lượng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 29:2010/BTNMT, cột A
1	pH	-	6,84	6-9
2	TSS	mg/L	32	50
3	BOD ₅	mgO ₂ /L	6	-
4	COD	mgO ₂ /L	16	50

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 29:2010/BTNMT, cột A
5	Tổng N	mg/L	1,39	-
6	Tổng P	mg/L	KPH (LOD=0.01)	-
7	Chì (Pb)	mg/L	KPH (LOD=0.002)	
8	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH (LOD=0.001)	
9	Asen (As)	mg/L	KPH (LOD=0.002)	
10	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH (LOD=0.0002)	
11	Coliform	MPN/100mL	2.200	-

Đánh giá khả năng tiếp nhận của rạch Trầu được thực hiện theo phụ lục 1 - thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

- Vị trí xả thải đề xuất không nằm trên hoặc ngay gần thượng lưu khu vực bảo hộ vệ sinh.
- Vị trí xả thải đề xuất không nằm trong khu vực bảo tồn.
- Sông Sài Gòn tại khu vực xả thải có chất lượng nước tốt, không xảy ra hiện tượng nước đen và bốc mùi hôi thối.
- Rạch Trầu tại khu vực xả thải hiện nay không xảy ra hiện tượng các sinh vật thủy sinh bị đe dọa sự sống hoặc xảy ra hiện tượng cá, thủy sinh vật chết hàng loạt.
- Rạch Trầu chưa từng xảy ra hiện tượng tảo nở hoa.
- Khu vực chưa từng có báo cáo, số liệu liên quan đến vấn đề bệnh tật cộng đồng do tiếp xúc với nguồn nước mặt gây ra.

Quá trình đánh giá khả năng tiếp nhận được thực hiện theo phụ lục 1 - thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, các thông số cụ thể và đánh giá chi tiết sẽ được tính toán như sau:

- Các thông số được đánh giá về khả năng tiếp nhận nước thải của rạch Trầu bao gồm: BOD₅, COD, NH₄⁺, tổng N, tổng P.
- Giả thiết rằng các chất ô nhiễm sau khi đi vào nguồn nước tiếp nhận sẽ không tham gia vào các quá trình biến đổi chất trong nguồn nước như:
 - + Lắng đọng, tích lũy, giải phóng các chất ô nhiễm

- + Tích đọng các chất ô nhiễm trong thực vật, động vật thủy sinh
- + Tương tác vật lý, hóa học hoặc/và sinh học của các chất ô nhiễm trong nguồn nước.
- + Sự bay hơi của các chất ô nhiễm ra khỏi nguồn nước.

❖ **Nồng độ chất ô nhiễm trong nguồn tiếp nhận**

Nguồn nước tiếp nhận rạch Trầu theo kết quả quan trắc như sau:

Bảng 2.2. Kết quả phân tích chất lượng nước rạch Trầu

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT (Mức B)
1	pH	-	7.02	6-8,5
2	Oxy hòa tan	mg/l	5,8	>5,0
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	28	>100 và không có rác nổi
4	BOD ₅	mg/l	5	≤ 10
5	COD	mg/l	14	≤ 20
6	Tổng Nito	mg/l	1,7	≤ 2
7	Tổng P	mg/l	0,05	≤ 0,5
8	Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH (LOD=0.0003)	0,001
9	Chì (Pb)	mg/l	KPH (LOD=0.002)	0,02
10	Tổng dầu mỡ	mg/l	KPH (LOD=0,3)	5
11	Coliform	MPN/100mL	450	≤ 7.500

❖ **Tính toán tải lượng ô nhiễm tối đa của chất ô nhiễm**

Tải lượng tối đa chất ô nhiễm mà nguồn nước có thể tiếp nhận đối với một chất ô nhiễm cụ thể được tính theo công thức:

$$L_{td} = Q_s * C_{qc} * 86,4 \quad (1)$$

Trong đó:

L_{td} : tải lượng ô nhiễm tối đa nguồn nước có thể tiếp nhận (kg/ngày).

C_{qc} : giá trị nồng độ giới hạn theo QCVN 08:2023/BTNMT (Mức B) (mg/l).

Q_s : lưu lượng dòng chảy tức thời nhỏ nhất tại đoạn sông cần đánh giá (m³/s).

Q_t : lưu lượng nước thải lớn nhất (m³/s).

86,4 là hệ số chuyển đổi đơn vị thứ nguyên từ (m³/s)*(mg/l) sang (kg/ngày).

Bảng 2.3. Các thông số tính toán tải lượng

Stt	Thông số	Nguồn thải	Rạch Trầu
1	Q_s (m ³ /s)	-	3,6
2	Q_t (m ³ /s)	0,00058	-

Kết quả tính toán như sau:

Bảng 2.4. Tải lượng ô nhiễm tối đa rạch Trầu có thể tiếp nhận

Stt	Thông số	Giá trị C_{qc} (mg/L)	L_{td} (kg/ngày)
1	COD	15	46.656
2	BOD ₅	6	18.662
3	Tổng N	1,5	4.666
4	Tổng P	0,3	933

❖ **Tính toán tải lượng ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận**

Tải lượng ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận đối với một chất ô nhiễm cụ thể được tính theo công thức:

$$L_{nn} = Q_s * C_{nn} * 86,4 \quad (2)$$

Trong đó:

L_{nn} : tải lượng ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận (kg/ngày).

Q_s : lưu lượng dòng chảy tức thời nhỏ nhất tại đoạn sông, suối cần đánh giá.

C_{nn} : nồng độ cực đại của chất ô nhiễm trong nguồn nước trước khi tiếp nhận nước thải (mg/l).

86,4 là hệ số chuyển đổi đơn vị thứ nguyên từ (m³/s)*(mg/l) sang (kg/ngày).

Bảng 2.5. Tải lượng ô nhiễm có sẵn trên rạch Trầu

Stt	Thông số	Nồng độ lớn nhất C_{nn} (mg/L)	L_{nn} (kg/ngày)
1	COD	6	18.662
2	BOD ₅	3	9.331
3	Tổng N	1,49	4.634
4	Tổng P	0,07	218

❖ **Tính toán tải lượng ô nhiễm của chất ô nhiễm đưa vào nguồn nước tiếp nhận**

$$L_t = Q_t * C_t * 86,4 \quad (3)$$

Trong đó:

L_t (kg/ngày) là tải lượng chất ô nhiễm trong nguồn thải;

Q_t (m³/s) là lưu lượng nước thải lớn nhất

C_t (mg/l) là giá trị nồng độ cực đại của chất ô nhiễm trong nước thải.

Bảng 2.6. Tải lượng ô nhiễm trong nước thải đưa vào rạch Trầu

Stt	Thông số	Nồng độ (C_t) (mg/L)	L_t (kg/ngày)
1	COD	16	5,32
2	BOD ₅	6	1,99
3	Tổng N	1,39	3,39
4	Tổng P	KPH	0

❖ Tính toán khả năng tiếp nhận nước thải

Khả năng tiếp nhận tải lượng ô nhiễm của nguồn nước đối với một chất ô nhiễm cụ thể từ một điểm xả thải đơn lẻ được tính theo công thức:

$$L_{tn} = (L_{td} - L_{nn} - L_{tt}) * F_s + NP_{td}$$

Trong đó:

- L_{tt} (kg/ngày): tải lượng thông số ô nhiễm có trong nguồn nước thải
- F_s : là hệ số an toàn ($0,7 < F_s < 0,9$), chọn 0,8.

- NP_{td} (kg/ngày): tải lượng cực đại của thông số ô nhiễm mất đi do các quá trình biến đổi xảy ra trong đoạn sông. Giá trị NP_{td} phụ thuộc vào từng chất ô nhiễm và có thể chọn giá trị bằng 0 đối với chất ô nhiễm có phản ứng làm giảm chất ô nhiễm này.

Nếu giá trị L_{tn} lớn hơn ($>$) 0 thì nguồn nước vẫn còn khả năng tiếp nhận đối với chất ô nhiễm. Ngược lại, nếu giá trị L_{tn} nhỏ hơn hoặc bằng ($\leq$) 0 có nghĩa là nguồn nước không còn khả năng tiếp nhận đối với chất ô nhiễm.

Bảng 2.7. Tính toán khả năng tiếp nhận rạch Trầu

Thông số	L_{td} (kg/ngày)	L_{nn} (kg/ngày)	L_t (kg/ngày)	L_{tn} (kg/ngày)
COD	46.656	18.662	5,32	22.377,85
BOD ₅	18.662	9.331	1,99	7.459,37
Tổng N	4.666	4.634	3,39	22,17
Tổng P	933	218	0	572,06

Nhận xét: Như vậy, với chất lượng nước mặt rạch Trầu vẫn còn khả năng tiếp nhận các chỉ tiêu BOD₅, COD, NH₄⁺, tổng P, tổng N. Ngoài ra, lưu lượng xả thải của hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở nhỏ hơn rất nhiều lần so với lưu lượng rạch Trầu. Như vậy, có thể đánh giá việc xả nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải của Cơ sở vào nguồn tiếp nhận ảnh hưởng không đáng kể đến chất lượng nước rạch Trầu và phù hợp với các quy định tại Quyết định 22/2023/QĐ-UBND về việc ban hành quy định bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

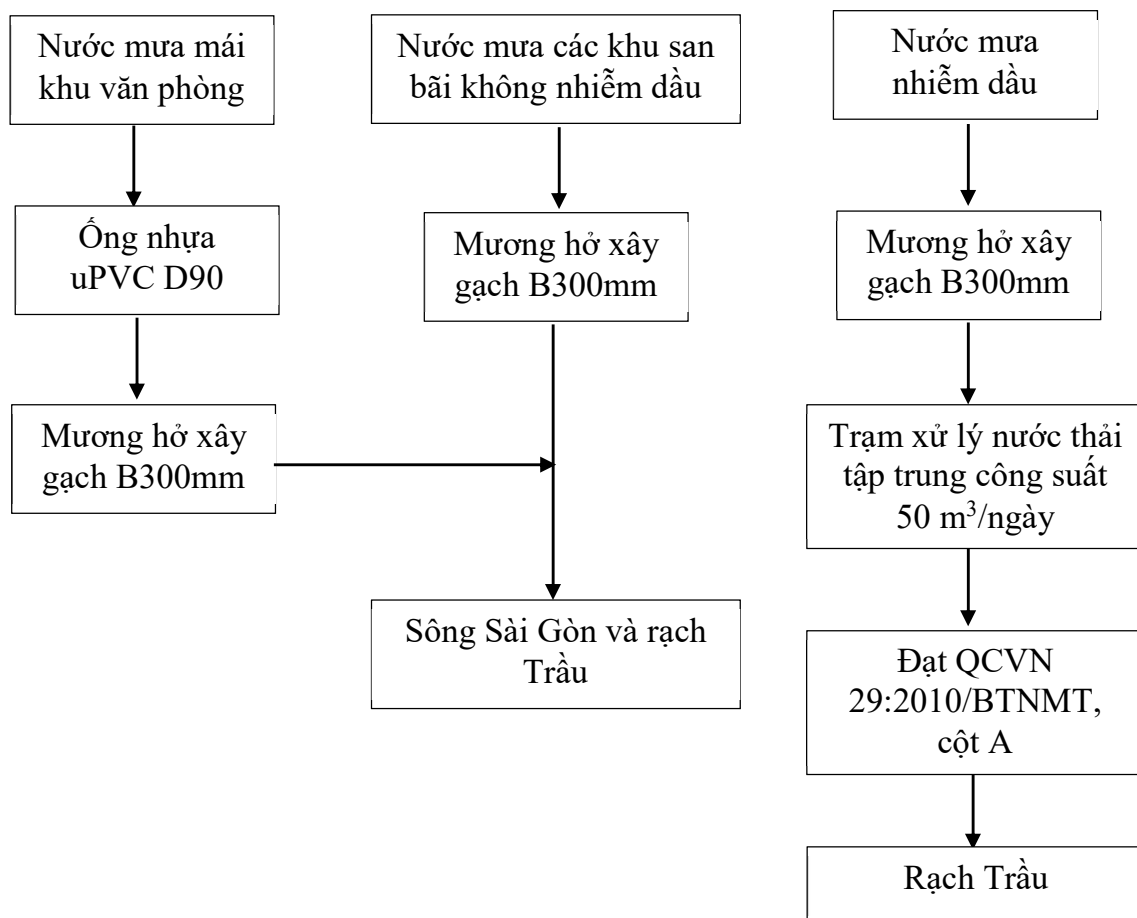
Hệ thống thu gom nước mưa và nước thải trong khuôn viên Cơ sở được xây dựng tách riêng thành hai hệ thống riêng biệt.

Nước mưa từ mái nhà khu văn phòng sẽ theo hệ thống đường ống nhựa uPVC D90 và cùng với nước mưa trên tuyến đường nội bộ khu vực chảy vào hệ thống mương hở hoặc có nắp đậy (B300mm, xây bằng gạch đặc mác 75, vữa xi măng mác 50, trát vữa xi măng mác 75) và xả ra sông Sài Gòn.

Nước mưa khu vực các bể chứa dầu được thu gom qua mương hở (B300mm, xây bằng gạch đặc mác 75, vữa xi măng mác 50, trát vữa xi măng mác 75), về trạm xử lý nước thải công suất 50 m³/ngày.đem xử lý đạt QCVN 29:2010/BTNMT, cột A trước khi xả ra rạch Trầu.

Nước mưa các khu khác trên sân bãi không nhiễm dầu bố trí mạng lưới thu gom nước mưa bằng các mương hở rộng B300 mm, xây bằng gạch đặc mác 75, vữa xi măng mác 50 hoặc có nắp đậy và xả ra 01 cửa xả vào sông Sài Gòn (toạ độ X=1170647.83; Y = 569067.64) và 01 cửa xả vào rạch Trầu (toạ độ X = 1170693.22 ; Y = 569083.96).

Sơ đồ thu gom, thoát nước mưa mái công trình được trình bày như sau:



Hình 3.2. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa của Cơ sở

(Bản vẽ mặt bằng tổng thể thoát nước mưa của cơ sở được đính kèm ở Phụ lục).



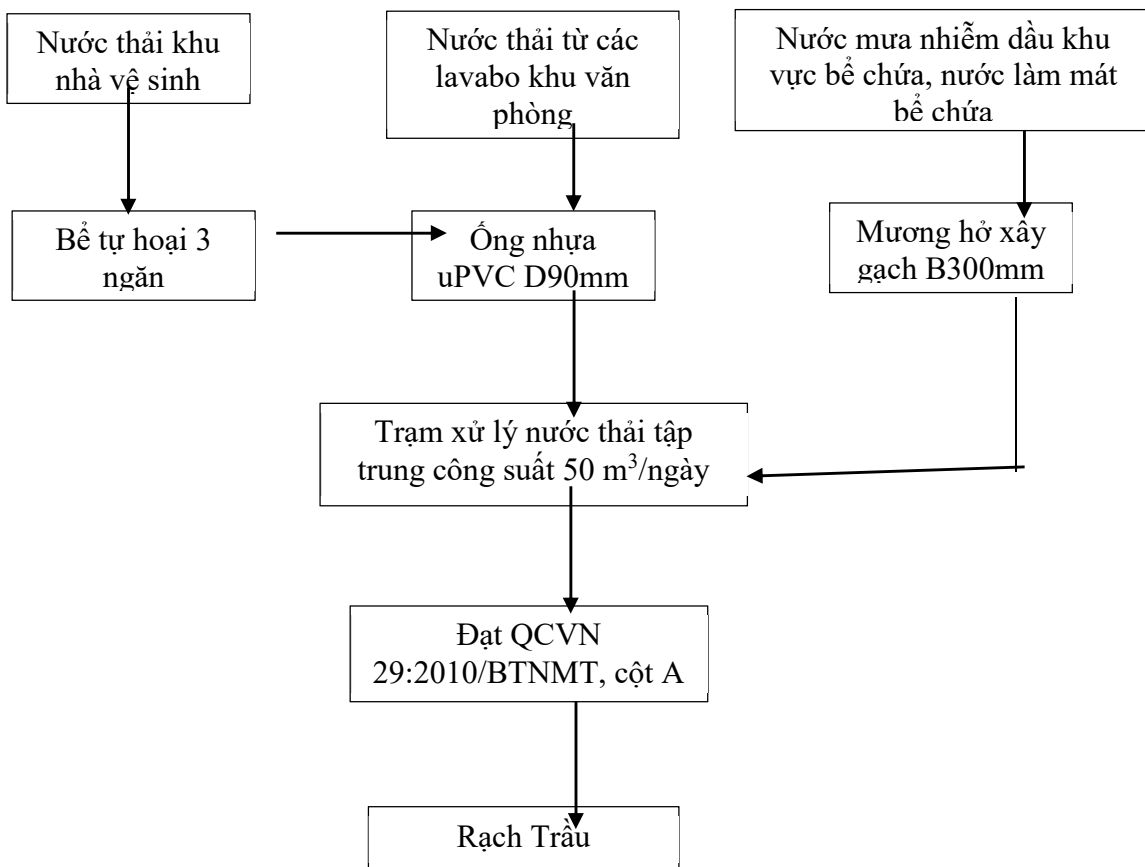
Hình 3.3. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

Hệ thống thu gom nước thải Cơ sở đã được đầu tư hoàn chỉnh. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa và nước thải được tách riêng biệt. cụ thể được trình bày như sau:

3.1.2.1. Công trình thu gom nước thải

Công trình thu gom nước thải được trình bày như sau:



Hình 3.4. Sơ đồ hệ thống thu gom nước thải

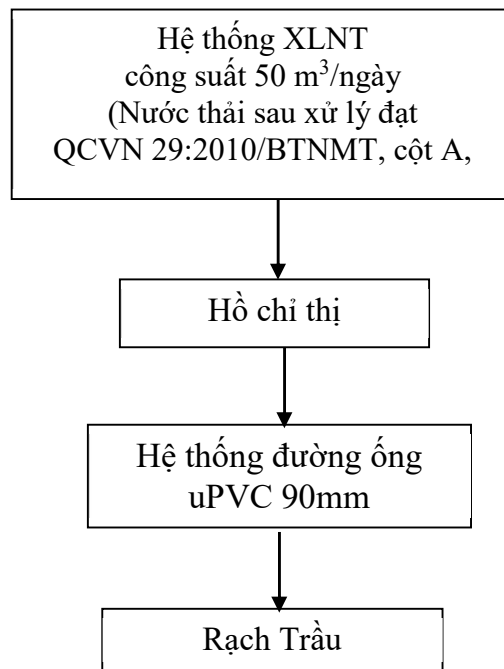
Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu văn phòng (01 bể tự hoại thể tích 8m^3 và 12 cái lavabo), được thu gom như sau: nước thải từ các bồn tiểu, bồn cầu sẽ được thu gom về bể tự hoại 3 ngăn sau đó theo hệ thống ống nhựa uPVC D90mm cùng với nước thải rửa tay từ các lavabo với cơ chế tự chảy về bể chứa nước thải tập trung của trạm XLNT. Nước thải từ bể chứa tập trung sẽ tự chảy về bể chứa có kết hợp tách dầu sơ bộ của trạm XLNT công suất $50\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Nước làm mát và nước vệ sinh bể chứa định kỳ được thu gom qua mương hở (B300mm, xây bằng gạch đặc mác 75, vữa xi măng mác 50, trát vữa xi măng mác 75), về trạm xử lý nước thải công suất $50\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ xử lý đạt QCVN 29:2010/BTNMT, cột A trước khi xả ra rạch Trầu tại 1 điểm xả thải (tọa độ X = 1170724.80 ; Y = 569058.73).

Nước vệ sinh bể định kỳ được bàn giao đơn vị chức năng thu gom và xử lý theo chất thải nguy hại.

3.1.2.2. Công trình thoát nước thải

Toàn bộ nước thải sau khi xử lý tại nhà máy đạt QCVN 29:2010/BTNMT, cột A → Hồ chỉ thị → hệ thống đường ống uPVC 90mm, chiều dài 150m → Sau đó xả ra rạch Trầu tại 1 điểm xả thải (tọa độ: X = 1.239.690; Y = 570.158). Sơ đồ thoát nước thải của nhà máy như sau:



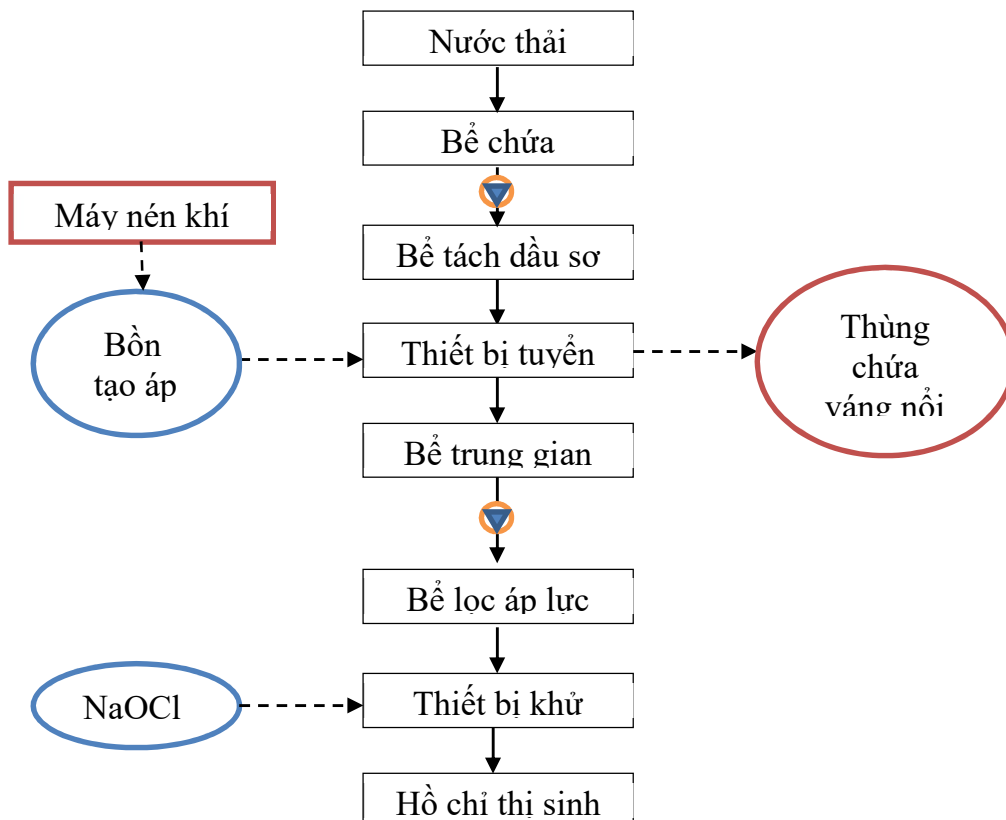
Hình 3.5. Sơ đồ thoát nước thải sau xử lý của Cơ sở



Hình 3. 6. ống thoát nước thải sau xử lý ra rạch Trầu

3.1.3. Công trình xử lý nước thải

Trạm xử lý nước thải có công suất $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Nước thải được xử lý tại trạm xử lý nước thải bao gồm nước làm mát, nước rửa bể, nước mưa ban đầu nhiễm xăng dầu.



Hình 1.6. Trạm xử lý nước thải $50 \text{ m}^3/\text{ngđ}$.

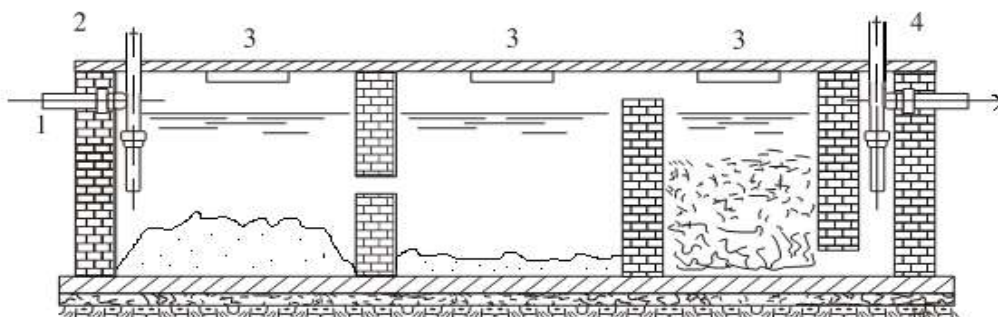
Nước thải được chứa tại 10 bể chứa dung tích mỗi bể là 4 m^3 , nước thải từ bể thứ nhất sẽ tự chảy qua bể thứ 2 và tiếp tục tự chảy đến các bể tiếp theo đến bể thứ 10. Tiếp theo, nước thải được dẫn qua bể tách dầu sơ bộ để loại bớt một lượng dầu nổi

lên trên mặt. Sau đó, nước thải sẽ được bơm lên thiết bị tuyển nổi để loại bỏ phần cặn lơ lửng, cặn thô còn trong nước thải, đồng thời tạo điều kiện để các hạt dầu, mỡ nổi lên mặt nước dựa vào sự chênh lệch khối lượng riêng giữa hỗn hợp khí - rắn và nước. Nước thải tiếp tục tự chảy qua bể trung gian, bơm trong bể trung gian bơm nước thải lên bể lọc áp lực để xử lý triệt để các chất rắn không tan. Sau mỗi chu kỳ lọc, cặn dính bám trên bề mặt lớp vật liệu lọc ở những lớp trên cùng và cặn được đẩy ra bằng phương pháp rửa ngược, cặn bẩn được xối tung lên và các hạt vật liệu lọc va chạm, ma sát vào nhau, tự làm sạch bề mặt, nước sau rửa lọc theo đường ống xả dẫn về bể chứa. Sau bể lọc, nước thải được dẫn về thiết bị khử trùng để diệt các loại vi khuẩn gây bệnh nguy hiểm hoặc chưa được khử bỏ trong quá trình xử lý nước thải. Hóa chất khử trùng là dung dịch nước Javel (NaOCl). Cuối cùng, nước sau xử lý dẫn về hồ chỉ thị sinh học, hồ này được Cơ sở sử dụng để làm mát, chữa cháy. Nước thải khi qua hệ thống xử lý đạt QCVN 29:2010/BTNMT (Cột A). Và khi lượng nước này lớn (trong mùa mưa) sẽ được xả ra rãnh thoát nước mưa.



Hình 1.7. Trạm xử lý nước thải công suất $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Nước thải sinh hoạt (nước vệ sinh rửa tay chân, tắm) của nhân viên làm việc trong Cơ sở được dẫn về trạm xử lý nước thải. Nước thải từ thiết bị vệ sinh được dẫn về bể tự hoại lưu chứa trong bể. Định kỳ 3 tháng Cơ sở hút hầm cầu 1 lần. Cấu tạo bể tự hoại được thể hiện trong Hình 1.9. Phần nước trong sẽ dẫn về hệ thống xử lý nước thải $50 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để xử lý.



Hình 1.8. Bể tự hoại

- 1- Ống dẫn nước thải vào bể. 2- Ống thông hơi. 3- Nắp thăm (để hút cặn).
- 4- Đường ống thoát nước ra.

Bể tự hoại có tác dụng xử lý nước đen (phân, giấy vệ sinh, nước dãi). Bể tự hoại được xây dựng bằng gạch gồm 3 ngăn như mô tả trong Hình 1.2. Bể này lắng một phần cặn của nước thải và xử lý nước phân, tiểu. Khi nước thải chảy vào bể, nước được làm sạch nhờ hai quá trình chính là lắng cặn và lên men cặn lắng. Do tốc độ nước chảy qua bể rất chậm (thời gian lưu lại của dòng nước trong bể từ một đến ba ngày) nên quá trình lắng cặn trong bể được xem như quá trình lắng tĩnh: dưới tác dụng của trọng lượng bản thân các hạt cặn (cát, bùn, phân) rơi dần xuống đáy bể. Các hạt cặn rơi xuống đáy bể, ở đây các chất hữu cơ (BOD/COD) chủ yếu là các hydrocacbon, protein (đạm), lipid (chất béo) bị phân hủy nhờ hoạt động của các vi sinh vật yếm khí. Cặn lên men, mất mùi hôi và giảm thể tích. Chất không tan chuyển thành chất tan và các chất khí (CH_4 , H_2S , NH_3 ,...). Tốc độ lên men của cặn nhanh hay chậm phụ thuộc vào nhiệt độ, độ pH của nước thải, lượng vi sinh vật trong lớp cặn,... Nhiệt độ càng cao thì tốc độ lên men cặn càng nhanh. Hiệu quả lắng cặn trung bình đạt 50 – 75% tính theo cặn lơ lửng (SS), theo chất hữu cơ (BOD/COD) đạt 25 – 45%. Các mầm bệnh có trong phân cũng được loại bỏ một phần sau khi qua bể tự hoại, chủ yếu nhờ cơ chế hấp phụ lên cặn và lắng xuống, hoặc chết đi do thời gian lưu bùn và nước trong bể lớn, do môi trường sống không thích hợp.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

* Biện pháp bảo vệ môi trường do phương tiện giao thông

- Phân phối lượng phương tiện giao thông ra vào khu vực Cơ sở, đảm bảo vận tốc xe ra vào 5 km/h và số lượng xe vào kho không quá 9 xe/lượt;
- Vào mùa khô, phun nước tưới đường giao thông nội bộ, sân nền, thảm cỏ... để giảm bụi do phương tiện vận chuyển gây ra;
- Động cơ trên tàu có thiết bị làm mát và xử lý khí thải (đạt tiêu chuẩn Tier II);
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực Cơ sở;
- Làm vệ sinh nền bãi giao thông thường xuyên hàng ngày.

* Biện pháp bảo vệ môi trường do hơi xăng dầu

Để hạn chế tối đa lượng hơi xăng dầu bay vào trong không khí và chống độc hại cho người công nhân làm công tác vận hành, các biện pháp an toàn môi trường khí được đưa ra như sau:

- Bể chứa và hệ thống đường ống:
 - + Bể chứa luôn ở tình trạng kín;
 - + Các van trong hệ thống công nghệ, các thiết bị bơm rót xăng, dầu sử dụng đúng chủng loại và đảm bảo các chỉ tiêu kỹ thuật yêu cầu;
 - + Các bể chứa xăng dầu được lắp các van thở, có dây nối đất;
 - + Tồn trữ các sản phẩm xăng, dầu theo đúng khả năng chứa đầy của bể vì thể tích khoảng trống chứa hơi trên bề mặt xăng, dầu càng nhỏ, lượng xăng dầu bay hơi càng nhỏ;

- + Các bể chứa luôn được kiểm soát và chống nóng bằng cách: đo nhiệt độ, phun nước tưới làm mát thành bể;
- + Công nhân làm việc trong Cơ sở theo quy trình mà Ban quản lý đưa ra: bảo đảm tuyệt đối thực hiện đúng quy trình thao tác công nghệ trong công tác xuất, nhập xăng dầu;
- + Bảo đảm luôn kiểm tra định kỳ hàng ngày và thường xuyên bể, đường ống công nghệ xuất nhập nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn quy phạm quy định;
- + Cơ sở đã xây dựng đê bao chống tràn dầu;
- + Công nhân làm việc trong Cơ sở có kinh nghiệm làm việc từ 3 năm trở lên.
- Vận hành trong Cơ sở
- + Quá trình xuất, nhập xăng dầu: đường ống luôn ở trong trạng thái được nhúng chìm. Xăng, dầu bơm vào bể từ đáy lên. Trong quá trình nhập vào các xe bồn, có thể giảm lượng bay hơi bằng cách rút ngắn thời gian nhập, có đồng hồ đo lượng xăng dầu và xuất đúng lượng xăng dầu;
- + Hạn chế tối đa việc súc rửa bể chứa để thay đổi loại sản phẩm chứa trong bể bằng cách có kế hoạch nhập từng chủng loại hàng một cách hợp lý;
- + Có trang thiết bị bảo hộ lao động phù hợp với môi trường làm việc, công nhân được cung cấp sữa uống cho công nhân.

*** Biện pháp bảo vệ môi trường do máy phát điện dự phòng**

Khí thải phát sinh khi Cơ sở mất điện trong thời gian dài phải sử dụng máy phát điện. Vì vậy, máy phát điện dự phòng của Cơ sở có hệ thống xử lý khí thải bằng phương pháp hấp thụ và được dẫn qua ống khói có độ cao 5 m ($D = 0,3$ m). Ống khói được dẫn nằm ngang ra phía rạch Trầu và không có nhiều người hoạt động ở khu vực này, vì vậy, không gây ảnh hưởng đến khu dân cư khu vực này. Dầu sử dụng cho máy phát điện là dầu DO có hàm lượng lưu huỳnh thấp.

*** Biện pháp bảo vệ môi trường do phát sinh mùi**

- Để tránh gây mùi trong khu vực nhà kho, Cơ sở đã bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt 240 L màu đỏ có nắp đậy, và thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.
- Trạm XLNT được xây dựng lắp đặt ở gần rạch Trầu, là vị trí tương đối thoáng mát và không gây mùi cho môi trường không khí xung quanh.
- Mùi từ xăng dầu được hạn chế bằng phương án công nghệ khép kín, giảm tối thiểu lượng hơi xăng dầu thất thoát ra ngoài.
- Mùi khí thải từ các phương tiện giao thông được Cơ sở kiểm soát bằng cách xây dựng kế hoạch xuất xăng dầu cho xe bồn, xitec hạn chế lượng xe ra vào cùng lúc.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

❖ Chất thải rắn thông thường

Cơ sở có trang bị các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt. Thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt trong Cơ sở chủ yếu là thùng 240L màu đỏ có dán nhãn thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt. Lượng chất thải rắn hàng ngày được giao cho Công ty TNHH Một thành viên công trình đô thị Bình Dương thu gom xử lý theo Hợp đồng số 25 – HĐ/VCNB.



Hình 1.9. Thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Lượng chất thải của Kho xăng dầu không lớn. Vì vậy diện tích nhà kho chứa chất thải nguy hại có diện tích là 13 m². Được xây dựng bằng gạch xi măng nằm tại khu vực góc bên trái của nhà kho, xa khu vực các bể chứa xăng dầu, được sắp xếp gọn gàng và ngăn nắp. Chất thải nguy hại được lưu chứa theo khu vực có các bảng mã chất thải quy định trong nhà kho. Bản vẽ nhà kho chứa chất thải nguy hại được đính kèm trong Phụ lục.

Hiện tại, Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ đã được Chi cục Bảo vệ Môi trường tỉnh Bình Dương cấp Sổ chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 74.000.234T ngày 23 tháng 8 năm 2014, Cơ sở có trang bị Nhà kho chứa chất thải nguy hại để lưu giữ tạm thời. Nhà kho chứa CTNH được xây cách xa Văn phòng, có mái che kín nắng và có ngăn riêng biệt để chứa các loại chất thải khác nhau ở từng khu vực lưu chứa. Định kỳ vào thứ 2 tuần thứ 3 hàng tháng được Xí nghiệp xử lý chất thải Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Môi trường Bình Dương thu gom xử lý với Hợp đồng số 488 – RNH/HĐ-KT/15.



Hình 1.6. Bồn chứa bùn, cặn xả đáy.



Hình 1.11. Bồn chứa bùn, cặn xả đáy (lưu trữ).

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

* Biện pháp chống ồn

Như đã trình bày ở phần 2.1.5 nguồn ồn của Cơ sở là (1) các phương tiện giao thông, (2) máy bơm xuất, nhập xăng dầu, (3) máy phát điện dự phòng. Ứng với từng loại nguồn gây ô nhiễm, Cơ sở đã có những biện pháp để phòng ngừa giảm thiểu như sau:

(1) Đối với nguồn ồn là do phương tiện giao thông:

- Các phương tiện giao thông (tàu, sà lan và xe bồn) hạn chế sử dụng còi trong Cơ sở;

- Cơ sở cũng đưa ra những kế hoạch xuất nhập hợp lý, không để nhiều phương tiện ra vào kho cùng lúc;

- Xe bồn ra vào Tổng kho hạn chế tốc độ 5 km/h;

(2) Máy bơm xuất, nhập xăng dầu

- Máy móc, thiết bị được bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo chất lượng khi vận hành và giảm được tiếng ồn;

- Các máy móc, thiết bị được sắp xếp xây dựng tại nơi thoáng mát, tránh xa khu dân cư nhằm không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh khu vực.

(3) Máy phát điện dự phòng

- Để giảm tiếng ồn của máy phát điện Cơ sở đặt máy phát điện ở cạnh rạch Trầu, xa khu dân cư;

- Đặt máy phát điện tại phòng cách âm tránh gây ô nhiễm tiếng ồn và ảnh hưởng đến công nhân làm việc trong Cơ sở.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Tại Điều 121 Luật Bảo vệ môi trường 2020 có quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, đồng thời cũng tại Điều 108 và Điều 109 Nghị định

08/2022/NĐ-CP quy định về kế hoạch ứng phó sự cố môi trường. Quy định này yêu cầu các Chủ dự án đầu tư, cơ sở có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định 08/2022/NĐ-CP. Công ty cam kết sẽ thực hiện lập Kế hoạch ứng phó sự cố môi trường và công khai ở UBND phường, xã tại khu vực theo đúng quy định. Đồng thời lồng ghép các phương án phòng ngừa ứng phó sự cố trong báo cáo đề xuất giấy phép môi trường.

3.6.1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

Hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố: như hư máy bơm, vỡ hồ thu gom, thiết bị châm hóa chất, chế độ vận hành,... Tất cả các nguyên nhân này đều dẫn đến việc xử lý nước thải không đạt yêu cầu, ảnh hưởng đến nguồn tiếp nhận.

Để ngăn ngừa các sự cố môi trường đối với các hệ thống XLNT, Cơ sở thực hiện các biện pháp sau:

- Đối với những máy móc thiết bị thường xuyên bị hỏng như motor, máy bơm nước,... Công ty luôn có thiết bị dự phòng nhằm thay thế khi cần thiết.

- Đối với những máy móc thiết bị ít gặp sự cố như moto khuấy pha hóa chất, hệ thống phân phối khí,... Công ty áp dụng các biện pháp sau:

- + Thường xuyên kiểm tra tình trạng vận hành của các máy móc thiết bị.

- + Định kỳ bảo dưỡng và thay thế khi đến kỳ hạn bảo dưỡng.

- Khi có sự cố mất điện, sử dụng máy phát điện dự phòng để duy trì hoạt động của hệ thống xử lý.

- Trong trường hợp xảy ra sự cố về điện động lực và điện điều khiển, chuyển qua chế độ vận hành bằng tay trong khi chờ khắc phục sự cố.

Cơ sở có bể chỉ thị sinh học trước khi xả ra ngoài, nước thải sẽ được đảm bảo đạt tiêu chuẩn trước khi xả ra ngoài môi trường.

3.6.4. Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ

Biện pháp phòng chống cháy nổ đang được thực hiện tại Cơ sở như sau:

Hệ thống an toàn PCCC Cơ sở bao gồm:

- Tường ngăn cháy quanh cụm bể;

- Đường ô tô cứu hoả;

- Hệ thống cấp nước tưới mát cho bể và cấp nước cho xe cứu hoả (trạm bơm, đường ống, hòng lấy nước, dàn phun);

- Hệ thống cấp dung dịch chất tạo bọt và lăng phun bọt gắn cố định (bồn chứa chất tạo bọt, trạm bơm, ejector, đường ống, lăng tạo bọt);

- Hệ thống tự động báo cháy;

- Các trang thiết bị chữa cháy ban đầu: Hồ cát, xẻng, chăn, bình bọt ...;

Giải pháp kỹ thuật của hệ thống chữa cháy được chọn lựa như sau

• **Tường ngăn cháy**

Tường ngăn cháy phân chia khu bể chứa của Cơ sở thành các cụm, có bố trí bậc qua để đi lại thao tác phía trong cụm bể. Chiều cao tường ngăn cháy tính theo tiêu chuẩn: Chiều cao tường cao hơn mức dầu tràn ra của 01 bể lớn nhất bị vỡ 0,2m. Hiện bố trí thành 02 cụm lớn có đường cho ô tô cứu hỏa chạy xung quanh. Trong từng cụm và các bể chứa dung tích lớn có bố trí các tường ngăn cháy phụ (Bản vẽ đính kèm trong Phụ lục).

• **Đường ô tô cứu hỏa.**

Nối liền các đường giao thông nội bộ của Cơ sở với các khu bể chứa, trạm bơm, nhà xuất ô tô, với gara ô tô cứu hỏa và đường vào Cơ sở. Đường kết cấu đường bê tông, chiều rộng đường đoạn nhỏ nhất là 4,5m.

• **Hệ thống phun bọt chữa cháy và phun nước tưới làm mát**

- Máy bơm dung dịch chất tạo bọt;

- Hệ thống đường ống dẫn dung dịch chất tạo bọt;

- Chất tạo bọt dùng Foam có độ nở thấp 3% bảo quản ở dạng nguyên chất trong bể chứa bằng thép inox;

- Hệ thống pha trộn dung dịch chất tạo bọt bằng Ejector;

- Lăng phun bọt sử dụng dụng loại lăng do hãng Ansul sản xuất hoặc loại có tính năng tương đương, gắn cố định trên bể chứa;

- Các họng chữa cháy, các lăng phun bọt di động được bố trí tại các vị trí thích hợp để chữa cháy phụ trợ hệ thống chữa cháy cố định.

Chọn EZECTOR trộn dung dịch.

Để pha trộn dung dịch chất tạo bọt theo tỷ lệ qui định sử dụng phương pháp trộn bằng EZECTOR loại đầu vòng.

Hệ thống cấp nước tưới lạnh: Hệ thống bao gồm:

+ Đường ống dẫn nước từ bể chứa nước tới trạm bơm chữa cháy và từ trạm bơm chữa cháy đến khu bể;

+ Đường ống lắp đặt trên bể dạng vòng có khoan lỗ để phun nước tưới mát;

+ Các họng cấp nước cho xe cứu hỏa;

Tính toán khối lượng nước cần thiết để chữa cháy (tính cho đám cháy lớn nhất):

Tính toán khối lượng nước cần thiết để chữa cháy được tính với bể chứa lớn nhất hiện có của Cơ sở là 6.500m³, đường kính 30,558m, chiều cao 9,0m.

- Lượng bọt độ nở thấp 3% cần dự trữ: 21.000 lít

Hiện Cơ sở đang bố trí 03 bể chứa foam với tổng dung tích là 6 m³ đấu nối với hệ thống công nghệ. Các phuy dự trữ loại 200 lít được bảo quản trong nhà và được tiếp vào các bể foam khi có sự cố xảy ra.

- Lượng nước cần dự trữ: 1.467 m³.

Bể nước hiện có dung tích là 960 m³ nên trong quá trình chữa cháy được bơm bổ sung từ sông vào.

- Máy bơm nước tưới mát yêu cầu 264 m³/giờ, h=60m;

Hiện bố trí 02 máy bơm 120 m³/giờ, h=60m để bơm nước tưới mát;

Điều chuyển 01 máy bơm 350 m³/giờ động cơ diesel bên hệ thống bơm bọt chuyển sang hệ thống bơm nước để đảm bảo yêu cầu trên;

- Máy bơm bọt yêu cầu 202 m³/giờ, h=60m;

Hiện bố trí 03 máy bơm động cơ tự phát Tohatsu V75 lưu lượng 105 m³/giờ và 01 máy bơm lưu lượng 350 m³/giờ động cơ diesel cho hệ thống bơm bọt;

Điều chuyển máy bơm lưu lượng 350 m³/giờ động cơ diesel sang hệ thống máy bơm tưới mát;

- Máy bơm bổ sung nước vào bể dùng: 01 máy bơm lưu lượng 100 m³/giờ động cơ diesel và 01 máy bơm lưu lượng 100 m³/giờ động cơ điện;

- Để đảm bảo pha trộn bọt hiệu quả cao, Cơ sở bố trí 05 thiết bị Ejecter loại 01”.

Ngoài ra, Cơ sở trang bị thêm 03 xe ô tô chữa cháy chuyên dụng, bao gồm:

01 xe SAMCO 3m³ phun nước;

01 xe GERMANY 3m³ phun BƠT;

01 xe IFA 3m³ có thể phun cả nước và bọt;

Bảng 2.8. Các trang thiết bị chữa cháy

TT	Tên hạng mục	Xe đẩy bọt ≥ 25kg	Bình bọt 8kg	Bình CO ₂ - 5kg	Chăn sợi 1x2(m)	Tiêu lệnh PCCC
1	Cầu cảng xuất nhập đường thủy	02	08	04	02	02
2	Trạm bơm dầu số 01	01	02	02		01
3	Trạm bơm dầu số 02	01	02	02		01
4	Trạm bơm chữa cháy			02		01
5	Trạm phát điện		02	02		01

TT	Tên hạng mục	Xe đẩy bột $\geq 25\text{kg}$	Bình bột 8kg	Bình CO ₂ -5kg	Chăn sợi 1x2(m)	Tiêu lệnh PCCC
6	Trạm biến áp		01	02		
7	Nhà để xe cứu hỏa, gara ô tô		02	01	02	01
8	Nhà xuất ô tô xitéc	02	08		02	01
9	Nhà viết phiếu, trực cấp phát		04	03	02	01
10	Nhà kiểm định		03	02	01	01
11	Nhà văn phòng 02 tầng		06	04	02	02
12	Nhà hội trường		03	02	01	01
13	Nhà bảo vệ (04 nhà)		08	08	04	04
	Cộng	06	49	34	16	17

- Hệ thống báo cháy tự động: sử dụng hệ thống báo cháy loại quy ước gồm tủ báo cháy trung tâm, các đầu báo khói quang điện, đầu báo nhiệt gia tăng, đầu báo lửa, các nút ấn báo cháy khẩn cấp, đèn còi báo động.

+ Tủ báo cháy trung tâm là nơi hiển thị những thông tin liên quan đến trạng thái hoạt động của hệ thống. Khi có báo động hoặc có lỗi kỹ thuật, nó cho biết khu vực (zone) đã xảy ra sự cố, hiển thị thông tin ấy trên màn hình, nhờ đó người vận hành có thể nhanh chóng chọn biện pháp xử lý thích hợp.

+ Tủ trung tâm nhận tín hiệu ngõ vào từ các thiết bị khởi báo (đầu báo khói, đầu báo nhiệt, đầu báo lửa, nút ấn khẩn) và phát các tín hiệu tới các ngõ ra (còi, đèn báo cháy).

+ Nhiều thiết bị khởi báo có thể nối chung vào một mạch dây. Mỗi mạch dây chạy về từ trung tâm gọi là zone.

+ Những thiết bị khởi báo (đầu báo khói, đầu báo nhiệt, đầu báo lửa, nút ấn khẩn) nối chung vào một mạch dây và chạy về tủ trung tâm, tạo thành các loop chạy quanh hiện trường. Mỗi thiết bị khởi báo khi lắp đặt được thiết lập một địa chỉ riêng biệt.

+ Các nút ấn báo cháy khẩn cấp được bố trí tại những vị trí thuận lợi trong khu vực Tổng kho. Công nhân làm việc trong Tổng kho, bảo vệ, người vận hành có thể chủ động kích hoạt tín hiệu báo cháy bằng cách tác động vào thiết bị này khi tự mình phát hiện cháy hoặc các nguy cơ xảy ra cháy.

+ Đèn còi báo động lắp đặt tại nhà văn phòng, nhà bảo vệ, trạm bơm chữa cháy, nhà để xe chữa cháy đảm bảo thông tin nhanh nhất đến các bộ phận phòng cháy chữa cháy của cơ sở cũng như những người làm việc trong Tổng kho.

Ban quản lý tổ chức huấn luyện và kiểm tra các bộ phận cá nhân làm nhiệm vụ bảo quản sử dụng các phương tiện PCCC hợp lý và đúng mục đích. Cá nhân được giao trách nhiệm bảo quản và sử dụng các trang thiết bị phải thường xuyên kiểm tra vận hành thử theo quy định (vận hành ngày 3 lần) và đảm bảo máy hoạt động tốt sẵn sàng chữa cháy. Định kỳ kiểm tra tình trạng hoạt động của máy ít nhất 1 năm/lần. Thường xuyên sơn sửa, bảo quản đường ống và các thiết bị dụng cụ khác (3 tháng/lần). Kiểm tra độ ăn mòn và mức độ biến dạng của đường ống và chất lượng của dung dịch chữa cháy. Thường xuyên kiểm tra các thông số an toàn và cân lại bình chữa cháy tại chỗ. Phải bố trí các bình chữa cháy hợp lý và các kệ giá đỡ thùng bảo quản. Khi nhập thiết bị chữa cháy, chất chữa cháy phải kiểm tra các thông số, hóa đơn và tài liệu kỹ thuật có liên quan. Khi phát hiện các phương tiện chữa cháy hư hỏng phải sửa chữa và thay thế ngay.

Trong quá trình vào khu vực Tổng kho, tất cả đều phải đăng ký sổ bảo vệ. Nội quy PCCC khu vực bể chứa xăng dầu được quy định rõ trong khu vực Tổng kho. Cụ thể như sau:

- Không sử dụng điện thoại di động, không hút thuốc, các phương tiện không được di chuyển trong cơ sở gây mất an toàn;
- Không phận sự miễn vào, chỉ được phép vào khu vực Tổng kho khi Giám đốc cho phép;
- Chỉ có những người có nhiệm vụ được giao mới được phép ra vào khu bể chứa;
- Công nhân làm việc ở khu vực này phải tuân thủ nghiêm túc các quy định về thao tác vận hành đường ống nhập xuất xăng dầu, các phương tiện sử dụng phải đảm bảo yêu cầu phòng cháy;
- Trong quá trình làm việc tại khu bể nếu phát hiện bể chứa xăng dầu, đường ống bị hư hỏng, rò rỉ, phải kịp thời báo cho Ban giám đốc để xử lý;
- Khi sửa chữa bể chứa hoặc chuyển bể phải có phương tiện PCCC thường trực;
- Khi nhập xăng dầu vào bể phải thường xuyên kiểm tra theo dõi đến mức an toàn để tránh hiện tượng tràn bể xảy ra.

Quy định PCCC đối với các phương tiện vận tải đường thủy, đường bộ, xuất xe bồn, công nhân thực tập và các quy định liên quan khác.

Tổ chức lực lượng chữa cháy bao gồm CB – CNV của Cơ sở là lực lượng được học nghiệp vụ kiến thức PCCC. Tổ chức đội PCCC nòng cốt, chuyên trách về PCCC của xí nghiệp gồm 35 người trực 24/24h trong đó có 16 người chuyên về PCCC. Trong đó, chỉ huy gồm 3 người, lái xe cứu hỏa: 4 người và trực bơm bọt: 3 người chia làm 3 ca.

Công tác tổ chức huấn luyện hàng năm: 1 năm 3 lần Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ tổ chức tập huấn cho cán bộ - công nhân viên trong Tổng kho. Tất cả đều được cảnh sát cấp giấy chứng nhận chuyên môn nghiệp vụ PCCC, một năm 1 lần 100% CB – CNV được cử đi học (Thuê đơn vị có chuyên môn để dạy tại cơ sở và những người tham dự sẽ được cấp chứng chỉ). Hình thức tập huấn là tạo tình huống

giả để luyện tập công nhân thành thạo trong từng thao tác để xử lý khi có sự cố cháy xảy ra.

Nổi bật tất cả thiết bị chứa xăng dầu. Hệ thống thu sét được thiết kế tại các khu bể, nhà bơm, trạm bơm chữa cháy, mái nhà, ... Hệ thống điện có hành lang an toàn theo quy phạm, có hệ thống chống mất pha, thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ thiết bị điện. Để dễ dàng kiểm soát van thở, mực dầu trong bể Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ đã đầu tư Hệ thống báo động tự động về máy tính tại văn phòng. Ngoài ra, để chắc chắn an toàn, công nhân cũng kiểm tra song song với Hệ thống báo động.

3.6.5. Sự cố tràn dầu

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố của cơ sở: Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ đã được Ủy ban Quốc gia Ứng phó Sự cố, Thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tại văn bản số 582/QĐ-UB ngày 23/11/2022. Ngoài ra, cơ sở cũng đã phối hợp với đơn vị chức năng thực hiện diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu hàng năm theo quy định.

- Chủ các tàu có tổng dung tích lớn hơn 1.000 tấn đăng ký trở lên phải mua bảo hiểm hoặc các bảo đảm tài chính khác. Các chủ tàu chở dầu phải chịu trách nhiệm ứng phó sự cố tràn dầu;

- Sử dụng phương pháp cơ học loại bỏ dầu ra khỏi môi trường càng nhanh càng tốt, nhằm không gây tổn thất đến hệ sinh thái;

- Dựa trên số liệu dự báo được cập nhật liên tục về gió, dòng chảy, dự đoán hướng lan truyền tiếp theo của vệt dầu để kịp thời bảo vệ các vùng sinh thái quý hiếm, khu bảo tồn thiên nhiên. Báo động cho cơ quan chức năng khu vực gần nhất;

- Sử dụng các hợp chất hóa học, sinh học để làm giảm tác động đến môi trường (xà phòng, chế phẩm sinh học);

- Áp dụng linh hoạt các phương pháp ứng phó sự cố mới nhất trên Thế giới để hướng dẫn hoặc kiểm soát tốt nhất;

- Khu vực gần bờ sông: cần có thiết bị ứng cứu cho vùng nước nông, bị chắn gió, khu vực có dòng chảy lớn: cần có thiết bị đặc biệt sử dụng cho vùng nước có dòng chảy lớn, tầm hoạt động hạn chế, khu vực trên bờ: cần các thiết bị tẩy rửa bờ sông, các thiết bị chứa tạm thời;

- Để ứng phó sự cố tràn dầu Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ đã thành lập Ban quản lý Tổng kho để tổ chức chuyên ứng phó sự cố tràn dầu và phối hợp với các Trung tâm ứng phó sự cố tràn dầu miền Nam để giải quyết sự cố;

- Cơ sở đã trang bị các loại trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu như sau:

Bảng 2.9. Các trang thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu

STT	Trang thiết bị	Khối lượng
1	Phao vây	100 m
2	Tàu kéo	1 chiếc

STT	Trang thiết bị	Khối lượng
3	Hệ thống thông tin liên lạc	3 bộ
4	Bể chứa dầu	1 cái
5	Máy hút dầu	1 cái
6	Máy thổi phao	1 cái
7	Thùng chứa phao/ guồng cuộn phao	2 thùng
8	Phao thăm dầu	100 kg
9	Phân vi sinh xử lý dầu	20 bao

Các thiết bị ứng phó sự cố tràn dầu nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại về hệ sinh thái, kinh tế do dầu tràn gây ra, bảo vệ vùng ven sông. Tổ chức làm sạch bờ sông sau khi đã vớt dầu. Kỹ thuật xử lý và làm sạch bờ thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn về môi trường. Váng dầu, cặn dầu, đất, cát, cành cây, chất thải rắn bị bám dầu được thu gom, cách ly không cho đi vào môi trường xung quanh và được các cơ quan chuyên môn hướng dẫn xử lý.

c.1 - Phân cấp ứng phó sự cố tràn dầu

Mức 1: Dưới 20 tấn (Quy mô sự cố cấp cơ sở)

Các cơ sở kinh tế – xã hội, quốc phòng – an ninh có khả năng gây ra SCTD gọi chung là cơ sở. Khi có sự cố xảy ra ở cơ sở: chủ cơ sở phải tổ chức, chỉ huy lực lượng, phương tiện, thiết bị của mình hoặc lực lượng, phương tiện, thiết bị trong hợp đồng ứng phó SCTD để triển khai thực hiện ứng phó kịp thời.

Trường hợp sự cố tràn vượt quá khả năng, nguồn lực tại chỗ không đủ tự ứng phó, cơ sở phải kịp thời báo cáo cơ quan chủ quản, UBND cấp tỉnh trợ giúp. Chủ cơ sở xảy ra SCTD chịu trách nhiệm chỉ huy hiện trường.

Trong trường hợp xảy ra SCTD nghiêm trọng hoặc SCTD xảy ra trong khu vực cần ưu tiên bảo vệ, để ứng phó kịp thời Thủ trưởng các cơ quan đang giữ trách nhiệm chỉ huy hiện trường được phép huy động các lực lượng, phương tiện cần thiết để ứng phó ngay, đồng thời báo cáo UBND cấp tỉnh nơi xảy ra SCTD và Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn để chỉ đạo, phối hợp ứng phó.

Mức 2: Từ 20 đến 500 tấn (Quy mô sự cố cấp khu vực)

SCTD xảy ra vượt quá khả năng ứng phó của cơ sở hoặc SCTD xảy ra không thuộc trách nhiệm trực tiếp của cơ sở, như trường hợp bị thiên tai, sự cố va, đâm phương tiện, do dầu từ nơi khác trôi dạt đến thì Chủ tịch UBND cấp tỉnh nơi xảy ra SCTD có trách nhiệm trực tiếp chủ trì hoặc chỉ định người chỉ huy hiện trường để tổ chức ứng phó theo kế hoạch của địa phương, đồng thời được phép huy động khẩn cấp nguồn lực cần thiết của các cơ sở, các Bộ, ngành trên địa bàn, của Trung tâm ứng phó SCTD khu vực để ứng phó.

Đầu mối chủ trì giúp Chủ tịch UBND cấp tỉnh tổ chức ứng phó SCTD là Ban Chỉ huy phòng chống lụt, bão và tìm kiếm cứu nạn cấp tỉnh.

Mức 3: Trên 500 tấn (Quy mô sự cố cấp quốc gia)

Trường hợp SCTD xảy ra đặc biệt nghiêm trọng, UBND cấp tỉnh nơi xảy ra SCTD kịp thời báo cáo để Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn trực tiếp chỉ đạo, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức ứng phó.

Trường hợp SCTD vượt quá khả năng ứng phó của các lực lượng trong nước, Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc yêu cầu trợ giúp quốc tế.

c.2 Quy trình ứng phó sự cố

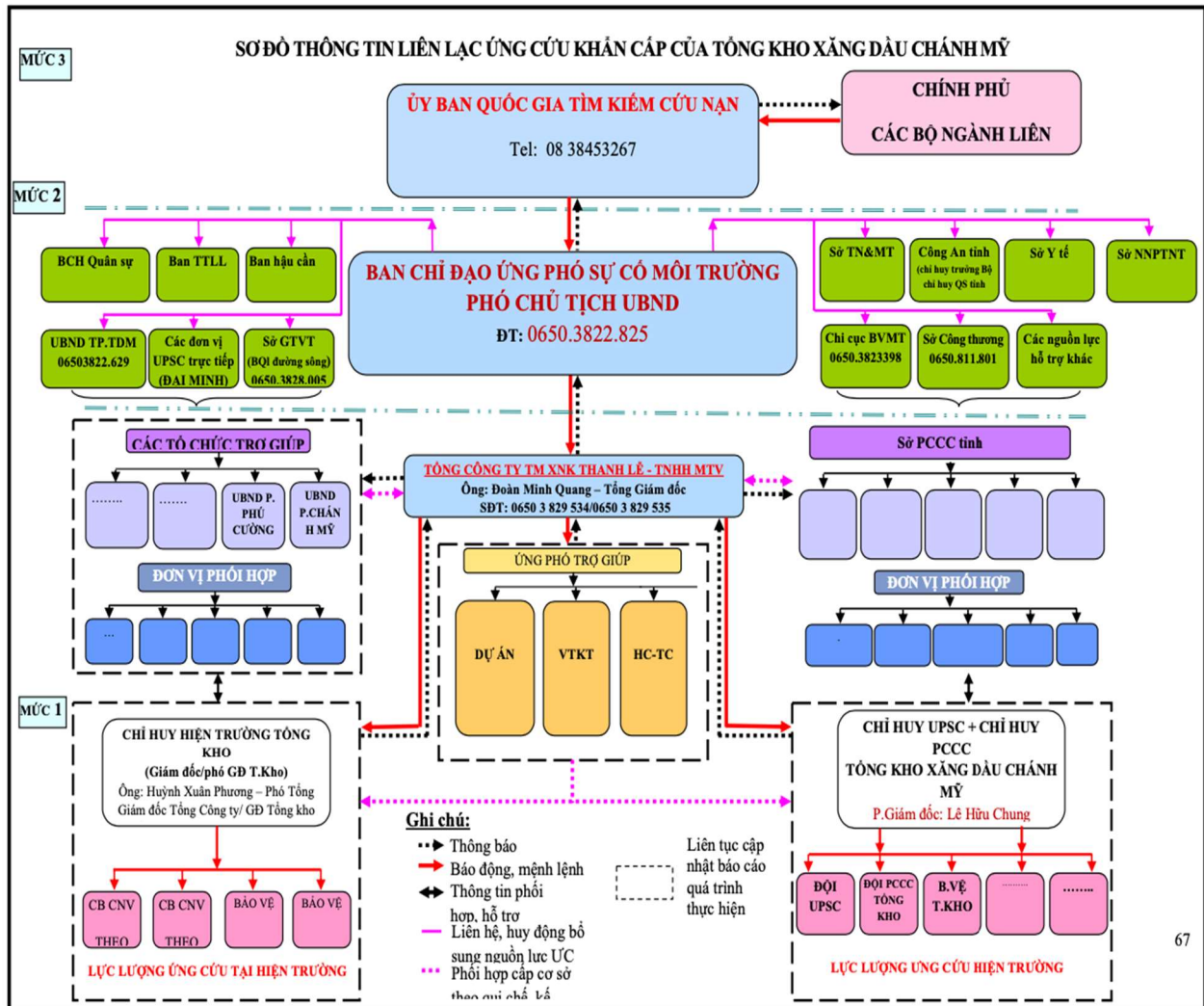
Bước 1: Khi có sự cố tràn dầu (SCTD) xảy ra, người gây ra sự cố (nếu sự cố xảy ra trên sông) hoặc sự cố xảy ra tại khu vực cơ sở sẽ thông báo Ban Giám Đốc Tổng kho để thông báo Tổng công ty hoặc trực tiếp chuyển thông tin và xin ý kiến chỉ đạo từ Ban Thường trực ứng cứu sự cố tràn dầu (UCSCTD) của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Bình Dương. Cảng vụ, Khu Đường sông – Sở Giao thông vận tải, Cảnh sát giao thông đường thủy – Sở Công An; hoặc đơn vị địa phương (UBND huyện, phường xã) cũng có nhiệm vụ chuyển thông tin về Ban Thường trực UCSCTD của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương.

Bước 2: Ban Thường trực UCSCTD của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương ghi nhận đầy đủ thông tin về sự cố xảy ra từ đơn vị đã báo tin và từ các nguồn tin khác để xác định tính chất, quy mô của sự cố.

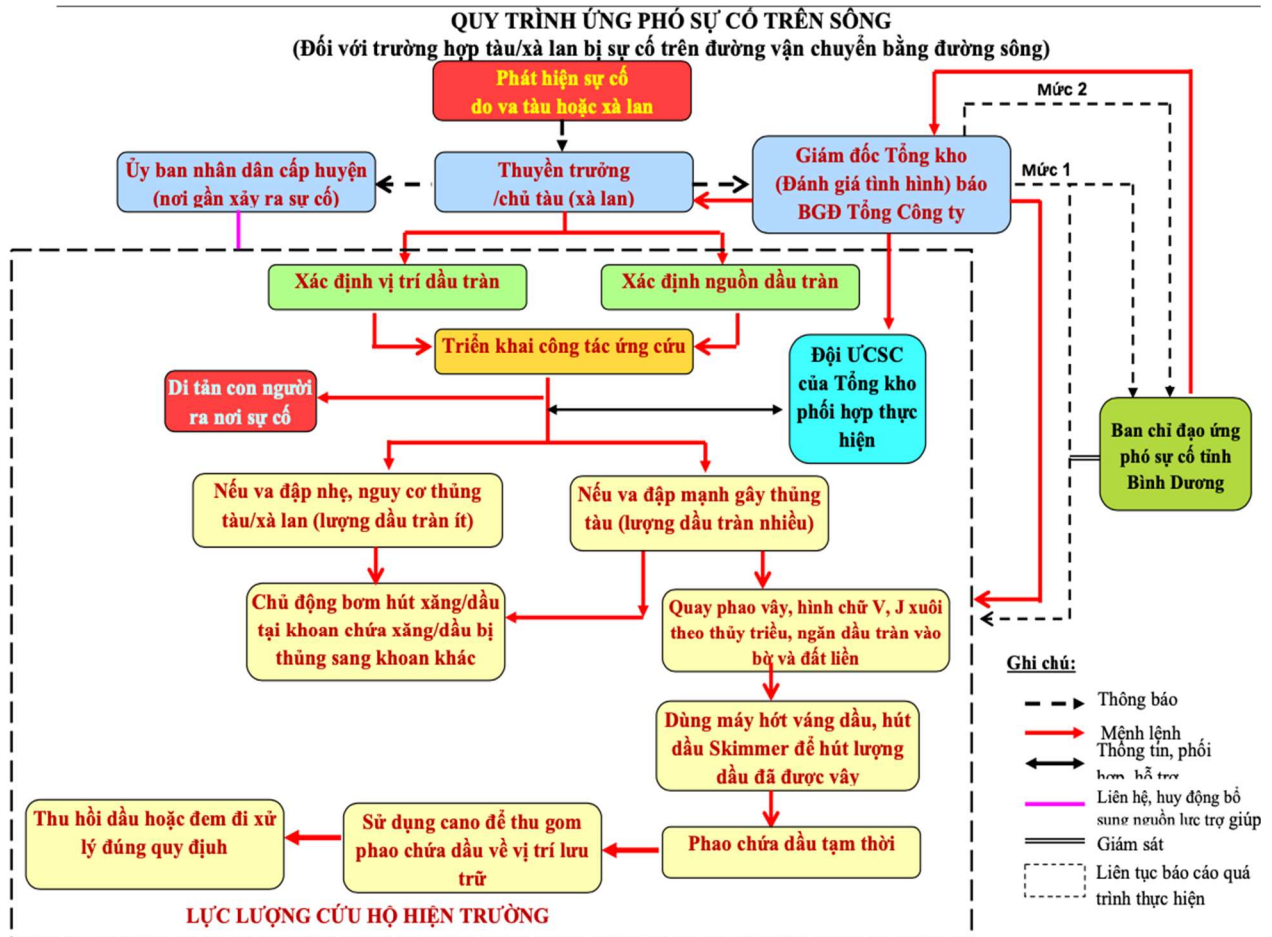
Bước 3: Cán bộ trực Ban sau khi biên soạn lại các dữ liệu nhanh chóng thông báo tin tức và toàn bộ thông tin về sự cố tràn dầu cho Trưởng ban hoặc người thay thế và các thành viên trong Ban UCSCTD.

Bước 4: Ban Thường trực UCSCTD của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương tiếp tục báo tin UBND tỉnh Bình Dương để xin ý kiến chỉ đạo từ Ban Chỉ đạo công tác UCSCTD. Đồng thời, Chi cục cũng gửi thông báo báo tin về sự cố đến các cơ quan, đơn vị chức năng có liên quan đến khu vực có SCTD.

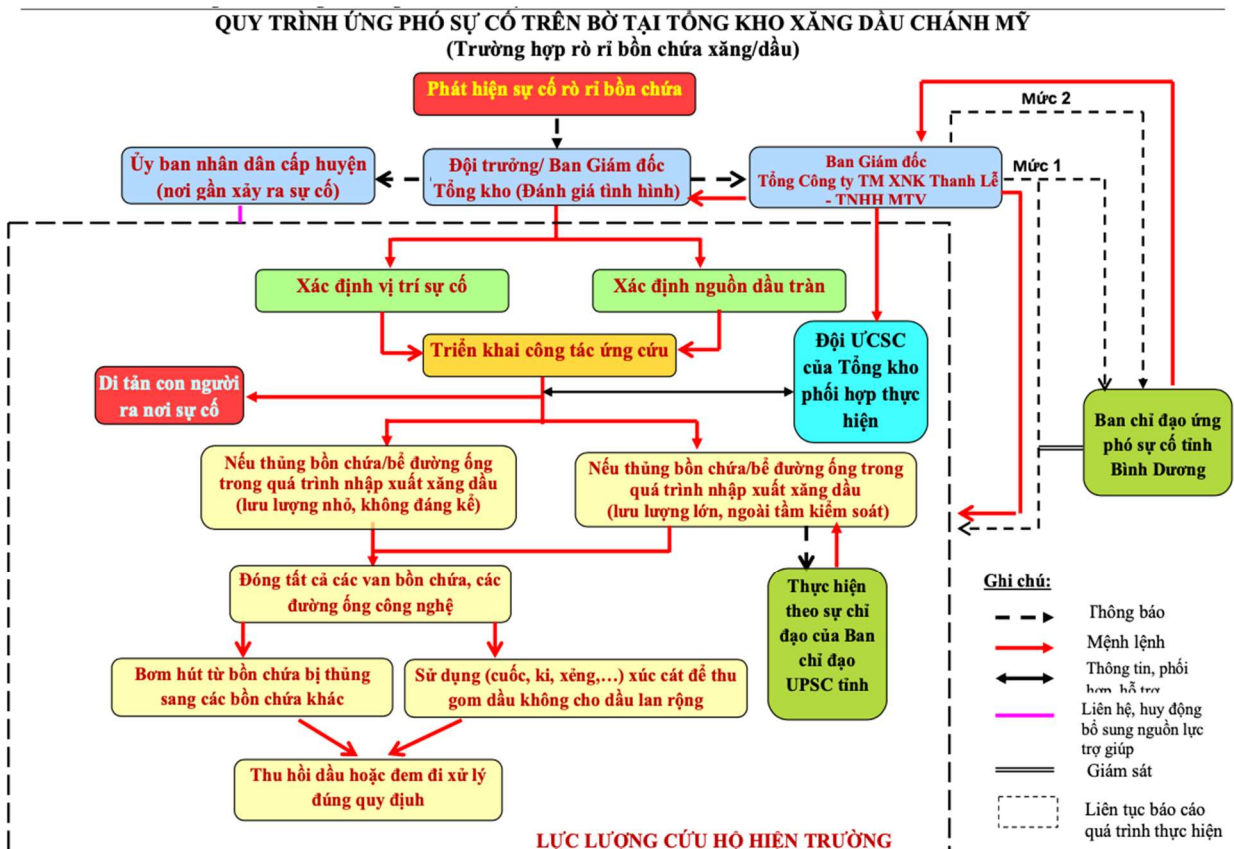
Bước 5: Trong trường hợp sự cố có quy mô lớn, ảnh hưởng lan rộng đến nhiều tỉnh thành lân cận, UBND tỉnh Bình Dương cũng sẽ gửi thông báo đến UBND các tỉnh yêu cầu sự phối hợp ứng cứu.



Hình 1.7. Sơ đồ thông tin liên lạc ứng cứu khẩn cấp



Hình 1.8. Quy trình ứng phó sự cố trên sông



Hình 1.9. Quy trình ứng phó sự cố trên bờ

*** Danh sách liên lạc nội bộ**

- Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ- CTCP
- Địa chỉ : 63 Yersin, P. Hiệp Thành, TP Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Điện thoại : 0274.3829534 - 0274.3829535 - Fax : 0274.3872.948
- Email : duanthanhle@gmail.com
- Văn phòng trực ban chỉ đạo cơ sở UPSCTD - Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ
- Số 63/18 Nguyễn Văn Cừ - KP Chánh Lộc 7, P. Chánh Mỹ - Tp. Thủ Dầu Một – tỉnh Bình Dương
- ĐT : 02743.3829009 - Fax: 02743829005
- Giám đốc Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ: Ông Nguyễn Viết Trọng Nhân + Điện thoại : 0909394466
- P.Giám đốc: Lê Hữu Chung + Điện thoại : 0918309784
- P.Giám đốc: Lý Thanh Nguyên + Điện thoại : 0913815259
- Tổ trưởng tổ bồn: Ông Huỳnh Mai Lâm + Điện thoại: 0918595447

*** Danh sách liên lạc bên ngoài**

Văn phòng trực ban chỉ huy hiện trường UPSCTD – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương

- Điện thoại : 0274 3 822252
- Fax : 0274 3 828035

Văn phòng trực ban chỉ đạo UBSCTD – UBND tỉnh Bình Dương

- Điện thoại : 0274.29390299
- Fax : 0274.3829955

Văn phòng trực ban hậu cần UPSCTD – Bộ chỉ huy quân sự tỉnh

- Điện thoại : 0274.3842999
- Fax : 0274.3842300

Văn phòng trực quản lý bến cảng, bến thủy – Cảng vụ Bình Dương

- Điện thoại : 0274.3821680

Sở cảnh sát PCCC Bình Dương

- + Điện thoại : 0274.3869379

c.3 Ví dụ một số kịch bản dầu tràn

• Kịch bản 1: Dầu tràn khi đang nhập xăng/dầu trong rạch Trầu

Bước 1: Thông báo Ban Giám Đốc Tổng kho để nhận được chỉ đạo kịp thời đồng thời thực hiện các bước ứng phó sự cố cơ bản như sau:

–Đầu tiên, phao sẽ được cano kéo triển khai quây khu vực tràn dầu. Sau đó, sử dụng phao ngăn dầu để quây khu vực dầu tràn, hạn chế ô nhiễm lan rộng và để thu gom xử lý: để ứng cứu sự cố tràn dầu tại cảng tại rạch Trầu nơi có dòng chảy trung bình sử dụng (1) phao quây dầu tự phòng để quây dầu vì loại phao này gọn nhẹ và dễ dàng triển khai một cách nhanh chóng hoặc (2) phao quây dầu tự nổi dạng tròn vì phao gọn nhẹ, dễ bảo quản và dễ triển khai hoặc (3) phao quây dầu tự nổi dạng dẹp (dạng hàng rào) vì phao có thể sử dụng nơi có dòng chảy yếu hoặc nước tĩnh, loại phao này cũng gọn nhẹ, dễ dàng bảo quản và triển khai.

–Tiếp theo, dùng máy hút vớt dầu, hút dầu (skimmer): Khi dầu được cố định bằng phao, bước tiếp theo là đưa dầu lên khỏi mặt nước. Skimmer là máy hút dầu lên khỏi mặt nước sẽ đưa dầu đến phao chứa dầu tạm thời, loại phao chứa này có 3 loại: loại di động đặt trên bờ, loại di động kéo trên mặt nước và loại phao chứa dầu, đối với trường hợp của kho xăng dầu Chánh Mỹ, cảng tại rạch Trầu nằm gần bờ nên sử dụng loại thùng chứa dầu di động đặt trên bờ để thu gom lượng dầu tràn và lượng dầu này có thể được tái sử dụng lại.

–Cuối cùng, sử dụng cano để ứng cứu sự cố để thu gom phao về vị trí lưu trữ và báo cáo lại quy trình thực hiện và tình hình sự cố cho các cơ quan chức năng.

Bước 2: Báo cáo cho cơ quan chức năng nếu sự cố trở nên nghiêm trọng và sự cố không nằm trong khu vực Tổng kho:

• Kịch bản 2: Trường hợp tàu va chạm vào cầu cảng gây tràn dầu

Hoạt động ứng phó trên rạch Trầu:

- Khi sự cố xảy ra, phao nằm tại khu vực lưu trữ ven rạch Trầu gồm 2 khu: (1) nằm phía trên cầu cảng 1 về phía đường Nguyễn Văn Cừ và (2) phía dưới cầu cảng 2 về phía sông Sài Gòn sẽ được cano kéo phao chặn 2 đầu dòng chảy để ngăn dầu tràn về 2 phía gây ô nhiễm trên diện rộng.

- Sau khi phao quây dầu lại về 1 chỗ xung quanh xà lan bị thùng, sử dụng skimmer hút dầu tràn trên sông lên thùng chứa di động trên bờ. Dầu sau đó sẽ được tái sử dụng sau khi tách nước.

- Cuối cùng, cano sẽ thu gom lại phao về khu vực lưu trữ phao ở 2 phía của các cầu cảng.

Hoạt động ứng phó ven bờ:

- Khi thực hiện quây phao cần chú ý khả năng dầu tiếp cận bờ, trước tiên cần quây phao thu hồi hoặc chuyển hướng di chuyển của dầu ra rạch.

- Di chuyển hướng của vệt dầu tràn vào phía trong rạch Trầu không cho dầu di chuyển ra ngoài khu vực sông Sài Gòn

- Phối hợp với người dân xung quanh và thông báo với công ty cấp nước ngưng lấy nước vào nhà máy cấp nước gần đó.

Các hoạt động ứng phó trên bờ:

- Khi dầu tràn lên bờ lực lượng tại địa phương (ban chỉ huy quân sự, UBND phường, xã, người dân...) và đội UPSCTD của Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ sử dụng những dụng cụ thô sơ (cuộc, hi, xẻng...) thu gom dầu trên bờ, không cho chúng loang rộng. Nên sử dụng vật liệu thấm dầu và khuyến khích sử dụng các chế phẩm sinh học.

- Dầu thu hồi, vật liệu và chất thải rắn thải dính dầu... cần được lưu giữ tạm thời và được cơ quan chức năng xử lý như xử lý chất thải nguy hại.

- Sau khi thu gom và xử lý chất thải, đất chứa dầu tiến hành khảo sát, đánh giá các khu vực địa hình xung quanh;

- Xác định các vị trí tập kết chất thải rắn thải dính dầu thu hồi tại hiện trường.

- Dọn sạch chất thải, đá, cây cỏ, cây bụi... (nếu có thể) nơi dầu có thể tràn đến;

- Che phủ bằng nilon nơi dầu có thể tràn đến (nếu có thể);

- Tái sử dụng trang bị bảo hộ, dụng cụ thu dọn.

- Nước lẫn dầu, chất thải rắn nhiễm dầu, vật liệu ứng cứu nhiễm dầu, đất nhiễm dầu được lưu trữ riêng biệt. Hầm chứa dầu được xây dựng bằng bê tông tránh dầu nhiễm vào môi trường đất, vào môi trường nước ngầm và được che chắn không cho nước mưa tràn vào;

- Chất thải rắn nhiễm dầu, vật liệu nhiễm dầu được chứa tại nơi khô ráo, được che chắn không cho nước mưa tràn vào.

c.4 Phân loại và xử lý chất thải nhiễm dầu thu hồi

- Phân loại: Khi thực hiện công tác ứng phó sự cố tại hiện trường, dầu thu gom được phân loại tại chỗ riêng biệt:

+Chất lỏng: Nước lẫn dầu;

+Chất rắn: Đất nhiễm dầu, chất thải rắn nhiễm dầu, vật liệu nhiễm dầu.

- Xử lý chất thải nhiễm dầu thu hồi: Sau khi phân loại dầu thu gom được vận chuyển đến nơi lưu trữ hoặc đến khu vực xử lý;

- Nước lẫn dầu được thực hiện công nghệ tách nước và dầu;

- Chất thải rắn nhiễm dầu, vật liệu ứng cứu nhiễm dầu, đất nhiễm dầu được xử lý đốt ở nhiệt độ cao.

- Xử lý: Dầu thu hồi, vật liệu hấp phụ dầu và các chất thải nhiễm dầu được tạm chứa tạm thời một cách an toàn để tránh gây tràn dầu tiếp theo. Trước tiên, dầu thu hồi được chứa trong các thiết bị chứa tạm, sau đó di chuyển lên bờ và được chuyển đến các điểm quy định để xử lý sau cùng;

- Các vật liệu hấp phụ dầu và các chất thải nhiễm dầu được tập trung về một địa điểm, ngăn quay không cho thấm, tràn đổ ra môi trường xung quanh và được Công ty cấp thoát nước và môi trường Bình Dương vận chuyển xử lý.

c.5 Các hoạt động đánh giá môi trường:

Sự cố tràn dầu gây ô nhiễm môi trường (đất, nước...), ngoài thiệt hại kinh tế và môi trường trực tiếp như gây đình đốn sản xuất, ô nhiễm môi trường có thể để lại hậu quả lâu dài về môi trường sinh thái và kinh tế (nông nghiệp, thủy sản, du lịch, dịch vụ...) cũng như sức khỏe cộng đồng. Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ đảm nhiệm và thực hiện xác định những thiệt hại về môi trường do sự cố tràn dầu gây ra nhằm đánh giá mức độ ảnh hưởng và thiệt hại khi có sự cố tràn dầu xảy ra như sau :

- Đánh giá tác động môi trường nước tại khu vực xảy ra sự cố.
- Đánh giá môi trường đất.
- Đánh giá môi trường sinh thái (động vật, thực vật...).
- Đưa ra các giải pháp giảm thiểu tác động và hạn chế giảm thiểu môi trường.

Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

*** Chất thải trên tàu, thuyền, sà lan**

Ngoài ra, chất thải còn phát sinh từ tàu thuyền trong quá trình vận chuyển. Chất thải từ tàu thuyền trong quá trình vận chuyển chủ yếu là nước thải sinh hoạt và chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của thuyền viên. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu như sau:

Nhằm không gây ô nhiễm cho nước mặt, nơi các phương tiện vận chuyển đi qua trên các tàu, sà lan có két nước để chứa nước thải từ hoạt động sinh hoạt của nhân viên làm việc trên tàu.

Ban quản lý Tổng kho cảng kiểm tra thường xuyên công tác thu gom, xử lý chất thải và các thiết bị bảo vệ môi trường ở tất cả các tàu, sà lan mỗi khi tàu nhập cảng. Thuyền trưởng, các thuyền viên phối hợp với Ban quản lý Tổng kho và Cơ quan quản lý Môi trường tỉnh Bình Dương để kiểm tra và tuân thủ đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường của Việt Nam.

*** Biện pháp giảm thiểu ảnh hưởng của Tổng kho xăng dầu đến hệ sinh thái**

Đối với các phương tiện vận chuyển trên sông cần hoạt động đúng quy trình kỹ thuật nhằm tránh rò rỉ dầu mỡ trên sông. Ban quản lý Tổng kho đưa ra quy định bắt buộc đối với các chủ tàu tiếp nhận về việc quản lý, kiểm soát nước thải, chất thải rắn từ các tàu, sà lan tránh phát tán bừa bãi gây ảnh hưởng đến môi trường thủy sinh trên sông. Phun nước, bụi bám trên các thảm thực vật xung quanh cầu cảng.

Đối với các phương tiện vận chuyển đường bộ cần được kiểm tra, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên và hoạt động đúng thời hạn sử dụng. Thêm vào đó, các phương tiện này cần hoạt động đúng quy trình kỹ thuật nhằm tránh rò rỉ xăng, dầu. Cần vệ sinh, phun nước khu vực đường giao thông, thảm thực vật trong Tổng kho vào những ngày mùa khô, nắng nóng.

Giám sát chặt chẽ hoạt động của bể chứa, lắp các thiết bị thông báo sự cố Tổng kho có hiện tượng rò rỉ ra môi trường bên ngoài.

Giám sát hoạt động bảo trì, bảo dưỡng tránh dầu, nhớt thấm xuống đất sử dụng bạt để thu gom lượng dầu nhớt rơi vãi không cho thấm xuống đất. Tổng kho xây dựng trạm xử lý nước thải có hồ chỉ thị sinh học nước thải nhiễm dầu sẽ được đi qua hồ này trước khi được xả vào nguồn tiếp nhận. Kiểm soát chặt chẽ thu gom nước thải nhiễm dầu về trạm xử lý nước thải trước khi xả ra nguồn.

*** Bảo quản, bảo dưỡng**

Bể chứa xăng dầu

- Sơn dầu: Các bể được sơn sửa theo định kỳ 2 năm/lần, do bể trụ đứng mà lại là bể nổi nên bể được sơn màu bạc hoặc sơn màu xanh, trước khi sơn màu bạc, bể được sơn 2 lớp sơn đậm trống gỉ, công dụng nhằm kéo dài hạn sử dụng của bể và bảo quản hàng tốt;
- Sau khi sơn, tất cả các bể đều được sơn logo và ký hiệu theo đúng quy định;

- Dây tiếp địa: mỗi định kỳ 6 tháng kiểm tra 1 lần, kiểm tra các mối nối, thử lại điện trở nối đất không được quá 10 Ω ;

- Kiểm tra rò rỉ: thường xuyên kiểm tra hàng ngày bể trong quá trình đo mà cảm thấy hao hụt nhiều phải kiểm tra toàn bộ bể;

- Nền bể: thường xuyên kiểm tra nền hàng ngày bể nếu phát hiện nứt nền phải tiến hành trám để tránh nước mưa ngấm vào làm trôi cát gây sụt lún bể. Nếu phát hiện bể lún phải gia cố chống lún;

- Van hô hấp: thường xuyên kiểm tra hàng ngày hệ thống van hô hấp, thường xuyên kiểm tra lưới bọc, tránh ỏ chim, tổ tò vò bịt lại, định kỳ 6 tháng phải tháo van hô hấp ra lau chùi thử lại độ hút và thổi, thử bằng cách lấy tay ấn vào xem van có bị kẹt không, có thổi và hút bình thường không, nếu thấy bất thường phải sửa lại;

- Ống tưới nước làm mát: kiểm tra hàng tuần miệng ống không để bị tắc hay bịt lại, ống phải lưu thông khi mở van;

- Van bể: tất cả các van sau khi xuất nhập phải được đóng và khóa lại, kiểm tra thường xuyên, các van đều được tháo ra khi rửa bể mang đi bảo trì, thử áp suất, các van không liên quan được bịt mặt bích và tất cả các van đều được kiểm tra thường xuyên hàng ngày để khi rò rỉ có biện pháp xử lý kịp thời;

- Rửa bể tiến hành 5 năm/lần hoặc rửa đột xuất trong trường hợp bể hư khi kiểm tra xăng dầu trong bể chứa trong bể mau biến chất, thay loại xăng dầu khác.

*** Ống xuất nhập xăng dầu**

- Đường ống xuất nhập xăng dầu được sơn lót chống gỉ và sơn bạc cùng với bể chứa định kỳ 2 năm/lần;

- Van chặn được thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng bôi mỡ định kỳ 2 tháng/lần;

- Thường xuyên sơn màu lại các van phân biệt các loại hàng (1 tháng/lần);

- Thường xuyên kiểm tra và rửa lược nếu lưới lược bị rách phải thay mới ngay (1 ngày/lần).

*** Bơm xuất nhập xăng dầu**

- Bơm mỡ định kỳ vào các ổ bạc, trục, ổ bi (1 tuần/lần);

- Kiểm tra dây tiếp địa còn nguyên không (không bị sút và long ốc);

- Bầu lược phải được súc rửa thường xuyên hàng ngày, lưới rách phải thay lại ngay;

- Thường xuyên kiểm tra các mối nối, đai ốc, bu lông, nếu bị bong sút thì phải vặn lại;

- Định kỳ cứ 10.000 h, bảo dưỡng bơm 1 lần (ghi lại nhật ký bơm);

- Kiểm tra hệ thống đệm nối với máy, kiểm tra hệ thống điện, cầu giao điện, tránh để chạm dây, cháy máy;

- Sơn máy theo định kỳ 2 năm/lần;

- Sau khi bơm phải lau chùi sạch sẽ, vệ sinh nhà bơm.

CHƯƠNG IV: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải và lưu lượng xả thải lớn nhất

a. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ khu nhà vệ sinh, lavabo khu văn phòng và tắm giặt, lưu lượng khoảng 3,375 m³/ngày.
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ bể tự hoại, lưu lượng khoảng 0,225 m³/ngày.
- Nguồn số 03: Nước mưa nhiễm dầu trong 10 phút đầu, lưu lượng khoảng 24 m³.
- Nguồn số 04: Nước làm mát nhiễm dầu, lưu lượng khoảng 18 m³;
- Nguồn số 05: Nước thải từ súc rửa bể định kỳ, lưu lượng khoảng: 4,3 m³;

b. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 50 m³/ngày.đêm (24 giờ).

4.1.2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận

Dòng nước thải tương ứng với nguồn số 01, 02, 03, 04 được thu gom tập trung đưa về trạm XLNT công suất 50 m³/ngày để xử lý chung, nước thải sau khi xử lý của trạm sẽ được xả thải vào rạch Trầu tại 1 vị trí bằng tuyến ống uPVC D90mm, dài 150 m. Riêng dòng nước thải 05 được hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom và xử lý theo chất thải nguy hại.

4.1.3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải kho và cửa hành xăng dầu QCVN 29:2010/BTNMT (cột A), cụ thể:

Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

TT	Chất ô nhiễm đề nghị cấp phép	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /ngày	50	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	pH		6-9		
3	TSS		50		
4	COD		50		
5	Tổng dầu mỡ khoáng		5		

4.1.4. Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận

a. Vị trí xả nước thải: 01 điểm tuyến ống uPVC D900mm → rạch Trầu.

Tọa độ: X = 1.239.690; Y = 570.158 (Hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến 105°45', múi chiếu 3°).

b. Nguồn nước tiếp nhận nước thải: rạch Trầu.

c. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn QCVN 29:2010/BTNMT, cột A sẽ qua bể chỉ thị sinh học, sau đó dẫn chuyển bằng tuyến ống uPVC D90mm, chiều dài 150m (tọa độ: X = 1.239.690; Y = 570.158) → Sau đó để thoát ra rạch Trầu.

- Hình thức xả thải: tự chảy.

- Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải

Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng.

4.2.2. Lưu lượng xả khí thải tối đa, phương thức xả thải, chất lượng khí thải

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 950 m³/giờ.

- Phương thức xả khí thải: Liên tục khi vận hành máy phát điện.

4.2.3. Dòng khí thải

Dòng khí thải: Ống thoát khí thải của máy phát điện dự phòng.

4.2.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K_p = 0,8, K_v = 1,0) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi xả ra môi trường, cụ thể như sau::

Bảng 4. 2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (theo QCVN 19:2009/BTNMT, cột B K _p = 1,0 và K _v = 0,8)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	Không quan trắc	Không thuộc đối tượng quan trắc
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	160		
3	CO	mg/Nm ³	800		
4	NO _x	mg/Nm ³	680		
5	SO ₂	mg/Nm ³	400		
6	Các thông số còn lại tại Bảng 1 - QCVN 19: 2009/BTNMT phải xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, K _v = 0,8, K _p = 1,0				

4.2.5. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

Tọa độ vị trí xả khí thải máy phát điện dự phòng: X = 1.239.213; Y = 570.160 (Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°).

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại

4.3.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn thông thường

a. Nguồn phát sinh chất thải rắn thông thường

- Nguồn số 01 (chất thải rắn sinh hoạt): Phát sinh từ hoạt động của công nhân viên của nhà máy. Thành phần chủ yếu là thực phẩm thừa, chai lọ nhựa, thủy tinh, túi nylon,...

- Nguồn số 02 (chất thải rắn công nghiệp thông thường):

+ Giấy, bao bì giấy carton, bao bì nhựa;

+ Phế liệu sắt thép các loại.

b. Khối lượng phát sinh chất thải rắn thông thường

- Nguồn số 01: phát sinh chất thải sinh hoạt tối đa khoảng 6,8 tấn/năm, nhà máy hoạt động 320 ngày).

- Nguồn số 02: phát sinh chất thải rắn công nghiệp thông thường với khối lượng như sau:

Bảng 4.3. Thành phần và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng chất thải (tấn/năm)
1	Phế liệu sắt thép các loại	11 04 03	2,2
2	Giấy, bao bì giấy carton, bao bì nhựa	18 01 05	0,5
Tổng cộng			2,7

c. Biện pháp thu gom, xử lý

- Chất thải rắn sinh hoạt

+ Công ty trang bị các thùng chứa chuyên dụng bằng nhựa HDPE dung tích 120 lít có nắp đậy kín tại các khu vực thường xuyên phát sinh.

+ Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Hiện nay, Công ty ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV Công trình đô thị Bình Dương, thu gom vận chuyển xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

+ Thiết bị lưu trữ: 06 thùng sắt với 120 lít/thùng.

Công ty bố trí khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường với tổng diện tích 15 m² có tường xây gạch và mái che, nền bê tông cốt thép.

Hiện nay, toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường chứa chủ yếu thành phần có khả năng tái chế nên bàn giao đơn vị có chức năng tái chế thu gom vận chuyển định kỳ khi đủ khối lượng.

Quản lý chất thải rắn theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.3.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải nguy hại

a. Nguồn phát sinh

Nguồn phát sinh: Các loại chất thải nguy hại tại Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ phát sinh trong công tác bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị (giẻ lau dính dầu nhớt thải, bóng đèn huỳnh quang, nhớt đã qua sử dụng, pin, ắc quy thải, thiết bị có bộ phận linh kiện điện tử thải, cặn xăng dầu thải) và đã được Chi cục bảo vệ môi trường cấp sổ chủ nguồn thải mã số 74.000.234.T.

b. Khối lượng phát sinh

Chất thải nguy hại phát sinh với khối lượng như sau:

Bảng 4.4. Thành phần và khối lượng chất thải nguy hại của nhà máy

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (Kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	NH	2
2	Nhớt đã qua sử dụng	Rắn	170204	NH	14
3	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	19 06 03	NH	4
4	Hộp chứa mực in thải	Rắn	08 02 04	KS	1
5	Giẻ lau nhiễm xăng dầu	Rắn	18 02 01	KS	68
6	Cặn dầu thải	Rắn	18 02 03	KS	42
Tổng cộng		-	-	-	131

c. Biện pháp thu gom, xử lý

Công ty bố trí khu vực lưu chứa chất thải nguy hại với tổng diện tích 13m², có mái tole che nắng che mưa, nền xi măng chống thấm, vách bằng tole, có rãnh và hố thu chất thải lỏng chảy tràn, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

Toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh được Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Hiện nay, Công ty ký Hợp đồng với Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương để thu gom và xử lý các chất thải nguy hại.

Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4.4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

4.4.1. Nguồn phát sinh và vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

a. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Phát sinh từ hoạt động của cụm máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 02: Phát sinh từ hoạt động của máy phát điện

b. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tọa độ $X=1211178$; $Y=398420$ (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).
- Nguồn số 02: Tọa độ $X=1211120$; $Y=398457$ (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°).

4.4.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, như sau:

Bảng 4.5. Tiếng ồn phát sinh đảm bảo theo yêu cầu bảo vệ môi trường

Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
70	55	Khu vực thông thường

Bảng 4.6. Độ rung phát sinh đảm bảo theo yêu cầu bảo vệ môi trường

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Ghi chú
Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
70	60	Khu vực thông thường

CHƯƠNG V: KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

Theo báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024, vị trí lấy mẫu, điều kiện lấy mẫu, các thông số đo đạc và phân tích được trình bày như sau:

- Vị trí lấy mẫu: Sau hệ thống XLNT.
- Các thông số đo đạc và phân tích: pH, TSS, COD, BOD₅, Tổng N, Tổng P, Amoni, Coliform.
- Điều kiện lấy mẫu: thời tiết khô ráo, không mưa.
- Kết quả đo đạc phân tích chất lượng nước thải sau xử lý của trạm XLNT tập trung công suất 50 m³/ngày.đêm được trình bày trong bảng sau:

Bảng 5.1. Kết quả phân tích chất lượng nước thải sau xử lý năm 2024

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		QCVN 29: 2010/BTNMT (Cột A)
			Tháng 06/2024	Tháng 11/2024	
1	pH	-	6,84	6,96	6 - 9
2	TSS	mg/L	32	21	50
3	COD	mg/L	16	15	50
4	BOD ₅	mg/L	6	4	-
5	Tổng N	mg/L	1,39	2	-
6	Tổng P	mg/L	KPH	KPH	-
7	As	mg/L	KPH	KPH	-
8	Hg	mg/L	KPH	KPH	-
9	Pb	mg/L	KPH	KPH	-
10	Cd	mg/L	KPH	KPH	-
11	Tổng dầu, mỡ khoáng	mg/L	KPH	KPH	5
12	Coliform	MPN/100mL	78	110	-

Nguồn: Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP, 2024

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện.

- QCVN 29:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải đối với kho chứa và cửa hàng xăng dầu.

Nhận xét: Từ kết quả phân tích nước thải sau xử lý năm 2024 cho thấy hầu hết các thông số đạt QCVN 29:2010/BTNMT, cột A.

5.2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với bụi, khí thải

5.2.1. Chất lượng không khí, tiếng ồn khu vực bồn chứa

Theo báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024, vị trí lấy mẫu, điều kiện lấy mẫu, các thông số đo đạc và phân tích được trình bày như sau:

- Các thông số đo đạc và phân tích: Bụi, bụi chì, THC, tiếng ồn.

- Điều kiện lấy mẫu: thời tiết khô ráo, không mưa.

- Vị trí lấy mẫu:

+ K6: Trong khu vực bể chứa xăng dầu T1 đến T3;

+ K7: Trong khu vực bể chứa xăng dầu T8 đến T15;

+ K8: Trong khu vực bể chứa xăng dầu T4 đến T7.

- Kết quả đo đạc phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh của công ty được trình bày trong bảng sau:

Kết quả đo đạc phân tích chất lượng không khí tại bồn chứa xăng dầu Tổng kho được trình bày trong bảng sau:

Bảng 5. 2. Kết quả đo đạc phân tích chất lượng không khí tại bồn chứa xăng dầu năm 2024

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả tháng 06/2024			Kết quả tháng 11/2024			QCVN
			KK6	KK7	KK8	KK6	KK7	KK8	
1	Bụi	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	81,5	79,2	71,4	72	84	60	300 (*)
2	Bụi chì	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	1,5 (*)
3	THC	$\mu\text{g}/\text{Nm}^3$	155,4	148,6	232,3	229	132	165	5.000 (*)
4	Tiếng ồn	dBA	47,2	48,1	49,3	48,3	49,6	48,8	70 (**)

Nguồn: Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ – CTCP, 2024.

Ghi chú:

- (*): QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;

- (**): QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Nhận xét: Từ kết quả phân tích đo đạc chất lượng không khí khu vực bồn chứa xăng dầu Tổng kho năm 2023 và năm 2024 cho thấy, các thông số đều đạt QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

5.2.2. Chất lượng không khí xung quanh và tiếng ồn

Theo báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2024, vị trí lấy mẫu, điều kiện lấy mẫu, các thông số đo đạc và phân tích được trình bày như sau:

- Các thông số đo đạc và phân tích: Bụi, SO₂, NO₂, CO, tiếng ồn, nhiệt độ, độ ẩm, toluen, butyl acetat.

- Điều kiện lấy mẫu: thời tiết khô ráo, không mưa.

- Vị trí lấy mẫu:

+ KK1: Khu vực cổng ra vào.

+ KK2: Khu vực gần hộ dân cách Tổng kho 150m.

+ KK2: Khu vực gần hộ dân cách Tổng kho 250m.

- Kết quả đo đạc phân tích chất lượng môi trường không khí xung quanh của công ty được trình bày trong bảng sau:

Bảng 5.3. Kết quả đo đạc chất lượng không khí xung quanh và tiếng ồn năm 2024

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả tháng 06/2024			Kết quả tháng 11/2024			QCVN
			KK1	KK2	KK3	KK1	KK2	KK3	
1	Bụi	µg/Nm ³	119	123	113	150	179	81,5	300 (*)
2	Bụi chì	µg/Nm ³	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH	1,5 (*)
3	THC	µg/Nm ³	63	KPH	KPH	KPH	KPH	155,4	5.000 (*)
4	Tiếng ồn	dBA	61,4	62,4	58,8	64,5	67,2	47,2	70 (**)

Nguồn: Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ – CTCP, 2024.

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện.

- (*): QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;

- (**): QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Nhận xét: Từ kết quả phân tích cho thấy, chất lượng môi trường không khí xung quanh Công ty năm 2024 đảm bảo tốt, các thông số đo đạc đều đạt QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

CHƯƠNG VI: CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ đã đi vào hoạt động từ năm 1998 đến nay và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương cấp phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết tại văn bản số 60/QĐ-STNMT ngày 19/01/2017.

Theo Khoản 5, Điều 21, Thông tư 02/2022/BTNMT quy định quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải. Trung tâm thương mại chỉ có công trình xử lý nước thải nên kế hoạch vận hành thử nghiệm cụ thể như sau:

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm: sau 15 ngày kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực và vận hành thử nghiệm trong 03 tháng.

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Việc lấy mẫu nước thải để đo đạc, phân tích, đánh giá sự phù hợp của công trình xử lý nước thải và khí thải bảo đảm phù hợp với TCVN 5999:1995 (ISO 5667-10:1992).

- Loại mẫu: mẫu đơn.

- Thời gian đánh giá: 03 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh (giai đoạn điều chỉnh do Công ty tự xem xét trong quá trình vận hành thử nghiệm của công trình xử lý nước thải).

- Tần suất quan trắc: 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và 03 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 03 ngày liên tiếp của công trình xử lý nước thải) trong ít nhất 03 ngày liên tiếp.

- Thông số quan trắc: Lưu lượng, pH, COD, BOD₅ (20°C), TSS, Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (tính theo N), Dầu mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Tổng dầu mỡ khoáng, Phosphat (PO₄³⁻) (tính theo P), Tổng Coliform;

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 29:2010/BTNMT, cột A.

Công ty sẽ phối hợp với Trung tâm Quan trắc- Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương là đơn vị có chức năng quan trắc, phân tích mẫu và được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (Vimcert 068) theo Quyết định số 629/QĐ-BTNMT ngày 25/3/2015.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải và khí thải (Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

6.2.2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Bảng 6.1. Chương trình quan môi trường trắc định kỳ đối với nước thải

TT	Công trình	Vị trí giám sát	Số lượng (mẫu)	Thông số	Quy chuẩn so sánh	Tần suất
1	Trạm XLNT tập trung	Hố ga nước thải sau xử lý	01	pH, TSS, TDS, Sunfua, BOD ₅ , Amoni, Nitrat, tổng dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat và tổng Coliform	QCVN 29:2010/ BTNMT, cột A	03 tháng/lần
2	Không khí khu vực bể chứa xăng dầu	- Trong khu vực bể chứa xăng dầu T1 đến T3; - Trong khu vực bể chứa xăng dầu T8 đến T15; - Trong khu vực bể chứa xăng dầu T4 đến T7.	03	Pb, THC, tiếng ồn	QCVN 05:2023/BTNMT	03 tháng/lần

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Công ty thực hiện chương trình quan trắc môi trường định kỳ 03 tháng/lần với tổng kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm khoảng 270.000.000 đồng. Chi tiết như sau:

Bảng 6. 2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm của Công ty

Stt	Chương trình quan trắc	Số lượng (mẫu)	Số lần quan trắc	Chi phí (đồng)
1	Giám sát nước thải	01	4	12.000.000
2	Giám sát không khí khu vực các bể chứa xăng dầu	01	4	3.200.000
	Tổng cộng	-	-	15.200.000

CHƯƠNG VII: KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Hiện tại, Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ chưa có đợt kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của cơ quan chức năng. Do đó, Chủ đầu tư không trình bày nội dung này.

CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

- Tổng công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

- Tổng công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP cam kết thực hiện các biện pháp xử lý ô nhiễm và phòng chống sự cố môi trường như đã nêu trong báo cáo Đề nghị cấp giấy phép môi trường để có thể hạn chế tối đa các tác động tiêu cực đến môi trường.

- Tổng công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP cam kết tuân thủ các biện pháp vệ sinh an toàn lao động, các biện pháp phòng chống sự cố môi trường như cháy nổ, chống sét, rò rỉ hóa chất, tràn dầu trên sông,...

- Tổng công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP cam kết công khai, thông báo kế hoạch ứng phó sự cố cháy nổ, tràn dầu, sự cố chất thải đến cơ quan chức năng (Sở Tài nguyên và Môi trường; UBND Thủ Dầu Một) về nguy cơ sự cố môi trường, các biện pháp ứng phó sự cố để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh.

- Tổng công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP cam kết thực hiện các biện pháp khống chế và giảm thiểu ngay tại nguồn các tác động xấu, hoàn thành đầy đủ các hạng mục công trình bảo vệ môi trường theo hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường, cụ thể như sau:

❖ Đối với nước mưa và nước thải

- Hệ thống công thu gom nước mưa và nước thải được tách riêng. Nước mưa chảy tràn sẽ được thu gom, tách rác và thoát vào rạch Trầu và sông Sài Gòn;

- Xây dựng đê bao quanh tại khu vực 02 bồn chứa cặn xăng dầu và khu vực chiết xuất dầu để thu gom khi có sự cố tràn đổ;

- Xây dựng hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn (có khả năng nhiễm dầu) trong 10 phút đầu trên khuôn viên các đường nội bộ của Tổng kho và nước nhiễm dầu tại các khu vực xuất dầu lên xe bồn về hệ thống xử lý nước thải khi có sự cố tràn đổ;

- Thu gom toàn bộ nước thải nhiễm dầu, nước thải sinh hoạt và nước mưa chảy tràn trên khuôn viên các đường nội bộ của Tổng kho trong 10 phút đầu về Trạm xử lý nước thải tập trung, đảm bảo xử lý đạt QCVN 29:2010/BTNMT, cột A trước khi thải ra rạch Trầu.

❖ Đối với khí thải và tiếng ồn

- Khí thải phải được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT) trước khi thải ra môi trường;

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT).

❖ Đối với chất thải rắn

- Chủ dự án cam kết thu gom và quản lý chất thải rắn thông thường, rác thải sinh hoạt, hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện thu gom và quản lý chất thải nguy hại, hợp đồng với đơn vị có chức năng theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

❖ Phòng chống sự cố môi trường

- Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

- Tổ chức diễn tập phòng ngừa ứng cứu sự cố tràn dầu định kỳ hàng năm và có thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền theo Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố tràn dầu được phê duyệt để tham gia kiểm tra, giám sát.

❖ Chương trình quan trắc môi trường

Tổ chức giám sát chất lượng môi trường khu vực sản xuất cũng như các nguồn thải của Cơ sở như trình bày ở chương VI và có những biện pháp kịp thời đối với các kết quả giám sát.

❖ Quản lý môi trường

- Cam kết duy trì diện tích cây xanh tối thiểu, đáp ứng theo quy định của QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- Chủ đầu tư sẽ phối hợp với các cơ quan chức năng trong quá trình vận hành các hệ thống không chế ô nhiễm môi trường nhằm đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường theo quy định và phòng chống sự cố môi trường khi xảy ra.

- Cam kết thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

- Chủ Cơ sở cam kết chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các công ước quốc tế, các quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam khi xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 01
CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ LIÊN QUAN

**UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2692/SGTVT-QLGT

Bình Dương, ngày 01 tháng 8 năm 2023

V/v tiếp tục gia hạn thời gian
hoạt động bến thủy nội địa Tổng
kho xăng dầu Chánh Mỹ tại
phường Chánh Mỹ, thành phố
Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Kính gửi: Tổng Công ty Thương mại - Xuất nhập khẩu Thanh Lễ -CTCP.

Căn cứ Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28/01/2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

Căn cứ Quyết định số 1733/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết hệ thống cảng, bến thủy nội địa trên địa bàn tỉnh Bình Dương đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Xét Đơn đề nghị công bố gia hạn lại hoạt động bến thủy nội địa Tổng Kho xăng dầu Chánh Mỹ của Tổng Công ty Thương mại - Xuất nhập khẩu Thanh Lễ -CTCP ký ngày 18/7/2023. Qua xem xét, Sở Giao thông vận tải có ý kiến như sau:

Tổng Công ty Thương mại - Xuất nhập khẩu Thanh Lễ -CTCP được Sở Giao thông vận tải Bình Dương công bố lại hoạt động bến thủy nội địa Tổng Kho xăng dầu Chánh Mỹ tại Quyết định số 363/QĐ-SGTVT ngày 30/7/2021 thời hạn đến 20/7/2023. Ngày 21/7/2023, Sở Giao thông vận tải đã phối hợp với địa phương, đơn vị có liên quan (Văn phòng Ban ATGT Tỉnh, UBND thành phố Thủ Dầu Một, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thanh tra Sở GTVT, Cảng vụ ĐTNĐ khu vực III, Cảng vụ ĐTNĐ Bình Dương, Tổng Công ty Thương mại - Xuất nhập khẩu Thanh Lễ -CTCP) kiểm tra bến thủy nội địa Tổng Kho xăng dầu Chánh Mỹ. Trên cơ sở ý kiến của các thành phần tham dự khảo sát và hồ sơ pháp lý kèm theo, Sở Giao thông vận tải thống nhất với đề xuất Tổng Công ty Thương mại - Xuất nhập khẩu Thanh Lễ -CTCP được tiếp tục gia hạn thời gian hoạt động bến thủy nội địa Tổng Kho xăng dầu Chánh Mỹ thêm 24 tháng (kể từ ngày ban hành văn bản này), với nội dung như sau:

1. Về thông số kỹ thuật bến thủy nội địa Tổng Kho xăng dầu Chánh Mỹ của Tổng Công ty Thương mại - Xuất nhập khẩu Thanh Lễ -CTCP thực hiện theo Quyết định số 363/QĐ-SGTVT ngày 30/7/2021 của Sở Giao thông vận tải Bình Dương.

2. Tổng Công ty Thương mại - Xuất nhập khẩu Thanh Lễ -CTCP có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung được quy định tại Điều 66, Điều 67 của Nghị định số 08/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động đường thủy nội địa;

- Bảo đảm vệ sinh môi trường, an toàn phòng chống cháy nổ và an toàn giao thông đường thủy nội địa, bổ sung 01 camera quan sát tại khu vực tiếp giáp sông Sài Gòn;
 - Tuyệt đối không được phép chở hàng hóa vượt quá tải trọng quy định;
 - Liên hệ UBND thành phố Thủ Dầu Một để cập nhật phần đất phục vụ bến thủy nội địa vào quy hoạch sử dụng đất của địa phương phù hợp với chức năng là đất giao thông;
 - Lập hồ sơ trình UBND thành phố Thủ Dầu Một cấp phép thi công đấu nối giao thông từ Tổng Kho xăng dầu Chánh Mỹ vào đường Nguyễn Văn Cừ theo quy định;
 - Hoàn thiện hồ sơ thiết kế kỹ thuật, bản vẽ hoàn công đối với phần cầu bến trên nhánh sông Rạch Trâu;
 - Trong thời gian hoạt động của bến thủy nội địa (24 tháng), nếu nhà nước có chủ trương thu hồi phần đất của bến, Công ty phải ngưng hoạt động và bàn giao theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- Sở Giao thông vận tải đề nghị Tổng Công ty Thương mại - Xuất nhập khẩu Thanh Lễ -CTCP và các đơn vị có liên quan thực hiện theo những nội dung trên. /s/

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cảng vụ ĐTNĐ Bình Dương;
- Cảng vụ ĐTNĐ Khu vực III;
- UBND thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND phường Chánh Mỹ;
- Ban GD Sở;
- Lưu: VT, QLGT, H.



Nguyễn Thanh Thuận

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thủ Dầu Một, ngày 4 tháng 6 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án và chuyển đổi Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ thành Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005;

Căn cứ Nghị định số 111/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ về việc tổ chức, quản lý Tổng công ty nhà nước và chuyển đổi Tổng công ty nhà nước, Công ty nhà nước độc lập, Công ty mẹ là Công ty nhà nước theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con hoạt động theo Luật doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19/3/2010 của Chính phủ về việc chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ công văn 151/TTg-ĐMDN ngày 19/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương;

Xét đề nghị của Ban chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp của tỉnh tại Tờ trình số 55/TT-BĐM ngày 27/5/2010,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án và chuyển đổi Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ thành Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con với các nội dung chính sau đây:

1. Tên công ty mẹ:

- Tên đầy đủ tiếng Việt : TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN;

- Tên tiếng Anh : THANHLE GENERAL IMPORT EXPORT TRADING CORPORATION;

- Tên viết tắt : THALEXIM.

- Trụ sở chính: số 53 Yersin, phường Hiệp Thành, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;

- Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh: số 102 Nguyễn Du, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên:

- a) Có tư cách pháp nhân kể từ ngày đăng ký kinh doanh;
- b) Thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập;
- c) Có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng theo quy định của pháp luật;
- d) Được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Luật Doanh nghiệp, được đăng ký kinh doanh theo luật định.

3. Vốn điều lệ hiện có đến 31/12/2009: 601 tỷ đồng.

Số tiền bằng chữ: (Sáu trăm lẻ một tỷ đồng).

4. Phương án lao động:

- Tổng số lao động có đến thời điểm chuyển đổi là 822 người;
- Tổng số lao động chuyển sang Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên là 822 người.

5. Ngành nghề kinh doanh của công ty mẹ:

5.1. Trực tiếp kinh doanh:

a) Trực tiếp nhập khẩu:

- Tư liệu sản xuất: Vật tư, nguyên liệu, xăng dầu, phân bón, thuốc trừ sâu, hóa chất cơ bản, sản phẩm hóa chất, vật liệu xây dựng, thiết bị phụ tùng...;
- Tư liệu tiêu dùng: sản phẩm điện, điện tử, thiết bị cơ khí dân dụng, ô tô, thiết bị phụ tùng, động cơ nông, lâm thủy, phương tiện vận tải, thiết bị y tế và hàng tiêu dùng khác;

b) Trực tiếp xuất khẩu:

- Hàng thủ công mỹ nghệ: Sơn mài gỗ chạm, gốm sứ, thủy tinh, thảm len, sản phẩm da, giả da, cao su, hàng thủ công mỹ nghệ khác;
- Nông hải sản chế biến: Hạt điều, cà phê, tiêu, đậu, cao su, bắp ... và hải sản các loại;

+ Lâm sản chế biến: Hàng gỗ gia dụng, dược liệu;

+ Hàng may mặc, dệt nhuộm;

+ Lương thực, thực phẩm.

c) Kinh doanh trong nước:

- Tư vấn thiết kế, giám sát, thi công, kiến trúc, xây dựng các công trình dân dụng, công cộng, công nghiệp, giao thông, công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư và khu đô thị, dịch vụ nhà ở công nhân – kinh doanh bất động sản;

- Sản xuất chế biến hàng nông lâm, hải sản;
- Kinh doanh hàng nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư nông nghiệp và vật liệu xây dựng;
- Gia công chế biến xăng dầu;
- Sản xuất, gia công và kinh doanh các sản phẩm may mặc, giày dép các loại;
- Kinh doanh sản xuất và in ấn bao bì;
- Kinh doanh thiết bị vật tư ngành in.

5.2. Đầu tư tài chính:

- Nhận vốn Nhà nước đầu tư, có trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách theo luật định;
- Đầu tư và góp vốn vào các Công ty con và Công ty liên kết;
- Đầu tư dưới hình thức mua cổ phiếu, trái phiếu, chứng khoán có giá trị khác, tham gia thị trường chứng khoán;
- Đầu tư ngắn hạn dưới các hình thức cho vay vốn (hoặc hỗ trợ vốn kinh doanh có tính đến yếu tố bảo toàn vốn) đối với các Công ty con, Công ty liên kết;
- Góp vốn liên doanh trong và ngoài nước theo quy định pháp luật;
- Cử người trực tiếp quản lý phần vốn góp của Công ty mẹ tại các Công ty con và Công ty liên kết;
- Kiểm tra, kiểm soát phần vốn đầu tư của Công ty mẹ tại các Công ty con và các Công ty liên kết theo quy định của pháp luật và của Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty mẹ, Công ty con và Công ty liên kết.

6. Công ty mẹ có cơ cấu tổ chức, quản lý điều hành gồm:

- Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc;
- Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên do chủ sở hữu bổ nhiệm;
- Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty;
- Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty (công ty mẹ).

7. Quyền và nghĩa vụ của công ty mẹ: tổ chức quản lý công ty mẹ; mối quan hệ giữa công ty mẹ với các công ty con, công ty liên kết; quan hệ giữa công ty mẹ với chủ sở hữu (Ủy ban nhân dân tỉnh) và các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền được quy định trong Điều lệ Tổ chức và hoạt động của công ty mẹ.

8. Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên có trách nhiệm kế thừa tất cả các quyền và nghĩa vụ pháp lý của Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ hiện nay, kể từ ngày được cấp giấy phép đăng ký kinh doanh.

Điều 2. Công ty mẹ - Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ (sau đây gọi tắt là công ty mẹ) là công ty do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, có tư cách pháp nhân, có con dấu, biểu tượng, điều lệ tổ chức và hoạt động, có chi nhánh văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật, được mở tài khoản tại các ngân hàng và kho bạc trong và ngoài nước.

Điều 3. Công ty con và các đơn vị trực thuộc, các đơn vị sự nghiệp của công ty mẹ:

1. Công ty con: là các doanh nghiệp mà công ty mẹ giữ 100% vốn điều lệ hoặc giữ cổ phần chi phối, vốn góp chi phối trên 50% vốn điều lệ.

2. Đơn vị trực thuộc: là các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng công ty.

(Danh sách các công ty con, đơn vị trực thuộc, đơn vị sự nghiệp của công ty mẹ tại thời điểm chuyển đổi Tổng công ty có phụ lục kèm theo).

Điều 4. Hội đồng thành viên Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ có trách nhiệm xây dựng Điều lệ tổ chức hoạt động, quy chế tài chính của Tổng công ty (công ty mẹ) trình chủ sở hữu Tổng Công ty phê duyệt.

Điều 5. Chủ sở hữu của công ty mẹ:

Tên Chủ sở hữu: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Trụ sở chính: Số 01 Quang Trung, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban chỉ đạo đổi mới và phát triển doanh nghiệp của tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Sở Kế hoạch Đầu tư, Sở Tài chính, và các Sở, Ngành có liên quan của tỉnh, Tổng Giám đốc Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ./.

Nơi nhận: h

- VPCP, BTC, Bộ KHĐT;
- TTTU, TTHĐND;
- CT, PCT;
- Sở TC, KHĐT, NV, LĐTBXH, LĐLĐ, CCTCDN, Cty Thanh Lễ;
- LĐ VP, Lg, TH;
- Lưu VT. 11

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH TƯỜNG THỰC



Lê Thanh Cung



Phụ lục

Danh sách các Công ty con, Chi nhánh, đơn vị trực thuộc, đơn vị sự nghiệp của Tổng công ty Thương mại Xuất Nhập khẩu Thanh Lễ -Trách nhiệm hữu hạn một thành viên tại thời điểm phê duyệt Đề án.

(Kèm theo Quyết định số 1611 /QĐ -UBND ngày 4 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

I. Công ty con:

1. Công ty TNHH Xăng dầu Bình Dương

Địa chỉ: 63 Yersin, phường Hiệp Thành, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;

2. Công ty TNHH Vận tải Thủy Bộ Bình Dương

Địa chỉ: 63 Yersin, phường Hiệp Thành, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;

3. Công ty Cổ phần Bao bì Thanh Lễ

Địa chỉ: 36/8, đường ĐT 743, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương;

4. Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh Thanh Lễ

Địa chỉ: 36/8, đường ĐT 743, phường Phú Lợi, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

II. Chi nhánh:

Chi nhánh Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 102 Nguyễn Du, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

III. Các đơn vị trực thuộc, các đơn vị sự nghiệp:

1. Tổng kho Xăng dầu Chánh Mỹ

Địa chỉ: 63/18, đường Huỳnh Văn Cù, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

2. Công viên Văn hóa Thanh Lễ

Địa chỉ: 567, Đại lộ Bình Dương, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Trung tâm Thương mại Thanh Lễ

Địa chỉ: 153, Cách mạng tháng 8, phường Hiệp Thành, thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

4. Ban quản lý Khu Công nghiệp Sóng Thần I – Bình Đường và Nhà máy xử lý nước thải

Địa chỉ: Đường số 1, Khu công nghiệp Sóng Thần I, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Hệ thống các cửa hàng bán lẻ xăng dầu: bao gồm 13 Cửa hàng

- 04 cửa hàng tại thị xã Thủ Dầu Một: Cửa hàng số 01,03,05,06.
 - 01 cửa hàng tại huyện Thuận An : Cửa hàng số 02.
 - 01 cửa hàng tại huyện Dĩ An: Cửa hàng số 07.
 - 05 cửa hàng tại huyện Tân Uyên : Cửa hàng số 04,09,10,11,13.
 - 02 cửa hàng tại huyện Bến Cát: Cửa hàng số 08,12.
-



Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 1997

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG

BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Về việc: phê chuẩn báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Tổng kho xăng dầu Rạch Trầu dung tích 31.200 m³

BỘ TRƯỞNG

BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường được Quốc Hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 27 tháng 12 năm 1993;
- Căn cứ Nghị định số 175/CP ngày 18 tháng 10 năm 1994 của Chính Phủ về hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22 tháng 5 năm 1993 của Chính Phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường;
- Xét Đơn xin thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty thương mại xuất nhập khẩu Thanh Lễ ngày 4 tháng 9 năm 1996;
- Xét biên bản họp Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Tổng kho xăng dầu Rạch Trầu ngày 3/ 12/ 1996;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê chuẩn nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Tổng kho xăng dầu Rạch Trầu đã được Hội đồng thẩm định thông qua ngày 03/ 12/ 1996 và những nội dung đã được bổ sung, chỉnh sửa theo yêu cầu.

Điều 2. Công ty thương mại xuất nhập khẩu Thanh Lễ có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu đối với Chủ Dự án kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê chuẩn cùng với những yêu cầu đối với Chủ Dự án là cơ sở để các Cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường kiểm tra việc thực hiện bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Sau khi hoàn thành các hạng mục công trình về môi trường, Chủ Dự án phải có báo cáo bằng văn bản gửi Cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường để kiểm tra.

Điều 5. Ủy nhiệm Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bình Dương theo dõi, giám sát việc thực hiện của Dự án.

Nơi nhận:

- Công ty thương mại XNK Thanh Lễ
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư
- UBND tỉnh Bình Dương
- UBND TP. Hồ Chí Minh
- Sở KHCN & MT tỉnh Bình Dương
- Sở KHCN & MT TP. Hồ Chí Minh
- Lưu VP Bộ, Cục MTg.

KT/ BỘ TRƯỞNG

BỘ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Thủ trưởng



Phạm Khôi Nguyên

NHỮNG YÊU CẦU ĐỐI VỚI CHỦ DỰ ÁN



Kèm theo Quyết định số 1079/QĐ-MTg, ngày 25 tháng 11 năm 1997
của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

- 1- Tổng kho xăng dầu Rạch trầu đã xây dựng tại địa điểm tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây sự cố tràn dầu. Vì vậy, Công ty thương mại xuất nhập khẩu Thanh Lễ phải tuyệt đối đảm bảo kinh phí dành cho việc phòng chống và ứng cứu sự cố; đảm bảo độ an toàn của các thiết bị công nghệ và hiệu quả hoạt động của các thiết bị ứng cứu sự cố theo đúng phương án đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.
- 2- Tổng kho xăng dầu Rạch Trầu chỉ được phép bắt đầu hoạt động kinh doanh sau khi được Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Bình Dương kiểm tra hệ thống xử lý nước thải và công tác triển khai phương án phòng chống, ứng cứu sự cố. Đặc biệt lưu ý:
 - Chỉ được phép thải nước ra ngoài khuôn viên Tổng kho sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn loại A, TCVN 5945-1995.
 - Không được thực hiện vệ sinh tàu thuyền và xả lan chở dầu tại khu vực Rạch Trầu.
 - Cẩn sau khi vệ sinh bồn chứa dầu của Tổng kho phải được thu gom xử lý theo quy định, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.
- 3- Phải tuyệt đối tuân thủ các phương án phòng cháy chữa cháy được cơ quan PCCC phê duyệt.
- 4- Phải tiến hành tập dượt thành thạo cho lực lượng PCCC và lực lượng phòng chống sự cố tràn dầu trước khi đưa Tổng kho xăng dầu vào hoạt động. Các lực lượng này phải thường xuyên được luyện tập trong quá trình khai thác Tổng kho này. Trường hợp xảy ra sự cố phải thực hiện đúng các bước ứng cứu đã được phê duyệt và thông báo ngay cho Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường. Công ty thương mại xuất nhập khẩu Thanh Lễ phải chịu toàn bộ trách nhiệm bồi thường thiệt hại xử lý theo pháp luật nếu để xảy ra sự cố liên quan đến hoạt động của Tổng kho xăng dầu Rạch Trầu.
- 5- Phải đầu tư kinh phí tự thực hiện đúng chương trình giám sát môi trường định kỳ với các chỉ tiêu đã được phê duyệt và gửi báo cáo cho Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường tỉnh Bình Dương.

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH BÌNH DƯƠNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 3700146458

Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 07 năm 2010

Đăng ký thay đổi lần thứ: 11, ngày 22 tháng 12 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP
KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **THANH LE CORPORATION**

Tên công ty viết tắt: **THALEXIM**

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Số 63, đường Yersin, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương,
Việt Nam*

Điện thoại: **0274 3829534-3829535**

Fax: **0274 3824112-3829533**

Email: **contact@thalexim.vn**

Website: **thalexim.vn**

3. Vốn điều lệ: 2.366.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai nghìn ba trăm sáu mươi sáu tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: **10.000 đồng**

Tổng số cổ phần: **236.600.000**

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: **ĐOÀN MINH QUANG**

Giới tính: **Nam**

Chức danh: **Chủ tịch hội đồng quản trị**

Sinh ngày: **05/09/1957**

Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: **Thẻ căn cước công dân**

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: **074057006158**

Ngày cấp: **17/08/2022**

Nơi cấp: **Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội**

Địa chỉ thường trú: **B49a, Tổ 60, Khu phố 4, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu
Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**

Địa chỉ liên lạc: **B49a, Tổ 60, Khu phố 4, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu
Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**

* Họ và tên: PHẠM THỊ BĂNG TRANG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 25/03/1965

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 070165006381

Ngày cấp: 30/06/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: 109/1, Khu Phố Thạnh Lợi, Phường An Thạnh, Thành phố Thuận
An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 109/1, Khu Phố Thạnh Lợi, Phường An Thạnh, Thành phố Thuận An,
Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

K.T. **TRƯỞNG PHÒNG**
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Lâm Ngọc Thịnh

**BỘ CÔNG AN
SỞ CẢNH SÁT PC&CC
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: ~~105~~/SCSPCCC-TDM

Bình Dương, ngày 23 tháng 4 năm 2013

V/v xác nhận nghiệm thu
hệ thống phòng cháy chữa cháy

Kính gửi: Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ TNHH MTV

Xét công văn đề nghị số 98/CV-TL ngày 07 tháng 2 năm 2013 của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu TNHH MTV về việc nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy đối với công trình: Bồn chứa dầu (03 bồn x 5000m³) và Bồn chứa dầu hỏa (03 bồn x 100m³, 02 bồn x 50m³); Địa chỉ: xã Chánh Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Căn cứ vào hồ sơ đã thẩm duyệt số 476/SCSPCCC-TDM ngày 05 tháng 12 năm 2012, hồ sơ nghiệm thu hệ thống PCCC của công trình và biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC do đại diện các bên liên quan lập ngày 12 tháng 4 năm 2013.

Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy tỉnh Bình Dương đồng ý nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy đối với công trình trên với những nội dung sau:

- Hệ thống cấp nước chữa cháy lắp đặt theo đúng thiết kế đã được phê duyệt.
- Hệ thống hoạt động đúng chức năng thiết kế.

Để hệ thống luôn sẵn sàng thường trực và hoạt động theo chức năng thiết kế, đơn vị chủ quản phải có trách nhiệm duy trì hoạt động kiểm tra, bảo trì hệ thống đúng hướng dẫn và quy định. *Ấy*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Phòng 2(1);PCCCTPTDM(2).

GIÁM ĐỐC



ĐẠI TÁ: Nguyễn Văn Lân

Số: 2182/UBND-KTN

Thủ Dầu Một, ngày 27 tháng 7 năm 2010

V/v: chấp thuận chủ trương cải tạo một số hạng mục công trình phụ tại Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ

Kính gửi:

- Sở Xây dựng;
- Ủy ban nhân dân thị xã Thủ Dầu Một;
- Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ.

Qua xem xét Công văn số 583/CV.TL ngày 23/07/2010 của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ về việc xin chủ trương cải tạo một số hạng mục công trình phụ tại Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận chủ trương cho Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ được cải tạo một số hạng mục công trình phụ tại Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ, gồm: nhà bảo vệ, văn phòng làm việc và các công trình phụ khác.

Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ có trách nhiệm triển khai các bước đúng theo quy định hiện hành.

2. Giao Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân thị xã Thủ Dầu Một hướng dẫn Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ thực hiện việc cải tạo, xây dựng theo đúng quy định. /.

Nơi nhận: ✓

- CT và PCT;
- Như trên;
- LĐVP, Km, Trg, TH;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Lê Thanh Cung

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2875 / UBND-KTTH

Thủ Dầu Một, ngày 7 tháng 10 năm 2008

V/v đầu tư xây dựng bổ sung bồn chứa dầu
tại Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ của Công ty
Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ

Kính gửi: Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu
Thanh Lễ

Xét đề nghị của Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ tại công văn số 459/CV-TL ngày 24/9/2008 về việc xin chủ trương xây dựng bổ sung bồn chứa dầu tại Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến như sau:

- Chấp thuận cho Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ được đầu tư xây dựng bổ sung 03 bồn chứa dầu có dung tích 5.000m³/bồn để dự trữ dầu phục vụ công tác duy tu bảo dưỡng số bồn cũ theo quy định và thời hạn duy tu bảo dưỡng của đơn vị. Địa điểm xây dựng bồn chứa dầu trong quy hoạch Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ của Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ.

- Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ có trách nhiệm thực hiện các thủ tục xây dựng bồn chứa dầu đúng quy chuẩn và quy định của nhà nước. /.

Nơi nhận:

- CT, PCT;
- Như trên;
- LĐVP, Lg;
- Lưu VT.

K. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC



Trần Văn Lợi

Số: 6130 /QĐ-UB

Sông Bé, ngày 16 tháng 12 năm 1996

QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN

V.v phê duyệt dự án đầu tư : Xây dựng Tổng kho xăng dầu Cầu Trầu



ỦY BAN NHÂN DÂN

- Căn cứ Luật Tổ Chức HĐND và UBND ngày 21/06/1994 .

- Căn cứ điểm 1b điều 7 điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng ban hành kèm theo Nghị Định số 42 /CP ngày 16 tháng 7 năm 1996 của Chính Phủ về việc phân cấp quyết định đầu tư đối với các dự án đầu tư nhóm B và C thuộc địa phương quản lý .

- Căn cứ thông tư số 09 BKH/VPTĐ ngày 21/9/1996 của Bộ Kế Hoạch và Đầu Tư hướng dẫn về lập thẩm định dự án đầu tư và quyết định đầu tư .

Theo đề nghị của Chủ Đầu tư và Giám Đốc Sở Kế Hoạch Đầu Tư .

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay phê duyệt dự án đầu tư : Xây dựng Tổng kho xăng dầu Cầu Trầu 31.200 m3 .

Nội dung dự án bao gồm :

1. Tên dự án : Xây dựng Tổng kho Xăng Dầu Cầu Trầu .

2. Chủ đầu tư- hình thức đầu tư :

- Chủ đầu tư : Công ty Thương Mại - XNK Thanh Lễ
- Hình thức đầu tư : Xây dựng mới .

3. Hình thức tổ chức quản lý thực hiện dự án :

Chủ đầu tư trực tiếp quản lý thực hiện dự án .

4. Địa điểm và diện tích chiếm đất :

Xây dựng tại xã Chánh Mỹ , thị xã Thủ Dầu Một . Hướng Bắc tiếp giáp HL 16 , hướng đông tiếp giáp Rạch Trầu , hướng Nam tiếp giáp bờ sông Sài Gòn , hướng Tây giáp đất dân trong xã .

Diện tích chiếm đất : 5 ha

5. Mục tiêu đầu tư - năng lực thiết kế - các sản phẩm chính :

- Ổn định và nâng cao hiệu quả kinh doanh xăng dầu của chủ đầu tư , đáp ứng tốt nhu cầu nhiên liệu trong tỉnh và khu vực lân cận .
- Năng lực thiết kế : Bồn chứa đạt công suất 31.200 m³ , khối lượng xăng dầu luân chuyển đạt từ 400.000 – 550.000 tấn / năm .

6. Khối lượng các hạng mục đầu tư chủ yếu :

- Bồn bể thép CT3 6.500 m³ : 03 bồn
- Bồn bể thép CT3 3.500 m³ : 03 bồn
- Bồn bể thép CT3 1.500 m³ : 01 bồn
- Hệ thống ống công nghệ nhập xuất nhiên liệu .
- Hệ thống ống cứu hỏa (trong , ngoài và chung quanh đê chắn dầu)
- Nhà bơm và nhà tạo bọt .
- Đường nội vi chò xe cứu hỏa .
- Bể xử lý nước nhiễm dầu .
- Phao quay chắn dầu .

~~~~~

c:\w\w\qddt.mau

**7. Tổng mức và cơ cấu vốn đầu tư - nguồn vốn và điều kiện huy động :**

Tổng vốn đầu tư : 26.433 triệu đồng  
Nguồn vốn đầu tư :

- + Vốn tự có của chủ đầu tư : 17.500 triệu đồng
- + Vốn vay ngân hàng : 9.000 triệu đồng



**8. Phương thức tổ chức thực hiện đầu tư :**

Ký kết hợp đồng thi công với các đơn vị có chức năng theo đúng qui định hiện hành .

**9. Thời hạn và các mốc tiến độ chính thực hiện dự án :**

Hoàn thành công trình đưa vào kinh doanh trước tháng 06/1997 .

**10. Trách nhiệm của chủ đầu tư - các ưu đãi , các qui định khác - điều khoản thi hành :**

Bảo đảm thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành trước khi đi vào xây dựng và chuẩn bị các điều kiện khác khi đi vào hoạt động như phòng chống cháy , bảo vệ môi trường .

~~~~~

c:\w\w\qddt.mau

Điều 2: Sau khi dự án được phê duyệt Chủ đầu tư có trách nhiệm tiếp tục hoàn thành thủ tục theo đúng các qui định hiện hành của nhà nước, tổ chức thực hiện tốt dự án theo các nội dung nêu ở điều 1.

Điều 3 : Các ông Chánh Văn Phòng UBND tỉnh, Giám Đốc Sở Kế Hoạch và Đầu Tư, Giám Đốc Sở Xây Dựng, Giám Đốc Sở Tài Chánh, Chủ Đầu Tư và Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành liên quan, chịu trách nhiệm thi hành quyết định này ./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch và các PCT UBND
- Như điều 3.
- Lưu VPUBND



Nguyễn Minh Đức

~~~~~

c:\w\w\qddt.mau

Số: 60 /QĐ-STNMT

Bình Dương, ngày 19 tháng 01 năm 2017

## QUYẾT ĐỊNH

### Phê duyệt Đề án bảo vệ môi trường chi tiết

**Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ, dung tích 51.300m<sup>3</sup> tại số 63/18 Nguyễn Văn Cừ, khu phố Chánh Lộc 7, phường Chánh Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ TNHH MTV**

## GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Căn cứ Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 50/2015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản; kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường và hoàn thành phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với các dự án nằm ngoài khu công nghiệp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Biên bản kiểm tra công tác bảo vệ môi trường phục vụ công tác thẩm định đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ, dung tích 51.300m<sup>3</sup> tại số 63/18 Nguyễn Văn Cừ, khu phố Chánh Lộc 7, phường Chánh Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ TNHH MTV;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ, dung tích 51.300m<sup>3</sup> đã được hoàn chỉnh gửi kèm văn bản số 669/TB ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ TNHH MTV;

Xét đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 111./TTr-CCBVMT ngày 19 tháng 01 năm 2017,





## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt nội dung đề án bảo vệ môi trường chi tiết của Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ, dung tích 51.300m<sup>3</sup> được lập bởi Tổng Công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ TNHH MTV với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Vị trí, quy mô/công suất hoạt động:

1.1. Vị trí của cơ sở: số 63/18 Nguyễn Văn Cừ, khu phố Chánh Lộc 7, phường Chánh Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

1.2. Quy mô/công suất hoạt động của cơ sở: tổng công suất chứa 51.300m<sup>3</sup>.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với cơ sở:

2.1. Thực hiện đúng và đầy đủ các giải pháp, biện pháp, cam kết về bảo vệ môi trường đã nêu trong đề án.

2.2. Phải đảm bảo các chất thải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước khi thải ra môi trường.

2.3. Phải hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo các thời hạn như sau:

- Xây dựng đê bao xung quanh tại khu vực 02 bồn chứa cặn xăng dầu và khu vực chiết xuất xăng dầu để thu gom khi có sự cố tràn đổ. Thời gian hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2017.

- Xây dựng hệ thống thu gom nước mưa chảy tràn (*có khả năng nhiễm dầu*) trong 10 phút đầu trên khuôn viên các đường nội bộ của Tổng kho và nước nhiễm dầu tại các khu vực xuất dầu lên xe bồn về hệ thống xử lý nước thải khi có sự cố tràn đổ. Thời gian hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2017.

- Cải tạo lại hệ thống xử lý nước thải nhiễm dầu, đảm bảo toàn bộ nước thải được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường. Thời gian hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2017.

2.4. Đến thời điểm yêu cầu hoàn thành từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, hoàn thành toàn bộ công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, báo cáo về kết quả thực hiện đến cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Các điều kiện kèm theo:

3.1. Về quản lý và xử lý chất thải:

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt; phải thu gom toàn bộ nước thải nhiễm dầu và nước mưa chảy tràn trên khuôn viên các đường nội bộ của Tổng kho trong 10 phút đầu về Trạm xử lý nước thải nhiễm dầu, đảm bảo xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu QCVN 29:2010/BTNMT, cột A trước khi thải ra môi trường.

- Khí thải phải được xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT) và Quy chuẩn



kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNMT) trước khi thải ra môi trường.

- Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (QCVN 26:2010/BTNMT), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (QCVN 27:2010/BTNMT).

- Các chất thải rắn phải được thu gom, quản lý và xử lý đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

- Quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại.

### 3.2. Các yêu cầu về phòng chống và khắc phục sự cố:

- Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng chống và khắc phục các sự cố do cháy, nổ, các rủi ro và sự cố môi trường khác.

- Lập Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố tràn dầu cho Tổng kho theo đúng Phương án ứng phó sự cố tràn dầu trên địa bàn tỉnh Bình Dương đến năm 2020 ban hành kèm theo Quyết định số 270/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tổ chức diễn tập phòng ngừa ứng cứu sự cố tràn dầu định kỳ hàng năm và có thông báo cho các cơ quan có thẩm quyền theo Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố tràn dầu được phê duyệt để tham gia kiểm tra, giám sát.

### 3.3. Các yêu cầu về chế độ kiểm tra, giám sát nguồn thải:

- Tổ chức thực hiện chương trình giám sát và tần suất báo cáo số liệu quan trắc môi trường theo đúng quy định tại Thông tư số 43/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2015 về báo cáo hiện trạng môi trường, bộ chỉ thị môi trường và quản lý số liệu quan trắc môi trường.

- Lắp đặt thiết bị quan trắc lưu lượng nước thải theo quy định tại Điều 71 và xây dựng điểm quan trắc nguồn nước thải đúng yêu cầu kỹ thuật tại Điều 72 của Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương.

### 3.4. Các yêu cầu khác:

Tuân thủ các quy định về xây dựng các công trình trong khuôn viên của Tổng kho Thanh Lễ theo đúng quy định của Luật Xây dựng.

**Điều 2.** Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi liên quan đến phạm vi, quy mô, công suất, các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đã được phê duyệt, Công ty phải có văn bản báo cáo với cơ quan thẩm định, phê duyệt đề án chi tiết và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận.



**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Nơi nhận:**

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở XD, Sở CT;
- UBND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chủ dự án;
- Lưu: VT, CCBVMT, T.Giang.5



**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Danh**



CÔNG TY TM XNK THANH LỄ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC

## BIÊN BẢN NGHIỆM THU CÔNG TRÌNH KHO XĂNG DẦU RẠCH TRẦU

Theo đề nghị của Cty TM XNK Thanh Lễ . V.v/ nghiệm thu công trình Kho xăng dầu Rạch trầu 31.200 m3.

Hôm nay, vào lúc 8 giờ 30, ngày 17 tháng 12 năm 1997 tại VP. Cty Thương mại XNK Thanh Lễ

Thành phần nghiệm thu gồm có:

- 1) Đại diện Hiệp Hội Đầu Tư & Phát Triển Các Doanh Nghiệp Tỉnh Bình Dương :  
- Ông Huỳnh Phi Dũng                      Chủ Tịch H.Hội.
- 2) Đại diện Công Ty Thương Mại XNK Thanh Lễ ( chủ đầu tư ):  
- Cô Đào thị Thanh Nguyên              Tổng Giám Đốc .  
- Ông Phạm Đình Khương              Trợ lý Ban Giám Đốc  
- Ông Võ Minh Mẫn                      Cán bộ Giám sát thiết kế .  
- Ông Nguyễn Quang Hải              Cán bộ Giám sát thi công .
- 3) Đại diện Công ty TNHH Xây dựng - Công nghiệp Tấn Phát ( đơn vị thi công ):  
- Ông Nguyễn Văn Sáng              Giám Đốc  
- Ông Trần Tỷ                      Phó Giám đốc  
- Ông Võ Trung Quân              Phó Giám đốc
- 4) Đại diện Công ty Khảo sát Thiết kế Tư Vấn Sài Gòn :  
- Ông Bùi Thiên Lộc                      Chuyên viên
- 5) Đại diện Sở Khoa Học - Công Nghệ - Môi Trường :  
- Bà Ngô Thị Vân                      Trưởng Phòng Quản Lý Môi Trường
- 6) Đại diện Sở Kế Hoạch & Đầu Tư :  
- Huỳnh Văn Quang                      Cán bộ
- 7) Đại diện Sở Xây Dựng :  
- Ông Trần Sĩ Toán                      Trưởng Phòng Kỹ thuật  
- Ông Phan Quang Tường              Cán bộ Phòng Quy hoạch
- 8) Đại Diện Cục Quản Lý Vốn & Tài sản Nhà Nước ( phân nhánh Sông Bé ) :  
- Cô Tăng Phương                      Cán bộ
- 9) Đại diện Ngân Hàng Nông Nghiệp & Phát Triển Nông Thôn Bình Dương :  
- Ông Nguyễn Ngọc Việt              Trưởng Phòng Kinh Doanh  
- Bà Vương Thị Lang Hương              Cán bộ Tín Dụng



10) Phòng Cảnh sát Phòng cháy Chữa cháy :

- |                  |              |
|------------------|--------------|
| - Lê Anh Việt    | Trưởng Phòng |
| - Trần Hậu Thắng | Cán bộ       |

Đã tiến hành nghiệm thu công trình xây dựng Kho Xăng dầu Rạch Trầu với các nội dung như sau:

**I) Phần trình bày của chủ đầu tư :**

Đại diện Công Ty báo cáo trình bày những vấn đề liên quan công trình xây dựng kho xăng dầu Rạch trầu gồm :

- Các quyết định , văn bản của : Văn phòng Chính Phủ, Bộ Khoa học, Công nghệ & Môi trường , UBND tỉnh Sông bé (nay là tỉnh Bình Dương) về việc thuận qui hoạch, phê duyệt dự án, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, xây dựng và cho phép đưa công trình vào hoạt động.

- Biên bản và hồ sơ liên quan nghiệm thu công trình giữa Chủ đầu tư và Đơn vị thi công tổ chức thực hiện ngày 02/6/1997 (có biên bản nghiệm thu giữa chủ đầu tư và bên thi công kèm theo) gồm nội dung cơ bản :

+ Hạng mục công trình : gồm 36 hạng mục công trình đã được nghiệm thu

+ Tổng chi phí đầu tư thực hiện: 26.216.317.048 đ

- Cty đã tổ chức cho Hội đồng đến kiểm tra thực tế tại hiện trường

**II) Phần tham gia ý kiến của Hội Đồng nghiệm thu :**

1) Công ty Khảo sát Thiết kế Tư Vấn Sài Gòn : Công trình đã được xây dựng đúng thiết kế .

2) Sở Khoa Học - Công Nghệ - Môi Trường : Theo Dự án và thiết kế được duyệt ban đầu về bảo vệ môi trường Công Ty TM -XNK Thanh Lễ đã thực hiện hoàn chỉnh. Trong thời gian vận hành thử nghiệm, công ty cần phải tổ chức thực hiện tốt theo quyết định 1979 ngày 25/11/97 của Bộ Khoa Học Công Nghệ và Môi Trường , Trách nhiệm Sở Khoa Học - Công Nghệ - Môi Trường Tỉnh Bình Dương sẽ giám sát chặt chẽ việc thực hiện này .

3) Phòng cảnh sát phòng cháy chữa cháy : Công trình kho xăng dầu Rạch Trầu của Công ty TM-XNK Thanh Lễ xây dựng và trang bị phòng cháy chữa cháy đạt tiêu chuẩn quy định và được công nhận của Cục Phòng cháy Chữa cháy - Bộ Nội Vụ .

4) Sở Xây Dựng : Công trình xây dựng kho xăng dầu Rạch trầu được UBND Tỉnh Bình Dương cho phép chủ đầu tư vừa thiết kế vừa thi công , trong thời gian xây dựng đã được nghiệm thu từng hạng mục công trình giữa chủ đầu tư, Thiết kế và bên thi công, cho thấy việc xây dựng đảm bảo theo quy định. Sở Xây Dựng sẽ hướng lập thủ tục hoàn công công trình.

5) Công Ty TM XNK Thanh Lễ : Chủ đầu tư tiếp thu phần tham gia và góp ý kiến của Hội Đồng . Cty sẽ thực hiện đầy đủ các yêu cầu của Hội đồng:

- Về bảo vệ môi trường Công Ty sẽ tổ chức và thực hiện đầy đủ các yêu cầu của Sở Khoa Học - Công Nghệ - Môi Trường Tỉnh Bình Dương yêu cầu trong thời gian hoạt động thử nghiệm .

- Sau khi công ty thu hồi đủ vốn công trình Kho xăng dầu Rạch Trầu sẽ có phương án xin chuyển công năng của công trình .

### III. Kết luận :

Qua báo cáo nghiệm thu và kiểm tra tại hiện trường , Hội đồng nghiệm thu đồng ý nghiệm thu để đưa công trình vào sử dụng

Các hạng mục công trình khác ngoài phạm vi kho như : sẽ được nghiệm thu sau  
Chủ đầu tư phải thực hiện các yêu cầu trên của Hội đồng .

Biên bản được thông qua lúc 11 giờ cùng ngày các thành viên Hội đồng thống nhất ký tên.

HIỆP HỘI ĐT & PT CÁC  
DN TỈNH BÌNH DƯƠNG



SỞ XÂY DỰNG

*Nay*

SỞ KH & ĐẦU TƯ

*Thinh*

CTY TM-XNK THANH LỄ



SỞ KHOA HỌC - CÔNG  
NGHỆ - MÔI TRƯỜNG

*mm*

CỤC QUẢN LÝ VỐN &  
TÀI SẢN NHÀ NƯỚC



*phuong*  
T. Thuong

Đào Thị Thanh Nguyên  
CTY KHẢO SÁT THIẾT  
KẾ TƯ VẤN SÀI GÒN

*Pho*  
*Pho - Lam Ho*

NGÂN HÀNG NO & PTNT  
BÌNH DƯƠNG

*Uml*

PHÒNG CẢNH SÁT  
PCCC

*Canh*

CTY TNHH XD- CÔNG  
NGHIỆP TẤN PHÁT



GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN SÁNG

THIẾT TÁ: *Le Anh Viet*



UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG  
BAN CHỈ ĐẠO PHƯƠNG ÁN  
PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ  
MÔI TRƯỜNG DO CHÁY, NỔ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 170/QĐ-BCĐ

Bình Dương, ngày 15 tháng 9 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do cháy, nổ tại Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ thuộc Tổng Công ty thương mại xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP

**BAN CHỈ ĐẠO PHƯƠNG ÁN**

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29/6/2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 14/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Thông tư số 149/2020/TT-BCA ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Nghị định số 136/2020/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Kế hoạch số 107/KH-BCĐBVMT ngày 17/5/2023 của Ban Chỉ đạo Bảo vệ môi trường tỉnh về việc tổ chức diễn tập phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do cháy, nổ trên địa bàn tỉnh Bình Dương năm 2023;

Theo đề nghị của Công an tỉnh tại Tờ trình số 217/TTr-CAT-PC07 ngày 08/9/2023.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do cháy, nổ tại Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ thuộc Tổng Công ty Thương mại xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP (địa chỉ: số 63/18, đường Nguyễn Văn Cừ, khu phố Chánh Lộc, phường Chánh Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương)

(Có phương án kèm theo).

**Điều 2.** Công an tỉnh căn cứ nội dung Phương án đã được phê duyệt tham mưu Ban Chỉ đạo tổ chức tập luyện, diễn tập bảo đảm kịp thời, hiệu quả.

**Điều 3.** Giám đốc Công an tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký. 

Nơi nhận: 

- TT, TU, TT, HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên Ban Chỉ đạo;
- Như Điều 3;
- LĐVP(T, Tg), TH;
- Lưu: VT, Th. 

**TM. BAN CHỈ ĐẠO  
TRƯỞNG BAN**



**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC  
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
Mai Hùng Dũng**





**PHƯƠNG ÁN**

Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do cháy, nổ tại địa chỉ: số 63/18, đường Nguyễn Văn Cừ, khu phố Chánh Lộc, phường Chánh Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương – Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ thuộc Tổng Công ty Thương mại xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP  
(Kèm theo Quyết định số 170/QĐ-BCĐ ngày 15 tháng 7 năm 2023 của Ban Chỉ đạo Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do cháy, nổ tỉnh Bình Dương)

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH TUYẾN ĐƯỜNG VÀ CƠ SỞ CÓ LIÊN QUAN**

**1. Đặc điểm tình hình tuyến đường nơi xảy ra sự cố**

Đường Nguyễn Văn Cừ dài 3,9km, rộng 12 - 16m, 2 làn xe di chuyển, thuộc địa bàn khu phố Chánh Lộc, phường Chánh Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Khởi đầu từ đường Huỳnh Văn Cù (ngay chân cầu Phú Cường), chạy tới chân cầu Bà Cô. Nơi xảy ra sự cố cháy: số 63/18, đường Nguyễn Văn Cừ, khu phố Chánh Lộc, phường Chánh Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; địa chỉ xảy ra sự cố có các hướng tiếp giáp:

- + Phía Đông giáp: cầu Rạch Trầu.
- + Phía Tây giáp: Khu vực rừng cây.
- + Phía Nam giáp: Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ.
- + Phía Bắc giáp: Bãi đỗ xe của Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ.

**Một số cơ sở có tính chất cháy nổ điển hình trên đường Nguyễn Văn Cừ**

- Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ.
- Khu biệt thự Chánh Mỹ.
- Trường THCS Nguyễn Văn Cừ.
- Công ty TNHH GOMO Việt Nam.
- Ủy ban nhân dân phường Chánh Mỹ.

**2. Đặc điểm cơ sở có liên quan nơi xảy ra sự cố cháy nổ**

Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ có 20 bồn chứa xăng dầu với tổng trữ lượng 51300 m<sup>3</sup>, bao gồm các hạng mục công trình:

- + Khu vực bồn chứa xăng, diện tích 1793,49 m<sup>2</sup>.
- + Khu vực bồn chứa dầu DO, diện tích 5482,93 m<sup>2</sup>.
- + Khu vực bồn chứa cồn E100 và xăng E5 Ron 92, diện tích 500 m<sup>2</sup>.

- + Nhà cấp phát xăng dầu cho xe bồn, diện tích 500 m<sup>2</sup>.
- + Cầu cảng xuất nhập xăng dầu, diện tích 880 m<sup>2</sup>.
- + Nhà hành chính, diện tích 136,3 m<sup>2</sup>.
- + Hội trường, diện tích 123,24 m<sup>2</sup>.
- + Nhà sàn kiểm, diện tích 102,6 m<sup>2</sup>.
- + Nhà để xe, diện tích 130,3 m<sup>2</sup>.

**a) Khu vực bồn chứa xăng**

- Khu vực bồn chứa xăng được xây dựng theo kiểu bể nổi hình trụ đứng, gồm 04 bể được ký hiệu là T4, T5, T6, T7. Các bể có kết cấu bằng bê tông thép, mái nổi, trữ lượng mỗi bể trên 1.000 m<sup>3</sup>. Các bể được lắp đặt trên nền bê tông cốt thép, trên mỗi bể được thiết kế lắp đặt hệ thống phun mưa làm mát với lưu lượng nước làm mát là 0.2 l/m<sup>2</sup>s.

- Khu vực bồn chứa xăng có đê bao xung quanh bằng tường gạch dày 220 mm, cao 1,2 m. Với tổng sức chứa xăng của các bồn trong khu vực này là khoảng 8.000 m<sup>3</sup>. Do đó khi có sự cố cháy nổ xảy ra, nếu không kịp thời phun nước làm mát bảo vệ bồn thì kết cấu chịu lực của bồn sẽ bị phá hủy, gây cháy lan sang các bồn lân cận.

| TT | Tên bể | Kiểu bể | Số lượng bể (cái) | Chất chứa | Đường kính (m) | Chiều cao (m) |
|----|--------|---------|-------------------|-----------|----------------|---------------|
| 1  | T4     | Nổi     | 1                 | Xăng      | 20,8           | 9,03          |
| 2  | T5     | Nổi     | 1                 | Xăng      | 11,5           | 9,05          |
| 3  | T6     | Nổi     | 1                 | Xăng      | 23,8           | 9,04          |
| 4  | T7     | Nổi     | 1                 | Xăng      | 11,5           | 9             |
| 5  | B1     | Nổi     | 1                 | Cồn E100  | 5              | 2             |
| 6  | B2     | Nổi     | 1                 | Xăng E5   | 5              | 2             |
| 7  | B3     | Nổi     | 1                 | Xăng E5   | 7              | 2             |
| 8  | B4     | Nổi     | 1                 | Xăng E5   | 7              | 2             |
| 9  | B5     | Nổi     | 1                 | Xăng E5   | 7              | 2             |

**b) Khu vực bồn chứa dầu Diesel (Dầu DO)**

- Khu vực bồn chứa dầu DO được xây dựng theo kiểu bể nổi hình trụ đứng, gồm 04 bể được ký hiệu là T1 đến T3 và T8 đến T15. Các bể có kết cấu bằng bê tông thép, mái nổi, trữ lượng mỗi bể trên 1.000 m<sup>3</sup>. Các bể được lắp đặt trên nền bê tông cốt thép, trên mỗi bể được thiết kế lắp đặt hệ thống phun mưa làm mát với lưu lượng nước làm mát là 0.2 l/m<sup>2</sup>s.

- Khu vực bồn chứa dầu DO có đê bao xung quanh bằng tường gạch dày 220 mm, cao 1,2 m. Với tổng sức chứa dầu DO của các bồn trong khu vực này là khoảng 30.000 m<sup>3</sup>. Do đó khi có sự cố cháy nổ xảy ra, nếu chúng ta không kịp



thời phun nước làm mát bảo vệ bồn thì kết cấu chịu lực của bồn sẽ bị phá hủy, gây cháy lan sang các bể lân cận.

| TT | Tên bể | Kiểu bể | Số lượng bể (cái) | Chất chứa | Đường kính (m) | Chiều cao (m) |
|----|--------|---------|-------------------|-----------|----------------|---------------|
| 1  | T1     | Nổi     | 1                 | Dầu DO    | 30,5           | 9,03          |
| 2  | T2     | Nổi     | 1                 | Dầu DO    | 30,5           | 9,035         |
| 3  | T3     | Nổi     | 1                 | Dầu DO    | 30,5           | 9,015         |
| 4  | T8     | Nổi     | 1                 | Dầu DO    | 26,2           | 7,4           |
| 5  | T9     | Nổi     | 1                 | Dầu DO    | 13,3           | 7,4           |
| 6  | T10    | Nổi     | 1                 | Dầu DO    | 13,3           | 7,49          |
| 7  | T11    | Nổi     | 1                 | Dầu DO    | 13,3           | 7,49          |
| 8  | T12    | Nổi     | 1                 | Dầu DO    | 9,5            | 7,47          |
| 9  | T13    | Nổi     | 1                 | Dầu DO    | 26,7           | 9,09          |
| 10 | T14    | Nổi     | 1                 | Dầu DO    | 26,7           | 9,01          |
| 11 | T15    | Nổi     | 1                 | Dầu DO    | 26,7           | 9,09          |

### 3. Đặc điểm giao thông, nguồn nước, thoát nạn

#### 3.1. Giao thông bên trong

Đường giao thông bên trong cơ sở được xây dựng khép kín, mặt đường đổ nhựa (afphan); chiều rộng mặt đường đều trên 5m (xe chữa cháy và các phương tiện khác có thể lưu thông tiếp cận dễ dàng trong mọi điều kiện thời tiết). Riêng đường nội bộ giữa 02 khu vực cụm bể rộng khoảng 10m, đảm bảo cho việc triển khai xe thang tham gia chữa cháy khi có sự cố cháy, nổ xảy ra.

Cơ sở có 3 cổng ra vào dọc theo đường Nguyễn Văn Cừ thuận tiện xe chữa cháy và các phương tiện khác nhanh chóng tiếp cận cơ sở khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

#### 3.2. Giao thông bên ngoài

\* Tuyến đường giao thông từ các đơn vị Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ đến cơ sở

Giao thông bên ngoài của Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ là đường Nguyễn Văn Cừ rộng từ 12m - 16m. Xe chữa cháy và các phương tiện khác nhanh chóng tiếp cận cơ sở từ 03 cổng ra vào. Khoảng cách từ các đơn vị chữa cháy chuyên nghiệp đến cơ sở, cụ thể:

- Đội Công tác CC&CNCH (Phòng PC07) → đường Huỳnh Văn Cù → rẽ phải theo đường Nguyễn Văn Cừ → Cơ sở nằm phía bên tay trái (3 km, thời gian di chuyển khoảng 5 phút).

- Đội Cảnh sát PCCC&CNCH Trên sông (Phòng PC07) → rẽ phải đi dọc sông Sài Gòn khoảng 07 km → Cơ sở nằm phía tay phải (thời gian di chuyển khoảng 10 phút)



- Đội CC&CNCH khu vực Hiệp An (Phòng PC07) → đường Nguyễn Chí Thanh → đường Đại lộ Bình Dương → đường Nguyễn Văn Lộng → đường Huỳnh Văn Cù → rẽ phải theo đường Nguyễn Văn Cù → cơ sở nằm phía bên tay trái (6 km, thời gian di chuyển khoảng 10 phút).

- Đội CC&CNCH khu vực Phú Mỹ (Phòng PC07) → đường DX025 → đường DX026 → đường Huỳnh Văn Lũy → đường Phạm Ngọc Thạch → đại lộ Bình Dương → đường Huỳnh Văn Cù → rẽ phải theo đường Nguyễn Văn Cù → cơ sở nằm phía bên tay trái (7,5 km, thời gian di chuyển khoảng 12 phút).

- Đội CC&CNCH khu vực Vĩnh Tân (Phòng PC07) → đường Phạm Ngọc Thạch → đường Huỳnh Văn Cù → rẽ phải theo đường Nguyễn Văn Cù → cơ sở nằm phía bên tay trái (18 km, thời gian di chuyển khoảng 22 phút).

- Đội CC&CNCH khu vực Bình Thắng (Phòng PC07) → Quốc lộ 13 → đường Huỳnh Văn Cù → rẽ trái theo đường Nguyễn Văn Cù → cơ sở nằm phía bên tay trái (25 km, thời gian di chuyển khoảng 30 phút).

- Đội Cảnh sát PCCC&CNCH Công an thành phố Thuận An → Quốc lộ 13 → đường Huỳnh Văn Cù → rẽ phải theo đường Nguyễn Văn Cù → cơ sở nằm phía bên tay trái (12 km, thời gian di chuyển khoảng 15 phút).

- Đội Cảnh sát PCCC&CNCH Công an thành phố Thủ Dầu Một → đường Lê Duẩn → đường Lê Lợi → đường Hùng Vương → đường Phạm Ngọc Thạch → đường Huỳnh Văn Cù → đường Nguyễn Văn Cù → cơ sở nằm phía bên tay trái (11,5 km, thời gian di chuyển khoảng 15 phút).

- Đội Cảnh sát PCCC&CNCH Công an thành phố Dĩ An → Quốc lộ 13 → đường Huỳnh Văn Cù → rẽ phải theo đường Nguyễn Văn Cù → cơ sở nằm phía bên tay trái (20 km, thời gian di chuyển khoảng 22 phút).

- Đội Cảnh sát PCCC&CNCH Công an thị xã Bến Cát → Quốc lộ 13 → đường Huỳnh Văn Cù → rẽ phải theo đường Nguyễn Văn Cù → cơ sở nằm phía bên tay trái (18 km, thời gian di chuyển khoảng 22 phút).

- Đội Cảnh sát PCCC&CNCH Công an huyện Bàu Bàng → đại lộ Bình Dương → đường Huỳnh Văn Cù → rẽ phải theo đường Nguyễn Văn Cù → cơ sở nằm phía bên tay trái (22 km, thời gian di chuyển khoảng 25 phút).

- Đội Cảnh sát PCCC&CNCH Công an thành phố Tân Uyên → đường Phạm Ngọc Thạch → đường Huỳnh Văn Cù → rẽ phải theo đường Nguyễn Văn Cù → cơ sở nằm phía bên tay trái (20 km, thời gian di chuyển khoảng 25 phút).

\* Tuyến đường giao thông từ các đơn vị phối hợp đến cơ sở

- Ban chỉ huy quân sự thành phố Thủ Dầu Một đến cơ sở khoảng 07 km (thời gian di chuyển khoảng 10 phút) theo các tuyến đường: DX078 → đường DX081 → đường DX082 → Quốc lộ 13 → Cách Mạng Tháng Tám → đường Huỳnh Văn Cù → đường Nguyễn Văn Cù → cơ sở nằm phía bên trái.

- Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Bình Dương đến cơ sở khoảng 15km (thời gian di chuyển khoảng 20 phút) theo các tuyến đường: Đường Phan Chu Trinh → đường Cách Mạng Tháng 8 → đường Huỳnh Văn Cù → đường Nguyễn Văn Cù → cơ sở nằm phía bên trái.



- Công ty CP - Tổng Công ty nước - Môi trường Bình Dương đến cơ sở khoảng 05km (thời gian di chuyển khoảng 8 phút) theo các tuyến đường: đường Ngô Văn Trị → đường Phú Lợi → Quốc lộ 13 → đường Huỳnh Văn Cù → đường Nguyễn Văn Cừ → cơ sở nằm phía bên trái.

- Công ty Điện lực Bình Dương đến cơ sở khoảng 06km (thời gian di chuyển khoảng 10 phút) theo các tuyến đường: đường Cách Mạng Tháng 8 → đường Huỳnh Văn Cù → đường Nguyễn Văn Cừ → cơ sở nằm phía bên trái.

- Sở Y tế đến cơ sở khoảng 11km (thời gian di chuyển khoảng 15 phút) theo các tuyến đường: đường Lê Lợi → đường Hùng Vương → đường Phạm Ngọc Thạch → đường Huỳnh Văn Cù → đường Nguyễn Văn Cừ → cơ sở nằm phía bên tay trái.

- Sở Công thương đến cơ sở khoảng 11km (thời gian di chuyển khoảng 15 phút) theo các tuyến đường: đường Lê Lợi → đường Hùng Vương → đường Phạm Ngọc Thạch → đường Huỳnh Văn Cù → đường Nguyễn Văn Cừ → cơ sở nằm phía bên tay trái.

- Sở Tài nguyên môi trường đến cơ sở khoảng 5,5km (thời gian di chuyển khoảng 8 phút) theo các tuyến đường: đường Huỳnh Văn Nghệ → đường Phú Lợi → Quốc Lộ 13 → đường Huỳnh Văn Cù → đường Nguyễn Văn Cừ → cơ sở nằm phía bên tay trái.

- Hội Chữ thập đỏ tỉnh Bình Dương đến cơ sở khoảng 11km (thời gian di chuyển khoảng 15 phút) theo các tuyến đường: đường Lê Lợi → đường Hùng Vương → đường Phạm Ngọc Thạch → đường Huỳnh Văn Cù → đường Nguyễn Văn Cừ → cơ sở nằm phía bên tay trái.

- Trung tâm y tế thành phố Thủ Dầu Một đến cơ sở khoảng 2,5km (thời gian di chuyển khoảng 5 phút) theo các tuyến đường: Cách Mạng Tháng Tám → đường Huỳnh Văn Cù → đường Nguyễn Văn Cừ → cơ sở nằm phía bên tay trái.

#### \* Đặc điểm giao thông

- Nhìn chung các tuyến đường đến cơ sở đều khá thuận lợi, xe chữa cháy và các xe chuyên dùng có thể đi lại dễ dàng. Tuy nhiên vào các giờ cao điểm (buổi sáng từ 07h00 - 08h30 phút, buổi chiều từ 16h30 - 18h30 phút) mật độ phương tiện tham gia giao thông đông, thường gây ùn tắc làm hạn chế sự lưu thông của xe chữa cháy và các xe chuyên dùng.

### 3.3. Nguồn nước

| TT | Nguồn nước        | Trữ lượng (m <sup>3</sup> ) hoặc lưu lượng (l/s) | Vị trí khoảng cách nguồn nước (m) | Những điểm cần lưu ý       |
|----|-------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------------------|
| I  | <b>Bên trong</b>  |                                                  |                                   |                            |
| 1  | Bể nước chữa cháy | 500 m <sup>3</sup>                               | Cách cầu cảng khoảng 30m          | Xe chữa cháy lấy được nước |



|           |                               |        |                            |                                                  |
|-----------|-------------------------------|--------|----------------------------|--------------------------------------------------|
| 2         | Trụ nước chữa cháy ngoài nhà  | 14 l/s | Phân bố đều trong tổng kho | Xe chữa cháy lấy được nước                       |
| <b>II</b> | <b>Bên ngoài</b>              |        |                            |                                                  |
| 1         | Các trụ nước chữa cháy đô thị | 14 l/s | 1000 m                     | Xe chữa cháy lấy được nước                       |
| 2         | Sông Sài Gòn                  |        | 50 m                       | Máy bơm, tàu chữa cháy có thể hút nước trực tiếp |

#### 4. Đặc điểm nguy hiểm cháy, nổ

Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ có nhiều hạng mục, công trình có nguy hiểm về cháy, nổ. Loại hình hoạt động của cơ sở là nơi tồn trữ, bảo quản, kinh doanh, trung chuyển giao nhận xăng dầu bằng đường thủy và đường bộ. Do đó, trong cơ sở luôn tồn trữ lượng lớn xăng, dầu với các tính chất, đặc điểm nguy hiểm về cháy nổ như sau:

##### 4.1 Tính chất lý hóa của xăng dầu

Xăng dầu là chất lỏng dễ bay hơi (kể cả ở nhiệt độ bình thường). Hơi của chúng bay lên kết hợp với oxy trong không khí có nguy cơ tạo thành môi trường nguy hiểm và rất dễ gây cháy, nổ. Hơi xăng dầu thường nặng hơn không khí từ 2 đến 5 lần, do đó khi khuếch tán vào không khí thường tích tụ lại ở những vị trí thấp, gần mặt đất, nơi trũng, khuất gió.

Xăng dầu không hòa tan trong nước. Tỷ trọng của chúng khoảng từ 0,7 đến 0,9 lần so với tỷ trọng của nước. Do vậy xăng dầu luôn nổi trên mặt nước và nhanh chóng lan ra bề mặt thoáng hay trôi theo dòng nước và có thể cháy khi có nguồn nhiệt thích hợp tác động.

Xăng dầu là một chất lỏng hầu như không dẫn điện. Các phân tử dầu càng tinh khiết bao nhiêu thì càng dẫn điện kém bấy nhiêu. Điện trở suất từ  $10^{15} \text{ m}\Omega$  đến  $10^{17} \text{ m}\Omega$ . Vì vậy trong quá trình bơm rót, xuất nhập và vận chuyển xăng dầu sẽ phát sinh điện tích tĩnh điện. Khi các điện tích tích tụ đến hiệu điện thế  $U = 300\text{V} \div 500\text{V}$ , sẽ gây ra hiện tượng phóng tia lửa điện và năng lượng của tia lửa chỉ cần đạt từ 0,0005J đến 0,001J có thể gây bắt cháy nổ, hỗn hợp hơi sản phẩm xăng dầu với không khí nằm trong giới hạn nguy hiểm cháy nổ.

Mặt khác trong xăng dầu thường có lẫn phân tử lưu huỳnh nên khi chúng được bảo quản trong các thiết bị chứa bằng kim loại hoặc dẫn chuyển trên các đường ống bằng thép có khả năng tạo thành hợp chất Sunphua sắt trong các thiết bị chứa hoặc thành đường ống. Đặc điểm của Sunphua sắt khi bị oxy hóa trong môi trường không khí sẽ tỏa nhiệt mạnh và nhiệt sinh ra có thể gây cháy hỗn hợp hơi xăng dầu với không khí.

Ngoài ra, xăng dầu còn có tính độc, đặc biệt là có pha các chất phụ gia khác, những chất này có thể gây ảnh hưởng rất lớn đến sức khỏe con người.



## **4.2 Tính chất nguy hiểm cháy nổ của xăng, dầu có liên quan đến công tác chữa cháy**

Xăng dầu là loại chất lỏng dễ bay hơi, hơi chúng thường nặng hơn không khí nên khi thoát ra khỏi đường ống hoặc thiết bị chứa, chúng sẽ chuyển thành hơi và tích tụ ở những chỗ trũng, chỗ kín và tạo thành hỗn hợp nguy hiểm cháy, có thể phát nổ khi có nguồn nhiệt thích hợp tác động.

Xăng dầu khi cháy tỏa ra nhiệt lượng lớn, khi cháy hoàn toàn 1 kg sản phẩm dầu mỏ sẽ tỏa ra nhiệt lượng tương đương từ  $7,500 \div 11,000$  Kcal. Do năng lượng nhiệt bức xạ từ ngọn lửa cháy sản phẩm xăng dầu ra môi trường xung quanh với cường độ lớn sẽ có nguy cơ bị cháy lan, đặc biệt là nguy cơ cháy lan sang các bể chứa liền kề. Các đám cháy bể chứa xăng dầu thường rất dễ chuyển thành các đám cháy lớn nếu không được khống chế kịp thời ngay từ giai đoạn ban đầu.

Xăng dầu là chất không tan trong nước và có tỷ trọng nhẹ hơn nước. Do vậy, khi xảy ra sự cố, chúng dễ dàng chảy loang và cháy trên mặt nước.

Tốc độ cháy lan của xăng, dầu là rất lớn. Tốc độ cháy lan theo bề mặt của xăng, dầu từ  $0,3 \div 0,5$  m/s.

Xăng dầu có tính độc, nên hít thở nhiều hơi xăng dầu sẽ ảnh hưởng không tốt tới sức khỏe và khả năng chiến đấu của cán bộ chiến sĩ.

Những tính chất trên cần lưu ý vì nó ảnh hưởng nhất định đến sự phát triển đám cháy và quá trình cứu chữa.

## **4.3 Những đặc điểm cháy bể chứa xăng dầu**

Xăng dầu của cơ sở được chứa trong các bể bằng bê tông cốt thép, và thép dạng trụ đứng. Sự xuất hiện của đám cháy trong bể chứa xăng dầu phụ thuộc vào các yếu tố như: Sự tồn tại nguồn gây cháy, cấu trúc bể chứa, sự tồn tại nồng độ hỗn hợp hơi nguy hiểm cháy, nổ bên trong và bên ngoài bể chứa.

Đám cháy trong bể chứa xăng dầu phần lớn các trường hợp bắt đầu với quá trình nổ hỗn hợp của hơi xăng dầu với không khí trong khoảng không tự do của bể chứa. Sự hình thành nồng độ hỗn hợp nguy hiểm cháy, nổ trong khoảng không gian tự do của bể chứa, cấu trúc bể chứa, đặc điểm quy trình công nghệ và chịu ảnh hưởng của điều kiện địa lý và khí hậu.

Đặc điểm của đám cháy ở giai đoạn đầu phụ thuộc vào mức độ phá hủy do áp suất nổ hỗn hợp có trong bể và tính chất của cấu kiện xây dựng bể chứa. Mức độ phá hủy phụ thuộc vào cường độ nổ, trạng thái của bể, nhìn chung qua thực tế người ta thấy thường xảy ra các trường hợp sau:

- Nắp bể bị phá hủy, thành bể còn nguyên vẹn, nắp bể có thể bị hất tung ra ngoài hoặc có thể bị bẹp xuống, úp lên bề mặt chất lỏng cháy. Trường hợp sau này gây khó khăn cho việc phun chất truyền bột trên mặt chất lỏng.

- Nắp bể còn nguyên nhưng thành bể bị thủng, chất lỏng từ đó chảy ra, tạo nên đám cháy hỗn hợp trên thành bể và chất cháy lỏng chảy ra xung quanh bể.



- Cả nắp và thành bể bị hư hỏng, trường hợp này sẽ có đám cháy vừa từ bề mặt chất lỏng trong bể, vừa từ xung quanh bể, nó càng phức tạp nếu như toàn bộ cấu kiện sụp đổ vào phía trong bể.

Như vậy, ở mỗi một dạng sự cố, tạo nên một kiểu đám cháy mà cứu chữa đòi hỏi phải có những giải pháp kỹ chiến thuật phù hợp.

Riêng đối với những bể bằng kim loại, do khả năng chịu nhiệt hạn chế, nên chỉ sau khi cháy 10 đến 15 phút, thành phần bể không có chứa chất lỏng (xăng dầu) mất khả năng chịu lực, bị biến dạng, thường móp vào phía trong dẫn đến làm chảy tràn xăng dầu ra ngoài gây cháy lan xung quanh. Khi đã cháy được khoảng 40-50 phút, thành phần bể phía trên mất dần độ bền cơ học làm sụp đổ hoàn toàn bể. Vì thế trong quá trình chữa cháy ta phải phun nước làm lạnh không những bể cháy mà còn các bể kế cận, nếu thành bể làm bằng bê tông cốt thép thì sau một thời gian (30 phút) nhiệt độ ở thành bể cao do được nung nóng, lúc đó phun nước vào ở chừng mực nào đó, càng làm tăng tốc độ phá huỷ kết cấu của bê tông cốt thép, do vậy khi chữa cháy loại bể này cần có kỹ thuật làm lạnh thích hợp.

Khi xảy ra cháy một bể, do nhiều nguyên nhân khác nhau có thể gây cháy các bể kế cận hoặc các bể khác trong cụm kho như:

- Do bể cháy có ngọn lửa cao, nhiệt lượng toả ra nhiều, năng lượng bức xạ ra xung quanh lớn. Động năng lượng này đến một thời gian nhất định, đủ để gây cháy bể kế cận ở một khoảng cách nhất định, đồng thời nó gây ra trở ngại cho cán bộ chiến sĩ tiếp cận đám cháy.

- Do nổ bể đang cháy, nắp bể văng ra xung quanh mang theo lửa gây cháy lan.

- Có thể cháy lan do đường ống xăng dầu nối liền giữa các bể, nếu như trong quá trình chữa cháy ta không đóng kịp thời hoặc đóng không chặt.

- Do sôi trào bể đang cháy, xăng dầu tràn ra xung quanh với khối lượng xăng dầu lớn gây cháy lan. Hiện tượng sôi trào chỉ xảy ra trong bể chứa xăng dầu có lẫn nước. Khi cháy, nhiệt độ cháy đám cháy cao, nó nung nóng xăng dầu và thành bể. Dần dần do quá trình truyền nhiệt, những lớp dầu ở phía dưới được nung nóng, tiếp đến nung nóng lớp nước. Khi nước được nung nóng đến  $100^{\circ}\text{C}$  thì hoá hơi (1 lít nước hoá hơi thành 1750 lít hơi). Như vậy ở ranh giới giữa xăng dầu và nước có lớp hơi nước. Lớp này tăng dần lên thành áp suất thuỷ tĩnh của lớp dầu ở trên hơi nước thoát ra ngoài tạo nên sự đối lưu chất lỏng. Khi nhiệt độ tăng lên thì tốc độ hoá hơi tăng lên tạo nên hiện tượng sôi trào làm bắn tung lớp dầu ra xung quanh, trong thực tế đã có trường hợp sôi trào làm bắn xăng dầu ra xa 120 m, gây nên đám cháy mới, gây khó khăn cho việc cứu chữa. Dấu hiệu của hiện tượng sôi trào là tiếng ồn, sôi réo trong bể tăng lên, thành bể rung động mạnh, ngọn lửa sáng rực và màu da cam. Thời gian sẽ xảy ra hiện tượng sôi trào có thể tính theo công thức sau:  $T = (H - h)/(V - v)$



Trong đó: T: Thời gian có thể xảy ra sôi trào (giờ)  
 H: Mức xăng dầu có trong bể (m)  
 h: mức lớp nước có trong bể (m)  
 V: Vận tốc cháy hoàn toàn (m/giờ)  
 v: vận tốc nung nóng của xăng dầu (m/giờ)

| Tên chất cháy | Vận tốc cháy hoàn toàn, m/giờ | Vận tốc nung nóng chất lỏng, m/giờ |
|---------------|-------------------------------|------------------------------------|
| Xăng dầu      | 0,25                          | 0,15                               |

Những đám cháy bể và kho bể chứa xăng dầu tạo nên tiếng ồn lớn do sự đối lưu không khí trong quá trình cháy. Đặc điểm này rất cần lưu ý trong việc tổ chức cứu chữa đám cháy, nhất là việc truyền đạt mệnh lệnh chỉ huy trong hiệp đồng chiến đấu.

## 5. Về nguồn nhiệt

### Nguồn nhiệt hình thành do ma sát, va đập

Tia lửa hình thành do ma sát, va đập có thể trở thành nguồn nhiệt gây cháy. Để làm bốc cháy hỗn hợp hơi khí cháy, tia lửa phải nung nóng được một phần thể tích của hỗn hợp đến nhiệt độ bốc cháy.

Loại tia lửa này là nguồn nhiệt bắt cháy cho những chất dễ cháy, như: hơi chất lỏng cháy, bụi cháy và một số chất rắn cháy. Khả năng gây cháy của tia lửa phụ thuộc vào nhiệt lượng, độ lớn của hạt kim loại, khoảng cách tia lửa tới nguồn nhiệt, thời gian tiếp xúc.

## 6. Lực lượng chữa cháy ban đầu và phương tiện phòng cháy chữa cháy

### 6.1. Lực lượng phòng cháy chữa cháy ban đầu

Đội phòng cháy chữa cháy cơ sở của Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ gồm 19 thành viên hoạt động theo chế độ chuyên trách. Tất cả đều được huấn luyện và cấp giấy chứng nhận huấn luyện nghiệp vụ về PCCC&CNCH, chỉ huy chữa cháy là Giám đốc Công ty.

Biết sử dụng thành thạo các phương tiện chữa cháy tại chỗ được trang bị trong cơ sở; lực lượng bảo vệ có khả năng tổ chức chữa cháy, cứu người, cứu tài sản và phối hợp với lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH tham gia tổ chức chữa cháy khi có sự cố xảy ra; nhân viên trong cơ sở đều được huấn luyện sử dụng các trang thiết bị, phương tiện PCCC được trang bị tại cơ sở và có thể hướng dẫn tổ chức thoát hiểm cho công nhân viên Công ty ra khu vực an toàn khi có sự cố cháy, nổ xảy ra.

### 6.2. Lực lượng thường trực chữa cháy

- Trong giờ làm việc: 19 người là đội viên Đội PCCC cơ sở.
- Ngoài giờ làm việc: 10 người là đội viên Đội PCCC cơ sở.

### 6.3. Phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

| TT | Phương tiện, thiết bị, dụng cụ         | Đơn vị tính | Số lượng | Vị trí bố trí                   | Tình trạng hoạt động |
|----|----------------------------------------|-------------|----------|---------------------------------|----------------------|
| 1  | Xe chữa cháy                           | Chiếc       | 02       | Nhà xe                          | Tốt                  |
| 2  | Xe bồn tiếp nước                       | Chiếc       | 01       | Nhà xe                          | Tốt                  |
| 3  | Bơm nước chữa cháy động cơ điện        | Cái         | 03       | Bể nước chữa cháy               | Tốt                  |
| 4  | Bơm nước chữa cháy động cơ Diesel      | Cái         | 02       | Bể nước chữa cháy               | Tốt                  |
| 5  | Bơm nước bù áp động cơ điện            | Cái         | 01       | Bể nước chữa cháy               | Tốt                  |
| 6  | Hệ thống chữa cháy bằng bọt (Foam)     | Hệ thống    | 01       | Trên thành các bể chứa          | Tốt                  |
| 7  | Vòi chữa cháy (gồm cả PM4)             | Cái         | 45       | Trong các tủ đựng vòi chữa cháy | Tốt                  |
| 8  | Lăng chữa cháy                         | Cái         | 42       | Trong các tủ đựng vòi chữa cháy | Tốt                  |
| 9  | Lăng phun bọt LPB600                   | Cái         | 10       | Trong các tủ đựng vòi chữa cháy | Tốt                  |
| 10 | Bình chữa cháy di động các loại        | Bình        | 106      | Xung quanh các bể chứa          | Tốt                  |
| 11 | Hệ thống làm mát                       | Hệ thống    | 02       | Xung quanh các bể chứa          | Tốt                  |
| 12 | Phao quây                              | Mét         | 240      | Kho vật tư                      | Tốt                  |
| 13 | Máy bơm hút dầu                        | Chiếc       | 01       | Kho vật tư                      | Tốt                  |
| 14 | Bồn chứa cơ động                       | Chiếc       | 02       | Kho vật tư                      | Tốt                  |
| 15 | Phao quây thấm dầu                     | Mét         | 100      | Kho vật tư                      | Tốt                  |
| 16 | Bột vi sinh xử lý dầu thấm vào đất cát | Bao         | 20       | Kho vật tư                      | Tốt                  |

## II. NGUYÊN TẮC, BIỆN PHÁP CƠ BẢN ĐỂ CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG DO CHÁY, NỔ

### 1. Nguyên tắc

- Thống nhất chỉ huy điều hành trong công tác chữa cháy, tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ và ứng phó sự cố môi trường do cháy, nổ.
- Huy động nhanh nhất các lực lượng, phương tiện để dập tắt đám cháy và tìm kiếm cứu người bị nạn.



- Tổ chức công tác tìm kiếm cứu nạn và chữa cháy phải được tiến hành đồng thời và đạt hiệu quả cao nhất, trong đó tổ chức cứu người bị nạn là ưu tiên hàng đầu.

## 2. Biện pháp

- Lực lượng tại chỗ phải kịp thời huy động lực lượng, phương tiện để tổ chức thoát nạn, tìm kiếm cứu nạn và triển khai chữa cháy ban đầu có hiệu quả nhất.

- Vận hành và phát huy hiệu quả của các hệ thống phòng cháy chữa cháy trong Cơ sở: hệ thống báo cháy, hệ thống cung cấp nước chữa cháy, hệ thống chữa cháy tự động... để phục vụ cho công tác tìm kiếm cứu nạn và tổ chức chữa cháy.

- Đối với đám cháy xăng dầu Diezel, dựa vào nguyên lý làm ngừng sự cháy nên sử dụng chất chữa cháy là Foam.

- Ban đầu, khi chưa đủ lực lượng, phương tiện để có thể dập tắt đám cháy, áp dụng chiến thuật chữa cháy theo mặt lửa và ngăn chặn cháy lan. Tổ chức hướng dẫn thoát nạn, cứu nạn, cứu hộ tại khu vực có người bị nạn; bố trí người hướng dẫn lực lượng cơ sở di chuyển tài sản (có giá trị) ra nơi an toàn. Khi huy động đủ lực lượng, phương tiện đến đám cháy triển khai các đội hình chữa cháy khống chế và dập tắt đám cháy; đồng thời tổ chức cứu người bị nạn ra nơi an toàn.

- Huy động sức mạnh tổng hợp của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; sử dụng các trang thiết bị phương tiện hiện đại chuyên dụng để tổ chức tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ và chữa cháy.

- Đảm bảo thông tin liên lạc kịp thời trong suốt trong tổ chức chỉ huy điều hành chữa cháy và tìm kiếm cứu người bị nạn.

- Biện pháp xử lý môi trường khi có nhiên liệu tràn đổ:

+ Biện pháp cách ly: Huy động lực lượng triển khai túi hơi chặn dòng chảy của nguồn nước ở các đường cống thoát nước nhằm cách ly, cô lập không để nguồn nước phát tán rộng rãi gây ô nhiễm môi trường.

+ Biện pháp xử lý thu gom và xử lý nhiên liệu: Sử dụng xe bồn chuyên dụng tiến hành bơm nước đã bị lẫn nhiên liệu từ đường cống dẫn nước mưa đã được cô lập từ trước lên xe bồn, tránh nguồn nước phát tán làm ô nhiễm môi trường. Xe bồn sau khi bơm nguồn nước nhiễm nhiên liệu tiến hành vận chuyển tới nhà máy xử lý chất thải, hóa chất độc hại để được xử lý.

## III. GIẢ ĐỊNH TÌNH HUỐNG

- **Tình huống giả định: Tình huống số 1** của Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do cháy, nổ trên địa bàn tỉnh Bình Dương: **Tình huống cháy nổ trong quá trình vận chuyển nhiên liệu trên bộ.**

Vào hồi 09 giờ 00 phút ngày X tháng Y năm 2023, xảy ra sự cố cháy do va chạm giữa 2 xe bồn chở xăng, dầu Diesel trên đường Nguyễn Văn Cừ.

- **Vị trí xảy ra sự cố:**

+ Phía Đông giáp: cầu Rạch Trâu.



- + Phía Tây giáp: Khu vực rừng cây.
- + Phía Nam giáp: Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ.
- + Phía Bắc giáp: Bãi đỗ xe của Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ.

- **Nguyên nhân và dự kiến khả năng phát triển của đám cháy:** Sau khi tiếp nhận đủ lượng nhiên liệu từ vị trí nhập ở tổng kho, xe bồn (Số 01 - Chở đầy nhiên liệu) với tổng dung tích  $25 \text{ m}^3$  di chuyển đi giao hàng; cùng lúc đó xe bồn (Số 02 - Xe rỗng) từ bãi chờ di chuyển sang đường để tiến vào tổng kho để nhận hàng; do di chuyển thiếu quan sát nên 2 xe đã va chạm (gần khu vực **Cổng số 2** của Tổng kho) dẫn đến gãy van của xe bồn số 01 và làm tràn đổ nhiên liệu ra đường Nguyễn Văn Cừ và tràn theo đường cống thoát nước ra phía cầu Rạch Trầu đồng thời phát sinh sự cháy, đám cháy nhanh chóng lan theo lượng nhiên liệu bị tràn ra ngoài. Lái xe và phụ xe của xe bồn số 01 hoảng sợ bỏ chạy ra ngoài kêu cứu, đám cháy nhanh chóng phát triển lớn và có nguy cơ lan đến khu vực xuất hàng của tổng kho (sát đường Nguyễn Văn Cừ). Nhiệt lượng lớn và khói khí độc dày đặc từ đám cháy gây khó khăn cho công tác tiếp cận và xử lý đám cháy của lực lượng cơ sở và lực lượng Cảnh sát Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.

- **Nạn nhân mắc kẹt tại nơi 2 xe va chạm:** 01 tài xế điều khiển xe bồn số 02.

- **Chất cháy chủ yếu:** Xăng, dầu diesel,...

#### IV. TÍNH TOÁN LỰC LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN THAM GIA CHỮA CHÁY VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN – CỨU HỘ

##### 1. Tính toán lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy

*1.1. Cháy tại khu vực va chạm giữa 2 xe bồn trên đường Nguyễn Văn Cừ - trước cổng số 2 của Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ*

- Diện tích chữa cháy:  $S_{cc} = 280 \text{ (m}^2\text{)}$ .

- Lưu lượng dung dịch chất tạo bọt cần thiết để dập tắt đám cháy:

$$Q_{ddct} = F_{cc} \times J_{ct} = 280 \times 0,108 = 30,24 \text{ (l/s)}.$$

Trong đó: Cường độ phun dung dịch chất tạo bọt đối với sản phẩm dầu mỏ có nhiệt độ bắt cháy lớn hơn  $37,8^\circ\text{C}$ ,  $J_{ct} = 0,108 \text{ lít/m}^2.\text{s}$ .

- Số lăng phun bọt LPB600 cần thiết để chữa là:

$$N_{lpb} = Q_{ddct}/q_L = 30,24/6 = 5,04 \text{ làm tròn } 6 \text{ lăng LPB600}$$

Để bảo đảm việc triển khai chữa cháy bằng bọt hiệu quả, mỗi xe chữa cháy sẽ triển khai 01 lăng phun bọt hòa không khí LPB600. Số xe chữa cháy cần thiết để phun bọt chữa cháy là: **06 xe chữa cháy**.

- Lưu lượng nước cần thiết để làm mát đám cháy:  $Q_{ctlm} = 0,5.S_{cc}.i_{ct} = 0,5.280.0,15 = 21 \text{ (l/s)}$ .

Trong đó:  $i_{ctcc}$  : Cường độ phun nước chữa cháy,  $(\text{l/s.m}^2)$  (Lấy theo bảng 3, phụ lục 1, Sổ tay công tác chữa cháy, Hà Nội 2004)



- Số lăng cần thiết để để làm mát, bảo vệ, ngăn chặn cháy lan

$$N_{LAIm} = Q_{ctlm}/q_{LăngA} = 21/7 = 3 \text{ lăng A.}$$

Trong đó:  $q_{LăngA} = 7 \text{ (l/s)}$ : Lưu lượng lăng A.

- Số Robot cần thiết để làm mát:

$$N_{RB} = N_{LAIm}/4 = 3/4 = 0.75 \text{ làm tròn 01 Robot (02 xe chữa cháy đi kèm).}$$

- Số CBCS cần thiết để chữa cháy & làm mát:

$$N_{CBCS} = (6+2).6 + 3 = 51 \text{ CBCS.}$$

### ***1.2. Cháy lan tại khu vực xuất xăng dầu (sát bên khu vực xảy ra tai nạn giữa 2 xe bồn trên đường Nguyễn Văn Cừ)***

- Tổng diện tích chữa cháy ( $F_{cc}$ ):  $50 \text{ m}^2$

- Lưu lượng dung dịch chất tạo bọt cần thiết để dập tắt đám cháy:

$$Q_{ddct} = F_{cc} \times J_{ct} = 50 \times 0,108 = 5,4 \text{ (l/s).}$$

Trong đó: Cường độ phun dung dịch chất tạo bọt đối với sản phẩm dầu mỏ có nhiệt độ bắt cháy lớn hơn  $37,8^\circ\text{C}$ ,  $J_{ct} = 0,108 \text{ lít/m}^2.\text{s}$ .

- Số lăng phun bọt LPB600 cần thiết để chữa cháy là:

$$N_{lpb} = Q_{ddct}/q_L = 5,4/6 = 0,9 \text{ làm tròn 1 lăng LPB600}$$

Để bảo đảm việc triển khai chữa cháy bằng bọt hiệu quả, triển khai 01 lăng phun bọt hòa không khí LPB600. Số xe chữa cháy cần thiết để phun bọt chữa cháy là: **01 xe chữa cháy.**

### ***1.3. Cháy lan tại khu vực cầu Rạch Trâu***

- Tổng diện tích chữa cháy ( $F_{cc}$ ):  $30 \text{ m}^2$

- Lưu lượng dung dịch chất tạo bọt cần thiết để dập tắt đám cháy:

$$Q_{ddct} = F_{cc} \times J_{ct} = 30 \times 0,108 = 3,24 \text{ (l/s).}$$

Trong đó: Cường độ phun dung dịch chất tạo bọt đối với sản phẩm dầu mỏ có nhiệt độ bắt cháy lớn hơn  $37,8^\circ\text{C}$ ,  $J_{ct} = 0,108 \text{ lít/m}^2.\text{s}$ .

- Số lăng phun bọt LPB600 cần thiết để chữa là:

$$N_{lpb} = Q_{ddct}/q_L = 3,24/6 = 0,54 \text{ làm tròn 1 lăng LPB600}$$

Để bảo đảm việc triển khai chữa cháy bằng bọt hiệu quả, triển khai 01 lăng phun bọt hòa không khí LPB600. Số tàu chữa cháy cần thiết để phun bọt chữa cháy là: **01 tàu chữa cháy.**

## **2. Lực lượng, phương tiện truyền tiếp nước chữa cháy và lực lượng dự phòng**

- Để đảm bảo áp lực, lưu lượng nước huy động 01 xe trạm bơm tiến hành truyền tiếp nước.

- 01 xe chữa cháy dự phòng thay thế khi các xe khác có sự cố.
- Có thể sử dụng thêm hệ thống cấp nước tại các trụ nước xung quanh Tổng kho, nước tại sông Sài Gòn để truyền tiếp nước chữa cháy.

### 3. Lực lượng, phương tiện cứu nạn, cứu hộ

Số CBCS cần thiết để cứu nạn cứu hộ:  $N_{CBCS} = 06$  CBCS.

### 4. Tổng số lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và ứng phó sự cố môi trường do cháy nổ

Do tình hình đám cháy phát triển nhanh, cháy lớn diễn biến phức tạp và gây ảnh hưởng xấu đến môi trường nên cần phải huy động các lực lượng khác tham gia để phối hợp. Tổng số lực lượng, phương tiện tham gia gồm:

$\sum N_{xe} = 02$  xe chỉ huy + 10 xe chữa cháy + 01 tàu chữa cháy + 01 robot chữa cháy + 01 xe thang chữa cháy + 01 xe trạm bơm + 03 xe cấp cứu + 05 xe chở quân + 05 xe chuyên dùng + 02 xe phương tiện. (31 phương tiện).

$\sum N_{CBCS} = 364$  người.

#### 4.1. Công an tỉnh Bình Dương

*Huy động 159 CBCS cùng với 10 xe chữa cháy, 01 tàu chữa cháy, 01 robot chữa cháy, 01 xe thang chữa cháy, 01 xe trạm bơm, 02 xe phương tiện, 02 xe chở quân, 02 xe chỉ huy chữa cháy và các trang thiết bị, dụng cụ, vật tư cần thiết.*

##### 4.1.1. Công an thành phố Thủ Dầu Một

| STT | Lực lượng                                           | Phương tiện                                     | Nhiệm vụ                                       | Ghi chú                                  |
|-----|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------|
| 1   | Đại diện Ban lãnh đạo Công an thành phố Thủ Dầu Một |                                                 | Chỉ huy diễn tập                               |                                          |
| 2   | 01 CBCS                                             | 01 xe Chỉ huy                                   | Lái xe chỉ huy                                 | Đội Cảnh sát PCCC&CNCH phối hợp với PC07 |
| 3   | 06 CBCS                                             | 01 Xe chữa cháy và các trang thiết bị cần thiết | Triển khai đội hình 02 lăng phun bột chữa cháy |                                          |



|                                                                                                                                           |         |                              |                                                                                                                                                                |                                   |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|
| 4                                                                                                                                         | 06 CBCS | 01 xe phương tiện            | Chia thành 2 tổ tham gia trình sát đám cháy                                                                                                                    |                                   |
| 5                                                                                                                                         | 05 CBCS | Các trang thiết bị cần thiết | Bố trí lực lượng, phương tiện tham gia phân luồng giao thông đảm bảo an ninh trật tự phục vụ công tác diễn tập phương án và khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn | Đội Cảnh sát Giao thông – Trật tự |
| 6                                                                                                                                         | 04 CBCS | Các trang thiết bị cần thiết | Bố trí lực lượng, phương tiện tham gia phân luồng giao thông đảm bảo an ninh trật tự phục vụ công tác diễn tập phương án và bảo vệ hiện trường                 | Công an phường Chánh Mỹ           |
| Tổng: Ban lãnh đạo (01 đ/c), 22 CBCS, 01 xe chỉ huy, 01 xe chữa cháy, 01 xe phương tiện và các trang thiết bị, dụng cụ, vật tư cần thiết. |         |                              |                                                                                                                                                                |                                   |

#### 4.1.2. Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH

| STT | Lực lượng                              | Phương tiện                                                                                                           | Nhiệm vụ                                                                                                    | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | 06 đồng chí (05 Lãnh đạo và 01 lái xe) | 01 xe Chỉ huy                                                                                                         | Chỉ huy hiện trường, tham mưu chữa cháy                                                                     |         |
| 2   | 54 CBCS                                | 06 xe chữa cháy, 01 xe chở quân, 01 Robot chữa cháy, 01 tàu chữa cháy, 01 xe trạm bơm và các trang thiết bị cần thiết | Triển khai đội hình chữa cháy, ngăn cháy lan; sử dụng chất thấm hút để hỗ trợ thu gom nhiên liệu bị tràn đổ |         |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                |         |                                                                               |                                                                      |  |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|--|
| 3                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 06 CBCS | 01 xe chở phương tiện bộ đàm và các trang thiết bị, dụng cụ, vật tư cần thiết | Triển khai công tác tạo hiện trường cháy, phục vụ thông tin liên lạc |  |
| <p>Tổng: 05 đồng chí Lãnh đạo phòng, 01 lái xe chỉ huy, 60 CBCS cùng 01 xe chỉ huy, 06 xe chữa cháy, 01 xe chở phương tiện, 01 xe chở quân, 01 robot chữa cháy, 01 tàu chữa cháy, 01 xe trạm bơm, máy quạt khói, bình chữa cháy các loại và các trang thiết bị, dụng cụ, vật tư cần thiết.</p> |         |                                                                               |                                                                      |  |

#### 4.1.3. Đội Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Dĩ An

| STT                                                                                                                    | Lực lượng                                     | Phương tiện        | Nhiệm vụ                                                                                               | Ghi chú              |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| 1                                                                                                                      | Đại diện Ban lãnh đạo Công an thành phố Dĩ An |                    | Tham gia chỉ huy diễn tập                                                                              |                      |
| 2                                                                                                                      | 03 CBCS                                       | Xe thang chữa cháy | Phối hợp xe chữa cháy của Công an Thành phố Tân Uyên triển khai đội hình 01 lăng phun bột vào đám cháy | Tham gia Giai đoạn 3 |
| <p>Tổng số: Ban lãnh đạo (01 đ/c), 03 CBCS, 01 xe thang chữa cháy và các trang thiết bị, dụng cụ, vật tư cần thiết</p> |                                               |                    |                                                                                                        |                      |



#### 4.1.4. Đội Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Tân Uyên

| STT                                                                                                       | Lực lượng                                        | Phương tiện                                  | Nhiệm vụ                                                                                                  | Ghi chú              |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| 1                                                                                                         | Đại diện Ban lãnh đạo Công an thành phố Tân Uyên |                                              | Tham gia chỉ huy diễn tập                                                                                 |                      |
| 2                                                                                                         | 06 CBCS                                          | Xe chữa cháy và các trang thiết bị cần thiết | Phối hợp xe thang chữa cháy của Công an thành phố Dĩ An triển khai đội hình 01 lăng phun bột vào đám cháy | Tham gia Giai đoạn 3 |
| Tổng số: Ban lãnh đạo (01 đ/c), 06 CBCS, 01 xe chữa cháy và các trang thiết bị, dụng cụ, vật tư cần thiết |                                                  |                                              |                                                                                                           |                      |

#### 4.1.5. Đội Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thị xã Bến Cát

| STT                                                                                                       | Lực lượng                                    | Phương tiện                                  | Nhiệm vụ                                          | Ghi chú              |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------|
| 1                                                                                                         | Đại diện Ban lãnh đạo Công an thị xã Bến Cát |                                              | Tham gia chỉ huy diễn tập                         |                      |
| 2                                                                                                         | 06 CBCS                                      | Xe chữa cháy và các trang thiết bị cần thiết | Triển khai đội hình 02 lăng phun bột vào đám cháy | Tham gia Giai đoạn 3 |
| Tổng số: Ban lãnh đạo (01 đ/c), 06 CBCS, 01 xe chữa cháy và các trang thiết bị, dụng cụ, vật tư cần thiết |                                              |                                              |                                                   |                      |

#### 4.1.6. Đội Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Thuận An

| STT                                                                                                       | Lực lượng                                        | Phương tiện                                  | Nhiệm vụ                                          | Ghi chú              |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------|
| 1                                                                                                         | Đại diện Ban lãnh đạo Công an thành phố Thuận An |                                              | Tham gia chỉ huy diễn tập                         |                      |
| 2                                                                                                         | 06 CBCS                                          | Xe chữa cháy và các trang thiết bị cần thiết | Triển khai đội hình 02 lăng phun bột vào đám cháy | Tham gia Giai đoạn 3 |
| Tổng số: Ban lãnh đạo (01 đ/c), 06 CBCS, 01 xe chữa cháy và các trang thiết bị, dụng cụ, vật tư cần thiết |                                                  |                                              |                                                   |                      |

#### 4.1.7. Phòng Công tác Đảng và Công tác Chính trị

| STT                                  | Lực lượng             | Phương tiện                                              | Nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                    | Ghi chú |
|--------------------------------------|-----------------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1                                    | Đại diện Ban lãnh đạo |                                                          | Tham gia chỉ huy diễn tập                                                                                                                                                                                                                                                   |         |
| 2                                    | 02 CBCS               | Máy quay phim, chụp hình và các trang thiết bị cần thiết | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phối hợp với các cơ quan truyền thông xây dựng phim cơ chế chỉ huy, điều hành về công tác diễn tập.</li> <li>- Quay phim, chụp hình trong quá trình diễn tập phục vụ làm tư liệu và tuyên truyền công tác PCCC&amp;CNCH</li> </ul> |         |
| Tổng: Ban lãnh đạo (01 đ/c), 02 CBCS |                       |                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                             |         |

#### 4.1.8. Phòng Hậu cần

| STT                                  | Lực lượng             | Phương tiện | Nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Ghi chú                                                                             |
|--------------------------------------|-----------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                                    | Đại diện Ban lãnh đạo |             | Tham gia chỉ huy diễn tập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |
| 2                                    | 03 CBCS               |             | <p>- <b>02 CBCS:</b> Phối hợp với phòng PC07 bố trí kinh phí tổ chức diễn tập và kinh phí mua sắm, sửa chữa phương tiện, trang thiết bị cần thiết, dụng cụ vật tư đảm bảo các điều kiện, nội dung phục vụ cho công tác diễn tập và những vấn đề phát sinh trong quá trình luyện tập, diễn tập</p> <p>- <b>01 CBCS:</b> tham gia chăm sóc sức khỏe CBCS trong quá trình luyện tập và diễn tập chính thức</p> |                                                                                     |
| Tổng: Ban lãnh đạo (01 đ/c), 03 CBCS |                       |             |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                     |

#### 4.1.9. Phòng Cảnh sát Cơ động

| STT                                                    | Lực lượng             | Phương tiện                                           | Nhiệm vụ                                                                  | Ghi chú |
|--------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1                                                      | Đại diện Ban lãnh đạo |                                                       | Tham gia chỉ huy diễn tập                                                 |         |
| 2                                                      | 10 CBCS               | <b>01 xe chở quân</b> và các trang thiết bị cần thiết | Tham gia bảo vệ an ninh trật tự trong và ngoài khu vực diễn tập phương án |         |
| Tổng: Ban lãnh đạo (01 đ/c), 10 CBCS và 01 xe chở quân |                       |                                                       |                                                                           |         |



#### 4.1.10. Phòng Tham mưu

| STT                                  | Lực lượng             | Phương tiện | Nhiệm vụ                                                                                                                                                                                   | Ghi chú |
|--------------------------------------|-----------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1                                    | Đại diện Ban lãnh đạo |             | Tham gia chỉ huy diễn tập                                                                                                                                                                  |         |
| 2                                    | 02 CBCS               |             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Triển khai công tác thông tin liên lạc giữa các đơn vị tham gia.</li> <li>- Thực hiện công tác tham mưu báo cáo và hỗ trợ Ban Chỉ đạo.</li> </ul> |         |
| Tổng: Ban lãnh đạo (01 đ/c), 02 CBCS |                       |             |                                                                                                                                                                                            |         |

#### 4.2. Lực lượng Quân sự tỉnh Bình Dương

Huy động 80 CBCS cùng 03 xe chở quân và các trang thiết bị cần thiết.

##### 4.2.1. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Dương

| STT                                                                      | Lực lượng             | Phương tiện                                    | Nhiệm vụ                                                                                                                                                                                     | Ghi chú |
|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1                                                                        | Đại diện Ban lãnh đạo |                                                | Tham gia chỉ huy diễn tập.                                                                                                                                                                   |         |
| 2                                                                        | 60 CBCS               | 02 xe chở quân và các trang thiết bị cần thiết | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bố trí lực lượng, phương tiện tham gia cứu người, đảm bảo an ninh trật tự.</li> <li>- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Tham mưu đề ra.</li> </ul> |         |
| Tổng: Đại diện Ban Lãnh đạo (01 đ/c), 02 lái xe, 60 CBCS, 02 xe chở quân |                       |                                                |                                                                                                                                                                                              |         |

#### 4.2.2. Ban Chỉ huy Quân sự thành phố Thủ Dầu Một

| STT                                                                      | Lực lượng             | Phương tiện                                    | Nhiệm vụ                                                                                                                                                                                     | Ghi chú |
|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------|------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1                                                                        | Đại diện Ban lãnh đạo |                                                | Tham gia chỉ huy diễn tập.                                                                                                                                                                   |         |
| 2                                                                        | 15 CBCS               | 01 xe chở quân và các trang thiết bị cần thiết | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bố trí lực lượng, phương tiện tham gia cứu người, đảm bảo an ninh trật tự.</li> <li>- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ban Tham mưu đề ra.</li> </ul> |         |
| Tổng: Đại diện Ban Lãnh đạo (01 đ/c), 01 lái xe, 15 CBCS, 01 xe chở quân |                       |                                                |                                                                                                                                                                                              |         |

#### 4.3. Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ

| STT                                               | Lực lượng             | Phương tiện                            | Nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                     | Ghi chú                                                                         |
|---------------------------------------------------|-----------------------|----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|
| 1                                                 | Đại diện Ban lãnh đạo |                                        | Tham gia chỉ huy diễn tập                                                                                                                                                                                                    |                                                                                 |
| 2                                                 | 59 nhân viên          | Các trang thiết bị, dụng cụ cần thiết. | <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Vào vai người bị nạn (40 nhân viên)</li> <li>+ Triển khai lực lượng tại chỗ tham gia vào công tác chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ ban đầu và các công tác khác (19 nhân viên)</li> </ul> | Còn lại sẽ tham gia di chuyển thoát nạn trong buổi Tổng diễn và diễn chính thức |
| Tổng: Ban Lãnh đạo cơ sở (01 người), 59 nhân viên |                       |                                        |                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                 |



#### 4.4. Văn phòng UBND tỉnh Bình Dương

| STT                                              | Lực lượng             | Phương tiện | Nhiệm vụ                                                                                                      | Ghi chú |
|--------------------------------------------------|-----------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1                                                | Đại diện Ban lãnh đạo |             | Chỉ huy diễn tập                                                                                              |         |
| 2                                                | 02 cán bộ             |             | Tổ chức nắm thông tin tình hình sự cố cháy, nổ và hoạt động chữa cháy, cứu nạn – cứu hộ để chỉ viện lực lượng |         |
| Tổng: Đại diện Ban Lãnh đạo (01 đ/c), 02 cán bộ. |                       |             |                                                                                                               |         |

#### 4.5. UBND thành phố Thủ Dầu Một

| STT                                              | Lực lượng             | Phương tiện | Nhiệm vụ                                                                                                                                                | Ghi chú                      |
|--------------------------------------------------|-----------------------|-------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| 1                                                | Đại diện Ban lãnh đạo |             | Chỉ huy diễn tập                                                                                                                                        |                              |
| 2                                                | 02 cán bộ             |             | Tổ chức nắm thông tin tình hình sự cố cháy, nổ và hoạt động chữa cháy, cứu nạn – cứu hộ, trường hợp cần thiết tham mưu UBND tỉnh xin chỉ viện lực lượng | Văn phòng UBND thành phố TDM |
| Tổng: Đại diện Ban Lãnh đạo (01 đ/c), 02 cán bộ. |                       |             |                                                                                                                                                         |                              |

#### 4.6. UBND phường Chánh Mỹ

| STT                                              | Lực lượng             | Phương tiện | Nhiệm vụ                                                                                                                                                           | Ghi chú |
|--------------------------------------------------|-----------------------|-------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1                                                | Đại diện Ban lãnh đạo |             | Chỉ huy diễn tập                                                                                                                                                   |         |
| 2                                                | 02 cán bộ             |             | Tổ chức nắm thông tin tình hình sự cố cháy, nổ và hoạt động chữa cháy, cứu nạn – cứu hộ, trường hợp cần thiết tham mưu UBND phường Chánh Mỹ xin chi viện lực lượng |         |
| Tổng: Đại diện Ban Lãnh đạo (01 đ/c), 02 cán bộ. |                       |             |                                                                                                                                                                    |         |

#### 4.7. Trung tâm văn hóa thành phố Thủ Dầu Một

| STT             | Lực lượng | Phương tiện                           | Nhiệm vụ                                                                                                                                                                   | Ghi chú                                                                              |
|-----------------|-----------|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| 1               | 03 cán bộ | Các trang thiết bị, dụng cụ cần thiết | Phối hợp với phòng PC07 (do PC07 chủ trì) trang trí cờ, khẩu hiệu diễn tập phương án trên những tuyến đường tiếp giáp với Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ (trong bán kính 01km) | Thực hiện trước ngày Tổng duyệt và duy trì cho đến khi kết thúc diễn tập chính thức. |
| Tổng: 03 cán bộ |           |                                       |                                                                                                                                                                            |                                                                                      |

#### 4.8. Phòng Tài nguyên Môi trường thành phố Thủ Dầu Một

| STT                                             | Lực lượng             | Phương tiện                  | Nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                 | Ghi chú |
|-------------------------------------------------|-----------------------|------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1                                               | Đại diện Ban lãnh đạo |                              | Tham gia chỉ huy diễn tập                                                                                                                                                                                                                                |         |
| 2                                               | 02 cán bộ             | Các trang thiết bị cần thiết | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá quy mô và mức độ nghiêm trọng của sự cố để đưa ra phương án xử lý sự cố</li> <li>- Báo cáo Sở Tài nguyên và môi trường để huy động lực lượng và phương tiện phục vụ công tác ứng phó sự cố.</li> </ul> |         |
| Tổng: Đại diện Ban Lãnh đạo (01 đ/c), 02 cán bộ |                       |                              |                                                                                                                                                                                                                                                          |         |

#### 4.9. Sở Y tế

| STT                                                               | Lực lượng             | Phương tiện                                      | Nhiệm vụ                                                                                                                         | Ghi chú                                    |
|-------------------------------------------------------------------|-----------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| 1                                                                 | Đại diện Ban lãnh đạo |                                                  | Tham gia chỉ huy diễn tập                                                                                                        |                                            |
| 2                                                                 | 02 tổ cấp cứu         | 02 xe cứu thương và các trang thiết bị cần thiết | Tiếp nhận người bị nạn tại khu vực sơ cấp cứu ban đầu, nhanh chóng đưa các nạn nhân tới các cơ sở y tế gần nhất để được điều trị | Xuất phát thực hiện nhiệm vụ ở Giai đoạn 3 |
| Tổng: Đại diện Ban Lãnh đạo (01 đ/c), 08 cán bộ, 02 xe cứu thương |                       |                                                  |                                                                                                                                  |                                            |



#### 4.10. Hội Chữ thập đỏ tỉnh Bình Dương

| STT                                             | Lực lượng             | Phương tiện                                       | Nhiệm vụ                                                                                                                                                       | Ghi chú                                    |
|-------------------------------------------------|-----------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| 1                                               | Đại diện Ban lãnh đạo |                                                   | Tham gia chỉ huy diễn tập.                                                                                                                                     |                                            |
| 2                                               | 01 tổ cấp cứu         | 01 xe chuyên dùng và các trang thiết bị cần thiết | Thiết lập 01 tổ cấp cứu, tiến hành sơ cấp cứu ban đầu với những nạn nhân bị thương, hỗ trợ di chuyển nạn nhân lên xe cứu thương để đưa tới cơ sở y tế gần nhất | Xuất phát thực hiện nhiệm vụ ở Giai đoạn 3 |
| Tổng: Đại diện Ban Lãnh đạo (01 đ/c), 04 cán bộ |                       |                                                   |                                                                                                                                                                |                                            |

#### 4.11. Công ty Điện lực Bình Dương

| STT                                                                                  | Lực lượng                            | Phương tiện                                       | Nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                      | Ghi chú                  |
|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| 1                                                                                    | Đại diện Công ty Điện lực Bình Dương |                                                   | Tham gia chỉ huy diễn tập                                                                                                                                                                                                     |                          |
| 2                                                                                    | 02 nhân viên                         | 01 xe chuyên dùng và các trang thiết bị cần thiết | Phối hợp với Tổng kho Xăng dầu Chánh Mỹ thực hiện việc cắt, đóng điện xung quanh khu vực diễn tập trước, trong và sau khi kết thúc lệnh của chỉ huy diễn tập để đảm bảo an toàn cho lực lượng, phương tiện tham gia phương án | Triển khai ở Giai đoạn 2 |
| Tổng: Đại diện Công ty Điện lực Bình Dương (01 đ/c), 02 nhân viên, 01 xe chuyên dùng |                                      |                                                   |                                                                                                                                                                                                                               |                          |



#### 4.12. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bình Dương

| STT                                             | Lực lượng                                              | Phương tiện                  | Nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                             | Ghi chú |
|-------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1                                               | Đại diện Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bình Dương |                              | Tham gia chỉ huy diễn tập                                                                                                                                                                                                            |         |
| 2                                               | 02 cán bộ                                              | Các trang thiết bị cần thiết | + Phối hợp với Công an tỉnh xây dựng phim cơ chế chỉ huy, điều hành về công tác diễn tập<br>+ Thu thập thông tin, dữ liệu về cuộc diễn tập phương án phát trên truyền hình để tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCCC&CNCH |         |
| Tổng: Đại diện Ban Lãnh đạo (01 đ/c), 02 cán bộ |                                                        |                              |                                                                                                                                                                                                                                      |         |

#### 4.13. Công ty CP - Tổng Công ty nước - Môi trường Bình Dương

| STT                                                | Lực lượng             | Phương tiện                                         | Nhiệm vụ                                                                                                                        | Ghi chú |
|----------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1                                                  | Đại diện Ban lãnh đạo |                                                     | Tham gia chỉ huy diễn tập                                                                                                       |         |
| 2                                                  | 03 nhân viên          | 01 xe chuyên dụng cùng các trang thiết bị cần thiết | - Đảm bảo và tăng cường áp lực nước phục vụ công tác diễn tập phương án<br>- Hỗ trợ thu gom nhiên liệu bị tràn đổ ra môi trường |         |
| Tổng: Đại diện Ban Lãnh đạo (01 đ/c), 03 nhân viên |                       |                                                     |                                                                                                                                 |         |

## 4.14. Sở Công thương

| STT                                                                | Lực lượng             | Phương tiện                                       | Nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Ghi chú |
|--------------------------------------------------------------------|-----------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1                                                                  | Đại diện Ban lãnh đạo |                                                   | Tham gia chỉ huy diễn tập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |         |
| 2                                                                  | 04 cán bộ             | 01 xe chuyên dùng và các trang thiết bị cần thiết | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chức nắm thông tin về sự cố tràn, đổ xăng, dầu Diesel</li> <li>- Đánh giá mức độ ô nhiễm có thể sinh ra do quá trình cháy</li> </ul> <p>Trên cơ sở đó, cùng các lực lượng có liên quan tham mưu cho Ban Chỉ huy hiện trường các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham mưu việc sử dụng trang bị bảo hộ phù hợp đối với lực lượng ứng phó sự cố khi tiếp cận hiện trường</li> <li>- Tham mưu phương án chữa cháy hóa chất</li> <li>- Tham mưu về mức độ ô nhiễm môi trường có thể phát tán theo dòng nước chữa cháy để có giải pháp xử lý môi trường sau sự cố</li> </ul> |         |
| Tổng: Đại diện Ban lãnh đạo (01 đ/c), 01 xe chuyên dùng, 04 cán bộ |                       |                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |         |

#### 4.15. Sở Tài nguyên và Môi trường

| STT                                                                | Lực lượng             | Phương tiện                                                                       | Nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Ghi chú |
|--------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1                                                                  | Đại diện Ban lãnh đạo |                                                                                   | Tham gia chỉ huy diễn tập                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |         |
| 2                                                                  | 06 cán bộ             | 01 xe chuyên dùng, thiết bị quan trắc môi trường và các trang thiết bị cần thiết. | Sở Tài nguyên môi trường căn cứ vào tình trạng sự cố, đặc tính của nhiên liệu bị rò rỉ, chảy loang, tràn ra bên ngoài đưa ra các biện pháp xử lý phù hợp; Sử dụng các thiết bị chuyên dụng quan trắc môi trường và đánh giá tác động, ảnh hưởng đến môi trường xung quanh khu vực sự cố; Chỉ đạo việc phối hợp giữa cơ sở xảy ra sự cố với các đơn vị có năng lực trong các hoạt động tổ chức thu gom, phục hồi môi trường. |         |
| Tổng: Đại diện Ban lãnh đạo (01 đ/c), 01 xe chuyên dùng, 06 cán bộ |                       |                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |         |

#### 4.16. Trung tâm y tế Thành phố Thủ Dầu Một

| STT                                                               | Lực lượng             | Phương tiện                                      | Nhiệm vụ                                                                                                                         | Ghi chú                                    |
|-------------------------------------------------------------------|-----------------------|--------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| 1                                                                 | Đại diện Ban lãnh đạo |                                                  | Tham gia chỉ huy diễn tập                                                                                                        |                                            |
| 2                                                                 | 01 tổ cấp cứu         | 01 xe cứu thương và các trang thiết bị cần thiết | Tiếp nhận người bị nạn tại khu vực sơ cấp cứu ban đầu, nhanh chóng đưa các nạn nhân tới các cơ sở y tế gần nhất để được điều trị | Xuất phát thực hiện nhiệm vụ ở Giai đoạn 2 |
| Tổng: Đại diện Ban lãnh đạo (01 đ/c), 01 xe cứu thương, 04 cán bộ |                       |                                                  |                                                                                                                                  |                                            |



#### 4.17. Trung tâm ứng phó sự cố môi trường Việt Nam – Trung tâm SOS

| STT                      | Lực lượng             | Phương tiện                                       | Nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                        | Ghi chú |
|--------------------------|-----------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1                        | Đại diện Ban lãnh đạo |                                                   | Tham gia chỉ huy diễn tập                                                                                                                                                                                                                                       |         |
| 2                        | 03 cán bộ             | 01 xe chuyên dùng và các trang thiết bị cần thiết | Xử lý phần đất nhiễm dầu ở khu vực sự cố, xử lý phần ô nhiễm do xăng dầu gây ra dưới rạch trầu, thu gom chất thải nhiễm xăng dầu và nước thải nhiễm dầu, sau đó bàn giao cho đơn vị có chức năng đã ký kết với kho xăng dầu chánh Mỹ xử lý theo đúng quy trình. |         |
| Tổng: 01 xe chuyên dụng. |                       |                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                 |         |

### V. TỔ CHỨC CHỮA CHÁY, CỨU NẠN, CỨU HỘ VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG DO CHÁY NỔ

**1. Giai đoạn 1:** Sau khi vụ tai nạn xảy ra, lực lượng cơ sở triển khai công tác cứu nạn, cứu hộ và chữa cháy ban đầu (Ban Giám đốc Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ chỉ huy chữa cháy trong giai đoạn này).

#### 1.1. Lãnh đạo cơ sở và Đội PCCC cơ sở

##### \* Lãnh đạo cơ sở

- Chỉ huy lực lượng chữa cháy cơ sở nhanh chóng phân công nhiệm vụ cụ thể cho các tổ triển khai công tác chữa cháy, CNCH và hướng dẫn thoát nạn.

- Liên hệ với Trung tâm ứng phó sự cố môi trường Việt Nam – Trung tâm SOS để xử lý kịp thời sự cố tràn đổ nhiên liệu.

##### \* Đội PCCC cơ sở

- Người phát hiện thấy cháy nhanh chóng hô hoán báo cháy và báo ngay cho lãnh đạo cơ sở, cho lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH và các đơn vị có liên quan.

- Khi nhận được tin báo cháy: Chỉ huy lực lượng chữa cháy cơ sở nhanh chóng phát lệnh cho lực lượng PCCC cơ sở tập trung lực lượng phương tiện, tổ chức chỉ huy thực hiện nhiệm vụ chữa cháy ban đầu và phân công thực hiện các nhiệm vụ khác:

+ Bộ phận kỹ thuật nhanh chóng cắt điện khu vực gần với khu vực xảy ra sự cố.

+ 03 đội viên sử dụng 03 bình chữa cháy MFZ8 phun trực tiếp vào đám cháy.

+ Huy động 01 xe chữa cháy cùng 04 đội viên triển khai 01 lăng phun bột chữa cháy, ngăn cháy lan, tổ chức hướng dẫn thoát nạn và cứu người bị nạn, di chuyển tài sản, vận hành các hệ thống kỹ thuật phục vụ cho chữa cháy, CNCH.



+ 02 đội viên triển khai 02 lăng giá cố định tiến hành làm mát và ngăn chặn cháy lan.

## 1.2. Nhiệm vụ cụ thể của các tổ trong lực lượng PCCC cơ sở

- **Tổ 1 - Thông tin báo cháy:** Gồm 01 đội viên đảm bảo công tác thông tin báo cháy, nắm bắt tình hình đám cháy.

- **Tổ 2 - Hướng dẫn thoát nạn:** Gồm 03 đội viên chia thành 03 hướng, đi tới các khu vực trong tổng kho (Văn phòng, khu vực xuất nhập, khu vực bồn chứa). Các đội viên dùng loa tay hướng dẫn những người có mặt tại các khu vực này thoát nạn theo sơ đồ của từng khu vực ra bên ngoài đến điểm tập kết. Trong quá trình hướng dẫn thoát nạn, tổ hướng dẫn thoát nạn yêu cầu công nhân viên làm việc trong công ty bình tĩnh, tránh xô đẩy.

- **Tổ 3 - Tìm kiếm và cứu nạn, cứu hộ:** Gồm 02 đội viên nhanh chóng di chuyển vào vị trí các phương tiện va chạm để đưa 01 nạn nhân (lái xe bồn số 02) bị thương trong cabin xe ra ngoài an toàn và sử dụng xe ô tô của Công ty đưa nạn nhân đến cơ sở y tế gần nhất.

- **Tổ 4:** gồm 04 đội viên triển khai 01 lăng phun bọt từ xe chữa cháy và 02 đội viên triển khai 02 lăng giá của cơ sở (theo sơ đồ).

- **Tổ 5:** gồm 03 đội viên sử dụng bình chữa cháy các loại để tham gia chữa cháy tại những điểm cháy nhỏ mới phát sinh (theo sơ đồ).

- **Tổ 6 - Di chuyển tài sản:** Gồm 02 đội viên tổ chức di chuyển tài sản, phương tiện gần khu vực xảy ra sự cố và chạm gây cháy, tràn xăng dầu ra khu vực tập kết an toàn.

- **Tổ 7 - Ứng phó sự cố tràn đổ nhiên liệu:** Gồm 02 đội viên triển khai phao vây ngăn tràn đổ nhiên liệu dưới nước ở khu vực rãnh thoát nước đổ ra khu vực Rạch Trầu.

*Sau khi xảy ra cháy, lực lượng chữa cháy tại cơ sở đã triển khai công tác chữa cháy nhưng không đạt hiệu quả do lượng lớn nhiên liệu tràn đổ gây cháy lan với diễn biến rất phức tạp. Tại thời điểm này, nhiệt độ của đám cháy gia tăng không ngừng và tốc độ phản ứng cháy lớn nên dẫn tới nguy cơ nổ bồn, lan sang khu vực xuất hàng, đe dọa trực tiếp đến tính mạng của lực lượng chữa cháy và những công trình xung quanh. Đồng thời lượng lớn nhiên liệu tràn đổ ra môi trường vượt quá khả năng ứng phó của cơ sở. Chỉ huy chữa cháy cơ sở đã báo cáo ngay cho các lực lượng chuyên nghiệp yêu cầu được hỗ trợ trong công tác cứu người bị nạn, chữa cháy và ứng phó sự cố môi trường.*

## 2. Giai đoạn 2: (Giai đoạn ứng phó sự cố cấp thành phố)

Ban Chỉ đạo Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do cháy, nổ thành phố Thủ Dầu Một sau khi nhận được tin báo xảy ra sự cố tại cơ sở, đã huy động lực lượng và phương tiện của địa phương tới hiện trường để tham gia vào công tác ứng phó sự cố.

- Ban Chỉ đạo Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do cháy, nổ Thành phố Thủ Dầu Một bao gồm:



- + Trưởng ban: Chủ tịch UBND thành phố Thủ Dầu Một.
- + Phó Trưởng ban thường trực: Trưởng Công an thành phố Thủ Dầu Một.
- + Phó Trưởng ban: Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự thành phố Thủ Dầu Một.
- + Ủy viên: Trưởng phòng Tài nguyên Môi trường thành phố Thủ Dầu Một.
- + Ủy viên: Trưởng phòng Tài chính thành phố Thủ Dầu Một.
- + Ủy viên: Giám đốc Trung tâm y tế thành phố Thủ Dầu Một.
- + Ủy viên: Chủ tịch UBND phường Chánh Mỹ.

**- Ban chỉ huy ứng phó sự cố tại hiện trường:**

- + Trưởng ban: Phó Trưởng Công an thành phố Thủ Dầu Một - Phụ trách công tác PCCC&CNCH.
- + Phó Trưởng ban: Đội trưởng Đội Cảnh sát PCCC&CNCH Công an thành phố Thủ Dầu Một.
- + Thành viên: Đại diện các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND thành phố Thủ Dầu Một.
- + Thành viên: Đại diện Lãnh đạo Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ.

**- Ban hậu cần:**

- + Trưởng ban: Phó trưởng Công an thành phố Thủ Dầu Một - Phụ trách công tác chính trị, hậu cần.
- + Phó trưởng ban: Lãnh đạo Phòng Tài chính thành phố Thủ Dầu Một.
- + Thành viên: Đại diện các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND thành phố Thủ Dầu Một.

**- Ban thông tin liên lạc:**

- + Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.
- + Thành viên: Đại diện các phòng ban chuyên môn, Công an, Ban chỉ huy quân sự, UBND thành phố Thủ Dầu Một.

**2.1. Nhiệm vụ Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH**

• *Tiếp nhận thông tin báo cháy:*

- CBCS trực thông tin khi tiếp nhận tin báo cháy phải hỏi rõ các thông tin sau:
  - + Họ, tên, địa chỉ số điện thoại (nếu có) của người báo.
  - + Tên cơ sở, địa chỉ và thời gian xảy ra sự cố
  - + Những thông tin về đám cháy cụ thể: Diện tích đám cháy, nguy cơ cháy lan, số lượng người mắc kẹt trong đám cháy, thiệt hại ban đầu về người và tài sản và những thông tin khác có liên quan đến đám cháy.

• *Ngay sau khi nhận được tin báo cháy, CBCS trực thông tin đồng thời thực hiện các nhiệm vụ sau:*



- Điều động lực lượng, phương tiện của **Đội CTCC&CNCH - PC07** (01 xe chữa cháy, 06 CBCS), **Đội PCCC&CNCH - Công an thành phố Thủ Dầu Một** (01 xe chỉ huy, 01 xe chữa cháy, 01 xe phương tiện) đến đám cháy; ghi vào sổ tiếp nhận thông tin báo cháy.

- Báo cho Công an thành phố Thủ Dầu Một để điều động các đội nghiệp vụ và Công an khu vực tại nơi xảy ra cháy hỗ trợ trong công tác phân luồng giao thông, bảo đảm an ninh - trật tự tạo điều kiện cho lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH và các lực lượng khác nhanh chóng tiếp cận và triển khai chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

- Báo cho Công ty điện lực Bình Dương cắt điện khu vực xảy ra cháy.

- Báo cho Công ty CP - Tổng Công ty nước - Môi trường Bình Dương tăng áp lực, lưu lượng cho hệ thống cấp nước chữa cháy tại khu vực xảy ra cháy và hỗ trợ ứng phó sự cố môi trường do tràn đổ nhiên liệu.

**Nhiệm vụ của Đội CTCC&CNCH – PC07:** Sau khi nhận được lệnh điều động hỗ trợ, nhanh chóng xuất 01 xe chữa cháy cùng 06 CBCS đến đám cháy thực hiện nhiệm vụ triển khai đội hình 02 lăng phun bột chữa cháy theo sơ đồ phương án.

## 2.2. Nhiệm vụ của Công an thành phố Thủ Dầu Một

Sau khi nhận được lệnh xuất xe từ Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH. Lãnh đạo Công an thành phố Thủ Dầu Một quyết định điều: 01 xe chỉ huy, 01 xe chữa cháy, 01 xe phương tiện tới đám cháy triển khai chữa cháy và CNCH. Đồng thời điều động các đội nghiệp vụ và Công an phường Chánh Mỹ hỗ trợ trong công tác phân luồng giao thông, bảo đảm an ninh - trật tự tạo điều kiện cho lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH và các lực lượng khác nhanh chóng tiếp cận và triển khai chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

### 2.2.1. Phân công và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chữa cháy và CNCH

• **Trình sát đám cháy:** (Thành phần tổ trình sát do chỉ huy chữa cháy quyết định và thực hiện các nhiệm vụ cụ thể phục vụ công tác CNCH và chữa cháy)

Chỉ huy chữa cháy phân công 12 CBCS chia thành 02 tổ tiến hành trình sát đám cháy và nắm rõ các thông tin sau:

- Xác định cắt điện khu vực xuất xăng dầu sát bên khu vực xảy ra cháy hay chưa.
- Xác định số người bị nạn bị kẹt lại trong Tổng kho và kịp thời hướng dẫn họ ra nơi an toàn.
- Xác định đường, lối thoát nạn thuận tiện theo tình huống cháy.
- Xác định được các phương tiện cứu nạn di động hoặc cố định bố trí sẵn trong hoặc ngoài công ty để có thể phục vụ kịp thời cho công tác thoát nạn.
- Dự báo được diện tích của đám cháy, khả năng và hướng cháy lan đến các khu vực lân cận, chú ý nguy cơ cháy lan từ khu vực này đến khu vực khác (từ vị trí bị cháy đến các khu vực kế tiếp theo những đường kín, khuất mà bình thường khó phát hiện...).



- Xác định nguy cơ đe dọa từ đám cháy đến các công trình lân cận do bức xạ nhiệt tác động, do tàn lửa bay đến thông qua quá trình trao đổi khí đối lưu hoặc cháy trong điều kiện gió to,...

- Xác định hướng tiếp cận đám cháy thuận lợi nhất, đồng thời phải chọn được những phương tiện, dụng cụ thích hợp để mở hoặc phá cửa nhằm tiếp cận đến các nạn nhân hoặc tạo ra điều kiện thuận lợi cho việc chữa cháy và cứu nạn cứu hộ.

- Trong quá trình trinh sát đám cháy, chiến sỹ chữa cháy có thể sử dụng lăng phun từ các họng nước chữa cháy vách tường, các phương tiện, dụng cụ chữa cháy sẵn có vào việc ngăn cháy lan, bảo vệ con người khỏi sự đe dọa của đám cháy khi họ chưa kịp thoát ra ngoài hoặc đang trên đường thoát khỏi nơi nguy hiểm.

- Khi vào trinh sát chiến sỹ phải xác định, phán đoán nguy cơ nổ trên các đường ống, nguy cơ biến dạng, sụp đổ xảy ra tại các vị trí đang bị lửa khổi, nhiệt độ tác động mạnh.

- Trên từng hướng trinh sát, phải xem xét và đề xuất với chỉ huy chữa cháy các biện pháp cụ thể để cứu người bị nạn, hướng triển khai đội hình chữa cháy hợp lý và có hiệu quả nhất, phát hiện và dập tắt kịp thời các đám cháy mới xuất hiện ở các vị trí khác và một số các hoạt động chiến đấu khác mà lực lượng chữa cháy cần can thiệp kịp thời nhằm ngăn chặn các tình huống cháy phức tạp cụ thể xảy ra.

*\* Các Tổ Trinh sát cần chú ý các vấn đề sau:*

- Phải được trang bị phương tiện, dụng cụ an toàn, đèn chiếu sáng, phương tiện thông tin...

- Nắm được địa hình của Tổng kho.

- Thành phần tổ trinh sát vào và ra phải đủ người, không được tự ý chia rẽ thành các mũi khác nhau khi chưa có lệnh của chỉ huy chữa cháy.

#### • Tổ chức thoát nạn và cứu người bị nạn

Triển khai công tác thoát nạn, hướng dẫn để người bị nạn tự thoát ra khỏi nơi nguy hiểm theo những lối, cửa thoát hiểm được xác định là an toàn.

+ Tiếp tục xác định và đề xuất với chỉ huy những đường, lối, cửa và cổng để đưa người bị nạn ra khỏi nhà xưởng bị cháy một cách nhanh nhất.

+ Hướng dẫn lực lượng cơ sở cùng phối hợp thực hiện các nhiệm vụ khác trong thời gian cứu người như: Hướng dẫn mọi người chuyển động trật tự trên các đường, lối, cửa thoát nạn, giải phóng các vật cản trở công tác thoát nạn và những công việc cần thiết khác.

+ Hướng dẫn, trấn an và phân bố các dòng người bị nạn ra đều trên các đường, lối, cửa thoát nạn. Không để tình trạng mất trật tự xảy ra trên đường thoát nạn.



+ Phối hợp với lực lượng Cảnh sát giao thông, Cảnh sát trật tự...giải tán số quần chúng tụ tập cản trở đến các hoạt động chiến đấu của lực lượng chữa cháy.

• **Bố trí lực lượng, phương tiện dập tắt đám cháy**

Sau khi đến đám cháy, xe chữa cháy, xe chuyên dụng của lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH và các lực lượng tham gia triển khai các hướng tấn công như sau:

- **01 xe phương tiện chở 06 CBCS** chia làm 02 tổ làm công tác trinh sát đám cháy.

+ Tổ trinh sát 01: 03 CBCS trinh sát khu vực bên trong Tổng kho.

+ Tổ trinh sát 02: 03 CBCS trinh sát khu vực xảy ra tai nạn và khu vực cầu Rạch Trầu.

Tổ trinh sát nhanh chóng tiếp cận đám cháy, nắm tình hình.

Dựa vào thông tin tổ trinh sát cung cấp, chỉ huy chữa cháy cho triển khai lực lượng, phương tiện tiến hành cứu nạn cứu hộ và chữa cháy:

+ Tổ CNCH gồm: Ban Chỉ huy quân sự thành phố Thủ Dầu Một và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh thông qua sự chỉ dẫn của trinh sát đám cháy tiếp cận cứu nạn nhân bị mắc kẹt ra vị trí an toàn và thực hiện các nhiệm vụ khác do ban tham mưu đề ra.

+ 01 xe chữa cháy triển khai đội hình 02 lăng phun bột chữa cháy.

**2.2.2. Nhiệm vụ của Đội Cảnh sát giao thông trật tự, Công an phường Chánh Mỹ (Công an thành phố Thủ Dầu Một)**

Tổ chức hoạt động chốt chặn, cách ly khu vực sự cố, phân luồng giao thông, đảm bảo công tác an ninh trật tự phục vụ cho hoạt động chữa cháy, thu thập thông tin có liên quan đến sự cố để phục vụ công tác điều tra nguyên nhân vụ cháy.

**2.3. Nhiệm vụ của Công ty Điện lực Bình Dương**

Sau khi nhận yêu cầu từ Cảnh sát PCCC&CNCH, điều động 02 nhân viên cùng 01 xe chuyên dùng và các trang thiết bị cần thiết của Điện lực Thủ Dầu Một nhanh chóng xuống hiện trường cắt điện trên khu vực xảy ra cháy.

**2.4. Nhiệm vụ của Trung tâm y tế Thành phố Thủ Dầu Một**

Huy động 01 tổ cấp cứu, 01 xe cứu thương nhanh chóng tới hiện trường đám cháy và thực hiện các nhiệm vụ:

+ Tiếp nhận nạn nhân bị thương ở vị trí sơ cấp cứu ban đầu, nhanh chóng đưa các nạn nhân đi cấp cứu tại cơ sở y tế gần nhất để được điều trị.

+ Chăm sóc sức khoẻ cho cán bộ, chiến sỹ chữa cháy và lực lượng tham gia chữa cháy bị thương.

**2.5. Nhiệm vụ của Ban Chỉ huy quân sự thành phố Thủ Dầu Một**

Cử 17 CBCS (trong đó có 01 Lãnh đạo và 01 lái xe) cùng với 01 xe chở quân xuống hiện trường đám cháy thực hiện nhiệm vụ:



+ 05 CBCS hỗ trợ đóng vai nạn nhân bị mắc kẹt trong Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ.

+ 10 CBCS nhanh chóng vào đám cháy hỗ trợ đưa người bị nạn ra điểm tập kết an toàn.

## **2.6. Nhiệm vụ của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Dương**

Huy động 01 xe chở quân cùng 30 CBCS hỗ trợ đóng vai nạn nhân để lực lượng Cảnh sát PCCC cứu nạn.

## **2.7. Nhiệm vụ của UBND thành phố Thủ Dầu Một**

Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức nắm tình hình, đảm bảo an ninh trật tự bên trong và bên ngoài khu vực xảy ra cháy.

### **2.7.1. Nhiệm vụ của Văn phòng UBND thành phố Thủ Dầu Một**

Tổ chức nắm thông tin tình hình sự cố cháy, nổ và hoạt động chữa cháy, cứu nạn cứu hộ, trường hợp cần thiết tham mưu UBND thành phố xin chỉ viện.

### **2.7.2. Nhiệm vụ của UBND phường Chánh Mỹ**

Huy động lực lượng dân phòng phối hợp với các đơn vị liên quan đảm bảo an ninh trật tự bên trong và bên ngoài khu vực cháy.

### **2.7.3. Nhiệm vụ của Phòng Tài Nguyên và Môi trường thành phố Thủ Dầu Một**

- Đánh giá quy mô và mức độ nghiêm trọng của sự cố tràn, đổ nhiên liệu để đưa ra phương án xử lý sự cố.

- Báo cáo Sở Tài nguyên và môi trường để huy động lực lượng và phương tiện phục vụ công tác ứng phó sự cố.

❖ *Nhận định tình hình ngày một phức tạp và vượt quá khả năng của địa phương nên Ban Chỉ đạo Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do cháy, nổ thành phố Thủ Dầu Một đã báo cáo cho Ban Chỉ đạo Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do cháy, nổ tỉnh Bình Dương. Sau khi nhận được tin báo, Ban Chỉ đạo Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do cháy, nổ tỉnh đã điều động lực lượng, phương tiện nhanh chóng xuống hiện trường để triển khai, thực hiện các hoạt động ứng phó sự cố.*

## **3. Giai đoạn 3: (Giai đoạn ứng phó sự cố cấp tỉnh)**

Huy động lực lượng phối hợp hoàn thành công tác cứu nạn, cứu hộ và dập tắt hoàn toàn đám cháy.

- **Ban Chỉ đạo Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do cháy, nổ tỉnh Bình Dương gồm:**

- + Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh – Trưởng ban;
- + Giám đốc Công an tỉnh – Phó Trưởng ban Thường trực;
- + Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường – Phó Trưởng ban;
- + Giám đốc Sở Công Thương – Phó Trưởng ban;

- + Giám đốc Sở Y Tế - Phó Trưởng ban;
- + Phó Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh - Phó Trưởng ban;
- + Giám đốc Sở Tài chính - Ủy viên;
- + Giám đốc Sở Giao thông Vận Tải - Ủy viên;
- + Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ - Ủy viên;
- + Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông - Ủy viên;
- + Giám đốc Sở Xây dựng - Ủy viên;
- + Giám đốc Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn - Ủy viên;
- + Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một - Ủy viên;
- + Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Tân Uyên - Ủy viên;
- + Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thuận An - Ủy viên;
- + Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Dĩ An - Ủy viên;
- + Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Bến Cát - Ủy viên;
- + Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng - Ủy viên;
- + Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Phú Giáo - Ủy viên;
- + Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng - Ủy viên;
- + Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bắc Tân Uyên - Ủy viên;
- + Trưởng Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bình Dương - Ủy viên.
- + Tổng Giám đốc Công ty CP - Tổng Công ty nước - Môi trường Bình Dương - Ủy viên;

**- Ban chỉ huy hiện trường gồm:**

- + Phó Giám đốc Công an tỉnh - Trưởng ban;
- + Trưởng Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh - Phó Trưởng ban;
- + Phó Tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh - Thành viên;
- + Phó Trưởng Phòng Quản lý xây dựng công trình - Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Thành viên;
- + Trưởng Phòng - Sở Khoa học và Công nghệ - Thành viên;
- + Phó Chánh Thanh tra Giao thông vận tải - Sở Giao thông Vận tải - Thành viên;
- + Trưởng Phòng Bưu chính Viễn thông - Sở Thông tin và Truyền thông - Thành viên;
- + Phó Trưởng Phòng Tài chính Hành chính sự nghiệp - Sở Tài chính - Thành viên;
- + Phó Trưởng Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh - Thành viên;
- + Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nước - Môi trường Bình Dương - Thành viên;
- + Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường - UBND thành phố Thủ Dầu Một - Thành viên;



+ Trưởng phòng Kinh tế - Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Dầu Một - Thành viên;

+ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Dầu Một – Thành viên;

**Nhiệm vụ:** Chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ huy ứng cứu sự cố tại môi trường, lựa chọn phương pháp ứng cứu, bố trí phân công các nguồn nhân lực, vật lực để ứng cứu sự cố thuộc lĩnh vực của ngành quản lý nhằm ứng cứu và khắc phục sự cố trong thời gian ngắn nhất.

**- Ban hậu cần gồm:**

+ Phó Giám đốc Công an tỉnh - Trưởng ban;

+ Trưởng phòng Hậu cần Công an tỉnh - Phó Trưởng ban Thường trực;

+ Phó Trưởng phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an tỉnh - Thành viên;

+ Chủ nhiệm Hậu cần Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh - Thành viên;

**Nhiệm vụ:** Chịu trách nhiệm cung cấp nhân lực, trang thiết bị thuộc thẩm quyền quản lý của mình để hỗ trợ cho Ban chỉ huy hiện trường thực hiện công tác ứng cứu sự cố.

**- Ban Thông tin liên lạc gồm**

+ Phó Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông - Trưởng ban;

+ Phó Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh - Phó Trưởng ban;

+ Phó Trưởng Phòng Tham mưu Công an tỉnh - Thành viên;

+ Phó Tham mưu trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh - Thành viên;

**Nhiệm vụ:** Chịu trách nhiệm duy trì thông tin liên lạc trong quá trình ứng cứu sự cố môi trường và cung cấp thông tin chính xác, kịp thời cho Ban chỉ đạo.

**- Ban tham mưu gồm:**

+ Trưởng Phòng Tham mưu Công an tỉnh - Trưởng ban;

+ Phó Trưởng Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh - Phó ban;

+ Phó Trưởng Phòng Tham mưu Công an tỉnh - Thành viên;

+ Trưởng ban tác chiến Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh - Thành viên;

**\* Nhiệm vụ:**

+ Tiếp nhận các đơn vị đến tham gia chiến đấu, phân công các khu vực, vị trí chiến đấu và giao nhiệm vụ cho từng đơn vị theo lệnh của chỉ huy.

+ Tổ chức trinh sát đám cháy, tập hợp tình hình kịp thời báo cáo chỉ huy.

+ Tổ chức phối hợp chiến đấu giữa các lực lượng và các sở, ban, ngành cùng tham gia chữa cháy, giải quyết sự cố, giữ gìn an ninh trật tự, đảm bảo an toàn giao thông.

+ Thu thập tin tức có liên quan đến nguyên nhân vụ cháy, tổ chức bảo vệ hiện trường, phục vụ công tác khám nghiệm hiện trường.

+ Tổ chức đáp ứng yêu cầu về phương tiện kỹ thuật, hậu cần phục vụ chữa cháy lâu dài.



+ Tham mưu chọn phương pháp và biện pháp để dập đám cháy.

*Ban Chỉ đạo Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do cháy, nổ tỉnh Bình Dương phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng lực lượng tham gia ứng phó sự cố như sau:*

### **3.1. Công an tỉnh Bình Dương**

- Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai hoạt động chữa cháy, cứu nạn - cứu hộ, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với cơ sở xảy ra cháy. Phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức di chuyển tài sản, hàng hóa... ra nơi an toàn.

- Tổ chức hoạt động đảm bảo an ninh trật tự phục vụ hoạt động chữa cháy, cứu nạn - cứu hộ, thu thập thông tin có liên quan phục vụ công tác điều tra nguyên nhân cháy, nổ.

- Nhiệm vụ cụ thể các lực lượng của Công an tỉnh Bình Dương như sau:

#### **3.1.1. Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH**

##### **\* Đội Công tác CC&CNCH**

- Sau khi nhận được lệnh chỉ viện chữa cháy, Đội Công tác CC&CNCH nhanh chóng xuất 01 xe chỉ huy, 01 xe phương tiện, 01 xe chữa cháy, 01 robot chữa cháy, 01 xe trạm bơm đến đám cháy thực hiện nhiệm vụ như sau:

+ 01 xe chỉ huy phục vụ công tác thông tin liên lạc, chỉ huy chữa cháy.

+ 01 xe chở phương tiện phục vụ công tác CC&CNCH.

+ 01 Robot chữa cháy tiến hành làm mát khu vực bồn B1-B5 gần với khu vực xuất hàng đang xảy ra sự cố cháy.

+ 01 xe chữa cháy triển khai đội hình 02 lăng phun bọt cho robot chữa cháy theo sơ đồ phương án và hỗ trợ các đội hình triển khai cứu người bị nạn. Tham gia xử lý sự cố tràn đổ nhiên liệu.

+ 01 xe trạm bơm tiến hành đội hình truyền tiếp nước.

##### **\* Đội CC&CNCH khu vực Phú Mỹ**

Sau khi nhận được lệnh chỉ viện chữa cháy, Đội CC&CNCH khu vực Phú Mỹ nhanh chóng xuất 01 xe chữa cháy cùng 06 CBCS đến đám cháy thực hiện nhiệm vụ triển khai đội hình 02 lăng B phun nước làm mát, ngăn cháy lan theo sơ đồ phương án.

##### **\* Đội Cảnh sát PCCC&CNCH Trên sông**

Sau khi nhận được lệnh chỉ viện chữa cháy, Đội CS PCCC&CNCH Trên sông nhanh chóng xuất 01 tàu chữa cháy cùng 06 CBCS tổ chức chữa cháy ở khu vực Rạch Trầu.

##### **\* Đội CC&CNCH khu vực Hiệp An**

Sau khi nhận được lệnh chỉ viện chữa cháy, Đội CC&CNCH khu vực Hiệp An nhanh chóng xuất 01 xe chữa cháy cùng 06 CBCS đến đám cháy thực hiện nhiệm vụ triển khai đội hình 02 lăng phun bọt cho robot chữa cháy theo sơ đồ phương án.

##### **\* Đội CC&CNCH khu vực Vĩnh Tân**



Sau khi nhận được lệnh chỉ viện chữa cháy, Đội CC&CNCH khu vực Vĩnh Tân nhanh chóng xuất 01 xe chữa cháy cùng 06 CBCS đến đám cháy thực hiện nhiệm vụ triển khai đội hình 02 lăng B phun nước làm mát, ngăn cháy lan theo sơ đồ phương án.

### **3.1.2. Đội Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thị xã Bến Cát**

Sau khi nhận được lệnh chỉ viện chữa cháy, Đội Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thị xã Bến Cát nhanh chóng xuất 01 xe chữa cháy cùng 06 CBCS đến đám cháy thực hiện nhiệm vụ triển khai đội hình 02 lăng phun bột chữa cháy theo sơ đồ phương án.

### **3.1.3. Đội Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Thuận An**

Sau khi nhận được lệnh chỉ viện chữa cháy, Đội Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Thuận An nhanh chóng xuất 01 xe chữa cháy cùng 06 CBCS đến đám cháy thực hiện nhiệm vụ triển khai đội hình 02 lăng phun bột chữa cháy theo sơ đồ phương án.

### **3.1.4. Đội Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Dĩ An**

Sau khi nhận được lệnh chỉ viện chữa cháy, Đội Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Dĩ An nhanh chóng xuất 01 xe thang chữa cháy đến đám cháy phối hợp với Đội Cảnh sát PCCsC&CNCH - Công an thị xã Tân Uyên triển khai đội hình 01 lăng phun bột chữa cháy qua xe thang theo sơ đồ phương án.

### **3.1.5. Đội Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Tân Uyên**

Sau khi nhận được lệnh chỉ viện chữa cháy, Đội Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Tân Uyên nhanh chóng xuất 01 xe chữa cháy cùng 06 CBCS đến đám cháy và triển khai đội hình 01 lăng phun bột chữa cháy qua xe thang chữa cháy của Đội Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Dĩ An theo sơ đồ phương án.

### **3.1.6. Phòng Cảnh sát Cơ động**

Xuất 01 xe chở quân cùng với 10 CBCS xuống hiện trường thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh trật tự bên trong và bên ngoài Công ty và các nhiệm vụ khác do Ban Chỉ đạo yêu cầu.

### **3.1.7. Phòng Tham mưu**

- Triển khai thực hiện đảm bảo công tác thông tin liên lạc giữa các đơn vị trong suốt quá trình tập luyện và tham gia diễn tập.
- Thực hiện công tác tham mưu, báo cáo tình hình công tác tập luyện, diễn tập để theo dõi, chỉ đạo.

### **3.1.8. Phòng Hậu Cần**

Phối hợp với phòng PC07 bố trí kinh phí tổ chức diễn tập và kinh phí mua sắm, sửa chữa phương tiện, trang thiết bị cần thiết, dụng cụ vật tư đảm bảo các điều kiện, nội dung phục vụ cho công tác diễn tập và những vấn đề phát sinh trong quá trình luyện tập, diễn tập.

### **3.1.9. Phòng Công tác Đảng và công tác Chính trị**





- Phối hợp với Đài phát thanh và truyền hình tỉnh xây dựng phim cơ chế chỉ huy, điều hành về công tác diễn tập.

- Quay phim, chụp ảnh trong quá trình diễn tập phục vụ làm tư liệu và tuyên truyền công tác PCCC&CNCH.

### **3.2. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Bình Dương**

Sau khi nhận được tin yêu cầu chỉ viện, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh đã huy động thêm 01 xe chở quân cùng với 30 CBCS thực hiện nhiệm vụ: phối hợp lực lượng PCCC&CNCH hướng dẫn người bị nạn ra ngoài an toàn và thực hiện các nhiệm vụ phối hợp khác với lực lượng Cảnh sát PCCC&CNCH.

### **3.3. Hội Chữ thập đỏ tỉnh Bình Dương**

Sau khi nhận được tin yêu cầu chỉ viện, Hội Chữ thập đỏ tỉnh huy động 01 tổ sơ cấp cứu, phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành sơ cấp cứu ban đầu với những nạn nhân bị thương, nhanh chóng đưa các nạn nhân đi cấp cứu tại cơ sở y tế gần nhất để được điều trị.

### **3.4. Sở Y tế**

Sau khi nhận được tin yêu cầu chỉ viện, Sở y tế tỉnh Bình Dương huy động 02 xe cứu thương thực hiện nhiệm vụ:

- Tiếp nhận nạn nhân bị thương ở vị trí sơ cấp cứu ban đầu, nhanh chóng đưa các nạn nhân đi cấp cứu tại cơ sở y tế gần nhất để được điều trị.

- Chăm sóc sức khoẻ cho cán bộ, chiến sỹ chữa cháy và lực lượng tham gia chữa cháy bị thương.

## **4. Giai đoạn 4**

Tiếp tục thực hiện công tác cách ly, thu gom xử lý nhiên liệu bị tràn đổ và khắc phục hậu quả sau sự cố.

### **Nhiệm vụ cụ thể:**

#### **4.1. Lực lượng chữa cháy cơ sở:**

- Tiếp tục phối hợp cơ quan chức năng tổ chức lực lượng, phương tiện thực hiện cách ly, thu gom nhiên liệu bị tràn đổ.

#### **4.2. Sở Công Thương**

- Huy động 01 xe chuyên dụng và 04 cán bộ chuyên môn của Phòng Quản lý Năng lượng và Kỹ thuật an toàn đến hiện trường phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường tham gia giúp Ban chỉ huy đề ra giải pháp ứng phó, khắc phục hậu quả sự cố phù hợp với đặc điểm sự cố cháy, nổ, tràn đổ nhiên liệu.

- Tổ chức nắm thông tin về mức độ ô nhiễm của sự cố cháy, tràn đổ nhiên liệu ra môi trường bên ngoài và hướng dẫn các lực lượng phối hợp tổ chức hoạt động cô lập cách ly và đề xuất giải pháp về lực lượng, phương tiện tham gia cho hoạt động ứng phó sự cố phù hợp.

#### **4.3. Sở Tài nguyên và Môi trường**



- Huy động 01 xe chuyên dụng và 02 cán bộ Trung tâm quan trắc - kỹ thuật tài nguyên môi trường sử dụng các thiết bị chuyên dụng quan trắc môi trường và đánh giá tác động, ảnh hưởng đến môi trường xung quanh khu vực sự cố.

- Chủ trì trong công tác ứng phó đưa ra phương án, chỉ đạo và phối hợp giữa Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ với các đơn vị có năng lực trong hoạt động thu gom, tẩy độc, phục hồi môi trường tại khu vực ảnh hưởng do sự cố xảy ra.

- Phối hợp các đơn vị liên quan báo cáo đánh giá tác động đến môi trường của sự cố.

#### **4.4. Công ty CP - Tổng Công ty nước - Môi trường Bình Dương**

Tổ chức lực lượng phương tiện trang thiết bị chuyên dùng thực hiện thu gom chất thải phát sinh trong quá trình chữa cháy và vận chuyển tới nhà máy xử lý nước thải để xử lý.

#### **4.5. Công an tỉnh Bình Dương**

- Đội CC&CNCH khu vực Bình Thắng - Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH:

+ 01 xe chở quân (06 CBCS) sử dụng các trang thiết bị chuyên dùng (chất thấm hút nhiên liệu) phối hợp với các Sở, ban ngành hỗ trợ lực lượng ứng phó sự cố và cơ sở triển khai thu gom nhiên liệu tràn đổ và phòng chống cháy phát sinh trong quá trình thu gom.

+ 01 xe chữa cùng 06 CBCS triển khai 2 lăng B phun rửa mặt đường, đẩy nhiên liệu bị tràn đổ xuống rãnh thoát nước để tiến hành thu gom.

- Tổ chức giữ nguyên lực lượng phương tiện đã triển khai của giai đoạn 1,2,3 đề phòng sự cố cháy nổ phát sinh trở lại.

#### **4.6. Trung tâm ứng phó sự cố môi trường Việt Nam - Trung tâm SOS**

Xử lý phần đất nhiễm dầu ở khu vực sự cố, xử lý phần ô nhiễm do xăng dầu gây ra dưới rạch trầu, thu gom chất thải nhiễm xăng dầu và nước thải nhiễm dầu, sau đó bàn giao cho đơn vị có chức năng đã ký kết với kho xăng dầu Chánh Mỹ xử lý theo đúng quy trình.

### **VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Căn cứ nội dung Phương án, đề nghị thủ trưởng các đơn vị liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc, lập danh sách lực lượng, phương tiện tham gia gửi về Ban Chỉ đạo Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do cháy, nổ tỉnh (qua Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH, Công an tỉnh, địa chỉ: số 664 Đại lộ Bình Dương, phường Hiệp Thành, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương)./.





**ỦY BAN QUỐC GIA  
ỨNG PHÓ SỰ CỐ, THIÊN TAI  
VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN**

Số 582 /QĐ-UB

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của  
Tổng công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ -CTCP  
cho Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN QUỐC GIA  
ỨNG PHÓ SỰ CỐ, THIÊN TAI VÀ TÌM KIẾM CỨU NẠN**

*Căn cứ Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/03/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu;*

*Căn cứ Quyết định số 133/QĐ-TTg ngày 17/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch quốc gia ứng phó sự cố tràn dầu;*

*Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tại Tờ trình số 576 /TTr-VP ngày 21 tháng 11 năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch số 716/KH-TL ngày 01/10/2022 về ứng phó sự cố tràn dầu của Tổng công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ -CTCP cho Tổng kho xăng dầu Chánh Mỹ.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Đồng chí Chánh Văn phòng Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn, Giám đốc Tổng công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ -CTCP và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Chủ tịch UBQGUPSC, TT&TKCN (để b/c);
- VP UBQGUPSC, TT&TKCN;
- TCTTMXNKT<sup>(15)</sup>;
- Lưu: VT, TDHC. Kh 19.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



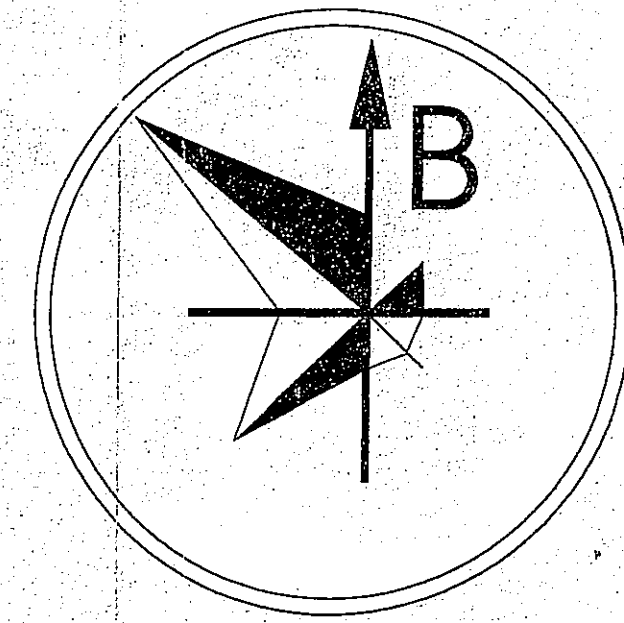
**Nguyễn Trọng Bình**

**PHỤ LỤC 02**  
**CÁC BẢN VẼ HOÀN CÔNG CÔNG TRÌNH**



# TỔNG MẶT BẰNG QUY HOẠCH

TỔNG DUNG TÍCH KHO 51 250 M<sup>3</sup>



| BẢNG THỐNG KÊ CÁC HÀNG MỤC CHÍNH |                                                                               |        |          |
|----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|--------|----------|
| STT                              | HÀNG MỤC CÔNG TRÌNH                                                           | ĐƠN VỊ | KIỂM TRA |
| 1                                | NHÀ VƯỜN PHỒN(02 TẦNG)                                                        | M2     | 162      |
| 2                                | HỒ TRƯỞNG                                                                     | M2     | 120      |
| 3                                | NHÀ XUẤT DẦU 0 TỶ M TẾC                                                       | M2     | 612      |
| 4                                | NHÀ KIỆM DINH                                                                 | M2     | 80.8     |
| 5                                | NHÀ VỆ PHẾU, TRỤC CẤP PHÁT(02 TẦNG)                                           | M2     | 64       |
| 6                                | NHÀ ĐỂ XE CỬU HÒA                                                             | M2     | 256.8    |
| 7                                | NHÀ ĐỂ XE                                                                     | M2     | 105      |
| 8                                | NHÀ DẮT MÂY PHẠT                                                              | M2     | 48       |
| 9                                | NHÀ BƠM CỬU HÒA                                                               | M2     | 78.4     |
| 9A                               | BỂ MƯỚC CỬU HÒA                                                               | M3     | 950      |
| 10                               | NHÀ BƠM XUẤT NHẬP XĂNG DẦU                                                    | M2     | 72       |
| 11                               | NHÀ BƠM XUẤT XĂNG DẦU                                                         | M2     | 32       |
| 12                               | NHÀ BẢO VỆ                                                                    | M2     | 16       |
| 13                               | CỐNG DÂY THÉP, DÀI 10M, CAO 2M                                                | CỐNG   | 01       |
| 14                               | CỐNG DÂY THÉP, DÀI 8M, CAO 2M                                                 | CỐNG   | 02       |
| 15                               | CỐNG THÉP CÀNH MỎ, RỘNG 4M, CAO 2M                                            | CỐNG   | 01       |
| 16                               | TRẠM BIẾN ÁP 600KVA                                                           | TRẠM   | 01       |
| 17                               | NHÀ VỆ SINH                                                                   | M2     | 13.2     |
| 18                               | CẦU CANG XUẤT NHẬP                                                            | CÁI    | 02       |
| 19                               | NHÀ TRỤC CỬU CANG                                                             | M2     | 06       |
| 20                               | KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI                                                           | M2     | 60       |
| 21                               | KHU BỂ 1: 31.200M <sup>3</sup> (BỂ T1, T2, T3, T4, T5, T6, T7)                | BỂ     | 07       |
| 22                               | KHU BỂ 2: 4.650 M <sup>3</sup> (BỂ T8, T9, T10, T11, T12)                     | BỂ     | 05       |
| 23                               | KHU BỂ 3: 15.000 M <sup>3</sup> -03 BỂ 5.000M <sup>3</sup> (BỂ T13, T14, T15) | BỂ     | 03       |
| 24                               | KẾ DÀ XUNG QUANH KHO, B=800                                                   | M      | 438.8    |
| 25                               | TƯỜNG RÀO LƯỚI THÉP B40, CAO 2.2M                                             | M      | 438.8    |
| 26                               | TƯỜNG RÀO GẠCH ĐẶC MẮC 75#, CAO 2.2M                                          | M      | 206      |
| 27                               | TƯỜNG RÀO HÒA THÉP, CAO 2.2M                                                  | M      | 220      |
| 28                               | ĐƯỜNG BÊ TÔNG ASPHAL                                                          | M2     | 8000     |
| 29                               | ĐƯỜNG BÊ TÔNG MẮC 250#, DÂY 200MM                                             | M2     | 3300     |
| 30                               | BỒN HOA THẨM CỎ                                                               | M2     | 7100     |
| 31                               | BỂ TRỮ NẮM NGANG 100M <sup>3</sup>                                            | BỂ     | 03       |
| 32                               | BỂ TRỮ NẮM NGANG 50M <sup>3</sup>                                             | BỂ     | 02       |

ĐẤT TRỐNG

SÔNG SÀI GÒN

## GHI CHÚ

- CAO ĐỘ COS ±0.00 LÀ CAO ĐỘ COS GIẢ ĐỊNH TẠI TIM ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN CỬ.
- KÍCH THƯỚC GHI TRONG BẢN VẼ LÀ MM, CAO ĐỘ LÀ M.

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN  
THIẾT KẾ XÂY DỰNG TAT  
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA  
Theo văn bản thẩm tra số: /  
Ngày: / tháng / năm

Ths.Kts. Chu Sỹ Tinh

PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

- TRÌNH DUYỆT (FOR APPROVAL)
- THAM KHẢO (FOR REFERENCE)
- THI CÔNG (FOR CONSTRUCTION)
- NHÀ THẦU (FOR TENDER)
- HOÀN CÔNG (AS-BUILT)

HIỆU CHỈNH / REVISION

CHỦ ĐẦU TƯ - CLIENT:

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI  
XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ MTV



Đoàn Minh Quang

CÔNG TRÌNH-PROJECT:

TỔNG KHO XĂNG DẦU CHÍNH MỸ

ĐỊA CHỈ SỐ 63/18 NGUYỄN VĂN CỬ - P.CHÁNH MỸ  
TP. THỦ ĐẦU MỘT - T. BÌNH DƯƠNG

HẠNG MỤC- ITEM:

TỔNG MẶT BẰNG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ-MAIN DESIGN:



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG  
VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ SÔNG HỒNG

GIÁM ĐỐC- DIRECTOR



NGUYỄN TRỌNG HUÂN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - PRO.MANAGER

Nguyễn

NGUYỄN TRỌNG HUÂN

THIẾT KẾ - DESIGN BY

Xuân

ĐÀO XUÂN LỢI

KIỂM - CHECK BY

Trọng

ĐỒ TIẾN THUY

TÊN BẢN VẼ - DRAWING NAME :

TỔNG MẶT BẰNG QUY HOẠCH

BẢN VẼ - DWG: THIẾT KẾ KITCO

NGÀY - DATE 05/2015

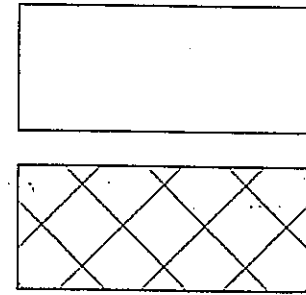
TỶ LỆ - SCALE SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO

TMB-01



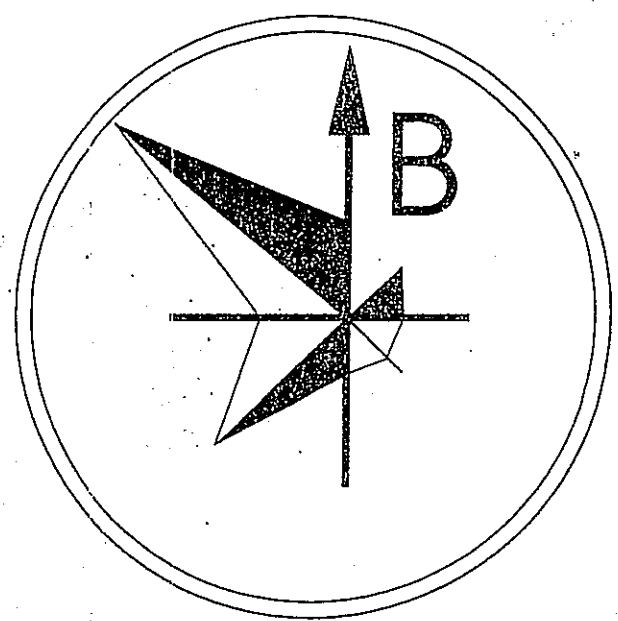
TỔNG MẶT BẰNG ĐƯỜNG BÃI

KÝ HIỆU:

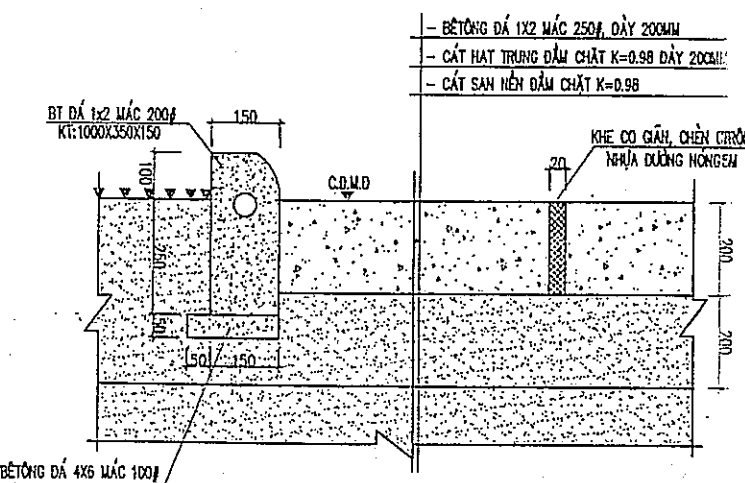


ĐƯỜNG BÃI BÊTÔNG ASPHALT

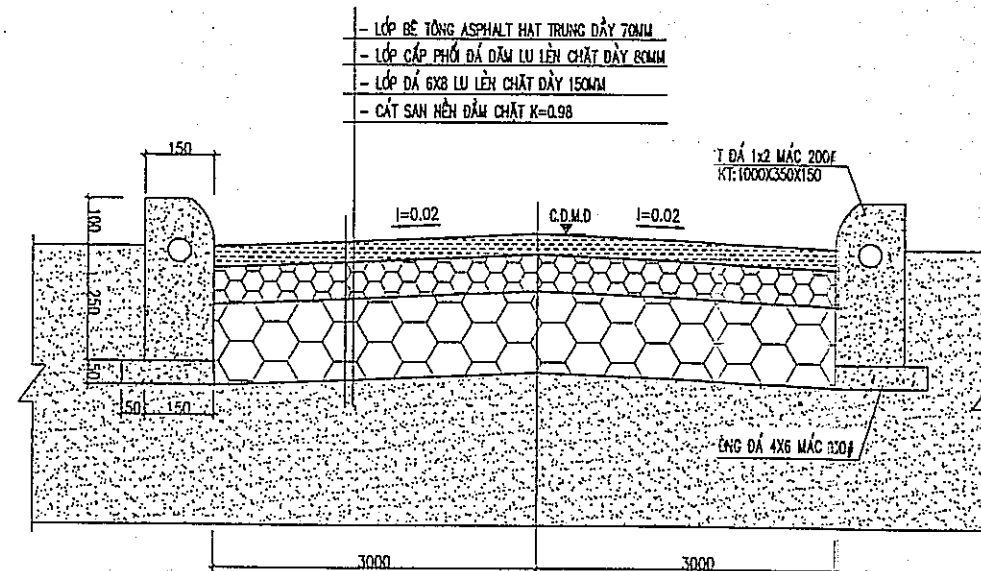
ĐƯỜNG BÃI BÊTÔNG MẠC 250#, DÀY 200MM



KẾT CẤU ĐƯỜNG BÃI BÊ TÔNG MẠC 28#  
(DIỆN TÍCH 3300M<sup>2</sup>)



KẾT CẤU ĐƯỜNG BÃI BÊ TÔNG NHÀ ASPHALT  
(DIỆN TÍCH 8000M<sup>2</sup>)



ĐẤT TRỐNG

SÔNG SÀI GÒN

RẠCH TRẦU

SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG  
HỒ SƠ  
CẤP PHÉP XÂY DỰNG  
Đính kèm theo Giấy phép số: 81/GP  
Ngày 07 tháng 02 năm 2017  
CH KIỂM TRA (CHỈ LƯU)

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN  
THIẾT KẾ XÂY DỰNG TAT  
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA  
Theo văn bản thẩm tra số: .....  
Ngày.....tháng.....năm.....  
Ths.Kts. Chu Sỹ Tĩnh

GHI CHÚ

- CAO ĐỘ COS ±0.00 LÀ CAO ĐỘ COS GIÁ ĐỊNH TẠI TÌM ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN CÚ.
- KÍCH THƯỚC GHI TRONG BẢN VẼ LÀ MM, CAO ĐỘ LÀ M.

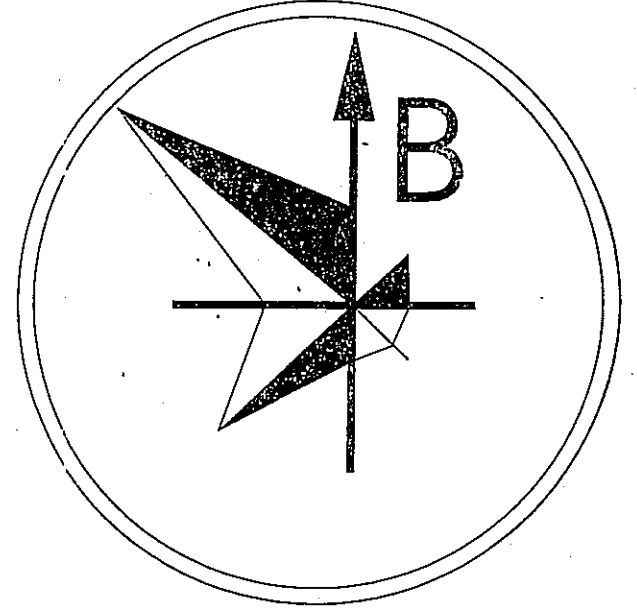
|                                                                                 |                             |
|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|
| PHÁT HÀNH / ISSUED FOR                                                          |                             |
| <input checked="" type="checkbox"/>                                             | TRÌNH DUYỆT (FOR APPROVAL)  |
| <input type="checkbox"/>                                                        | THAM KHẢO (FOR REFERENCE)   |
| <input type="checkbox"/>                                                        | THI CÔNG (FOR CONSTRUCTION) |
| <input type="checkbox"/>                                                        | NHÀ THẦU (FOR TENDER)       |
| <input type="checkbox"/>                                                        | HOÀN CÔNG (AS-BUILT)        |
| HIỆU CHỈNH / REVISION                                                           |                             |
| CHỦ ĐẦU TƯ - CLIENT:                                                            |                             |
| TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI<br>XUẤT NHẬP KHẨU THANH LÊ MTV                          |                             |
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br><br>Đoàn Minh Quang                                            |                             |
| CÔNG TRÌNH-PROJECT:                                                             |                             |
| TỔNG KHO XĂNG DẦU CHÍNH MỸ                                                      |                             |
| ĐỊA CHỈ: SỐ 63/18 NGUYỄN VĂN CÚ - P.CHÁNH MỸ<br>TP. THỦ ĐẦU MỘT - T. BÌNH DƯƠNG |                             |
| HẠNG MỤC- ITEM:                                                                 |                             |
| TỔNG MẶT BẰNG                                                                   |                             |
| ĐƠN VỊ THIẾT KẾ-MAIN DESIGN:                                                    |                             |
|                                                                                 |                             |
| CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG<br>VÀ CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ SÔNG HỒNG           |                             |
| GIÁM ĐỐC- DIRECTOR                                                              |                             |
|                                                                                 |                             |
| NGUYỄN TRỌNG HUÂN                                                               |                             |
| CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - PRO.MANAGER                                                   |                             |
|                                                                                 |                             |
| NGUYỄN TRỌNG HUÂN                                                               |                             |
| THIẾT KẾ - DESIGN BY                                                            |                             |
|                                                                                 |                             |
| ĐÀO XUÂN LỢI                                                                    |                             |
| KIỂM - CHECK BY                                                                 |                             |
|                                                                                 |                             |
| ĐỖ TIẾN THUY                                                                    |                             |
| TÊN BẢN VẼ -DRAWING NAME:                                                       |                             |
| TỔNG MẶT BẰNG ĐƯỜNG BÃI                                                         |                             |
| BẢN VẼ - DWG:                                                                   | THIẾT KẾ KTTC               |
| NGÀY - DATE                                                                     | 05/2015                     |
| TỶ LỆ - SCALE                                                                   | SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO      |
|                                                                                 | KCĐB-01                     |



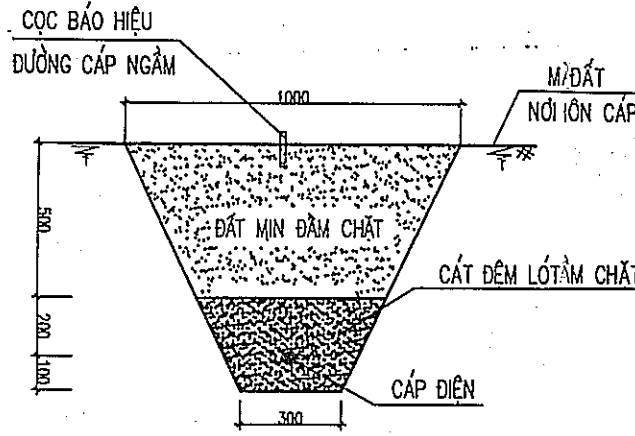
TỔNG MẶT BẰNG BỐ TRÍ TUYẾN CẤP ĐIỆN TRONG KHO XD

KÍ HIỆU TRÊN MẶT BẰNG:

- TỦ ĐIỆN T1
- CÁP DN CU/XLPE/PVC
- CÁP DN CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC



RÀNH CẤP TRONG ĐẤT (CẮT 1-1)  
CẤP CHON TRỰC TIẾP



ĐẤT TRỐNG

THỐNG KÊ VẬT TƯ THIẾT BỊ ĐIỆN

| STT | KÝ HIỆU | TÊN GỌI - MÃ HIỆU                            | ĐƠN VỊ | SỐ LƯỢNG | GHI CHÚ |
|-----|---------|----------------------------------------------|--------|----------|---------|
| 1   |         | DÂY DẪN ĐIỆN CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC(3x70+1x50) | M      | 105.0    |         |
| 2   |         | DÂY DẪN ĐIỆN CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC(3x35+1x25) | M      | 500.0    |         |
| 3   |         | DÂY DẪN ĐIỆN CU/XLPE/PVC(3x6)                | M      | 150.0    |         |
| 4   |         | DÂY DẪN ĐIỆN CU/XLPE/PVC(3x4)                | M      | 130.0    |         |
| 5   |         | DÂY DẪN ĐIỆN CU/XLPE/PVC(2x2,5)              | M      | 220.0    |         |
| 6   |         | ỐNG THÉP TRẮNG KÉM #21.3                     | M      | 90.0     |         |

- GHI CHÚ:
- BẢN VẼ NÀY THIẾT KẾ TRÊN CỨ SƠ BẢN VẼ TỔNG MẶT ĐẲNG: TMB-01 VÀ TUÂN THEO CÁC QUY PHẠM VỀ THIẾT KẾ ĐIỆN TRONG KHO DẦU MỎ VÀ SẢN PHẨM DẦU MỎ VIN 5334-2006, CÁC QUY ĐỊNH VỀ P&CC.
  - NGUỒN ĐIỆN CUNG CẤP CHO NHÀ BƠM CHỨA CHÁY (TỦ 1) LẤY TỪ TỦ ĐIỆN TỔNG ĐẶT TẠI NHÀ ĐỂ MÁY PHÁT ĐIỆN. TỦ ĐIỆN T1 ĐẶT TẠI NHÀ BƠM NƯỚC CHỨA CHÁY CẤP ĐIỆN CHO TẤT CẢ CÁC HẠNG MỤC CHỨA CHÁY TRONG KHO. TỦ ĐIỆN T2 ĐẶT TẠI NHÀ BƠM XUẤT NHẬP XĂNG DẦU ĐỂ CẤP ĐIỆN CHO NHÀ BƠM XUẤT NHẬP XĂNG DẦU. TỦ ĐIỆN T3 ĐẶT TẠI NHÀ BƠM XUẤT XĂNG DẦU ĐỂ CẤP ĐIỆN CHO NHÀ BƠM XUẤT XĂNG DẦU VÀ NHÀ BẢO VỆ 4 VÀ ĐƯỜNG BỎ LỖ 3. TỦ ĐIỆN T4 ĐẶT TẠI NHÀ VÁN PHÒNG ĐỂ CẤP ĐIỆN CHO NHÀ VÁN PHÒNG, HỘI TRƯỞNG VÀ NHÀ BẢO VỆ 1. TỦ ĐIỆN T5 ĐẶT TẠI NHÀ BẢO VỆ 2 ĐỂ CẤP ĐIỆN CHO NHÀ BẢO VỆ 2, NHÀ BẢO VỆ 3, NHÀ VIẾT PHIẾU, TRỤC CẤP PHÁT. NHÀ KIỂM ĐỊNH, NHÀ XUẤT DẦU Ô TÔ XI TẾC, ĐƯỜNG BỎ LỖ 2.
  - TỦ ĐIỆN TỔNG T1 CẤP ĐIỆN CHO TỦ ĐIỆN NHÀ BƠM CHỨA CHÁY (TỦ ĐIỆN T1) BẰNG CÁP LỖI ĐỒNG XLPE/PVC/DSTA/PVC(3x70+1x50). TỦ ĐIỆN TỔNG T2 CẤP ĐIỆN CHO TỦ ĐIỆN NHÀ BƠM XUẤT NHẬP XĂNG DẦU (TỦ ĐIỆN T2) BẰNG CÁP LỖI ĐỒNG XLPE/PVC/DSTA/PVC(3x70+1x50). TỦ ĐIỆN TỔNG T3 CẤP ĐIỆN CHO TỦ ĐIỆN NHÀ BƠM XUẤT XĂNG DẦU (TỦ ĐIỆN T3) BẰNG CÁP LỖI ĐỒNG XLPE/PVC/DSTA/PVC(3x35+1x25). TỦ ĐIỆN TỔNG T4 CẤP ĐIỆN CHO TỦ ĐIỆN NHÀ VÁN PHÒNG (TỦ ĐIỆN T4), TỦ ĐIỆN NHÀ BẢO VỆ (T5) BẰNG CÁP LỖI ĐỒNG CU/XLPE/PVC(3x4)(3x6). - CÁP ĐIỆN CHO NHÀ XUẤT Ô TÔ XI TẾC, NHÀ KIỂM ĐỊNH, BỜ CÁP LỖI ĐỒNG CU/XLPE/PVC(2x2,5): CÁP CHON TRỰC TIẾP TRONG ĐẤT, QUA ĐƯỜNG LƯỚI TRONG ỚNG THÉP TRẮNG KÉM #21.3. - CÁP ĐIỆN CHO ĐƯỜNG BỎ LỖ BẰNG CÁP LỖI ĐỒNG CU/XLPE/PVC(2x2,5). CÁP CHON TRỰC TIẾP TRONG ĐẤT, QUA ĐƯỜNG LƯỚI ỚNG THÉP TRẮNG KÉM #21.3.
  - CÁP ĐIỆN ĐƯỢC CHON TRỰC TIẾP TRONG ĐẤT SÂU 0.7M CӨM LỚT CÁT. CÁP ĐI QUA ĐƯỜNG LƯỚI ỚNG THÉP TRẮNG KÉM.
  - ĐỐI VỚI CÁP CHON TRỰC TIẾP, CỨ 25M ĐẾN 30M VÀ TẠI NGẪU VỊ TRÍ CHUYỂN HƯỚNG PHẢI CÓ CỌC CÁN BẢO.
  - YÊU CẦU DÂY NGUYÊN VÀ AUTOMAT TỔNG CỦA TỦ ĐIỆN TỔNG HỢP ĐẢM BẢO KHÍ THÉM PHỤ TÀI CỦA TRẠM BƠM NƯỚC CHỨA CHÁY, TRẠM BƠM DẦU.
  - BẢN VẼ NÀY XEM CÙNG BẢN VẼ "SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ ĐIỆN: 01".

SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG  
HỒ SƠ  
CẤP PHÉP XÂY DỰNG  
Đính kèm theo Giấy phép số: 631/GPXD  
Ngày 09 tháng 02 năm 2017  
CH KIỂM TRA (CH HỌ):

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN  
THIẾT KẾ XÂY DỰNG TAT  
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA  
Theo văn bản thẩm tra số: ...  
Ngày... tháng... năm...

KS. Hoàng Minh Thịnh

- GHI CHÚ
- CAO ĐỘ COS ±0.00 LÀ CAO ĐỘ COS GIẢ ĐỊNH TẠI TIM ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN CỬ.
  - KÍCH THƯỚC GHI TRONG BẢN VẼ LÀ MM, CAO ĐỘ LÀ M.

|                             |
|-----------------------------|
| PHÁT HÀNH / ISSUED FOR      |
| TRÌNH DUYỆT (FOR APPROVAL)  |
| THAM KHẢO (FOR REFERENCE)   |
| THI CÔNG (FOR CONSTRUCTION) |
| NHÀ THẦU (FOR TENDER)       |
| HOÀN CÔNG (AS-BUILT)        |

HIỆU CHÍNH / REVISION:

CHỦ ĐẦU TƯ - CLIENT:  
TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI  
XUẤT NHẬP KHẨU THÀNH LỄ MTV



TỔNG GIÁM ĐỐC  
Đoàn Minh Quang  
CÔNG TRÌNH-PROJECT:  
TỔNG KHO XĂNG DẦU CHÁNH MỸ  
ĐỊA CHỈ: SỐ 63/18 NGUYỄN VĂN CỬ - P. CHÁNH MỸ  
TP. THỦ ĐẦU MỘT - T. BÌNH DƯƠNG  
HẠNG MỤC- ITEM:  
ĐIỆN

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ-MAIN DESIGN:  
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG  
VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ SÔNG HỒNG

GIÁM ĐỐC- DIRECTOR  
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ SÔNG HỒNG  
NGUYỄN TRỌNG HUÂN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - PRO.MANAGER

NGUYỄN TRỌNG HUÂN

THIẾT KẾ - DESIGN BY

BÙI THÁI HÀ

KIỂM - CHECK BY

ĐỖ TIẾN THỤY

TÊN BẢN VẼ -DRAWING NAME:

TỔNG MẶT BẰNG BỐ TRÍ  
TUYẾN CẤP ĐIỆN

BẢN VẼ - DWG: THIẾT KẾ KTKC

NGÀY - DATE /2015

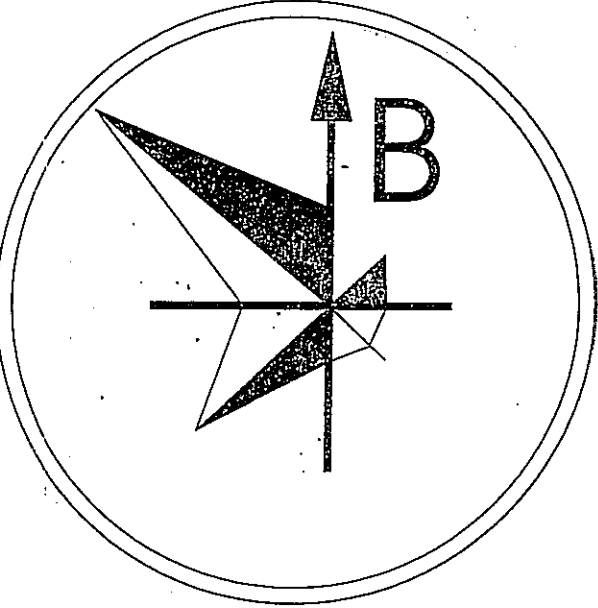
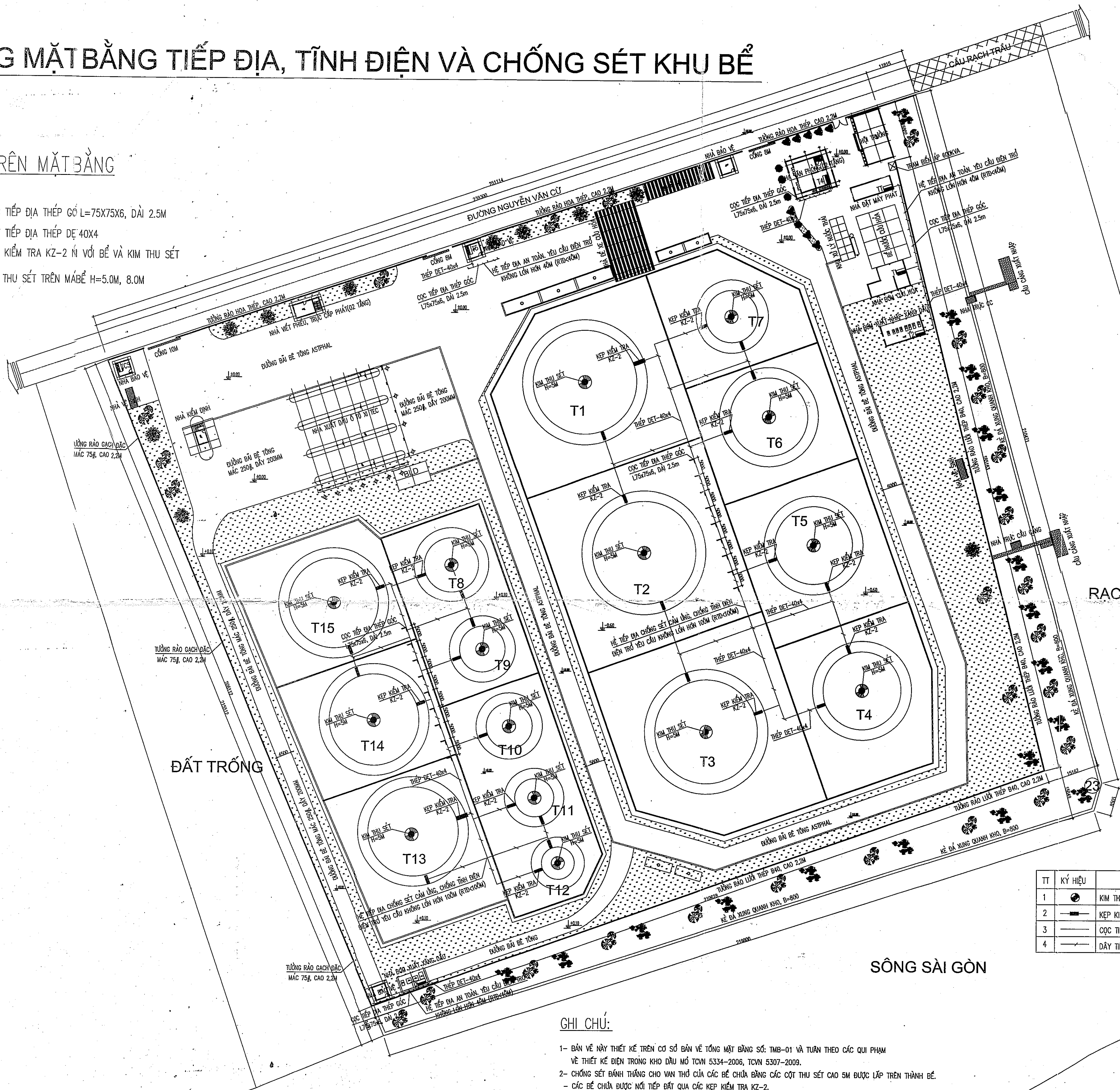
TỶ LỆ - SCALE SỐ BẢN VẼ-DRAWING NO  
ĐI-03



TỔNG MẶT BẰNG TIẾP ĐỊA, TÍNH ĐIỆN VÀ CHỐNG SÉT KHU BỂ

KÝ HIỆU TRÊN MẶT BẰNG

- CỌC TIẾP ĐỊA THÉP GÓC L=75X75X6, DÀI 2.5M
- DÂY TIẾP ĐỊA THÉP DẪN 40X4
- KẸP KIỂM TRA KZ-2 NỐI VỚI BỂ VÀ KIM THU SÉT
- KIM THU SÉT TRÊN MÁI BỂ H=5.0M, 8.0M



SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG  
HỒ SƠ  
CẤP PHÉP XÂY DỰNG  
Đính kèm theo Giấy phép số: 634 /SPXD  
Ngày: 09 tháng 03 năm 2017  
CHỖ KIỂM TRA (Ghi tên):

THỐNG KÊ VẬT LIỆU CHÍNH KHU BỂ

| TT | KÝ HIỆU | TÊN GỌI - MÃ HIỆU                             | ĐƠN VỊ | SỐ LƯỢNG | GHI CHÚ  |
|----|---------|-----------------------------------------------|--------|----------|----------|
| 1  |         | KIM THU SÉT H=5M                              | BỘ     | 15       | XEM ĐI-0 |
| 2  |         | KẸP KIỂM TRA KZ-2                             | BỘ     | 30       | XEM ĐI-0 |
| 3  |         | CỌC TIẾP ĐẤT BẰNG THÉP GÓC L75x75x6, DÀI 2.5M | CỌC    | 18       | XEM ĐI-0 |
| 4  |         | DÂY TIẾP ĐẤT THÉP DẪN -40x4                   | M      | 620.0    |          |

GHI CHÚ:

- BẢN VẼ NÀY THIẾT KẾ TRÊN CƠ SỞ BẢN VẼ TỔNG MẶT BẰNG SỐ: TMB-01 VÀ TUÂN THEO CÁC QUI PHẠM VẼ THIẾT KẾ ĐIỆN TRONG KHU DẦU MỎ TOWN 5334-2006, TOWN 5307-2009.
- CHỐNG SÉT BẰNG THẮNG CHO VẠN THỦ CỦA CÁC BỂ CHỨA BẰNG CÁC CỘT THU SÉT CAO 5M BƯỚC LẤP TRÊN THÀNH BỂ. CÁC BỂ CHỨA ĐƯỢC NỐI TIẾP ĐẤT QUA CÁC KẸP KIỂM TRA KZ-2.
- HỆ TIẾP ĐẤT CHỐNG SÉT YÊU CẦU ĐIỆN TRỞ TIẾP ĐẤT CHỐNG SÉT KHÔNG LỚN HƠN 10 ƠM.
- HÀN NỐI CÁC ĐẦU CỌC BẰNG THÉP DẪN 40X4.
- MỖI BỂ ĐƯỢC HÀN NỐI 02 ĐIỂM CHỐNG TÍNH ĐIỆN VỚI HỆ TIẾP ĐỊA ĐIỆN TRỞ YÊU CẦU KHÔNG LỚN HƠN 10 ƠM.

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN  
THIẾT KẾ XÂY DỰNG TAT  
THIẾT KẾ ĐÁNH GIÁ  
Theo văn bản thẩm tra số: /  
Ngày: tháng năm

KS. Hoàng Minh Thắng

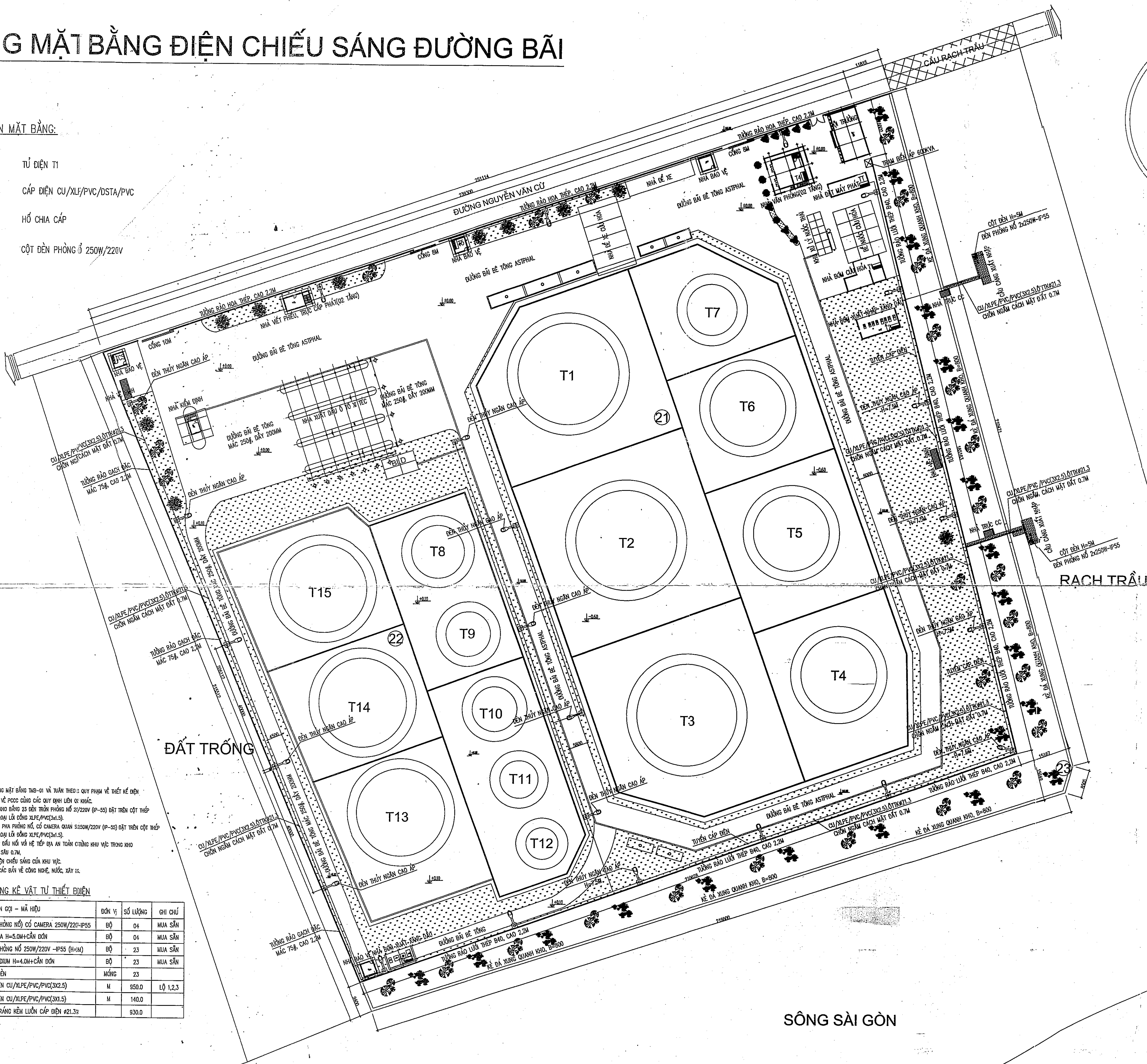
|                                                                                |                      |
|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| PHÁT HÀNH / ISSUED FOR                                                         |                      |
| TRÌNH DUYỆT (FOR APPROVAL)                                                     |                      |
| THAM KHẢO (FOR REFERENCE)                                                      |                      |
| THI CÔNG (FOR CONSTRUCTION)                                                    |                      |
| NHÀ THẦU (FOR TENDER)                                                          |                      |
| HOÀN CÔNG (AS-BUILT)                                                           |                      |
| HIỆU CHỈNH / REVISION:                                                         |                      |
| CHỦ ĐẦU TƯ - CLIENT:                                                           |                      |
| TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI<br>XUẤT NHẬP KHẨU THÀNH LỄ MTV                         |                      |
|                                                                                |                      |
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>Đoàn Minh Quang                                               |                      |
| CÔNG TRÌNH-PROJECT:                                                            |                      |
| TỔNG KHO XĂNG DẦU CHÁNH MỸ                                                     |                      |
| ĐỊA CHỈ SỐ 63/18 NGUYỄN VĂN CŨ - P.CHÁNH MỸ<br>TP. THỦ ĐẦU MỘT - T. BÌNH DƯƠNG |                      |
| HẠNG MỤC- ITEM:                                                                |                      |
| ĐIỆN                                                                           |                      |
| ĐƠN VỊ THIẾT KẾ-MAIN DESIGN:                                                   |                      |
|                                                                                |                      |
| CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG<br>VÀ CHUYÊN GIA CÔNG NGHỆ SỐNG HỒNG           |                      |
| GIÁM ĐỐC- DIRECTOR:                                                            |                      |
|                                                                                |                      |
| NGUYỄN TRỌNG HUÂN                                                              |                      |
| CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - PRO.MANAGER                                                  |                      |
|                                                                                |                      |
| NGUYỄN THÁI HÀ                                                                 |                      |
| KIỂM - CHECK BY                                                                |                      |
|                                                                                |                      |
| ĐỖ TIẾN THỦY                                                                   |                      |
| TÊN BẢN VẼ -DRAWING NAME:                                                      |                      |
| TỔNG MẶT BẰNG TIẾP ĐỊA<br>VÀ CHỐNG SÉT ĐÁNH THẮNG                              |                      |
| BẢN VẼ - DWG:                                                                  | THIẾT KẾ KTTT        |
| NGÀY - DATE                                                                    | /2015                |
| TỶ LỆ - SCALE                                                                  | SỐ BẢN VẼ-DRAWING NO |
|                                                                                | ĐI-04                |



TỔNG MẶT BẰNG ĐIỆN CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG BÃI

KÍ HIỆU TRÊN MẶT BẰNG:

- TỦ ĐIỆN T1
- CÁP ĐIỆN CU/XLPE/PVC/DSTA/PVC
- HỒ CHIA CÁP
- CỘT ĐÈN PHÒNG Ồ 250W/220V



THUYẾT MINH

- Bản vẽ này thiết kế trên cơ sở bản vẽ tổng mặt bằng TMB-01 và tuân theo quy phạm về thiết kế điện.
- Chiều sâu đường bãi cho xe ô tô và xe máy là 2.2m, chiều sâu đường bãi cho xe máy là 1.5m.
- Chiều sâu của các cọc đèn là 0.7m, chiều sâu của các cọc đèn là 0.7m.
- Hệ thống cấp điện cho các cọc đèn là 0.7m, chiều sâu của các cọc đèn là 0.7m.
- Chiều sâu của các cọc đèn là 0.7m, chiều sâu của các cọc đèn là 0.7m.

THÔNG KÊ VẬT TƯ THIẾT BIỆN

| STT | KÝ HIỆU | TÊN CỤ - MÃ HIỆU                            | ĐƠN VỊ | SỐ LƯỢNG | GHI CHÚ  |
|-----|---------|---------------------------------------------|--------|----------|----------|
| 1   |         | ĐÈN PHA (PHÒNG NỔ) CÓ CAMERA 250W/220V-IPSS | BỘ     | 04       | MUA SẴN  |
| 2   |         | CỘT ĐÈN PHA H=5.0M+CÂN ĐÓN                  | BỘ     | 04       | MUA SẴN  |
| 3   |         | ĐÈN TRẦN PHÒNG NỔ 250W/220V-IPSS (H=2M)     | BỘ     | 23       | MUA SẴN  |
| 4   |         | CỘT ĐÈN SODIUM H=4.0M+CÂN ĐÓN               | BỘ     | 23       | MUA SẴN  |
| 5   |         | MÓNG CỘT ĐÈN                                | MÓNG   | 23       |          |
| 6   |         | DÂY DẪN ĐIỆN CU/XLPE/PVC/PVC(3X2.5)         | M      | 950.0    | LỘ 1,2,3 |
| 7   |         | DÂY DẪN ĐIỆN CU/XLPE/PVC/PVC(3X1.5)         | M      | 140.0    |          |
| 8   |         | ỐNG THÉP TRẮNG KÉM LƯƠN CÁP ĐIỆN 421.33     |        | 930.0    |          |

SÔNG SÀI GÒN

GHI CHÚ

- CAO ĐỘ COS ±0.00 LÀ CAO ĐỘ COS GIẢ ĐỊNH TẠI TÌM ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN CỬ.
- KÍCH THƯỚC GHI TRONG BẢN VẼ LÀ MM, CAO ĐỘ LÀ M.

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN  
THIẾT KẾ XÂY DỰNG TAT  
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA  
Theo văn bản thẩm tra số: /  
Ngày: tháng: năm: 2017

KS. Hoàng Minh Thắng

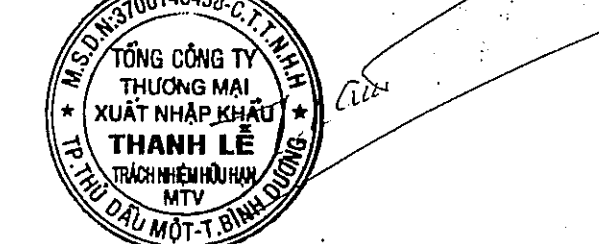
PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

- TRÌNH DUYỆT (FOR APPROVAL)
- THAM KHẢO (FOR REFERENCE)
- THI CÔNG (FOR CONSTRUCTION)
- NHÀ THẦU (FOR TENDER)
- HOÀN CÔNG (AS-BUILT)

HIỆU CHỈNH / REVISION:

CHỦ ĐẦU TƯ - CLIENT:

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI  
XUẤT NHẬP KHẨU THÀNH LỄ MTV



TỔNG GIÁM ĐỐC

Đoàn Minh Quang

CÔNG TRÌNH-PROJECT:

TỔNG KHO XĂNG ĐẦU CHÁNH MỸ

ĐỊA CHỈ: SỐ 63/18 NGUYỄN VĂN CỬ - P. CHÁNH MỸ  
TP. THỦ ĐẦU MỘT - T. BÌNH DƯƠNG

HẠNG MỤC- ITEM:

ĐIỆN

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ-MAIN DESIGN:



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG  
VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ SỐNG HỒNG

GIÁM ĐỐC- DIRECTOR



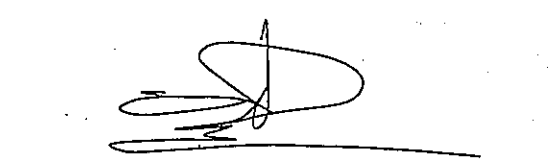
NGUYỄN TRỌNG HUÂN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - PRO.MANAGER



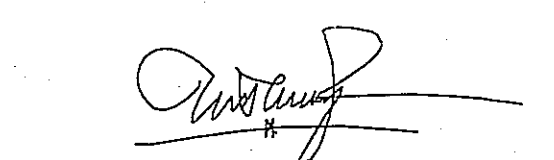
NGUYỄN TRỌNG HUÂN

THIẾT KẾ - DESIGN BY



BÙI THÁI HÀ

KIỂM - CHECK BY



ĐỖ TIẾN THỦY

TÊN BẢN VẼ -DRAWING NAME :

TỔNG MẶT BẰNG ĐIỆN  
CHIẾU SÁNG ĐƯỜNG BÃI

BẢN VẼ - DWG:

THIẾT KẾ KTC

NGÀY - DATE

/2015

TỶ LỆ - SCALE

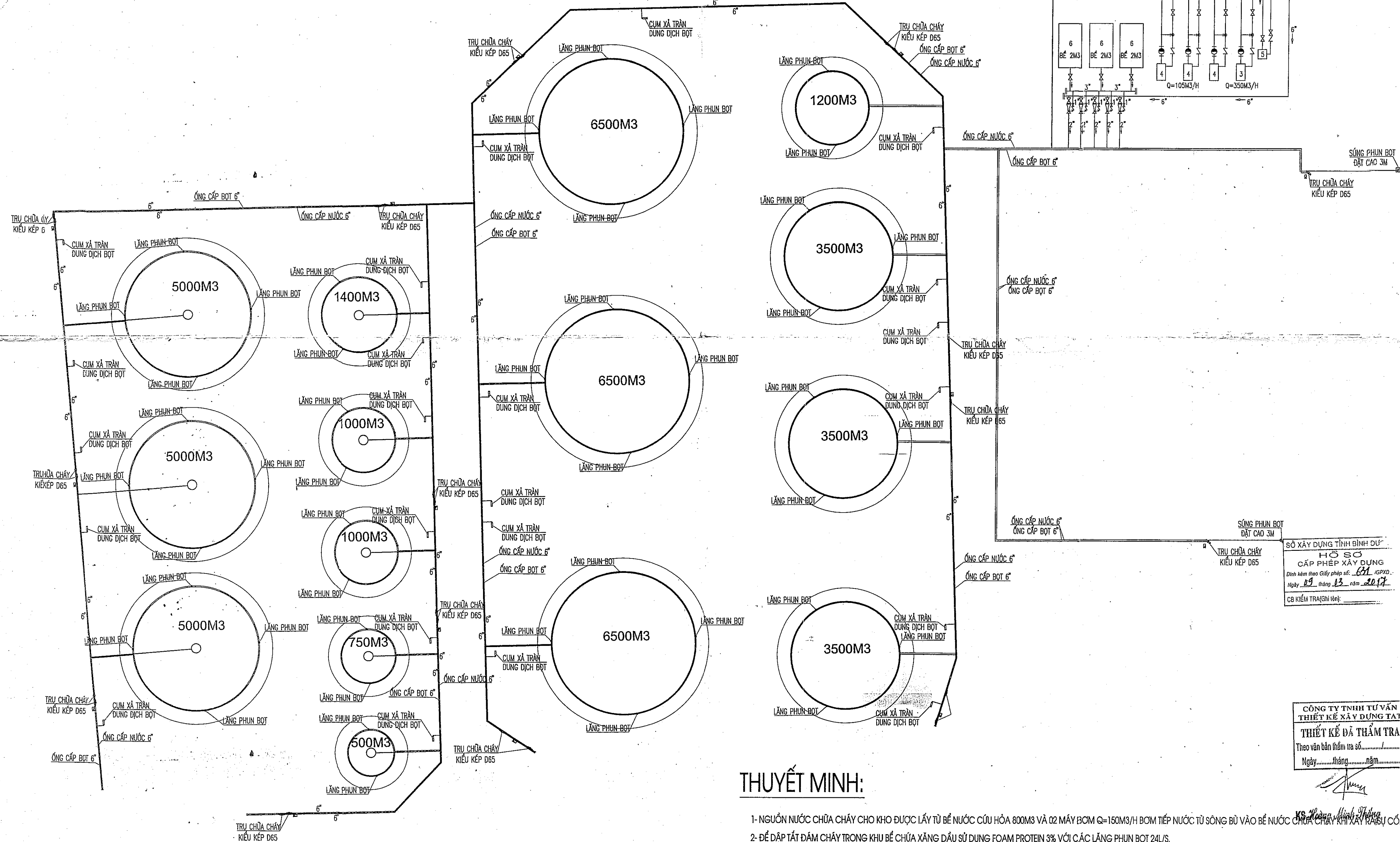
SỐ BẢN VẼ-DRAWING NO

ĐI-05



KÝ HIỆU BẢN VẼ:

|  |                                        |  |                               |
|--|----------------------------------------|--|-------------------------------|
|  | ỐNG DẪN NƯỚC CHỨA CHÁY                 |  | BÌNH LỘC                      |
|  | ỐNG DẪN DUNG DỊCH CHẤT TẠO BỌT         |  | CLEPIN                        |
|  | HỌNG CẤP DD TẠO BỌT CHỨA CHÁY KIỂU KÉP |  | ỐNG THÓT                      |
|  | HỌNG CẤP NƯỚC CHỨA CHÁY KIỂU KÉP       |  | HƯỚNG DÒNG CHÁY               |
|  | LĂNG PHUN BỌT                          |  | 1 MÁY BƠM NƯỚC CHỨA CHÁY      |
|  | HỘP DỰNG CUỘN VỎI NGOÀI TRỜI           |  | 2 MÁY BƠM NƯỚC CHỨA CHÁY      |
|  | VAN HỒI LƯU                            |  | 3 MÁY BƠM ĐỘNG CƠ NỔ          |
|  | VAN 1 CHIỀU                            |  | 4 MÁY BƠM ĐỘNG CƠ NỔ          |
|  | VAN CHẶN                               |  | 5 MÁY BƠM TĂNG ÁP             |
|  | EJECTOR TRỘN DUNG DỊCH                 |  | 6 BỂ CHỨA CHẤT TẠO BỌT AFF 3% |
|  |                                        |  | CÔNG TÁC ÁP LỰC               |



## SƠ ĐỒ HỆ THỐNG CẤP NƯỚC CHỨA CHÁY

### THUYẾT MINH:

- NGUỒN NƯỚC CHỨA CHÁY CHO KHO ĐƯỢC LẤY TỪ BỂ NƯỚC CỨU HÒA 800M<sup>3</sup> VÀ 02 MÁY BƠM Q=150M<sup>3</sup>/H BƠM TIẾP NƯỚC TỪ SÔNG BÙ VÀO BỂ NƯỚC CHỨA CHÁY KHI XÂY DỰNG CÓ.
- ĐỂ DẬP TẮT ĐÁM CHÁY TRONG KHU BỂ CHỨA XĂNG DẦU SỬ DỤNG FOAM PROTEIN 3% VỚI CÁC LĂNG PHUN BỌT 24L/S.
- KHI CÓ CHÁY XẢY RA VẬN HÀNH MÁY BƠM SỐ 1, MÁY BƠM SỐ 2 VÀ MỞ CÁC VÁN TƯƠNG ỨNG ĐỂ BƠM NƯỚC VÀO ĐƯỜNG ỐNG DẪN, SỬ DỤNG CÁC LĂNG PHUN ĐỘNG LẤY NƯỚC TỪ CÁC HỌNG CHỨA CHÁY ĐỂ CHỨA CHÁY CHO BỂ BỊ CHÁY VÀ TỨC MẮT CHO CÁC BỂ LÂN CẬN.
- VẬN HÀNH MÁY BƠM SỐ 3, 4, 5, KHI ĐỒNG HỒ ÁP LỰC ĐẠT CHỈ SỐ LÀM VIỆC HOẶC LƯU LƯỢNG ĐẠT 210M<sup>3</sup>/H MỞ CÁC VÁN TƯƠNG ỨNG ĐỂ EJECTOR LÀM VIỆC. DUNG DỊCH ĐƯỢC PHA THEO TỶ LỆ QUY ĐỊNH QUA ĐƯỜNG ỐNG DẪN, QUA LĂNG PHUN BỌT, HỌNG CHỨA CHÁY ĐƯỢC PHUN VÀO DẬP TẮT ĐÁM CHÁY.
- ĐỂ DẬP TẮT CÁC ĐÁM CHÁY LOANG Ở KHU VỰC ĐỂ BAO, NHÀ BOM ĐÁU, NHÀ XUẤT DẦU Ở TÓ XITEC SỬ DỤNG CÁC LĂNG PHUN NƯỚC, PHUN BỌT ĐỘNG, LẤY NƯỚC VÀ DUNG DỊCH BỌT TỪ CÁC HỌNG CHỨA CHÁY ĐỂ TRÊN ĐƯỜNG ỐNG CHỨA CHÁY ĐỂ DẬP TẮT ĐÁM CHÁY.

PHÁT HÀNH / ISSUED FOR

TRÌNH DUYỆT (FOR APPROVAL)

THAM KHẢO (FOR REFERENCE)

THI CÔNG (FOR CONSTRUCTION)

NHÀ THẦU (FOR TENDER)

HOÀN CÔNG (AS-BUILT)

HIỆU CHÍNH / REVISION

CHỦ ĐẦU TƯ - CLIENT:

TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI  
XUẤT NHẬP KHẨU THANH LÊ MTV



TỔNG GIÁM ĐỐC

Đoàn Minh Quang

CÔNG TRÌNH-PROJECT:

TỔNG KHO XĂNG DẦU CHÍNH MỸ

ĐỊA CHỈ SỐ 63/18 NGUYỄN VĂN CỬ - P. CHÁNH MỸ  
TP. THỦ ĐẦU MỘT - T. BÌNH DƯƠNG

HẠNG MỤC- ITEM:

NHÀ VĂN PHÒNG

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ-MAIN DESIGN:



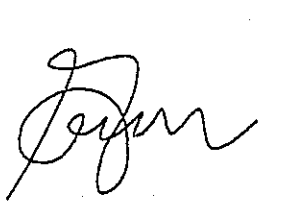
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG  
VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ SÔNG HỒNG

GIÁM ĐỐC- DIRECTOR



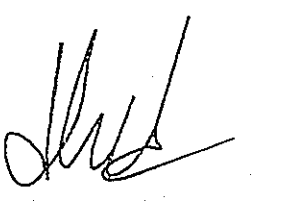
NGUYỄN TRỌNG HUÂN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - PRO.MANAGER



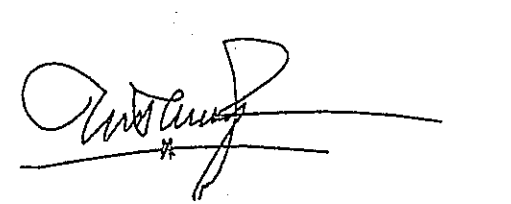
NGUYỄN TRỌNG HUÂN

THIẾT KẾ - DESIGN BY:



TRẦN VĂN TRÀ

KIỂM - CHECK BY



ĐỖ TIẾN THUY

TÊN BẢN VẼ -DRAWING NAME :

SƠ ĐỒ HỆ THỐNG  
CẤP NƯỚC CHỨA CHÁY

BẢN VẼ - DWG:

THIẾT KẾ KTTCC

NGÀY - DATE

05/2015

TỶ LỆ - SCALE

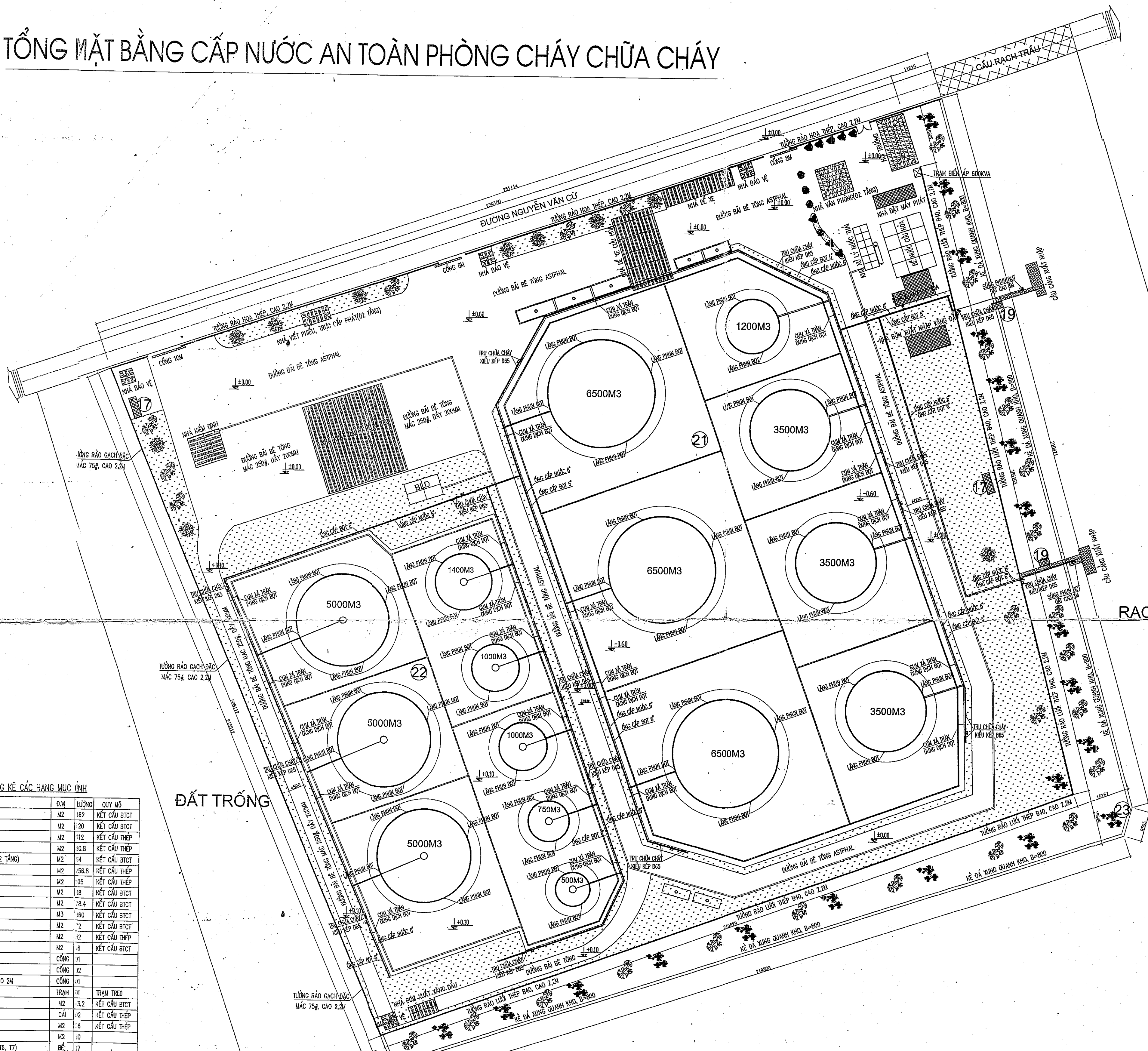
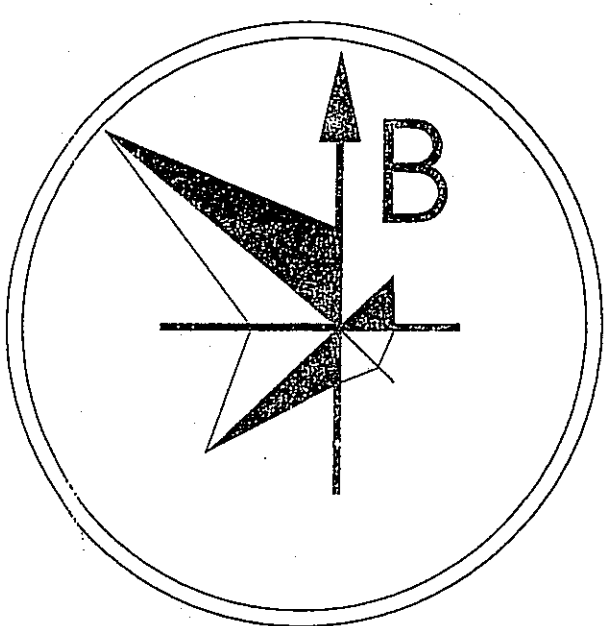
.../...

SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO

N-01



TỔNG MẶT BẰNG CẤP NƯỚC AN TOÀN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY



BẢNG THỐNG KÊ CÁC HÀNG MỤC CÔNG TRÌNH

| STT | HÀNG MỤC CÔNG TRÌNH                                 | D.V  | LƯỢNG | QUY MÔ          |
|-----|-----------------------------------------------------|------|-------|-----------------|
| 1   | NHÀ VĂN PHÒNG(02 TẦNG)                              | M2   | 182   | KẾT CẤU BÊ TÔNG |
| 2   | HỒ TRƯỞNG                                           | M2   | 20    | KẾT CẤU BÊ TÔNG |
| 3   | NHÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI                                 | M2   | 312   | KẾT CẤU BÊ TÔNG |
| 4   | NHÀ KIỆM DINH                                       | M2   | 30.8  | KẾT CẤU BÊ TÔNG |
| 5   | NHÀ VẾT PHẾ, TRỤC CẤP PHÁP(02 TẦNG)                 | M2   | 54    | KẾT CẤU BÊ TÔNG |
| 6   | NHÀ ĐỂ XE CỬU HÓA                                   | M2   | 58.8  | KẾT CẤU BÊ TÔNG |
| 7   | NHÀ ĐỂ XE                                           | M2   | 105   | KẾT CẤU BÊ TÔNG |
| 8   | NHÀ ĐẶT MÁY PHÁT                                    | M2   | 19    | KẾT CẤU BÊ TÔNG |
| 9   | NHÀ BƠM CỬU HÓA                                     | M2   | 78.4  | KẾT CẤU BÊ TÔNG |
| 9A  | HỆ NƯỚC CỬU HÓA                                     | M3   | 360   | KẾT CẤU BÊ TÔNG |
| 10  | NHÀ BƠM XUẤT NHẬP XĂNG DẦU                          | M2   | 72    | KẾT CẤU BÊ TÔNG |
| 11  | NHÀ BƠM XUẤT NHẬP XĂNG DẦU                          | M2   | 32    | KẾT CẤU BÊ TÔNG |
| 12  | NHÀ BẢO VỆ                                          | M2   | 6     | KẾT CẤU BÊ TÔNG |
| 13  | CỔNG ĐÁY THÉP, DÀI 10M, CAO 2M                      | CÔNG | 11    |                 |
| 14  | CỔNG ĐÁY THÉP, DÀI 8M, CAO 2M                       | CÔNG | 12    |                 |
| 15  | CỔNG THÉP CẢNH MÓ, RỘNG 4M, CAO 2M                  | CÔNG | 11    |                 |
| 16  | TRẠM BÉN ÁP 600KV                                   | TRẠM | 11    | TRẠM TRẠM       |
| 17  | NHÀ VỆ SINH                                         | M2   | 3.2   | KẾT CẤU BÊ TÔNG |
| 18  | CẦU CANG XUẤT NHẬP                                  | CẦU  | 12    | KẾT CẤU BÊ TÔNG |
| 19  | NHÀ TRỤC CẤP CANG                                   | M2   | 6     | KẾT CẤU BÊ TÔNG |
| 20  | KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI                                 | M2   | 30    |                 |
| 21  | KHU BẾ 1 ( BẾ T1, T2, T3, T4, T5, T6, T7)           | BẾ   | 17    |                 |
| 22  | KHU BẾ 2 ( BẾ T8, T9, T10, T11, T12, T13, T14, T15) | BẾ   | 18    |                 |
| 23  | KẾ DÀ XUNG QUANH KHO, B=800                         | M    | 38.8  |                 |
| 24  | TƯỜNG RÀO LƯỚI THÉP BAO, CAO 2.2M                   | M    | 38.8  |                 |
| 25  | TƯỜNG RÀO GẠCH ĐẶC MẠC 75#, CAO 2.2M                | M    | 306   |                 |
| 26  | TƯỜNG RÀO HOA THÉP, CAO 2.2M                        | M    | 20    |                 |
| 27  | ĐƯỜNG BÊ TÔNG ASPHAL                                | M2   | 300   |                 |
| 28  | ĐƯỜNG BÊ TÔNG MẠC 250#, DÂY 200MM                   | M2   | 300   |                 |
| 29  | BỒN HOA THÁM CỎ                                     | M2   | 00    |                 |

SÔNG SÀI GÒN

SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG  
HỒ SƠ  
CẤP PHÉP XÂY DỰNG  
Định kèm theo Giấy phép số: 621/ĐPXD  
Ngày: 01 tháng 02 năm 2019  
CH KIỂM TRA(NGHĨ HÈ):

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN  
THIẾT KẾ XÂY DỰNG TAT  
THIẾT KẾ ĐÁ THẨM TRA  
Theo văn bản thẩm tra số: .....  
Ngày: ..... tháng ..... năm .....

KS. Hoàng Minh Thuận

GHỊ CHÚ

- CAO ĐỘ COS ±0.00 LÀ CAO ĐỘ COS GIẢ ĐỊNH TẠI TÌM ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN CỤ.  
- KÍCH THƯỚC GHỊ TRONG BẢN VẼ LÀ MM, CAO ĐỘ LÀ M.

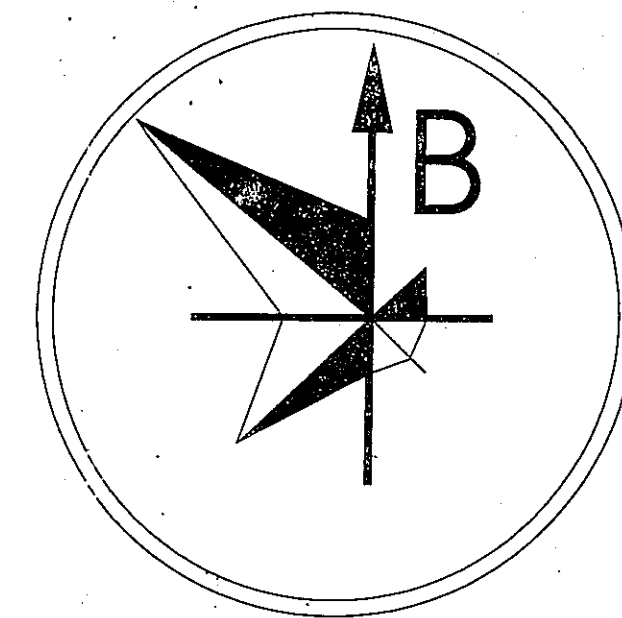
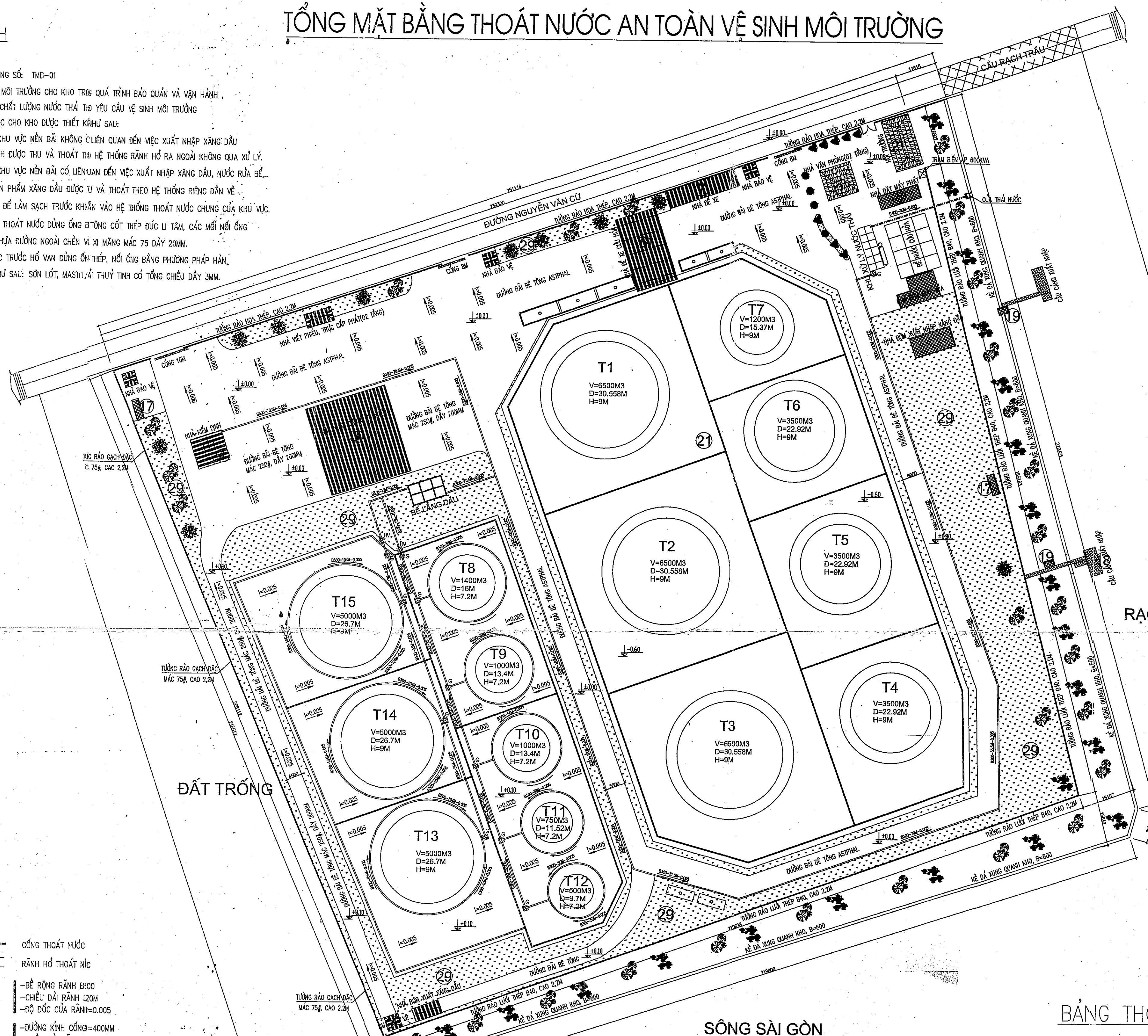
|                                                                                 |                        |
|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| PHÁT HÀNH / ISSUED FOR                                                          |                        |
| TRÌNH DUYỆT (FOR APPROVAL)                                                      |                        |
| THAM KHẢO (FOR REFERENCE)                                                       |                        |
| THI CÔNG (FOR CONSTRUCTION)                                                     |                        |
| NHÀ THẦU (FOR TENDER)                                                           |                        |
| HOÀN CÔNG (AS-BUILT)                                                            |                        |
| HIỆU CHỈNH / REVISION                                                           |                        |
| CHỦ ĐẦU TƯ - CLIENT:                                                            |                        |
| TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI<br>XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ-MTV                          |                        |
|                                                                                 |                        |
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>Đoàn Minh Quang                                                |                        |
| CÔNG TRÌNH-PROJECT:                                                             |                        |
| TỔNG KHO XĂNG DẦU CHÁNH MỸ                                                      |                        |
| ĐỊA CHỈ: SỐ 63/18 NGUYỄN VĂN CỤ - P.CHÁNH MỸ<br>TP. THỦ ĐẦU MỘT - T. BÌNH DƯƠNG |                        |
| HẠNG MỤC- ITEM:                                                                 |                        |
| NHÀ VĂN PHÒNG                                                                   |                        |
| ĐƠN VỊ THIẾT KẾ-MAIN DESIGN:                                                    |                        |
|                                                                                 |                        |
| CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG<br>VÀ CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ SÔNG HỒNG           |                        |
| GIÁM ĐỐC- DIRECTOR                                                              |                        |
|                                                                                 |                        |
| NGUYỄN TRỌNG HUÂN                                                               |                        |
| CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - PRO.MANAGER                                                   |                        |
|                                                                                 |                        |
| NGUYỄN TRỌNG HUÂN                                                               |                        |
| THIẾT KẾ - DESIGN BY                                                            |                        |
|                                                                                 |                        |
| NGUYỄN TRỌNG HUÂN                                                               |                        |
| TRẦN VĂN TRÁ                                                                    |                        |
| KIỂM - CHECK BY                                                                 |                        |
|                                                                                 |                        |
| NGUYỄN TRỌNG HUÂN                                                               |                        |
| ĐỒ TIẾN THUY                                                                    |                        |
| TÊN BẢN VẼ -DRAWING NAME :                                                      |                        |
| TỔNG MẶT BẰNG CẤP NƯỚC<br>TOÀN PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY                             |                        |
| BẢN VẼ - DWG:                                                                   | THIẾT KẾ KTTG          |
| NGÀY - DATE                                                                     | 05/2015                |
| TỶ LỆ - SCALE                                                                   | SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO |
| 1:1000                                                                          | N-02                   |



THUYẾT MINH

- CƠ SỞ THIẾT KẾ:
  - BẢN VẼ TỔNG MẶT BẰNG SỐ: TMB-01
- ĐỂ ĐẢM BẢO VỆ SINH MÔI TRƯỜNG CHO KHO TRÚNG QUÁ TRÌNH BẢO QUẢN VÀ VẬN HÀNH, ĐỒNG THỜI ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI TIÊU YÊU CẦU VỆ SINH MÔI TRƯỜNG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC CHO KHO ĐƯỢC THIẾT KẾ NHƯ SAU:
  - NƯỚC MƯA RƠI TRÊN KHU VỰC NỀN BÀI KHÔNG LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC XUẤT NHẬP XĂNG DẦU QUI ƯỚC LÀ NƯỚC SẠCH ĐƯỢC THU VÀ THOÁT THEO HỆ THỐNG RÀNH HỖ RA NGOÀI KHÔNG QUA XỬ LÝ.
  - NƯỚC MƯA RƠI TRÊN KHU VỰC NỀN BÀI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC XUẤT NHẬP XĂNG DẦU, NƯỚC RỬA BỂ, BỊ NHIỄM BẮN CÁC SẢN PHẨM XĂNG DẦU ĐƯỢC TỤ VÀ THOÁT THEO HỆ THỐNG RIỀNG DẪN VỀ KHU XỬ LÝ NƯỚC THẢI ĐỂ LÀM SẠCH TRƯỚC KHI LẢNH VÀO HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC CHUNG CỦA KHU VỰC.
- ỐNG TRONG HỆ THỐNG THOÁT NƯỚC DÙNG ống BÔNG CỐT THÉP ĐÚC LI TÂM, CÁC MỐI NỐI ống BĂNG DÂY DÂY TẮM NHỰA ĐƯỜNG NGOÀI CHÈN VỊ XÍ MĂNG MẮC 75 DÂY 20MM.
  - RIỀNG ống thoát nước trước hố VAN DÙNG ống THÉP, NỐI ống BẰNG PHƯƠNG PHÁP HÀN, CHỐNG GI CHO ống NHƯ SAU: SƠN LÓT, MASTIT, MÀ THUỶ TINH CỎ TỔNG CHIỀU DÂY 3MM.

TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC AN TOÀN VỆ SINH MÔI TRƯỜNG



KÝ HIỆU

- CỐNG THOÁT NƯỚC  
----- RÀNH HỖ THOÁT NƯỚC
- B300-20M-0.005
- D400-20M-0.005
- $i=0.005$
- $\boxtimes$  G
- $\boxtimes$  HV
- $\boxtimes$
- CỔNG THOÁT NƯỚC  
RÀNH HỖ THOÁT NƯỚC  
- BỀ RỘNG RÀNH B300  
- CHIỀU DÀI RÀNH 120M  
- ĐỘ DỐC CỦA RÀNH=0.005  
- ĐƯỜNG KÍNH CỐNG=400MM  
- CHIỀU DÀI RÀNH 120M  
- ĐỘ DỐC CỦA RÀNH=0.005  
HƯỚNG, ĐỘ DỐC THẢI NƯỚC  
HỐ GA  
HỐ VAN  
CỬA THẢI NƯỚC

SÔNG SÀI GÒN

BẢNG THỐNG KÊ VẬT LIỆU

| STT | TÊN HÀNG MỤC                 | Đ.VỊ | SỐ LƯỢNG |
|-----|------------------------------|------|----------|
| 1   | HỐ GA (G)                    | HỐ   | 11       |
| 2   | HỐ VAN (HV)                  | HỐ   | 02       |
| 3   | CỬA THẢI NƯỚC                | CỬA  | 01       |
| 4   | RÀNH THOÁT NƯỚC HỖ B=300     | M    | 326      |
| 5   | CỐNG THOÁT NƯỚC BỂ TÔNG D400 | M    | 326      |
| 6   | BỂ LẮNG GẠM DẦU              | BỂ   | 01       |
| 7   | VÁN CHẶN THÉP 12"            | VÁN  | 2        |
| 8   | ỐNG THÉP TRẮNG KẼM 12"       | M    | 4        |

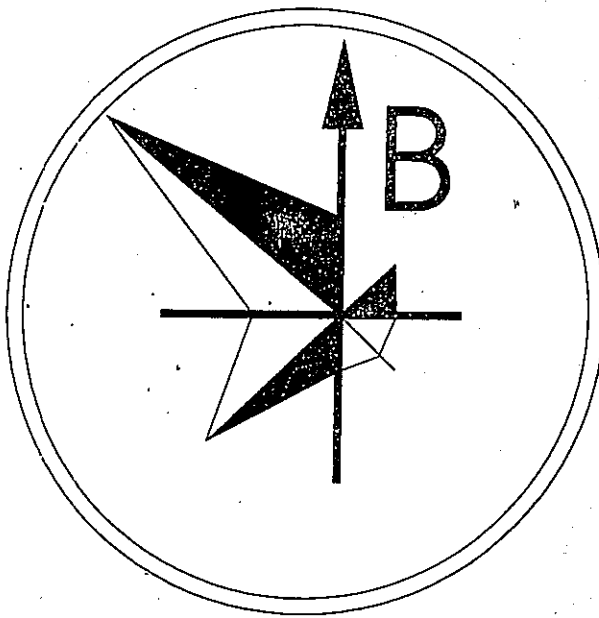
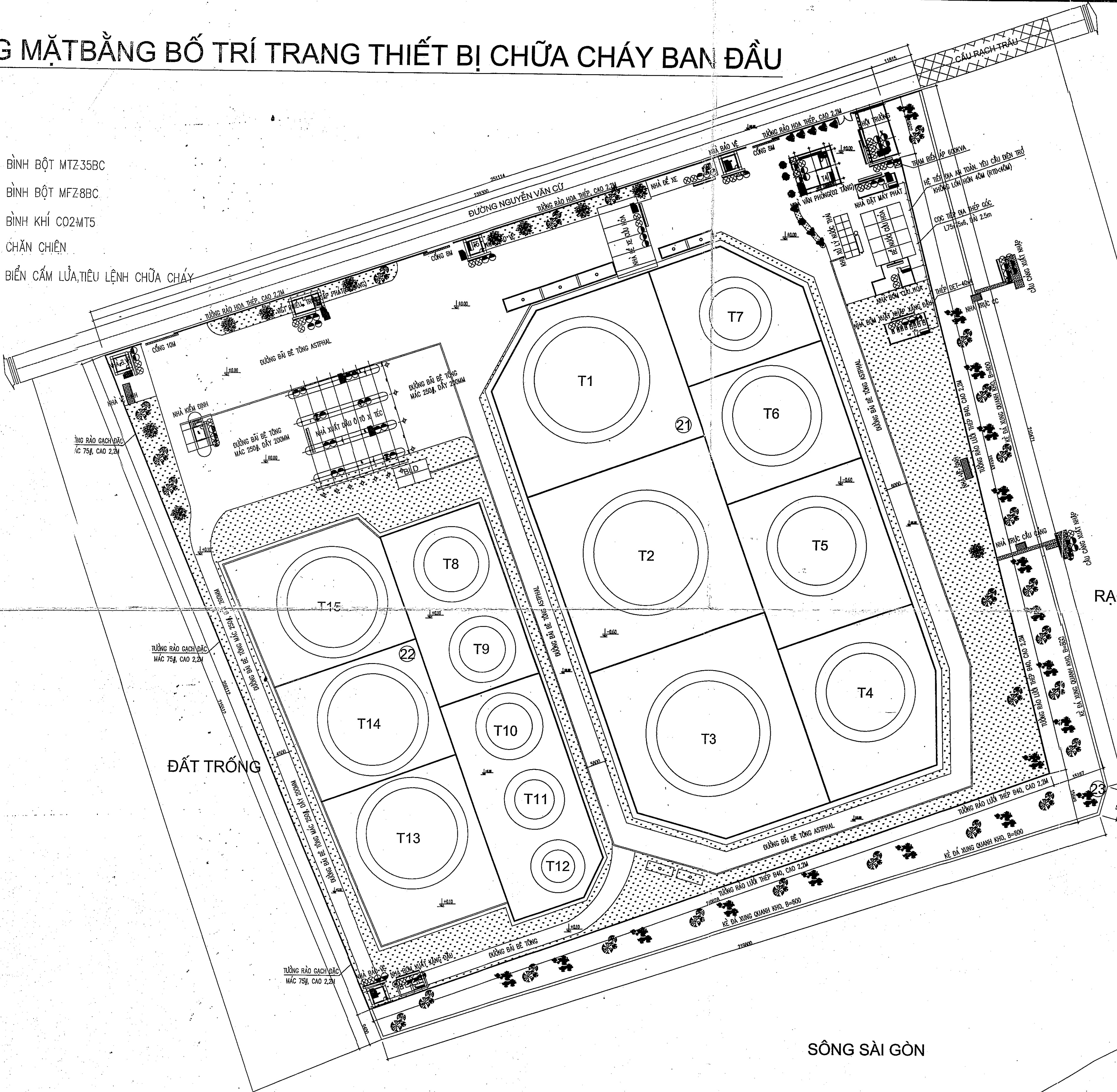
|                                                                                 |                        |
|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| PHÁT HÀNH / ISSUED FOR                                                          |                        |
| TRÌNH DUYỆT (FOR APPROVAL)                                                      |                        |
| THAM KHẢO (FOR REFERENCE)                                                       |                        |
| THI CÔNG (FOR CONSTRUCTION)                                                     |                        |
| NHÀ THẦU (FOR TENDER)                                                           |                        |
| HOÀN CÔNG (AS-BUILT)                                                            |                        |
| HIỆU CHỈNH / REVISION                                                           |                        |
| CHỦ ĐẦU TƯ - CLIENT:                                                            |                        |
| TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI<br>XUẤT NHẬP KHẨU THANH LÊ MTV                          |                        |
|                                                                                 |                        |
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br><i>Đoàn Minh Quang</i>                                         |                        |
| CÔNG TRÌNH-PROJECT:                                                             |                        |
| TỔNG KHO XĂNG DẦU CHÁNH MỸ                                                      |                        |
| ĐỊA CHỈ: SỐ 63/18 NGUYỄN VĂN CÚ - P.CHÁNH MỸ<br>TP. THỦ ĐẦU MỘT - T. BÌNH DƯƠNG |                        |
| HẠNG MỤC- ITEM:                                                                 |                        |
| NHÀ VĂN PHÒNG                                                                   |                        |
| ĐƠN VỊ THIẾT KẾ-MAIN DESIGN:                                                    |                        |
|                                                                                 |                        |
| CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG<br>VÀ CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ SÔNG HỒNG           |                        |
| GIÁM ĐỐC- DIRECTOR                                                              |                        |
|                                                                                 |                        |
| NGUYỄN TRỌNG HUÂN                                                               |                        |
| CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - PRO.MANAGER                                                   |                        |
|                                                                                 |                        |
| TRẦN VĂN TRÀ                                                                    |                        |
| KIỂM - CHECK BY                                                                 |                        |
|                                                                                 |                        |
| ĐỖ TIẾN THỦY                                                                    |                        |
| TÊN BẢN VẼ -DRAWING NAME :                                                      |                        |
| TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC<br>AN TOÀN VỆ SINH MÔI TRƯỜNG                          |                        |
| BẢN VẼ - DWG:                                                                   |                        |
| THIẾT KẾ KTTG                                                                   |                        |
| NGÀY - DATE                                                                     |                        |
| 05/2015                                                                         |                        |
| TỶ LỆ - SCALE                                                                   | SỐ BẢN VẼ - DRAWING NO |
| .../...                                                                         | TN-01                  |



TỔNG MẶT BẰNG BỐ TRÍ TRANG THIẾT BỊ CHỮA CHÁY BAN ĐẦU

KÝ HIỆU:

- BÌNH BỘT MTZ35BC
- BÌNH BỘT MFZ8BC
- BÌNH KHÍ CO2MT5
- CHẶN CHIẾN
- BIỂN CẤM LỬA, TIÊU LỆNH CHỮA CHÁY



SỞ XÂY DỰNG TỈNH BÌNH DƯƠNG  
HỒ SƠ  
CẤP PHÉP XÂY DỰNG  
Ngày... tháng... năm...  
CƠ KIỂM TRA (CHỖ):

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN  
THIẾT KẾ XÂY DỰNG TAT  
THIẾT KẾ ĐÃ THẨM TRA  
Theo văn bản thẩm tra số...  
Ngày... tháng... năm...  
KS. Hoàng Minh Thắng

GHI CHÚ  
- CAO ĐỘ COS ±0.00 LÀ CAO ĐỘ COS GIẢ ĐỊNH TẠI TIM ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN CỬ.  
- KÍCH THƯỚC GHI TRONG BẢN VẼ LÀ MM, CAO ĐỘ LÀ M.

|                                                                                 |                      |
|---------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| PHÁT HÀNH / ISSUED FOR                                                          |                      |
| TRÌNH DUYỆT (FOR APPROVAL)                                                      |                      |
| THAM KHẢO (FOR REFERENCE)                                                       |                      |
| THI CÔNG (FOR CONSTRUCTION)                                                     |                      |
| NHÀ THẦU (FOR TENDER)                                                           |                      |
| HOÀN CÔNG (AS-BUILT)                                                            |                      |
| HIỆU CHỈNH / REVISION:                                                          |                      |
| CHỦ ĐẦU TƯ - CLIENT:                                                            |                      |
| TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI<br>XUẤT NHẬP KHẨU THÀNH LỄ MTV                          |                      |
|                                                                                 |                      |
| TỔNG GIÁM ĐỐC<br>Đoàn Minh Quang                                                |                      |
| CÔNG TRÌNH-PROJECT:                                                             |                      |
| TỔNG KHO XĂNG DẦU CHÁNH MỸ                                                      |                      |
| ĐỊA CHỈ: SỐ 63/18 NGUYỄN VĂN CỬ - P.CHÁNH MỸ<br>TP. THỦ DẦU MỘT - T. BÌNH DƯƠNG |                      |
| HẠNG MỤC- ITEM:                                                                 |                      |
| ĐIỆN                                                                            |                      |
| ĐƠN VỊ THIẾT KẾ-MAIN DESIGN:                                                    |                      |
|                                                                                 |                      |
| CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG<br>VÀ CHUYÊN GIAO CÔNG NGHỆ SÔNG HỒNG           |                      |
| GIÁM ĐỐC- DIRECTOR                                                              |                      |
|                                                                                 |                      |
| NGUYỄN TRỌNG HUÂN                                                               |                      |
| CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - PRO.MANAGER                                                   |                      |
|                                                                                 |                      |
| NGUYỄN TRỌNG HUÂN                                                               |                      |
| THIẾT KẾ - DESIGN BY                                                            |                      |
|                                                                                 |                      |
| BÙI THÁI HÀ                                                                     |                      |
| KIỂM - CHECK BY                                                                 |                      |
|                                                                                 |                      |
| ĐỖ TIẾN THUY                                                                    |                      |
| TÊN BẢN VẼ -DRAWING NAME :                                                      |                      |
| TỔNG MẶT BẰNG BỐ TRÍ<br>TRANG THIẾT BỊ<br>CHỮA CHÁY BAN ĐẦU                     |                      |
| BẢN VẼ - DWG:                                                                   | THIẾT KẾ KTTCC       |
| NGÀY - DATE                                                                     | /2015                |
| TỶ LỆ - SCALE                                                                   | SỐ BẢN VẼ-DRAWING NO |
|                                                                                 | PCCC-01              |



**PHỤ LỤC 03**  
**CÁC BẢN VẼ HOÀN CÔNG CÔNG TRÌNH XỬ LÝ  
MÔI TRƯỜNG**



VAN LANG

CÔNG TY TNHH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG VĂN LANG

ĐỊA CHỈ: 2/5 ĐƯỜNG SỐ 5, CĂN CỨ 26B, PHƯỜNG 7, Q.GÒ VẤP, TP.HCM

ĐIỆN THOẠI: 08 3984 6640 - 08 3984 6641 FAX : 08 6295 6985

----- 000 -----



# BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH : HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHIỄM DẦU - CÔNG SUẤT Q = 50 M<sup>3</sup>/NGÀY.ĐÊM

ĐỊA ĐIỂM : 63/18 NGUYỄN VĂN CỪ, CHÁNH MỸ, THỦ DẦU MỘT, BÌNH DƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY TM - XNK THANH LỄ

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN : CÔNG TY TNHH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG VĂN LANG

TP. Hồ Chí Minh, Tháng 10 - 2009

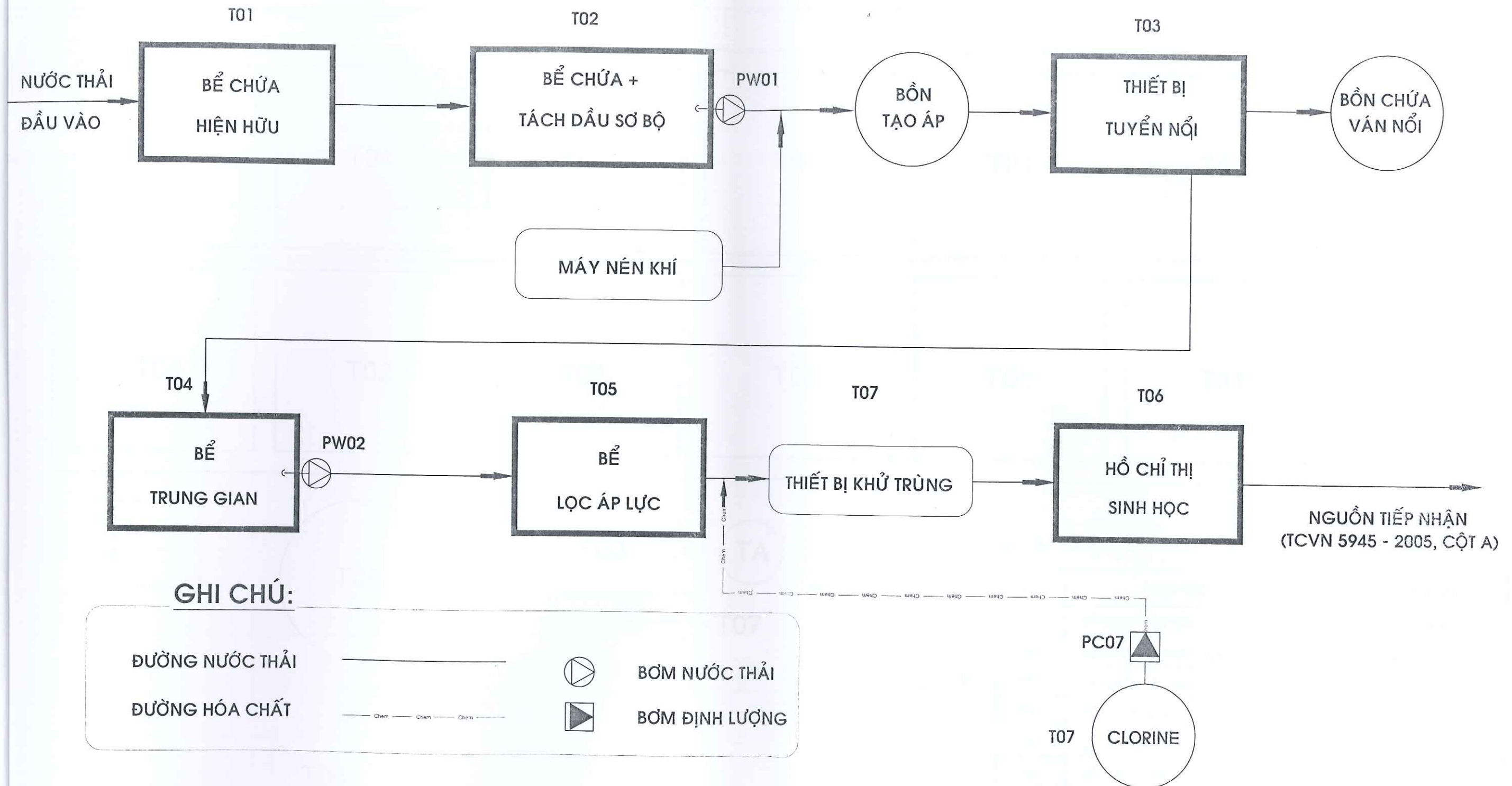


# DANH MỤC BẢN VẼ

| STT | TÊN BẢN VẼ                               | KÍ HIỆU |
|-----|------------------------------------------|---------|
| 01  | DANH MỤC BẢN VẼ                          |         |
| 02  | SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI          | CN - 01 |
| 03  | MẶT BẰNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI            | MB - 01 |
| 04  | MẶT BẰNG BỐ TRÍ MÁY MÓC THIẾT BỊ         | MB - 02 |
| 05  | MẶT BẰNG ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC + HÓA CHẤT       | MB - 03 |
| 06  | CHI TIẾT BỂ TUYỂN NỔI                    | CT - 01 |
| 07  | CHI TIẾT BỒN TẠO ÁP                      | CT - 02 |
| 08  | CHI TIẾT ỐNG PHÂN PHỐI NƯỚC VÀO          | CT - 03 |
| 09  | CHI TIẾT BỂ LỌC ÁP LỰC                   | CT - 04 |
| 10  | SƠ ĐỒ KHÔNG GIAN ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ     | KG - 01 |
| 11  | SƠ ĐỒ MẠCH ĐỘNG LỰC + TỦ ĐIỆN ĐIỀU KHIỂN | Đ - 01  |
| 12  | SƠ ĐỒ MẠCH ĐIỀU KHIỂN 1 + 2              | Đ - 02  |

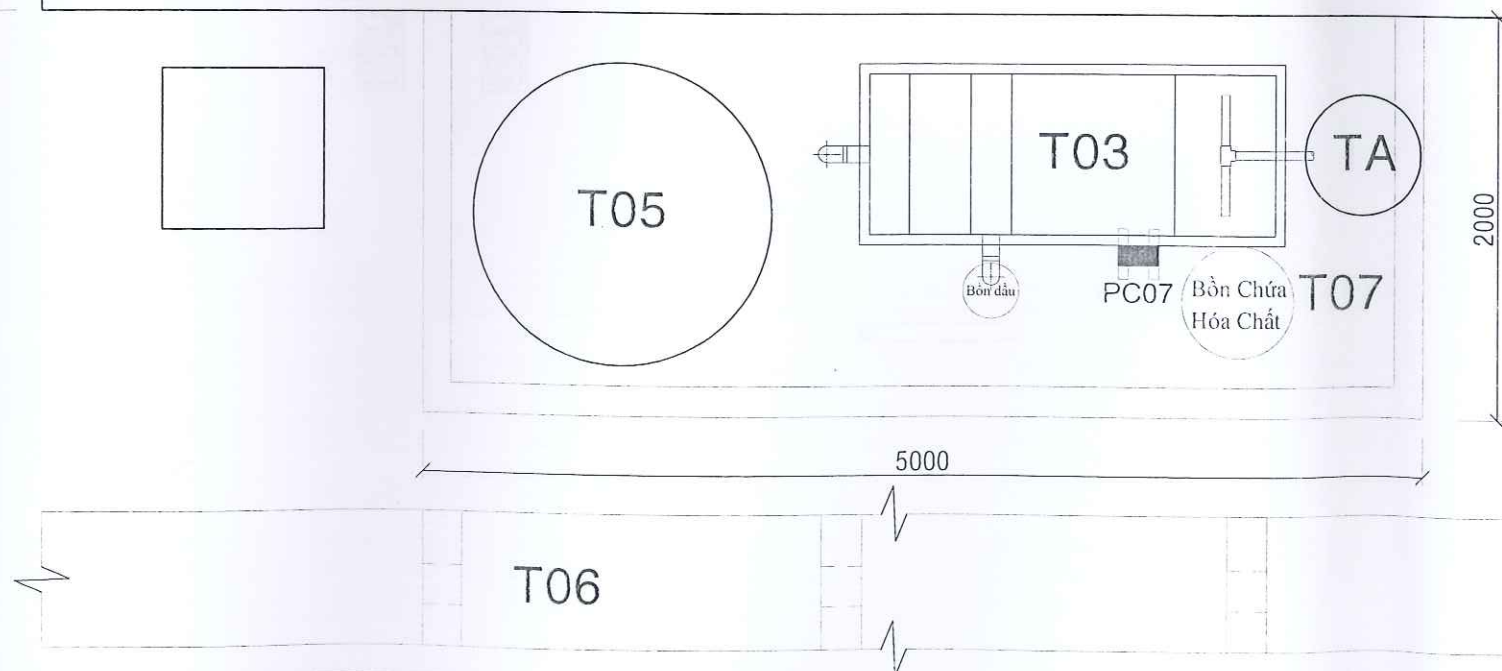
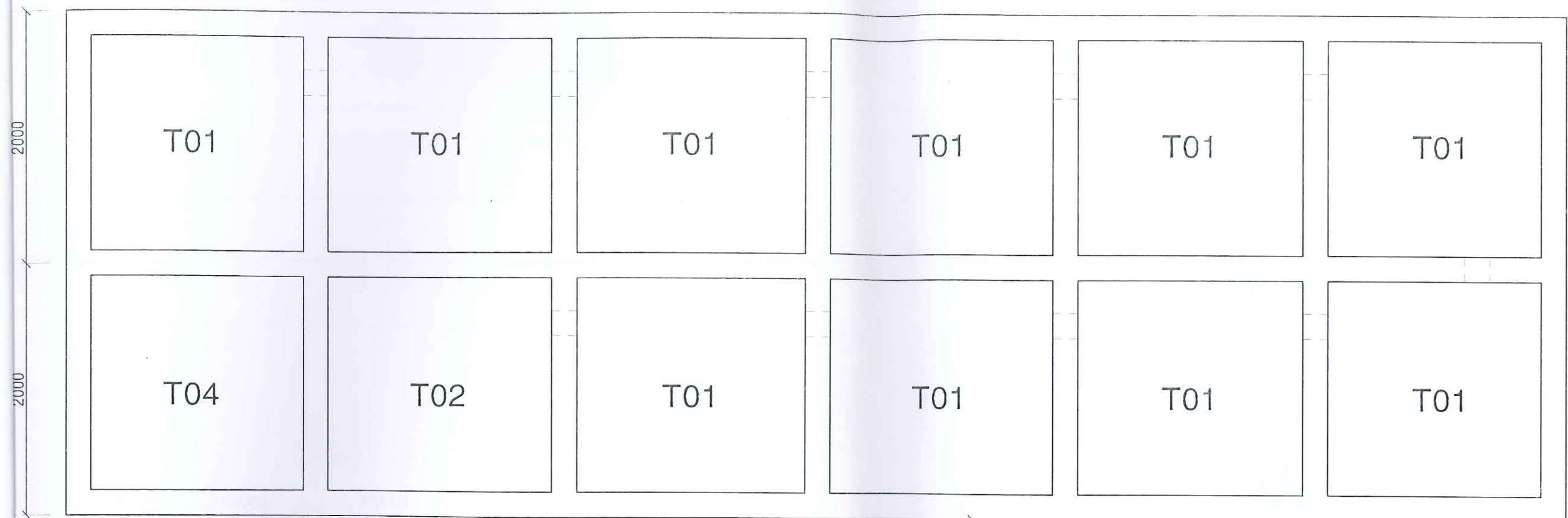


# SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHIỄM DẦU



| STT<br>No | NGÀY HC<br>DATE | DIỀU CHỈNH<br>DESCRIPTION OF REVISION | NGƯỜI CHỈNH<br>REVISED BY | CHỦ ĐẦU TƯ<br>INVESTOR    | CÔNG TY TNHH XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP<br>VÀ TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG-VĂN LANG<br>2/6 ĐƯỜNG SỐ 8/7 Đ. G. TẬP TP. HCM<br>ĐT: 093 3 894 6640 FAX: 08 6 2954 985 | CHỦ THÌ<br>MAJOR ARCH | THIẾT KẾ<br>DESIGNED BY | VẼ<br>DRAWN BY    | KIỂM TRA<br>CHECKED BY | CÔNG TRÌNH<br>PROJECT | TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHIỄM DẦU<br>CÔNG SUẤT Q = 50M <sup>3</sup> /NGÀY.ĐÊM | HỒ SƠ THIẾT KẾ<br>DOCUMENT<br>VLC-CA-CT/2009 |
|-----------|-----------------|---------------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------|-------------------|------------------------|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|
|           |                 |                                       |                           | CÔNG TY TM - XNK THANH LỄ |                                                                                                                                                          | KS. LÂM TUẤN QUI      | KS. NGUYỄN KHẮC LUẬT    | KS. VÕ THANH LONG | KS. HUỖNH MINH TOÀN    |                       | SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ                                                            | BẢN VẼ SỐ<br>DRAWING No<br>CN - 01           |
|           |                 |                                       |                           |                           |                                                                                                                                                          |                       |                         |                   |                        |                       |                                                                            | TỔNG SỐ BẰ<br>TOTAL DRWS<br>08               |
|           |                 |                                       |                           |                           |                                                                                                                                                          |                       |                         |                   |                        |                       |                                                                            | NGÀY HT<br>DATE<br>15 - 06 - 2009            |

|       |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |
|-------|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|------|-----|
| 12000 |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |      |     |
| 2000  |      |     | 2000 |     | 2000 |     | 2000 |     | 2000 |     | 2000 |     |
| 200   | 1700 | 200 | 1800 | 200 | 1800 | 200 | 1800 | 200 | 1800 | 200 | 1700 | 200 |



| STT | HẠNG MỤC                       | STT     | HẠNG MỤC       |
|-----|--------------------------------|---------|----------------|
| T01 | BỂ CHỨA HIỆN HỮU               | T07     | BỒN CHỨA NaOCl |
| T02 | BỂ CHỨA KẾT HỢP TÁCH DẦU SƠ BỘ | TA      | BỒN TẠO ÁP     |
| T03 | TB TUYỂN NỔI DAF               | AC      | MÁY NÉN KHÍ    |
| T04 | BỂ TRUNG GIAN                  | PW01/02 | BƠM TRỤC NGANG |
| T05 | BỂ LỌC ÁP LỰC                  | PC07    | BƠM HÓA CHẤT   |
| T06 | HỒ CHỈ THỊ SINH HỌC            |         |                |

| STT<br>No | NGÀY HC<br>DATE | ĐIỀU CHỈNH<br>DESCRIPTION OF REVISION | NGƯỜI CHỈNH<br>REVISED BY | CHỦ ĐẦU TƯ<br>INVESTOR    | CHỖ TRẠI<br>VILOR ARCH     | CHỨC TRỊNH<br>PROJECT | HỒ SƠ THIẾT KẾ CN<br>DOCUMENT<br>VLC-CN-CT/02/09                           |
|-----------|-----------------|---------------------------------------|---------------------------|---------------------------|----------------------------|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------|
|           |                 |                                       |                           | CÔNG TY TM - XNK THANH LỄ | KS. LÂM TUẤN QUI           |                       | TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI NHIỆM DẦU<br>CÔNG SUẤT Q = 50M <sup>3</sup> /NGÀY.ĐỀM |
|           |                 |                                       |                           |                           | THIẾT KẾ ON<br>DESIGNED BY | KS. NGUYỄN KHẮC LUẬT  |                                                                            |
|           |                 |                                       |                           |                           | VẼ<br>DRAWING BY           | KS. VÕ THANH LONG     |                                                                            |
|           |                 |                                       |                           |                           | Kiểm tra<br>CHECKED BY     | KS. HUỖNH MINH TOÀN   |                                                                            |

**PHỤ LỤC 04**  
**KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN  
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG  
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ  
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM  
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,  
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426  
Email: ketquacefinea@gmail.com

|                           |                                                       |                               |
|---------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------|
| Số PKQ:<br>09316/2024/PKQ | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br><b>TEST REPORT</b> | Kí hiệu mẫu:<br>24.3834.KK1-3 |
|---------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------|

Tên khách hàng : **TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP** Ngày lấy mẫu : 25/09/2024

Địa điểm lấy mẫu : **TỔNG KHO XĂNG DẦU CHÁNH MỸ** Loại mẫu : Không khí xung quanh  
Nguyễn Văn Cừ, Chánh Mỹ, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương

Vị trí lấy mẫu : **24.3834.KK1:** Khu vực trước cổng  
**24.3834.KK2:** Khu vực gần hộ dân Anh Văn Thanh cách tổng kho 150m  
**24.3834.KK3:** Khu vực gần hộ dân Nguyễn Văn Tuấn cách tổng kho 250m

| TT | Chỉ tiêu                              | Đơn vị             | Phương pháp thử                     | Kết quả        |                |                | Giới hạn             |
|----|---------------------------------------|--------------------|-------------------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------------|
|    |                                       |                    |                                     | 24.3834.KK1    | 24.3834.KK2    | 24.3834.KK3    |                      |
| 1  | Tiếng ồn <sup>(b)</sup>               | dBA                | TCVN 7878-1:2018 + TCVN 7878-2:2018 | 63,2           | 62,7           | 61,4           | 70 <sup>(2)</sup>    |
| 2  | Tổng bụi lơ lửng (TSP) <sup>(b)</sup> | µg/Nm <sup>3</sup> | TCVN 5067:1995                      | 122            | 141            | 138            | 300 <sup>(1)</sup>   |
| 3  | Chì (Pb) <sup>(b)</sup>               | µg/Nm <sup>3</sup> | ASTM D 4185:2017                    | KPH (LOD=0,09) | KPH (LOD=0,09) | KPH (LOD=0,09) | 1,5 <sup>(1)</sup>   |
| 4  | Hydrocacbon <sup>(b)</sup>            | µg/Nm <sup>3</sup> | NIOSH 1500                          | KPH (LOD=14,6) | KPH (LOD=14,6) | KPH (LOD=14,6) | 5.000 <sup>(1)</sup> |

**Ghi chú:**

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- <sup>(1)</sup>QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;
- <sup>(2)</sup>QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Hydrocacbon bao gồm các chất: n-Heptan, n-Octan, n-Nonan, n-Decan, n-Dodecan, Cyclohexan, Metyl cyclohexan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2024

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN  
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG  
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ  
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM  
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,  
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426  
Email: ketquacefinea@gmail.com

|                           |                                                 |                               |
|---------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------|
| Số PKQ:<br>09317/2024/PKQ | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM<br/>TEST REPORT</b> | Kí hiệu mẫu:<br>24.3834.KK4-6 |
|---------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------|

Tên khách hàng : TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP Ngày lấy mẫu : 25/09/2024

Địa điểm lấy mẫu : TỔNG KHO XĂNG DẦU CHÁNH MỸ Loại mẫu : Không khí xung quanh  
Nguyễn Văn Cừ, Chánh Mỹ, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương

Vị trí lấy mẫu : 24.3834.KK4: Khu vực gần Công ty TNHH Gomo Việt Nam cách tổng kho 200m  
24.3834.KK5: Khu vực ngã 3 đường Nguyễn Văn Cừ và đường Huỳnh Văn Cù  
24.3834.KK6: Trong khu vực bể chứa xăng dầu T1 đến T3

| TT | Chỉ tiêu                              | Đơn vị             | Phương pháp thử                     | Kết quả        |                |                | Giới hạn             |
|----|---------------------------------------|--------------------|-------------------------------------|----------------|----------------|----------------|----------------------|
|    |                                       |                    |                                     | 24.3834.KK4    | 24.3834.KK5    | 24.3834.KK6    |                      |
| 1  | Tiếng ồn <sup>(b)</sup>               | dB(A)              | TCVN 7878-1:2018 + TCVN 7878-2:2018 | 64,5           | 67,2           | 47,2           | 70 <sup>(2)</sup>    |
| 2  | Tổng bụi lơ lửng (TSP) <sup>(b)</sup> | µg/Nm <sup>3</sup> | TCVN 5067:1995                      | 150            | 179            | 81,5           | 300 <sup>(1)</sup>   |
| 3  | Chì (Pb) <sup>(b)</sup>               | µg/Nm <sup>3</sup> | ASTM D 4185:2017                    | KPH (LOD=0,09) | KPH (LOD=0,09) | KPH (LOD=0,09) | 1,5 <sup>(1)</sup>   |
| 4  | Hydrocacbon <sup>(b)</sup>            | µg/Nm <sup>3</sup> | NIOSH 1500                          | KPH (LOD=14,6) | KPH (LOD=14,6) | 155,4          | 5.000 <sup>(1)</sup> |

**Ghi chú:**

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- <sup>(1)</sup>QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;
- <sup>(2)</sup>QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Hydrocacbon bao gồm các chất: n-Heptan, n-Octan, n-Nonan, n-Decan, n-Dodecan, Cyclohexan, Metyl cyclohexan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2024

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiện



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN  
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG  
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ  
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM  
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,  
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426  
Email: ketquacefinea@gmail.com

|                           |                                                       |                               |
|---------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------|
| Số PKQ:<br>09318/2024/PKQ | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br><b>TEST REPORT</b> | Kí hiệu mẫu:<br>24.3834.KK7-8 |
|---------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------|

Tên khách hàng : **TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP** Ngày lấy mẫu : 25/09/2024

Địa điểm lấy mẫu : **TỔNG KHO XĂNG DẦU CHÁNH MỸ** Loại mẫu : Không khí xung quanh  
Nguyễn Văn Cừ, Chánh Mỹ, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương

Vị trí lấy mẫu : **24.3834.KK7:** Trong khu vực bể chứa xăng dầu T4 đến T7  
**24.3834.KK8:** Trong khu vực bể chứa xăng dầu T8 đến T15

| TT | Chỉ tiêu                              | Đơn vị             | Phương pháp thử                        | Kết quả           |                   | Giới hạn             |
|----|---------------------------------------|--------------------|----------------------------------------|-------------------|-------------------|----------------------|
|    |                                       |                    |                                        | 24.3834.KK7       | 24.3834.KK8       |                      |
| 1  | Tiếng ồn <sup>(b)</sup>               | dBA                | TCVN 7878-1:2018 +<br>TCVN 7878-2:2018 | 48,1              | 49,3              | 70 <sup>(2)</sup>    |
| 2  | Tổng bụi lơ lửng (TSP) <sup>(b)</sup> | µg/Nm <sup>3</sup> | TCVN 5067:1995                         | 79,2              | 71,4              | 300 <sup>(1)</sup>   |
| 3  | Chì (Pb) <sup>(b)</sup>               | µg/Nm <sup>3</sup> | ASTM D 4185:2017                       | KPH<br>(LOD=0,09) | KPH<br>(LOD=0,09) | 1,5 <sup>(1)</sup>   |
| 4  | Hydrocacbon <sup>(b)</sup>            | µg/Nm <sup>3</sup> | NIOSH 1500                             | 148,6             | 232,3             | 5.000 <sup>(1)</sup> |

**Ghi chú:**

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- <sup>(1)</sup>QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;
- <sup>(2)</sup>QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Hydrocacbon bao gồm các chất: n-Heptan, n-Octan, n-Nonan, n-Decan, n-Dodecan, Cyclohexan, Metyl cyclohexan.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2024

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN  
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG  
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ  
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM  
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,  
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426  
Email: ketquacefinea@gmail.com

|                           |                                                 |                             |
|---------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|
| Số PKQ:<br>09319/2024/PKQ | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM<br/>TEST REPORT</b> | Kí hiệu mẫu:<br>24.3834.NT1 |
|---------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|

Tên khách hàng : TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCPL  
Ngày lấy mẫu : 25/09/2024  
Địa điểm lấy mẫu : TỔNG KHO XĂNG DẦU CHÁNH MỸ  
Nguyễn Văn Cừ, Chánh Mỹ, TP.Thủ Dầu Một,  
Bình Dương  
Loại mẫu : Nước thải  
Vị trí lấy mẫu : 24.3834.NT1: Sau HTXL nước thải

| TT | Chỉ tiêu                                   | Đơn vị    | Phương pháp thử  | Kết quả             | QCVN<br>29:2010/BTNMT |
|----|--------------------------------------------|-----------|------------------|---------------------|-----------------------|
|    |                                            |           |                  | 24.3834.NT1         | Cột B                 |
| 1  | pH <sup>(b)</sup>                          | -         | TCVN 6492:2011   | 6,96                | 5,5 ÷ 9               |
| 2  | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(b)</sup> | mg/L      | SMEWW 2540D:2017 | 21                  | 100                   |
| 3  | Nhu cầu oxi hóa học (COD) <sup>(b)</sup>   | mg/L      | SMEWW 5220C:2017 | 15                  | 100                   |
| 4  | BOD <sub>5</sub> (20°C) <sup>(b)</sup>     | mg/L      | TCVN 6001-1:2008 | 4                   | -                     |
| 5  | Tổng Nitơ <sup>(b)</sup>                   | mg/L      | TCVN 6638:2000   | 2                   | -                     |
| 6  | Tổng Photpho <sup>(b)</sup>                | mg/L      | TCVN 6202:2008   | KPH<br>(LOD=0,01)   | -                     |
| 7  | Chì (Pb) <sup>(b)</sup>                    | mg/L      | SMEWW 3113B:2017 | KPH<br>(LOD=0,002)  | -                     |
| 8  | Thủy ngân (Hg) <sup>(b)</sup>              | mg/L      | SMEWW 3112B:2017 | KPH<br>(LOD=0,001)  | -                     |
| 9  | Asen (As) <sup>(b)</sup>                   | mg/L      | SMEWW 3113B:2017 | KPH<br>(LOD=0,002)  | -                     |
| 10 | Cadimi (Cd) <sup>(b)</sup>                 | mg/L      | SMEWW 3113B:2017 | KPH<br>(LOD=0,0002) | -                     |
| 11 | Coliform <sup>(b)</sup>                    | MPN/100mL | SMEWW 9221B:2017 | 110                 | -                     |

**Ghi chú:**

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 29:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2024

Phụ trách PTN

Giám đốc

KS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN  
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG  
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM  
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,  
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426  
Email: ketquacefinea@gmail.com

|                           |                                                 |                             |
|---------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|
| Số PKQ:<br>09324/2024/PKQ | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM<br/>TEST REPORT</b> | Kí hiệu mẫu:<br>24.3834.NT1 |
|---------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|

Tên khách hàng : TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP  
KHẨU THANH LỄ - CTCP Ngày lấy mẫu : 25/09/2024

Địa điểm lấy mẫu : TỔNG KHO XĂNG DẦU CHÁNH MỸ  
Nguyễn Văn Cừ, Chánh Mỹ, TP.Thủ Dầu Một,  
Bình Dương Loại mẫu : Nước thải

Vị trí lấy mẫu : 24.3834.NT1: Sau HTXL nước thải

| TT | Chỉ tiêu                   | Đơn vị | Phương pháp thử  | Kết quả          | QCVN<br>29:2010/BTNMT |
|----|----------------------------|--------|------------------|------------------|-----------------------|
|    |                            |        |                  | 24.3834.NT1      | Cột B                 |
| 1  | Tổng dầu mỡ <sup>(c)</sup> | mg/L   | SMEWW 5520B:2017 | KPH<br>(LOD=0,3) | 15                    |

**Ghi chú:**

- (c)- Thông số được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;
- QCVN 29:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2024

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN  
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG  
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ  
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM  
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,  
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426  
Email: ketquacefinea@gmail.com

|                           |                                                       |                               |
|---------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------|
| Số PKQ:<br>09320/2024/PKQ | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br><b>TEST REPORT</b> | Kí hiệu mẫu:<br>24.3834.NM1-3 |
|---------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------|

Tên khách hàng : TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP Ngày lấy mẫu : 25/09/2024

Địa điểm lấy mẫu : TỔNG KHO XĂNG DẦU CHÁNH MỸ Loại mẫu : Nước mặt  
Nguyễn Văn Cừ, Chánh Mỹ, TP.Thủ Dầu Một,  
Bình Dương

Vị trí lấy mẫu : 24.3834.NM1: Tại cầu cảng tổng kho xăng dầu  
24.3834.NM2: Tại sông Sài Gòn cách cầu cảng tổng kho xăng dầu 100m  
24.3834.NM3: Tại sông Sài Gòn cách cầu cảng tổng kho xăng dầu 200m về phía thượng lưu

| TT | Chỉ tiêu                                   | Đơn vị | Phương pháp thử  | Kết quả          |                  |                  | QCVN 08:2023/BTNMT        |
|----|--------------------------------------------|--------|------------------|------------------|------------------|------------------|---------------------------|
|    |                                            |        |                  | 24.3834.NM1      | 24.3834.NM2      | 24.3834.NM3      | Giới hạn                  |
| 1  | pH <sup>(b)</sup>                          | -      | TCVN 6492:2011   | 7,02             | 7,12             | 6,92             | 6 ÷ 8,5                   |
| 2  | Ôxy hòa tan (DO) <sup>(b)</sup>            | mg/L   | TCVN 7325:2016   | 5,8              | 6,1              | 6,3              | ≥ 5,0                     |
| 3  | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(b)</sup> | mg/L   | SMEWW 2540D:2017 | 28               | 30               | 24               | > 100 và Không có rác nổi |
| 4  | BOD <sub>5</sub> <sup>(b)</sup>            | mg/L   | TCVN 6001-1:2008 | 5                | 6                | 9                | ≤ 10                      |
| 5  | Nhu cầu oxi hóa học (COD) <sup>(b)</sup>   | mg/L   | SMEWW 5220B:2017 | 14               | 18               | 23               | ≤ 20                      |
| 6  | Tổng Nitơ <sup>(b)</sup>                   | mg/L   | TCVN 6638:2000   | 1,7              | KPH (LOD=1)      | KPH (LOD=1)      | ≤ 2                       |
| 7  | Thủy ngân (Hg) <sup>(d)</sup>              | mg/L   | SMEWW 3112B:2017 | KPH (LOD=0,0003) | KPH (LOD=0,0003) | KPH (LOD=0,0003) | 0,001                     |
| 8  | Chì (Pb) <sup>(b)</sup>                    | mg/L   | SMEWW 3113B:2017 | KPH (LOD=0,002)  | KPH (LOD=0,002)  | KPH (LOD=0,002)  | 0,02                      |
| 9  | Tổng dầu mỡ <sup>(b)</sup>                 | mg/L   | SMEWW 5520B:2017 | KPH (LOD=0,3)    | KPH (LOD=0,3)    | KPH (LOD=0,3)    | 5                         |
| 10 | Tổng Photpho <sup>(b)</sup>                | mg/L   | TCVN 6202:2008   | 0,05             | 0,02             | 0,031            | ≤ 0,5                     |







**VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN**  
**TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG**  
**PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ**  
**(VIMCERTS 077)**

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM  
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,  
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426  
Email: ketquacefinea@gmail.com

| TT | Chỉ tiêu                | Đơn vị     | Phương pháp thử  | Kết quả     |             |             | QCVN 08:2023/BTNMT |
|----|-------------------------|------------|------------------|-------------|-------------|-------------|--------------------|
|    |                         |            |                  | 24.3834.NM1 | 24.3834.NM2 | 24.3834.NM3 | Giới hạn           |
| 11 | Coliform <sup>(b)</sup> | MPN/100 mL | SMEWW 9221B:2017 | 450         | 390         | 140         | ≤ 7.500            |

**Ghi chú:**

1. (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 7 do VIMCERTS 292 thực hiện;
3. QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt
4. Giới hạn: Giá trị giới hạn tối đa ảnh hưởng tới sức khỏe con người; Giá trị chất lượng nước áp dụng theo mức C
5. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
6. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
7. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2024

Phụ trách PTN

Giám đốc

KS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN  
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG  
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ  
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM  
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,  
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426  
Email: ketquacefinea@gmail.com

|                           |                                                 |                             |
|---------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|
| Số PKQ:<br>09321/2024/PKQ | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM<br/>TEST REPORT</b> | Kí hiệu mẫu:<br>24.3834.NM4 |
|---------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|

Tên khách hàng : TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP Ngày lấy mẫu : 25/09/2024  
Địa điểm lấy mẫu : TỔNG KHO XĂNG DẦU CHÁNH MỸ Loại mẫu : Nước mặt  
Nguyễn Văn Cừ, Chánh Mỹ, TP.Thủ Dầu Một,  
Bình Dương  
Vị trí lấy mẫu : 24.3834.NM4: Tại sông Sài Gòn cách cầu cảng tổng kho xăng dầu 200m về phía hạ lưu

| TT | Chỉ tiêu                                      | Đơn vị     | Phương pháp thử  | Kết quả             | QCVN<br>08:2023/BTNMT        |
|----|-----------------------------------------------|------------|------------------|---------------------|------------------------------|
|    |                                               |            |                  | 24.3834.NM4         | Giới hạn                     |
| 1  | pH <sup>(b)</sup>                             | -          | TCVN 6492:2011   | 6,58                | 6 ÷ 8,5                      |
| 2  | Ôxy hòa tan<br>(DO) <sup>(b)</sup>            | mg/L       | TCVN 7325:2016   | 6,6                 | ≥ 5,0                        |
| 3  | Tổng chất rắn lơ<br>lửng (TSS) <sup>(b)</sup> | mg/L       | SMEWW 2540D:2017 | 20                  | > 100 và Không có<br>rác nổi |
| 4  | BOD <sub>5</sub> <sup>(b)</sup>               | mg/L       | TCVN 6001-1:2008 | 6                   | ≤ 10                         |
| 5  | Nhu cầu oxi hóa<br>học (COD) <sup>(b)</sup>   | mg/L       | SMEWW 5220B:2017 | 11                  | ≤ 20                         |
| 6  | Tổng Nitơ <sup>(b)</sup>                      | mg/L       | TCVN 6638:2000   | 2,1                 | ≤ 2                          |
| 7  | Thủy ngân (Hg) <sup>(d)</sup>                 | mg/L       | SMEWW 3112B:2017 | KPH<br>(LOD=0,0003) | 0,001                        |
| 8  | Chì (Pb) <sup>(b)</sup>                       | mg/L       | SMEWW 3113B:2017 | KPH<br>(LOD=0,002)  | 0,02                         |
| 9  | Tổng dầu mỡ <sup>(b)</sup>                    | mg/L       | SMEWW 5520B:2017 | KPH<br>(LOD=0,3)    | 5                            |
| 10 | Tổng Photpho <sup>(b)</sup>                   | mg/L       | TCVN 6202:2008   | KPH<br>(LOD=0,01)   | ≤ 0,5                        |
| 11 | Coliform <sup>(b)</sup>                       | MPN/100 mL | SMEWW 9221B:2017 | 93                  | ≤ 7.500                      |

**Ghi chú:**

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 7 do VIMCERTS 292 thực hiện;
- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt
- Giới hạn: Giá trị giới hạn tối đa ảnh hưởng tới sức khỏe con người; Giá trị chất lượng nước áp dụng theo mức C
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2024

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN  
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG  
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ  
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM  
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,  
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426  
Email: ketquacefinea@gmail.com

|                           |                                                 |                               |
|---------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------|
| Số PKQ:<br>09322/2024/PKQ | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM<br/>TEST REPORT</b> | Kí hiệu mẫu:<br>24.3834.TT1-2 |
|---------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------|

Tên khách hàng : TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP Ngày lấy mẫu : 25/09/2024

Địa điểm lấy mẫu : TỔNG KHO XĂNG DẦU CHÁNH MỸ Loại mẫu : Trầm tích  
Nguyễn Văn Cừ, Chánh Mỹ, TP.Thủ Dầu Một,  
Bình Dương

Vị trí lấy mẫu : 24.3834.TT1: Tại cầu cảng tổng kho xăng dầu  
24.3834.TT2: Tại sông Sài Gòn cách cầu cảng tổng kho xăng dầu 100m

| TT | Chỉ tiêu                      | Đơn vị | Phương pháp thử                           | Kết quả           |                   | QCVN<br>43:2017/BTNMT |
|----|-------------------------------|--------|-------------------------------------------|-------------------|-------------------|-----------------------|
|    |                               |        |                                           | 24.3834.TT1       | 24.3834.TT2       | Trầm tích nước Ngọt   |
| 1  | Thủy ngân (Hg) <sup>(b)</sup> | mg/kg  | US EPA Method 7471B                       | KPH<br>(LOD=0,06) | KPH<br>(LOD=0,06) | 0,5                   |
| 2  | Chì (Pb) <sup>(b)</sup>       | mg/kg  | US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B | KPH<br>(LOD=3,00) | KPH<br>(LOD=3,00) | 91,3                  |

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 43:2017/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng Trầm tích
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2024

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN  
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG  
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM  
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,  
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426  
Email: ketquacefinea@gmail.com

|                           |                                                 |                               |
|---------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------|
| Số PKQ:<br>09325/2024/PKQ | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM<br/>TEST REPORT</b> | Kí hiệu mẫu:<br>24.3834.TT1-2 |
|---------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------|

Tên khách hàng : TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP  
KHẨU THANH LỄ - CTCP Ngày lấy mẫu : 25/09/2024

Địa điểm lấy mẫu : TỔNG KHO XĂNG DẦU CHÁNH MỸ  
Nguyễn Văn Cừ, Chánh Mỹ, TP.Thủ Dầu Một,  
Bình Dương Loại mẫu : Trầm tích

Vị trí lấy mẫu : 24.3834.TT1: Tại cầu cảng tổng kho xăng dầu  
24.3834.TT2: Tại sông Sài Gòn cách cầu cảng tổng kho xăng dầu 100m

| TT | Chỉ tiêu                | Đơn vị | Phương pháp<br>thử     | Kết quả          |                  | QCVN<br>43:2017/BTNMT  |
|----|-------------------------|--------|------------------------|------------------|------------------|------------------------|
|    |                         |        |                        | 24.3834.TT1      | 24.3834.TT2      | Trầm tích nước<br>Ngọt |
| 1  | Tổng Dầu <sup>(c)</sup> | mg/kg  | US EPA Method<br>9071B | KPH<br>(LOD=9,6) | KPH<br>(LOD=9,6) | -                      |

**Ghi chú:**

- (c)- Thông số được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;
- QCVN 43:2017/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng Trầm tích
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2024

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN  
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG  
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ  
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM  
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,  
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426  
Email: ketquacefinea@gmail.com

|                           |                                                 |                               |
|---------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------|
| Số PKQ:<br>09323/2024/PKQ | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM<br/>TEST REPORT</b> | Kí hiệu mẫu:<br>24.3834.TT3-4 |
|---------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------|

Tên khách hàng : TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCF Ngày lấy mẫu : 25/09/2024

Địa điểm lấy mẫu : TỔNG KHO XĂNG DẦU CHÁNH MỸ Nguyễn Văn Cừ, Chánh Mỹ, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương Loại mẫu : Trầm tích

Vị trí lấy mẫu : 24.3834.TT3: Tại sông Sài Gòn cách cầu cảng tổng kho xăng dầu 200m về phía thượng lưu  
24.3834.TT4: Tại sông Sài Gòn cách cầu cảng tổng kho xăng dầu 200m về phía hạ lưu

| TT | Chỉ tiêu                      | Đơn vị | Phương pháp thử                           | Kết quả        |                | QCVN 43:2017/BTNMT  |
|----|-------------------------------|--------|-------------------------------------------|----------------|----------------|---------------------|
|    |                               |        |                                           | 24.3834.TT3    | 24.3834.TT4    | Trầm tích nước Ngọt |
| 1  | Thủy ngân (Hg) <sup>(b)</sup> | mg/kg  | US EPA Method 7471B                       | KPH (LOD=0,06) | KPH (LOD=0,06) | 0,5                 |
| 2  | Chì (Pb) <sup>(b)</sup>       | mg/kg  | US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B | KPH (LOD=3,00) | KPH (LOD=3,00) | 91,3                |

**Ghi chú:**

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 43:2017/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng Trầm tích
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2024

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN  
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG  
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM  
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,  
P. Đông Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426  
Email: ketquacefinea@gmail.com

|                           |                                                 |                               |
|---------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------|
| Số PKQ:<br>09326/2024/PKQ | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM<br/>TEST REPORT</b> | Kí hiệu mẫu:<br>24.3834.TT3-4 |
|---------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------|

Tên khách hàng : TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP  
KHẨU THANH LỄ - CTCP Ngày lấy mẫu : 25/09/2024

Địa điểm lấy mẫu : TỔNG KHO XĂNG DẦU CHÁNH MỸ Loại mẫu : Trầm tích

Vị trí lấy mẫu : 24.3834.TT3: Tại sông Sài Gòn cách cầu cảng tổng kho xăng dầu 200m về phía thượng lưu  
24.3834.TT4: Tại sông Sài Gòn cách cầu cảng tổng kho xăng dầu 200m về phía hạ lưu

| TT | Chỉ tiêu                | Đơn vị | Phương pháp thử     | Kết quả          |                  | QCVN<br>43:2017/BTNMT |
|----|-------------------------|--------|---------------------|------------------|------------------|-----------------------|
|    |                         |        |                     | 24.3834.TT3      | 24.3834.TT4      | Trầm tích nước Ngọt   |
| 1  | Tổng Dầu <sup>(c)</sup> | mg/kg  | US EPA Method 9071B | KPH<br>(LOD=9,6) | KPH<br>(LOD=9,6) | -                     |

**Ghi chú:**

- (c)- Thông số được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;
- QCVN 43:2017/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng Trầm tích
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2024

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiển





|                           |                                                 |                               |
|---------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------|
| Số PKQ:<br>04844/2024/PKQ | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM<br/>TEST REPORT</b> | Kí hiệu mẫu:<br>24.1984.KK1-3 |
|---------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------|

Tên khách hàng : TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP  
KHẨU THANH LỄ - CTCP Ngày lấy mẫu : 10/06/2024

Địa điểm lấy mẫu : TỔNG KHO XĂNG DẦU CHÁNH MỸ Loại mẫu : Không khí  
xung quanh

Vị trí lấy mẫu : 24.1984.KK1: Khu vực trước cổng  
24.1984.KK2: Khu vực gần hộ dân Anh Văn Thanh cách tổng kho 150m  
24.1984.KK3: Khu vực gần hộ dân Nguyễn Văn Tuấn cách tổng kho 250m

| TT | Chỉ tiêu                              | Đơn vị             | Phương pháp thử                        | Kết quả           |                   |                   | Giới hạn             |
|----|---------------------------------------|--------------------|----------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|----------------------|
|    |                                       |                    |                                        | 24.1984.KK1       | 24.1984.KK2       | 24.1984.KK3       |                      |
| 1  | Tiếng ồn <sup>(b)</sup>               | dBA                | TCVN 7878-1:2018 +<br>TCVN 7878-2:2018 | 61,4              | 62,4              | 58,8              | 70 <sup>(2)</sup>    |
| 2  | Tổng bụi lơ lửng (TSP) <sup>(b)</sup> | µg/Nm <sup>3</sup> | TCVN 5067:1995                         | 119               | 123               | 113               | 300 <sup>(1)</sup>   |
| 3  | Chì (Pb) <sup>(b)</sup>               | µg/Nm <sup>3</sup> | ASTM D 4185:2017                       | KPH<br>(LOD=0,09) | KPH<br>(LOD=0,09) | KPH<br>(LOD=0,09) | 1,5 <sup>(1)</sup>   |
| 4  | Hydrocacbon <sup>(b)</sup>            | µg/Nm <sup>3</sup> | NIOSH 1500                             | 63                | KPH<br>(LOD=14,6) | KPH<br>(LOD=14,6) | 5.000 <sup>(1)</sup> |

**Ghi chú:**

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- <sup>(1)</sup>QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;
- <sup>(2)</sup>QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiên



|                           |                                                 |                               |
|---------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------|
| Số PKQ:<br>04845/2024/PKQ | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM<br/>TEST REPORT</b> | Kí hiệu mẫu:<br>24.1984.KK4-6 |
|---------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------|

Tên khách hàng : TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP  
KHẨU THANH LỄ - CTCP Ngày lấy mẫu : 10/06/2024

Địa điểm lấy mẫu : TỔNG KHO XĂNG DẦU CHÁNH MỸ Loại mẫu : Không khí  
xung quanh

Vị trí lấy mẫu : 24.1984.KK4: Khu vực gần Công ty TNHH Gomo Việt Nam cách tổng kho 200m  
24.1984.KK5: Khu vực ngã 3 đường Nguyễn Văn Cừ và đường Huỳnh Văn Cù  
24.1984.KK6: Trong khu vực bể chứa xăng dầu T1 đến T3

| TT | Chỉ tiêu                              | Đơn vị             | Phương pháp thử                        | Kết quả           |                   |                   | Giới hạn             |
|----|---------------------------------------|--------------------|----------------------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|----------------------|
|    |                                       |                    |                                        | 24.1984.KK4       | 24.1984.KK5       | 24.1984.KK6       |                      |
| 1  | Tiếng ồn <sup>(b)</sup>               | dBA                | TCVN 7878-1:2018 +<br>TCVN 7878-2:2018 | 63,5              | 64,5              | 48,3              | 70 <sup>(2)</sup>    |
| 2  | Tổng bụi lơ lửng (TSP) <sup>(b)</sup> | µg/Nm <sup>3</sup> | TCVN 5067:1995                         | 128               | 195               | 72                | 300 <sup>(1)</sup>   |
| 3  | Chì (Pb) <sup>(b)</sup>               | µg/Nm <sup>3</sup> | ASTM D 4185:2017                       | KPH<br>(LOD=0,09) | KPH<br>(LOD=0,09) | KPH<br>(LOD=0,09) | 1,5 <sup>(1)</sup>   |
| 4  | Hydrocacbon <sup>(b)</sup>            | µg/Nm <sup>3</sup> | NIOSH 1500                             | KPH<br>(LOD=14,6) | 55                | 229               | 5.000 <sup>(1)</sup> |

**Ghi chú:**

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- <sup>(1)</sup>QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;
- <sup>(2)</sup>QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiên





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN  
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG  
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ  
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM  
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,  
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426  
Email: ketquacefinea@gmail.com

|                           |                                                 |                               |
|---------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------|
| Số PKQ:<br>04846/2024/PKQ | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM<br/>TEST REPORT</b> | Kí hiệu mẫu:<br>24.1984.KK7-8 |
|---------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------|

Tên khách hàng : TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP  
KHẨU THANH LỄ - CTCP Ngày lấy mẫu : 10/06/2024

Địa điểm lấy mẫu : TỔNG KHO XĂNG DẦU CHÁNH MỸ Loại mẫu : Không khí  
xung quanh

Vị trí lấy mẫu : 24.1984.KK7: Trong khu vực bể chứa xăng dầu T4 đến T7  
24.1984.KK8: Trong khu vực bể chứa xăng dầu T8 đến T15

| TT | Chỉ tiêu                                 | Đơn vị             | Phương pháp thử                        | Kết quả           |                   | Giới hạn             |
|----|------------------------------------------|--------------------|----------------------------------------|-------------------|-------------------|----------------------|
|    |                                          |                    |                                        | 24.1984.KK7       | 24.1984.KK8       |                      |
| 1  | Tiếng ồn <sup>(b)</sup>                  | dBA                | TCVN 7878-1:2018 +<br>TCVN 7878-2:2018 | 49,6              | 48,8              | 70 <sup>(2)</sup>    |
| 2  | Tổng bụi lơ<br>lửng (TSP) <sup>(b)</sup> | µg/Nm <sup>3</sup> | TCVN 5067:1995                         | 84                | 60                | 300 <sup>(1)</sup>   |
| 3  | Chì (Pb) <sup>(b)</sup>                  | µg/Nm <sup>3</sup> | ASTM D 4185:2017                       | KPH<br>(LOD=0,09) | KPH<br>(LOD=0,09) | 1,5 <sup>(1)</sup>   |
| 4  | Hydrocacbon <sup>(b)</sup>               | µg/Nm <sup>3</sup> | NIOSH 1500                             | 132               | 165               | 5.000 <sup>(1)</sup> |

**Ghi chú:**

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- <sup>(1)</sup>QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí;
- <sup>(2)</sup>QCVN 26:2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiển





|                           |                                                 |                             |
|---------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|
| Số PKQ:<br>04847/2024/PKQ | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM<br/>TEST REPORT</b> | Kí hiệu mẫu:<br>24.1984.NT1 |
|---------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|

Tên khách hàng : TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP  
KHẨU THANH LỄ - CTCP Ngày lấy mẫu : 10/06/2024

Địa điểm lấy mẫu : TỔNG KHO XĂNG DẦU CHÁNH MỸ Loại mẫu : Nước thải

Vị trí lấy mẫu : 24.1984.NT1; Sau HTXL nước thải

| TT | Chỉ tiêu                                   | Đơn vị    | Phương pháp thử  | Kết quả             | QCVN<br>29:2010/BTNMT |
|----|--------------------------------------------|-----------|------------------|---------------------|-----------------------|
|    |                                            |           |                  | 24.1984.NT1         | Cột B                 |
| 1  | pH <sup>(b)</sup>                          | -         | TCVN 6492:2011   | 6,84                | 5,5 ÷ 9               |
| 2  | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(b)</sup> | mg/L      | SMEWW 2540D:2017 | 32                  | 100                   |
| 3  | Nhu cầu oxi hóa học (COD) <sup>(b)</sup>   | mg/L      | SMEWW 5220C:2017 | 16                  | 100                   |
| 4  | BOD <sub>5</sub> (20°C) <sup>(b)</sup>     | mg/L      | TCVN 6001-1:2008 | 6                   | -                     |
| 5  | Tổng Nito <sup>(b)</sup>                   | mg/L      | TCVN 6638:2000   | 1,39                | -                     |
| 6  | Tổng Photpho <sup>(b)</sup>                | mg/L      | TCVN 6202:2008   | KPH<br>(LOD=0,01)   | -                     |
| 7  | Chì (Pb) <sup>(b)</sup>                    | mg/L      | SMEWW 3113B:2017 | KPH<br>(LOD=0,002)  | -                     |
| 8  | Thủy ngân (Hg) <sup>(b)</sup>              | mg/L      | SMEWW 3112B:2017 | KPH<br>(LOD=0,001)  | -                     |
| 9  | Asen (As) <sup>(b)</sup>                   | mg/L      | SMEWW 3113B:2017 | KPH<br>(LOD=0,002)  | -                     |
| 10 | Cadimi (Cd) <sup>(b)</sup>                 | mg/L      | SMEWW 3113B:2017 | KPH<br>(LOD=0,0002) | -                     |
| 11 | Coliform <sup>(b)</sup>                    | MPN/100mL | SMEWW 9221B:2017 | 78                  | -                     |

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 29:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu;
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



|                           |                                                 |                             |
|---------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|
| Số PKQ:<br>04847/2024/PKQ | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM<br/>TEST REPORT</b> | Kí hiệu mẫu:<br>24.1984.NT1 |
|---------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|

Tên khách hàng : TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP  
KHẨU THANH LỄ - CTCF Ngày lấy mẫu : 10/06/2024

Địa điểm lấy mẫu : TỔNG KHO XĂNG DẦU CHÁNH MỸ Loại mẫu : Nước thải

Vị trí lấy mẫu : 24.1984.NT1: Sau HTXL nước thải

| TT | Chỉ tiêu                   | Đơn vị | Phương pháp thử  | Kết quả          | QCVN<br>29:2010/BTNMT |
|----|----------------------------|--------|------------------|------------------|-----------------------|
|    |                            |        |                  | 24.1984.NT1      | Cột B                 |
| 1  | Tổng dầu mỡ <sup>(c)</sup> | mg/L   | SMEWW 5520B:2017 | KPH<br>(LOD=0,3) | 15                    |

**Ghi chú:**

- (c)- Thông số được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;
- QCVN 29:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của kho và cửa hàng xăng dầu
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

phul

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN  
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG  
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ  
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM  
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,  
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426  
Email: ketquacefinea@gmail.com

|                           |                                                 |                               |
|---------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------|
| Số PKQ:<br>04850/2024/PKQ | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM<br/>TEST REPORT</b> | Kí hiệu mẫu:<br>24.1984.TT1-2 |
|---------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------|

Tên khách hàng : TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP  
KHẨU THANH LỄ - CTCP Ngày lấy mẫu : 10/06/2024

Địa điểm lấy mẫu : TỔNG KHO XĂNG DẦU CHÁNH MỸ Loại mẫu : Trầm tích

Vị trí lấy mẫu : 24.1984.TT1: Tại cầu cảng tổng kho xăng dầu  
24.1984.TT2: Tại sông Sài Gòn cách cầu cảng tổng kho xăng dầu 100m

| TT | Chỉ tiêu                      | Đơn vị | Phương pháp thử                           | Kết quả        |                | QCVN 43:2017/BTNMT<br>Trầm tích nước Ngọt |
|----|-------------------------------|--------|-------------------------------------------|----------------|----------------|-------------------------------------------|
|    |                               |        |                                           | 24.1984.TT1    | 24.1984.TT2    |                                           |
| 1  | Thủy ngân (Hg) <sup>(b)</sup> | mg/kg  | US EPA Method 7471B                       | KPH (LOD=0,06) | KPH (LOD=0,06) | 0,5                                       |
| 2  | Chì (Pb) <sup>(b)</sup>       | mg/kg  | US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B | 15,5           | 9,78           | 91,3                                      |

**Ghi chú:**

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 43:2017/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng Trầm tích
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiên





|                           |                                                 |                               |
|---------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------|
| Số PKQ:<br>04850/2024/PKQ | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM<br/>TEST REPORT</b> | Kí hiệu mẫu:<br>24.1984.TT1-2 |
|---------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------|

Tên khách hàng : TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP  
KHẨU THANH LỄ - CTCF Ngày lấy mẫu : 10/06/2024

Địa điểm lấy mẫu : TỔNG KHO XĂNG DẦU CHÁNH MỸ Loại mẫu : Trầm tích

Vị trí lấy mẫu : 24.1984.TT1: Tại cầu cảng tổng kho xăng dầu  
24.1984.TT2: Tại sông Sài Gòn cách cầu cảng tổng kho xăng dầu 100m

| TT | Chỉ tiêu                | Đơn vị | Phương pháp thử     | Kết quả       |               | QCVN 43:2017/BTNMT  |
|----|-------------------------|--------|---------------------|---------------|---------------|---------------------|
|    |                         |        |                     | 24.1984.TT1   | 24.1984.TT2   | Trầm tích nước Ngọt |
| 1  | Tổng Dầu <sup>(c)</sup> | mg/kg  | US EPA Method 9071B | KPH (LOD=9,6) | KPH (LOD=9,6) | -                   |

**Ghi chú:**

1. (c)- Thông số được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;
2. QCVN 43:2017/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng Trầm tích
3. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
4. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
5. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

*phê*

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

Phụ trách PTN

Giám đốc

*KS. Phan Thị Hoài Trinh*



KS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN  
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG  
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ  
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM  
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,  
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426  
Email: ketquacefinea@gmail.com

|                                  |                                                 |                                      |
|----------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------|
| Số PKQ:<br><b>04851/2024/PKQ</b> | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM<br/>TEST REPORT</b> | Kí hiệu mẫu:<br><b>24.1984.TT3-4</b> |
|----------------------------------|-------------------------------------------------|--------------------------------------|

Tên khách hàng : **TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP  
KHẨU THANH LỄ - CTCP** Ngày lấy mẫu : 10/06/2024

Địa điểm lấy mẫu : **TỔNG KHO XĂNG DẦU CHÁNH MỸ** Loại mẫu : Trầm tích

Vị trí lấy mẫu : **24.1984.TT3: Tại sông Sài Gòn cách cầu cảng tổng kho xăng dầu 200m về phía thượng lưu**  
**24.1984.TT4: Tại sông Sài Gòn cách cầu cảng tổng kho xăng dầu 200m về phía hạ lưu**

| TT | Chỉ tiêu                      | Đơn vị | Phương pháp thử                           | Kết quả        |                | QCVN 43:2017/BTNMT  |
|----|-------------------------------|--------|-------------------------------------------|----------------|----------------|---------------------|
|    |                               |        |                                           | 24.1984.TT3    | 24.1984.TT4    | Trầm tích nước Ngọt |
| 1  | Thủy ngân (Hg) <sup>(b)</sup> | mg/kg  | US EPA Method 7471B                       | KPH (LOD=0,06) | KPH (LOD=0,06) | 0,5                 |
| 2  | Chì (Pb) <sup>(b)</sup>       | mg/kg  | US EPA Method 3050B + US EPA Method 7000B | 11,5           | 12,6           | 91,3                |

**Ghi chú:**

1. (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. QCVN 43:2017/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng Trầm tích
3. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
4. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
5. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024



Giám đốc

TS. Nguyễn Như Hiền



|                           |                                                 |                               |
|---------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------|
| Số PKQ:<br>04851/2024/PKQ | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM<br/>TEST REPORT</b> | Kí hiệu mẫu:<br>24.1984.TT3-4 |
|---------------------------|-------------------------------------------------|-------------------------------|

Tên khách hàng : TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP  
KHẨU THANH LỄ - CTCF Ngày lấy mẫu : 10/06/2024

Địa điểm lấy mẫu : TỔNG KHO XĂNG DẦU CHÁNH MỸ Loại mẫu : Trầm tích

Vị trí lấy mẫu : 24.1984.TT3: Tại sông Sài Gòn cách cầu cảng tổng kho xăng dầu 200m về phía thượng lưu  
24.1984.TT4: Tại sông Sài Gòn cách cầu cảng tổng kho xăng dầu 200m về phía hạ lưu

| TT | Chỉ tiêu                | Đơn vị | Phương pháp thử     | Kết quả       |               | QCVN 43:2017/BTNMT  |
|----|-------------------------|--------|---------------------|---------------|---------------|---------------------|
|    |                         |        |                     | 24.1984.TT3   | 24.1984.TT4   | Trầm tích nước Ngọt |
| 1  | Tổng Dầu <sup>(c)</sup> | mg/kg  | US EPA Method 9071B | KPH (LOD=9,6) | KPH (LOD=9,6) | -                   |

**Ghi chú:**

1. (c)- Thông số được thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;
2. QCVN 43:2017/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng Trầm tích
3. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
4. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
5. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN  
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG  
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ  
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM  
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,  
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426  
Email: ketquacefinea@gmail.com

|                           |                                                       |                               |
|---------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------|
| Số PKQ:<br>04848/2024/PKQ | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br><b>TEST REPORT</b> | Kí hiệu mẫu:<br>24.1984.NM1-3 |
|---------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------|

Tên khách hàng : TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP Ngày lấy mẫu : 10/06/2024

Địa điểm lấy mẫu : TỔNG KHO XĂNG DẦU CHÁNH MỸ Loại mẫu : Nước mặt

Vị trí lấy mẫu : 24.1984.NM1: Tại cầu cảng tổng kho xăng dầu  
24.1984.NM2: Tại sông Sài Gòn cách cầu cảng tổng kho xăng dầu 100m  
24.1984.NM3: Tại sông Sài Gòn cách cầu cảng tổng kho xăng dầu 200m về phía thượng lưu

| TT | Chỉ tiêu                                   | Đơn vị | Phương pháp thử  | Kết quả          |                  |                  | QCVN 08:2023/BTNMT        |
|----|--------------------------------------------|--------|------------------|------------------|------------------|------------------|---------------------------|
|    |                                            |        |                  | 24.1984.NM1      | 24.1984.NM2      | 24.1984.NM3      | Giới hạn                  |
| 1  | pH <sup>(b)</sup>                          | -      | TCVN 6492:2011   | 7,36             | 7,06             | 7,17             | 6 ÷ 8,5                   |
| 2  | Ôxy hòa tan (DO) <sup>(b)</sup>            | mg/L   | TCVN 7325:2016   | 6,2              | 6,4              | 6,5              | ≥ 5,0                     |
| 3  | Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) <sup>(b)</sup> | mg/L   | SMEWW 2540D:2017 | 25               | 27               | 21               | > 100 và Không có rác nổi |
| 4  | BOD <sub>5</sub> <sup>(b)</sup>            | mg/L   | TCVN 6001-1:2008 | 6                | 7                | 7                | ≤ 10                      |
| 5  | Nhu cầu oxi hóa học (COD) <sup>(b)</sup>   | mg/L   | SMEWW 5220B:2017 | 17               | 16               | 20               | ≤ 20                      |
| 6  | Tổng Nitơ <sup>(b)</sup>                   | mg/L   | TCVN 6638:2000   | 1,11             | 1,67             | 1,11             | ≤ 2                       |
| 7  | Thủy ngân (Hg) <sup>(d)</sup>              | mg/L   | SMEWW 3112B:2017 | KPH (LOD=0,0003) | KPH (LOD=0,0003) | KPH (LOD=0,0003) | 0,001                     |
| 8  | Chì (Pb) <sup>(b)</sup>                    | mg/L   | SMEWW 3113B:2017 | KPH (LOD=0,002)  | KPH (LOD=0,002)  | KPH (LOD=0,002)  | 0,02                      |
| 9  | Tổng dầu mỡ <sup>(b)</sup>                 | mg/L   | SMEWW 5520B:2017 | KPH (LOD=0,3)    | KPH (LOD=0,3)    | KPH (LOD=0,3)    | 5                         |
| 10 | Tổng Photpho <sup>(b)</sup>                | mg/L   | TCVN 6202:2008   | 0,038            | KPH (LOD=0,01)   | 0,02             | ≤ 0,5                     |





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN  
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG  
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ  
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P.14, Q.10, Tp.HCM  
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,  
P. Đồng Hòa, Tp. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương  
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426  
Email: ketquacefinea@gmail.com

| TT | Chỉ tiêu                | Đơn vị     | Phương pháp thử  | Kết quả     |             |             | QCVN 08:2023/BTNMT |
|----|-------------------------|------------|------------------|-------------|-------------|-------------|--------------------|
|    |                         |            |                  | 24.1984.NM1 | 24.1984.NM2 | 24.1984.NM3 | Giới hạn           |
| 11 | Coliform <sup>(b)</sup> | MPN/100 mL | SMEWW 9221B:2017 | 230         | 330         | 20          | ≤ 7.500            |

**Ghi chú:**

1. (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 7 do VIMCERTS 292 thực hiện;
3. QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt
4. Giới hạn: Giá trị giới hạn tối đa ảnh hưởng tới sức khỏe con người; Giá trị chất lượng nước áp dụng theo mức C
5. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
6. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
7. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng; *phh*

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền







|                           |                                                       |                             |
|---------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------|
| Số PKQ:<br>04849/2024/PKQ | <b>PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM</b><br><b>TEST REPORT</b> | Kí hiệu mẫu:<br>24.1984.NM4 |
|---------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------|

Tên khách hàng : TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP  
KHẨU THANH LỄ - CTCPCNgày lấy mẫu : 10/06/2024

Địa điểm lấy mẫu : TỔNG KHO XĂNG DẦU CHÁNH MỸLoại mẫu : Nước mặt

Vị trí lấy mẫu : 24.1984.NM4: Tại sông Sài Gòn cách cầu cảng tổng kho xăng dầu 200m về phía hạ lưu

| TT | Chỉ tiêu                                      | Đơn vị     | Phương pháp thử  | Kết quả             | QCVN<br>08:2023/BTNMT        |
|----|-----------------------------------------------|------------|------------------|---------------------|------------------------------|
|    |                                               |            |                  | 24.1984.NM4         | Giới hạn                     |
| 1  | pH <sup>(b)</sup>                             | -          | TCVN 6492:2011   | 6,94                | 6 ÷ 8,5                      |
| 2  | Ôxy hòa tan<br>(DO) <sup>(b)</sup>            | mg/L       | TCVN 7325:2016   | 6,2                 | ≥ 5,0                        |
| 3  | Tổng chất rắn lơ<br>lửng (TSS) <sup>(b)</sup> | mg/L       | SMEWW 2540D:2017 | 25                  | > 100 và Không có<br>rác nổi |
| 4  | BOD <sub>5</sub> <sup>(b)</sup>               | mg/L       | TCVN 6001-1:2008 | 5                   | ≤ 10                         |
| 5  | Nhu cầu oxi hóa<br>học (COD) <sup>(b)</sup>   | mg/L       | SMEWW 5220B:2017 | 13                  | ≤ 20                         |
| 6  | Tổng Nito <sup>(b)</sup>                      | mg/L       | TCVN 6638:2000   | 2,78                | ≤ 2                          |
| 7  | Thủy ngân (Hg) <sup>(d)</sup>                 | mg/L       | SMEWW 3112B:2017 | KPH<br>(LOD=0,0003) | 0,001                        |
| 8  | Chì (Pb) <sup>(b)</sup>                       | mg/L       | SMEWW 3113B:2017 | KPH<br>(LOD=0,002)  | 0,02                         |
| 9  | Tổng dầu mỡ <sup>(b)</sup>                    | mg/L       | SMEWW 5520B:2017 | KPH<br>(LOD=0,3)    | 5                            |
| 10 | Tổng Photpho <sup>(b)</sup>                   | mg/L       | TCVN 6202:2008   | KPH<br>(LOD=0,01)   | ≤ 0,5                        |
| 11 | Coliform <sup>(b)</sup>                       | MPN/100 mL | SMEWW 9221B:2017 | 78                  | ≤ 7.500                      |

**Ghi chú:**

- (b)- Thông số đã được Bộ Tài Nguyên và Môi trường Công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- (d)- chỉ tiêu do nhà thầu phụ thực hiện; chỉ tiêu số 7 do VIMCERTS 292 thực hiện;
- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt
- Giới hạn: Giá trị giới hạn tối đa ảnh hưởng tới sức khỏe con người; Giá trị chất lượng nước áp dụng theo mức C
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 06 năm 2024

Phụ trách PTN

KS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiền



**PHỤ LỤC 05**  
**CÁC HỢP ĐỒNG THU GOM CHẤT THẢI**

Số: HA... -RNH/HĐ – KT/23

## HỢP ĐỒNG

V/v xử lý chất thải nguy hại cho Tổng Công Ty Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thanh Lễ - CTCP

- Căn cứ vào Luật Thương Mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 và Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700145694 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 07/02/2006 (chứng nhận thay đổi lần thứ 17 ngày 05/05/2022) cho Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương.
- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.028.VX , của Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp lần 3 ngày 17/12/2021 (Thay thế các giấy phép liên quan đến hoạt động hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Cty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đã được cấp phép trước đó).
- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Chi nhánh Xử lý chất thải – Công ty CP Nước – Môi trường Bình Dương, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 30 tháng 07 năm 2021.
- Căn cứ theo sổ đăng ký quản lý chất thải nguy hại chủ nguồn thải mã số QLCTNH:74.000.234.T, ngày 23 tháng 09 năm 2014 do Chi cục Bảo vệ Môi Trường tỉnh Bình Dương cấp cho Tổng Công Ty Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thanh Lễ - CTCP.
- Căn cứ theo nhu cầu của Tổng Công Ty Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Thanh Lễ - CTCP theo giấy chứng nhận đầu tư số : 3700146458 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp (chứng nhận thay đổi lần 8) ngày 02/01/2018.

Hôm nay, ngày HA... tháng 01... năm 2023 tại Bình Dương, chúng tôi gồm:

**BÊN A: TỔNG CÔNG TY THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THANH LỄ - CTCP**

Địa chỉ: 63 Yersin, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 02743.829534

Fax: 0274.3824112

Mã số thuế: 3700146458



Do Ông/Bà: **Phạm Thị Băng Trang**

Chức vụ: Tổng Giám Đốc làm đại diện.

Mã khách hàng: 3700146458TX00

**BÊN B: CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Địa chỉ công ty: Số 11 Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Địa chỉ chi nhánh: Thửa đất số 1093 tờ bản đồ số 29 Khu phố 1B, phường Chánh Phú Hòa, thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại: 0274. 6564528/29

Fax: 02743.542907

Tên tài khoản: **CHI NHÁNH XỬ LÝ CHẤT THẢI – CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC – MÔI TRƯỜNG BÌNH DƯƠNG**

Tài khoản số 1: 6501.0000069090 tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương

Tài khoản số 2: 0841.000087337 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam-CN Bắc Bình Dương

Mã số thuế: 3700145694-008

Do Ông: **Ngô Chí Thắng**

Chức vụ: Phó Giám đốc CN Làm Đại Diện

(Theo giấy ủy quyền số 453/UQ-XLCT.NSQT ngày 21 tháng 12 năm 2022)

Hai bên đã cùng nhau tiến hành bàn bạc và thống nhất ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với những nội dung như sau:

**ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN**

**1.1.** Bên A đồng ý giao cho bên B thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động sản xuất của bên A.

**1.2. Điều kiện lưu chứa:**

- Chất thải nguy hại (CTNH) được bên A thu gom, phân loại, lưu giữ đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý theo quy định hiện hành trước khi giao cho Bên B. Chất thải nguy hại lưu chứa trong các bao bì, thiết bị đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường, có dán nhãn CTNH và tập trung trong kho chứa có mái che. Bao bì, thùng chứa do bên A tự trang bị.
- Nếu lô hàng chất thải nguy hại chuẩn bị chuyển giao mà để lẫn chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải hoặc các loại chất thải khác không nằm trong Danh mục Chất thải nguy hại chuyển giao đính kèm hợp đồng thì Bên B sẽ từ chối tiếp nhận toàn bộ lô hàng bị lẫn đó.

**1.3. Phương thức xác định khối lượng**

- Khối lượng chất thải là tổng của khối lượng của từng loại chất thải và bao bì lưu chứa loại chất thải đó.
- Khối lượng chất thải được xác định bằng cân tại kho bên A có xác nhận của bên B. Trong trường hợp không thể xác định được khối lượng tại kho của bên A thì sẽ căn cứ theo phiếu cân tại bàn cân điện tử của bên B.

**1.4. Thời gian thu gom và địa điểm giao nhận**

- Thời gian thu gom: 01 lần/tháng vào ngày thứ ...2... tuần thứ ... 3.... của tháng (trừ ngày lễ và ngày tết)



- Địa điểm giao nhận: tại Tổng kho Xăng Dầu Chánh Mỹ ( Địa chỉ : 63/18 Nguyễn Văn Cừ, Phường Chánh Mỹ, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương).

## ĐIỀU 2: ĐƠN GIÁ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

### 2.1. Đơn giá

Đơn giá của từng loại chất thải được thể hiện trong bảng sau:

| Stt | Loại chất thải                                | Trạng thái tồn tại | Mã CTNH  | Phương pháp xử lý  | Đơn giá xử lý (đồng/kg) | Đơn giá vận chuyển (đồng/lần) |
|-----|-----------------------------------------------|--------------------|----------|--------------------|-------------------------|-------------------------------|
| 1   | Các loại nhiên liệu thải khác ( cặn sơn, dầu) | Lỏng               | 17 06 03 | Thiêu đốt          | 4.000                   | 500.000                       |
| 2   | Bóng đèn huỳnh quang thải                     | Rắn                | 16 01 06 | Hoá rắn/ Chôn      | 20.000                  |                               |
| 3   | Hộp mực in thải                               | Rắn                | 18 02 04 | Thiêu đốt          | 10.000                  |                               |
| 4   | Giẻ lau dính dầu nhớt thải                    | Rắn                | 18 02 01 | Thiêu đốt          | 6.000                   |                               |
| 5   | Dầu nhớt thải                                 | Lỏng               | 17 02 04 | Thiêu đốt          | 4.000                   |                               |
| 6   | Pin, ắc quy chì thải                          | Rắn                | 19 06 01 | Phá dỡ - Tẩy rửa   | 10.000                  |                               |
| 7   | Thiết bị thải có bộ phận linh kiện điện tử    | Rắn                | 19 02 05 | Phá dỡ - Thiêu đốt | 5.000                   |                               |

**Ghi chú:** - Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT.

- Khi có thay đổi đơn giá, bên B sẽ báo cho bên A trước 30 ngày bằng văn bản

### 2.2. Phương thức thanh toán

- Căn cứ vào khối lượng chất thải được thu gom thực tế, bên B sẽ phát hành hóa đơn GTGT cho bên A.
- Bên A thanh toán cho bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản (phí chuyển khoản do bên A chi trả). Thời gian thanh toán 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bên A nhận được hóa đơn GTGT do bên B phát hành tại website: [www.biwase.com.vn](http://www.biwase.com.vn) (định kỳ bên A vui lòng đăng nhập để nhận hóa đơn GTGT).

- Thông tin nhận hóa đơn điện tử:

| Họ và tên người nhận hóa đơn điện tử | Địa chỉ email nhận hóa đơn điện tử | Số điện thoại liên hệ |
|--------------------------------------|------------------------------------|-----------------------|
| Tổng khi xăng dầu Chánh Mỹ           | tongkhoxangdauchanhmy@gmail.com    | 02743.829009          |

- Khi có sự thay đổi thông tin trên hóa đơn (địa chỉ xuất hóa đơn, email, số điện thoại liên hệ) bên A phải thông báo cho bên B bằng văn bản. Nếu bên A không thông báo thì bên B sẽ không chịu trách nhiệm khi đã xuất hóa đơn điện tử.
- Trong trường hợp nhà nước có thay đổi thuế suất GTGT bên B được quyền điều chỉnh theo quy định.
- Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn ghi hợp đồng này thì Bên B sẽ ngưng thu gom chất thải cho Bên A đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.

### **ĐIỀU 3: QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN**

#### **3.1. Quyền và trách nhiệm của bên A**

##### **3.1.1. Quyền của bên A**

- Được quyền yêu cầu bên B thu gom và xử lý chất thải đúng theo Điều 01.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý bằng văn bản trước 30 (ba mươi) ngày nếu bên B vi phạm hợp đồng.
- Tạm ngưng việc giao chất thải cho bên B xử lý khi hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.

##### **3.1.2. Trách nhiệm của bên A**

- Thực hiện việc giao chất thải đúng như Điều 01.
- Chịu trách nhiệm phân định, phân loại, xác định số lượng chất thải nguy hại theo quy định.
- Thanh toán tiền thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho bên B theo Điều 2. Theo định kỳ, căn cứ vào lịch thu gom đã thỏa thuận tại Điều 1- khoản 1.4, bên B đến thu gom chất thải mà bên A không giao chất thải thì bên A phải chịu chi phí vận chuyển đã thỏa thuận tại Điều 2- Khoản 2.1 cho lần đến vận chuyển đó.
- Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.
- Cung cấp những thông tin cần thiết về chất thải khi bên B có yêu cầu.
- Cử người cân xác định khối lượng và giao nhận chất thải.
- Nếu bên A thanh toán trễ hạn so với thời hạn thanh toán đã ký kết thì bên A sẽ phải nộp phạt cho bên B với lãi suất Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Bình Dương (tính tại thời điểm bên B phát hành hóa đơn GTGT) trên tổng số tiền thanh toán trễ hạn.
- Trong trường hợp bên A tạm ngưng giao chất thải cho bên B xử lý theo mục 3.1.1 Điều 3 thì bên A phải hoàn thành nghĩa vụ quyết toán công nợ cho bên B trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tạm ngưng giao chất thải.



- Trong trường hợp bên A giải thể hay phá sản theo các quy định của pháp luật. Bên A phải hoàn thành các nghĩa vụ, trách nhiệm theo các nội dung hợp đồng đã ký kết; hoàn tất thanh toán các khoản nợ cho Bên B.
- Trong thời gian còn giá trị hợp đồng bên A không được giao chất thải cho đơn vị khác xử lý hoặc tự tiêu hủy chất thải.

### **3.2. Quyền và trách nhiệm của bên B**

#### **3.2.1. Quyền của bên B**

- Được nhận tiền do bên A thanh toán theo Điều 2.
- Bên B được quyền thông báo tạm ngưng thu gom chất thải định kỳ bằng văn bản nếu trong quá trình thực hiện hợp đồng có phát sinh các trường hợp sau :
  - + Tạm ngưng thu gom chất thải do bên A vi phạm hợp đồng.
  - + Tạm ngưng do bên A thanh toán trễ hạn theo quy định tại Điều 2 – Khoản 2.2.
  - + Tạm ngưng do các trường hợp bất khả kháng : thiên tai, lũ lụt...
  - + Hợp đồng hết hiệu lực theo Điều 05.
- Bên B được quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp bên A vi phạm một trong các nội dung của hợp đồng này hoặc bên A vi phạm các quy định pháp luật hiện hành mà gây ảnh hưởng đến hoạt động của bên B.
- Từ chối tiếp nhận loại CTNH không đúng với thông tin Danh mục CTNH quy định tại Điều 2 của hợp đồng.
- Từ chối tiếp nhận CTNH nếu không được lưu chứa trong bao bì, thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và quy trình quản lý; có khả năng không đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển.

#### **3.2.2. Trách nhiệm của bên B**

- Đảm bảo việc thu gom, vận chuyển, xử lý các loại CTNH theo Danh mục CTNH quy định tại Điều 2 hợp đồng đúng theo các nội dung của Giấy phép xử lý CTNH được cơ quan có thẩm quyền cấp.
- Bên B có trách nhiệm giữ vệ sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải đã được bên A giao theo quy định.
- Thực hiện đúng quy trình Chứng từ CTNH ngay tại thời điểm chuyển giao chất thải theo quy định hiện hành.

### **ĐIỀU 4: ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

- 4.1** Hai bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các điều khoản đã cam kết trong hợp đồng, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.
- 4.2** Những nội dung không nêu trong hợp đồng này nếu có phát sinh sẽ căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành. Khi có tranh chấp xảy ra hai bên cùng nhau bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác, đôi bên cùng có lợi. Nếu các bên không tự giải quyết được các tranh chấp thì đem vụ việc ra Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương để giải quyết, phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà hai bên phải thi hành. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu.



4.3. Nếu các bên có thay đổi người đại diện ký hợp đồng hay Ban Giám đốc Công ty thì hợp đồng này vẫn có giá trị pháp lý.

## ĐIỀU 5: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- 5.1 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký đến **ngày 20 tháng 01 năm 2025**. Trong vòng 30 (ba mươi) ngày trước khi hợp đồng hết hiệu lực, hai bên cùng thỏa thuận việc gia hạn hợp đồng.
- 5.2 Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ký hợp đồng hoặc trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày giao chất thải gần nhất mà bên A không tiếp tục giao chất thải cho bên B thì hợp đồng này đương nhiên được thanh lý theo quy định pháp luật.
- 5.3 Sau khi thời hạn hợp đồng kết thúc, trường hợp hai bên không ký lại hợp đồng mới (hoặc phụ lục hợp đồng) và không còn nghĩa vụ nào thì hợp đồng này xem như được thanh lý.
- 5.4 Hợp đồng bao gồm 06 (sáu) trang, được lập thành 04 (bốn) bản, mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý ngang nhau.



Phạm Thị Băng Trang



Phó Giám Đốc

**HỢP ĐỒNG**

Số: ...0...3...-HĐ/VCNB

**Về việc vận chuyển rác sinh hoạt nội bộ**

- Căn cứ vào nhu cầu của Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ -CTCP và chức năng của Công Ty TNHH MTV Công Trình Đô Thị Bình Dương.

- Căn cứ vào sự thỏa thuận thống nhất giữa Công Ty TNHH MTV Công Trình Đô Thị Bình Dương và Tổng Công ty TM XNK Thanh Lễ -CTCP.

Hôm nay vào lúc 8 giờ 00 ngày 03 tháng 01 năm 2024 tại văn phòng Tổng công ty TM XNK Thanh Lễ - CTCP, chúng tôi gồm có:

**I. BÊN A:**

**TỔNG CÔNG TY TM XNK THANH LỄ - CTCP (Công ty mẹ)**

- Bà: **Phạm Thị Băng Trang**, Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

- Địa chỉ: Số 63 Yersin, phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Điện thoại liên lạc: 0274.3829534

**II. BÊN B:**

**CÔNG TY TNHH MTV CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BÌNH DƯƠNG**

- Ông: **Nguyễn Xuân Phú**, Chức vụ: **Phó Giám đốc**

- Địa chỉ: Số 606 Đại Lộ Bình Dương, phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Điện thoại liên lạc: 0274.3828433      Fax: 0274.3831102

Cùng bàn bạc, thống nhất như sau:

**Điều 1: Nội dung thỏa thuận**

Bên A đồng ý giao cho Bên B thu gom, vận chuyển toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt của Bên A đến điểm giao nhận của các phường trên địa bàn thành phố Thủ Dầu Một.

1.1. Thời gian và địa điểm giao nhận:

- Tần suất thu gom: 01 lần/ngày

1.2. Địa điểm thu gom:

**a. TỔNG CÔNG TY TM XNK THANH LỄ - CTCP**

- Địa chỉ: Số 63 Yersin, phường Hiệp Thành, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.



- Điện thoại liên lạc: 0274.3829534
- Khối lượng: Khoảng 30kg/ngày.

**b. TỔNG KHO XĂNG DẦU CHÁNH MỸ**

- Địa chỉ: Số 63/18 Nguyễn Văn Cừ, phường Chánh Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Điện thoại liên lạc: 0274.3829009 - Fax: 0274.3829005
- Khối lượng: Khoảng 20kg/ngày

**c. TRUNG TÂM HỘI NGHỊ NHÀ HÀNG KHÁCH SẠN GOLD STAR**

- Địa chỉ: Số 37 Hùng Vương, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Điện thoại liên lạc: 0274.3855582 - Fax: 0274.3823558
- Khối lượng: Khoảng 80kg/ngày

**d. CAO ỐC BÌNH DƯƠNG**

- Địa chỉ: số 22-24 đường Hùng Vương, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

- Điện thoại liên lạc: 0274.3827.534 - Fax: 0274.3824112
- Khối lượng: 10kg/ngày

**đ. BIỆT THỰ VƯỜN CHÁNH MỸ**

- Địa chỉ: Nguyễn Văn Cừ, phường Chánh Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Điện thoại liên lạc: 0274.3829009 - Fax: 0274.3829005
- Khối lượng: Khoảng 70kg/ngày

1.3. Điều kiện trong thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt được Bên A thu gom và lưu chứa trong các thùng chứa hoặc bao bì riêng biệt, đảm bảo an toàn, không bị rò rỉ ra môi trường. Thùng chứa do Bên A tự trang bị, đặt trước cổng.

**Điều 2. GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN**

2.1. Đơn giá thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đến điểm giao nhận của các phường (tạm tính cho 01 tháng), cụ thể như sau:

| Stt | Loại chất thải          | Khối lượng<br>(Tấn/tháng) | Đơn giá<br>(Đồng/tấn) | Thành tiền<br>(Đồng/tháng) |
|-----|-------------------------|---------------------------|-----------------------|----------------------------|
| 01  | Chất thải rắn sinh hoạt | 6,3                       | 170.000               | 1.071.000                  |

*(Bảng chữ: Một triệu, không trăm bảy mươi một ngàn đồng)*

Ghi chú: Đơn giá trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.





2.2. Thời gian thực hiện:

- Thời gian bắt đầu: 01/01/2024.
- Thời gian kết thúc: 31/12/2024.

**Điều 3:** Bên A có trách nhiệm thu gom rác thải sinh hoạt đổ vào thùng phía trước cổng cơ quan, đồng thời tạo điều kiện để nhân viên phía Bên B thực hiện việc vận chuyển nhanh chóng và hiệu quả.

**Điều 4:**

- 4.1. Kết thúc năm 2024, nếu không có gì thay đổi, hai bên sẽ bàn bạc và tiếp tục gia hạn thời gian hoặc ký lại hợp đồng việc vận chuyển rác sinh hoạt nêu trên.
- 4.2. Hợp đồng được lập thành 04 bản chính có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản chính./.

